

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam



Nghi Thức
KINH TỤNG HÀNG NGÀY

Biên Soạn: THÍCH PHƯỚC TIẾN



 NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Nghi Thức
KINH TỤNG HẰNG NGÀY
Biên Soạn: Thích Phước Tiến

NGHI THỨC KINH TỤNG HẰNG NGÀY

Biên soạn: Thích Phước Tiến

Bản quyền ©2017 by Phat Phap Ung Dung

www.phatphapungdung.com

NGHI THỨC **KINH TỤNG** HẰNG NGÀY

Biên soạn: THÍCH PHƯỚC TIẾN



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Mọi chi tiết ấn tống Kinh - Sách, xin vui lòng liên hệ:

TU VIỆN TƯỜNG VÂN

Địa Chỉ: E4/6 Nguyễn Hữu Trí, TT.Tân Túc,
H.Bình Chánh, TP.HCM.

ĐT: (028) 6268 9409 - (028) 6675 6049 - 0932 065 166

Website: www.phatphapungdung.com

For more detail, please contact:

TUONG VAN MONASTERY

Address: E4/6 Nguyen Huu Tri St., Binh Chanh Dist.,
HCMC, Vietnam.

Phone: (+8428) 6268 9409 - (+8428) 6675 6049 - 0932 065 166

Website: www.phatphapungdung.com

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	9
-------------	---

PHẦN A

DẪN NHẬP	23
----------	----

PHẦN B

CHÁNH KINH	29
------------	----

- Sám hối Hồng Danh-----29
- Sám hối Sáu Căn -----43
- Kinh Người áo trắng-----53
- Kinh Từ Tâm -----65
- Kinh Sáu Pháp Vô Thượng-----71
- Kinh Hiền Nhân -----77
- Kinh Nền Tảng Đạo Đức Xã Hội----- 136

• Kinh Phổ Môn -----	157
• Kinh Bốn Lĩnh Vực Quán Niệm -----	175
• Kinh Quán Niệm Hơi Thở -----	214
• Kinh Diệt Trừ Phiền Hận -----	227
• Kinh Giáo Hóa Người Bệnh -----	236
• Kinh Nhận Thức Vô Thường và Đau Khổ -----	247
• Kinh Cúng Thí Người Mất -----	271
• Kinh Nghiệp Báo Tái Sanh -----	277
• Kinh A Di Đà -----	310
• Kinh Kim Cương Gươm Báu Cắt Đứt Phiền Nã -----	323
• Kinh Lời Dạy Sau Cùng -----	361



PHẦN C



BÁT NHÃ - HỒI HƯỚNG - TAM TỰ QUY -----	381
---	------------



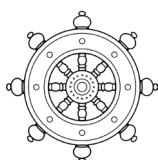
PHẦN D



CÁC BÀI SÁM -----	393
--------------------------	------------

• Sám Nguyên -----	393
• Sám Phát Nguyên Sám Hồi -----	398
• Sám Cầu Nguyên -----	400
• Sám Cầu An -----	402
• Sám Quan Âm -----	404

• Sám Phát Nguyên Vãng Sanh -----	407
• Sám Phổ Hiền -----	409
• Sám Mười Phương -----	410
• Sám Di Đà -----	412
• Sám Cầu Sanh Tịnh Độ -----	414
• Sám Báo Hiếu Phụ Thân -----	417
• Sám Báo Hiếu Mẫu Thân -----	420
• Sám Nhất Tâm -----	425
• Sám Thảo Lư -----	427
• Sám Hồng Trần -----	430
• Sám Tống Táng -----	434
• Bài Tụng Lễ Phật Khánh Đản -----	439
• Bài Tụng Lễ Phật Xuất Gia -----	442
• Bài Tụng Lễ Phật Thành Đạo -----	445
• Bài Tụng Lễ Phật Niết Bàn -----	447
• Bài Tụng 12 Hiệu An Dưỡng -----	450
• Bài Tụng 12 Hiệu Quán Âm -----	454



Lời Nói Đầu

Quyển Kinh Tụng Hằng Ngày dành cho người cư sĩ Phật tử mà quý vị đang cầm trên tay là sự ấp ủ hoài vọng của tôi trong nhiều năm qua. Trên bước đường làm Phật sự tôi gặp rất nhiều cư sĩ Phật tử băn khoăn, trăn trở về việc tụng đọc kinh điển tại nhà. Khi được hỏi, thưa thầy, hằng ngày, ở nhà con tụng kinh gì cho phù hợp? Câu hỏi rất đơn giản nhưng đó lại là một thách thức rất lớn đối với việc giúp họ tu học đúng theo chánh pháp. Bởi có rất nhiều nghi thức tụng không đúng chánh pháp mà người cư sĩ không phân biệt được nên họ hành trì một cách mù quáng theo lời quảng cáo của một người hướng dẫn nào đó. Bên cạnh đó, không phải là không có nhiều kinh nhật tụng để giới thiệu cho

Phật tử tại gia nhưng liệu họ được lợi ích bao nhiêu trong việc hành trì một bản kinh toàn là văn Hán? Đứng về mặt tín ngưỡng, chúng ta có thể nói, đọc kinh gì cũng có phước, nhưng những bản kinh còn nguyên văn Hán Việt, chưa được thuần Việt, thì liệu có làm cho người đọc tụng kinh bị mù mờ đối với việc tu học không? Hoặc có những bản kinh tụng hằng ngày đã được ấn hành nhưng chưa thật sự phổ biến đến với mọi người hoặc chưa phù hợp với nguyện vọng của họ?!

Nhu cầu tụng đọc kinh điển của người Phật tử là việc rất cần thiết, bởi vì việc tụng đọc đó giúp cho mọi người nhận thức đúng đắn hơn về lời Phật dạy, đồng thời có thể vận dụng lời dạy ấy trong việc chuyển hóa thân tâm, nhờ đó mà từng bước họ được thanh thoi an lạc, tăng thêm phước huệ. Nhờ lời kinh tiếng kệ, mõ sớm chuông chiều, người dân sẽ ý thức hơn về đạo đức, khởi phát tâm thiện, vì đức Phật vẫn còn giá trị thiêng liêng với hầu hết người bình dân hướng Phật.

Nội dung quyển kinh tụng này, ngoài những bản kinh thuần Việt theo truyền thống mà các chùa

Bắc tông hướng dẫn Phật tử đọc tụng hằng ngày, như: Kinh A Di Đà, Kinh Phổ Môn, Sám Hối Hồng Danh... chúng tôi tham khảo và trích lục một số bản kinh đã được biên soạn và xuất bản, như: Nghi Thức Tụng Niệm (Tỳ Kheo Thích Đồng Văn), Kinh Nhật Tụng Đại Toàn (Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh), Kinh Tụng Hằng Ngày (Thượng Tọa Thích Nhật Từ), Kinh Tụng Hằng Ngày (Tỳ Kheo Thích Phước Đại), đồng thời chúng tôi kết hợp giữa nghi thức xưa và nay, hệ thống hóa thành bản Nghi Thức Kinh Tụng Hằng Ngày, vừa mang giá trị tín ngưỡng, vừa mang tính triết lý, giúp người cư sĩ Phật tử tăng thêm tín tâm và phát triển trí tuệ trong việc đọc tụng kinh điển. Và lại, do Tu Viện Tường Vân đang thành lập Ban hộ niệm, nhằm góp phần trợ duyên cho những gia đình Phật tử có người bệnh nặng, người hấp hối sắp lâm chung cũng như người mới qua đời... thì cũng dựa vào những bài kinh này để hỗ trợ về mặt tâm linh cho tất cả những trường hợp trên.

Việc tụng đọc kinh điển hằng ngày của người cư sĩ Phật tử là không giới hạn. Căn cứ vào bản

kinh này, họ có thể tụng từ kinh số một đến kinh số mười tám hoặc chọn những bản kinh phù hợp nguyện vọng hay sở thích của mình để hành trì hằng ngày. Nhưng khi đọc tụng cho những đối tượng trong các tình huống được hộ niệm nêu trên thì người chủ trì (có thể Tăng Ni, cũng có thể nam nữ Phật tử), phải biết chọn lọc những bản kinh phù hợp với từng tình huống một. Ví dụ, muốn hộ niệm cho những người bệnh nặng và hấp hối thì cần chọn một trong những bản kinh sau: Sám Hối Hồng Danh, Kinh Phổ Môn, Kinh Giáo Hóa Người Bệnh, Kinh Nhận Thức Vô Thường và Đau Khổ, Kinh Bốn Lành Vực Quán Niệm...; gặp trường hợp người qua đời (đám tang hoặc tuần thất...) thì cần chọn những bản kinh: Sám Hối Hồng Danh, Kinh A Di Đà, Kinh Cúng Thí Người Mất, Kinh Nghiệp Báo Tái Sanh, Kinh Nhận Thức Vô Thường và Khổ Đau...

Trong quyển kinh này, chúng tôi chia làm bốn phần căn bản: 1. Dẫn nhập, 2. Chánh kinh, 3. Bát nhã - Hồi hướng - Tam tự quy, 4. Các bài sám. Trong bốn phần này, Phần một (Dẫn nhập), là

phần vào đầu như một nghi lễ tất yếu cho tất cả các bài kinh trong những lần đọc tụng. Phần hai (Chánh kinh) người đọc tụng có thể chọn một trong mười tám bài kinh đó để đọc tụng, cũng có thể tụng từ kinh số một đến số mười tám, rồi bắt đầu tụng lại từ một. Phần ba (Bát nhã - Hồi hướng - Tam tự quy) là phần kết thúc sau mỗi bài kinh tụng, tức là khi đọc xong phần Chánh kinh, rồi tụng tiếp phần ba là kết thúc một thời kinh. Phần bốn (Các bài sám) được đọc tụng thay đổi trong các đối tượng mà mình đọc tụng. Ví dụ, khi muốn hộ niệm người qua đời thì chọn các bài sám như: Sám Di Đà, Sám Cầu Sanh Tịnh Độ, Sám Báo Hiếu Phụ Thân, Sám Báo Hiếu Mẫu Thân, Sám Hồng Trần, Sám Tống Táng... tùy nghi trong các trường hợp mà mình chọn một bài sám phù hợp. Những bài sám này rất có giá trị, ngoài việc giúp hương linh tỉnh thức, phát khởi tâm lành còn giúp cho người nghe nhận thức triết lý Phật giáo và chuyển hóa khổ đau. Đây là việc làm hết sức quan trọng mà người cư sĩ Phật tử cần nắm rõ để hành trì cho mình và hướng dẫn người khác đọc tụng kinh điển một cách đúng đắn.

Đọc tụng kinh điển tại nhà sẽ giúp cho người hành trì tự chủ về mặt thời gian (chúng ta có thể đọc vào buổi sáng, trưa, chiều, tối, khuya... tùy theo hoàn cảnh công việc của mình và các thành viên trong gia đình), hạn chế những trở ngại ngoại duyên (quãng đường đi đến chùa hoặc thời tiết nắng, mưa, bão tuyết...) nên người Phật tử tại gia hành trì được thoải mái và thường xuyên hơn.

Vì tầm quan trọng của việc hành trì kinh điển tại nhà, cộng thêm sự yêu cầu quá nhiều từ phía người cư sĩ Phật tử cũng như việc truyền tải lời Phật dạy được len lõi từ thành thị đến thôn quê, nên tôi cất công sưu tầm tài liệu, tìm tòi nghiên cứu, để cố gắng biên soạn một quyển Nghi Thức Kinh Tụng Hàng Ngày, có sự hướng dẫn kỹ càng, để người cư sĩ Phật tử dễ dàng trì tụng đúng bài bản, dù không trực tiếp đến chùa đọc tụng hay sự hướng dẫn của chư Tăng Ni. Đây là những ưu điểm nhằm khắc phục những mặt hạn chế rất là cốt lõi cho người Phật tử tại gia và đáp ứng những yêu cầu cần thiết mà tôi đã cảm nhận được.

Mong rằng, quyển Nghi Thức Kinh Tụng Hàng

Ngày mà tôi đã hằng tâm quyết này sẽ đáp ứng phần nào đó về nhu cầu đọc tụng kinh điển của người Phật tử hữu duyên, mặt khác cũng nhằm góp phần làm phong phú thêm trong việc giới thiệu đạo Phật thông qua những bài kinh ngắn gọn như thế này đến với quần chúng.

Xin được thành kính tri ân Chư tôn đức soạn giả đã cho phép chúng con sử dụng những nguồn tài liệu quý báu này. Việc làm này có bao nhiêu công đức xin nguyện mạng mạch Phật pháp luôn được trường tồn, chúng sanh an lành trong chánh pháp, và nguyện cầu khắp pháp giới chúng sanh cùng trọn thành Phật đạo.

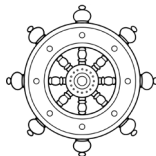
Nam Mô Chứng Minh Sư Bồ Tát Ma Ha Tát

Tu Viện Tường Văn,

Mùa An Cư Kiết Hạ - năm Đinh Dậu - 2017

Biên soạn

Thích Phước Tiến



NGHI THỨC TỤNG KINH

(Đốt đèn, thắp hương trang nghiêm bàn Phật xong, vị chủ lễ thắp ba cây hương quỳ thẳng, cầm hương ngang trán và đọc bài "Cúng hương" sau)

CÚNG HƯƠNG

Nguyện đem lòng thành kính,
Gửi theo đám mây hương,
Phảng phất khắp mười phương,
Cúng dường ngôi Tam Bảo.
Thề trọn đời giữ đạo,
Theo tự tánh làm lành,
Cùng pháp giới chúng sanh,
Cầu Phật từ gia hộ.
Tâm Bồ Đề kiên cố,
Chí tu học vững bền,
Xa bể khổ nguồn mê,
Chóng quay về bờ giác.

KỶ NGUYỆN

Đệ tử chúng con nguyện Tam Bảo thường trú trong mười phương, đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, đức Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật, chứng minh gia hộ: Chúng con lâu đời, lâu kiếp, vì tánh hôn mê, chẳng kể chánh tà, gây nhiều tội lỗi, tổn người hại vật, không cung kính Phật Pháp Tăng. Hôm nay, con xin một dạ chí thành tụng kinh... nguyện xin oai đức Phật từ bi cứu độ, tội chướng tiêu trừ, căn lành tăng trưởng, gia đạo bình an, thân tâm an lạc, tật bệnh tiêu trừ, ác duyên dứt sạch. Nguyện khắp cùng pháp giới chúng sanh, tu đạo Bồ Đề, trang nghiêm phước huệ, một thời đồng chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Giới hương, định hương, dĩ huệ hương, giải thoát, giải thoát tri kiến quý khôn lường, ngào ngạt khắp muôn phương,

ba nén tâm hương, con nguyện xin cúng dường.

Nam mô Hương Cúng Dường Bồ Tát.

(3 lần)

(Đứng dậy cắm hương rồi đọc bài "Khen ngợi Phật")

KHEN NGỢI PHẬT

Dung nhan Phật tốt lạ lùng
Hào quang chiếu sáng khắp cùng mười phương
Từ bi, oai đức khôn lường
Ra đời tế độ sáu đường chúng sanh
Được thấy tướng lại nghe danh
Cũng nhờ kiếp trước căn lành trồng sâu
Thế Tôn đủ phép nhiệm mầu
Làm cho muôn loại cúi đầu quy y.

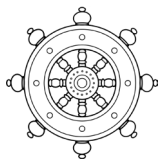
ĐẢNH LỄ

Chí tâm đánh lễ mười phương, ba đời tất cả chư Phật. **O** (1 lạy)

Chí tâm đánh lễ mười phương, ba đời tất cả tôn Pháp. **O** (1 lạy)

Chí tâm đánh lễ mười phương, ba đời tất cả chư hiền thánh Tăng. **O** (1 lạy)

(Ngồi xuống trang nghiêm, vô chuông mõ (nếu có), đọc phần "Dẫn nhập – Tán lư hương")





PHẦN A
DẪN NHẬP

❧ A.DẪN NHẬP ❧



TÁN LƯ HƯƠNG

Cành dương tẩy sạch tâm trần,
Si mê giảm bớt tham sân dứt lần.
Cam lồ rưới khắp thiên nhân,
Người trời nghe pháp được phần tăng duyên,
Bao nhiêu nghiệp chướng tiêu khiên,
Mới hay núi lửa hóa liền hồng liên.
Nguyện cùng Bồ Tát Thanh Lương,
Chứng minh đệ tử tâm hương cúng dường.
**Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha
Tát. (3 lần)**

CHÚ ĐẠI BI

Nam mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát.
(3 lần)

Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm
đà la ni.

Nam mô hắc ra đát na đà ra dạ da.

Nam mô a rị da, bà lô kiết đế thước bát ra da, bồ đề tát đỏa bà da, ma ha tát đỏa bà da, ma ha ca lô ni ca da. Án, tát bàn ra phạt duệ, số đát na đát tỏa.

Nam mô tất kiết lật đỏa y mông a rị da, bà lô kiết đế, thất Phật ra lăng đà bà. Nam mô na ra cẩn trì, hê rị ma ha bàn đà sa mế, tát bà a tha đậu du bằng, a thệ dụng, tát bà tát đà na ma bà dà, ma phạt đạt đậu, đát diệt tha. Án a bà lô hê, lô ca đế, ca ra đế, di hê rị, ma ha bồ đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê rị đà dụng, cu lô cu lô kiết mông, độ lô độ lô phạt xà da đế, ma ha phạt xà da đế, đà ra đà ra, địa rị ni, thất Phật ra da, dá ra dá ra. Mạ mạ phạt ma ra, mục đế lệ, y hê di hê, thất na thất na, a ra sâm Phật ra xá lợi, phạt xa phạt sâm. Phật ra xá da, hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị, ta ra ta ra, tất rị tất rị, tô rô tô rô, bồ đề

dạ bồ đề dạ, bồ đà dạ bồ đà dạ, di đế rị dạ,
na ra cần trì, địa rị sắc ni na, ba dạ ma na,
ta bà ha. Tất đà dạ, ta bà ha. Ma ha tất đà
dạ, ta bà ha. Tất đà du nghệ, thất bàn ra
dạ, ta bà ha. Na ra cần trì, ta bà ha. Ma ra
na ra, ta bà ha. Tất ra tăng a mục khô da,
ta bà ha. Ta bà ma ha a tất đà dạ, ta bà ha.
Giả kiết ra a tất đà dạ, ta bà ha. Ba đà ma
yết tất đà dạ, ta bà ha. Na ra cần trì bàn đà
ra dạ, ta bà ha. Ma bà lợi thắng yết ra dạ,
ta bà ha.

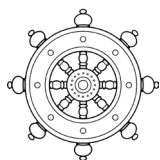
Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da. Nam
mô a rị da, bà lô kiết đế, thước bàn ra dạ,
ta bà ha.

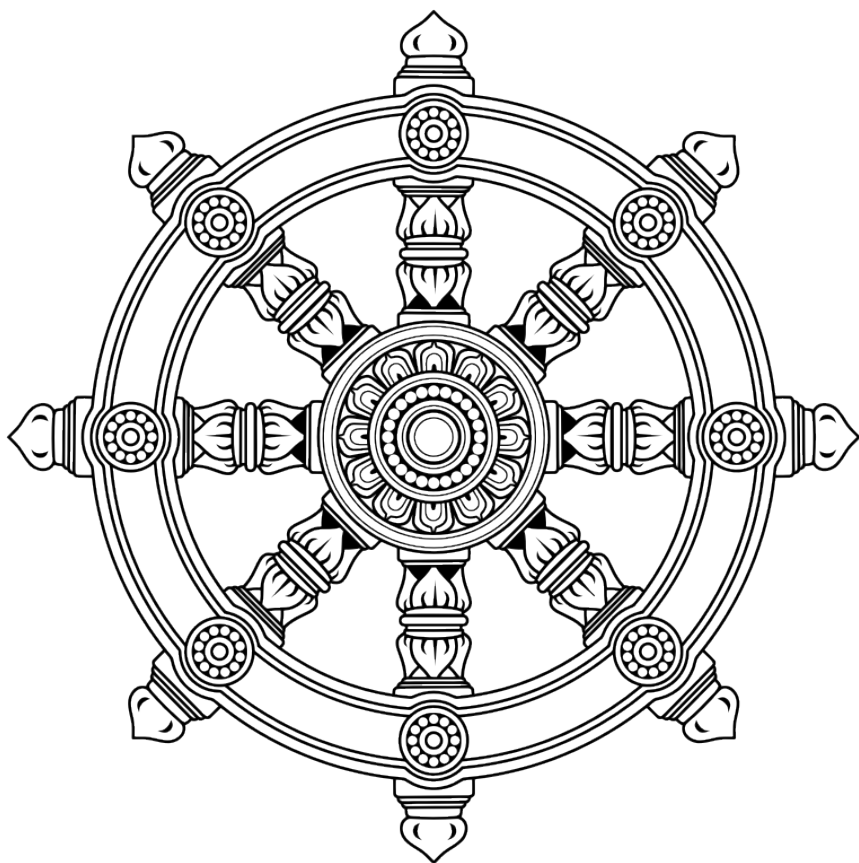
Án tất điện đô, mạn đa ra, bạt đà dạ, ta
bà ha.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
O (3 lần)

KỆ KHAI KINH

Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu,
Trăm ngàn muôn kiếp dễ chi cầu.
Nay con nghe đặng chuyên trì tụng,
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu. **O**
Nam mô Khai Pháp Tạng Bồ Tát.
(3 lần)





PHẦN B
CHÁNH KINH

❧ B. CHÁNH KINH ❧

(Chọn bản kinh muốn đọc, tụng, hoặc tuần tự đọc, tụng mỗi ngày một bản kinh)



1. HỒNG DANH BỬU SÁM

**Nam mô Hồng Danh Hội Thượng Phật
Bồ Tát. (3 lần)**

Rộng đức từ bi thương chúng sanh,
Rộng lòng hỉ xả cứu hàm linh,
Quang minh rõ rở trang nghiêm tướng,
Đệ tử thành tâm lễ kính tin. O

Nam mô quy y Kim Cang Thượng Sư,
quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Nay con phát tâm chẳng cầu phước báo ở
cõi nhân thiên, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ
Tát quyền thừa, chỉ mong cầu được bậc Tối
Thượng Thừa, phát lòng chánh giác, nguyện
độ chúng sanh, khắp cùng pháp giới, một
lúc được thành Bồ Đề Vô Thượng. O

Nam mô quy y thập phương taten hư
không giới nhất thiết chư Phật. 〇

Nam mô quy y thập phương taten hư
không giới nhất thiết tôn Pháp. 〇

Nam mô quy y thập phương taten hư không
giới nhất thiết chư hiền thánh Tăng. 〇

Nam mô Như Lai, Ứng Cúng, Chánh
Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế
Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng
Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. 〇

Nam mô Phổ Quang Phật. 〇

Nam mô Phổ Minh Phật. 〇

Nam mô Phổ Tịnh Phật. 〇

Nam mô Đa Ma La Bạt Chiên Đàn
Hương Phật. 〇

Nam mô Chiên Đàn Quang Phật. 〇

Nam mô Ma Ni Tràng Phật. 〇

Nam mô Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bảo Tích
Phật. 〇

Nam mô Nhất Thiết Thế Gian Nhạo Kiến
Thượng Đại Tinh Tấn Phật. ○

Nam mô Ma Ni Tràng Đăng Quang Phật.
○

Nam mô Huệ Cự Chiếu Phật. ○

Nam mô Hải Đức Quang Minh Phật. ○

Nam mô Kim Cang Lao Cường Phổ Tán
Kim Quang Phật. ○

Nam mô Đại Cường Tinh Tấn Đồng
Mãnh Phật. ○

Nam mô Đại Bi Quang Phật. ○

Nam mô Từ Lực Vương Phật. ○

Nam mô Từ Tạng Phật. ○

Nam mô Chiên Đàn Khốt Trang Nghiêm
Thắng Phật. ○

Nam mô Hiền Thiện Thủ Phật. ○

Nam mô Thiện Ý Phật. ○

Nam mô Quảng Trang Nghiêm Vương
Phật. ○

Nam mô Kim Hoa Quang Phật. ○

Nam mô Bảo Cái Chiếu Không Tự Tại
Lực Vương Phật. ○

Nam mô Hư Không Bảo Hoa Quang Phật. ○

Nam mô Lưu Ly Trang Nghiêm Vương
Phật. ○

Nam mô Phổ Hiện Sắc Thân Quang Phật. ○

Nam mô Bất Động Trí Quang Phật. ○

Nam mô Hàng Phục Chúng Ma Vương
Phật. ○

Nam mô Tài Quang Minh Phật. ○

Nam mô Trí Huệ Thắng Phật. ○

Nam mô Di Lặc Tiên Quang Phật. ○

Nam mô Thiện Tịch Nguyệt Âm Diệu
Tôn Trí Vương Phật. ○

Nam mô Thế Tịnh Quang Phật. ○

Nam mô Long Chủng Thượng Tôn
Vương Phật. ○

Nam mô Nhật Nguyệt Quang Phật. ○

Nam mô Nhật Nguyệt Châu Quang Phật. ○

Nam mô Huệ Tràng Thắng Vương Phật. ○

Nam mô Sư Tử Hầu Tự Tại Lực Vương Phật. ○

Nam mô Diệu Âm Thắng Phật. ○

Nam mô Thường Quang Tràng Phật. ○

Nam mô Quang Thế Đăng Phật. ○

Nam mô Huệ Oai Đăng Vương Phật. ○

Nam mô Pháp Thắng Vương Phật. ○

Nam mô Tu Di Quang Phật. ○

Nam mô Tu Ma Na Hoa Quang Phật. ○

Nam mô Ưu Đàm Bát La Hoa Thù Thắng
Vương Phật. ○

Nam mô Đại Huệ Lực Vương Phật. ○

Nam mô A Súc Tỳ Hoan Hỷ Quang Phật. ○

Nam mô Vô Lượng Âm Thanh Vương Phật. ○

Nam mô Tài Quang Phật. ○

Nam mô Kim Hải Quang Phật. ○

Nam mô Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông
Vương Phật. ○

Nam mô Đại Thông Quang Phật. ○

Nam mô Nhất Thiết Pháp Tràng Mãn
Vương Phật. ○

Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật. ○
Nam mô Kim Cang Bất Hoại Phật. ○
Nam mô Bảo Quang Phật. ○
Nam mô Long Tôn Vương Phật. ○
Nam mô Tinh Tấn Quân Phật. ○
Nam mô Tinh Tấn Hỷ Phật. ○
Nam mô Bảo Hỏa Phật. ○
Nam mô Bảo Nguyệt Quang Phật. ○
Nam mô Hiện Vô Ngu Phật. ○
Nam mô Bảo Nguyệt Phật. ○
Nam mô Vô Cấu Phật. ○
Nam mô Ly Cấu Phật. ○
Nam mô Đồng Trí Phật. ○
Nam mô Thanh Tịnh Phật. ○
Nam mô Thanh Tịnh Trí Phật. ○
Nam mô Ta Lưu Na Phật. ○
Nam mô Thủy Thiên Phật. ○
Nam mô Kiên Đức Phật. ○
Nam mô Chiên Đàn Công Đức Phật. ○
Nam mô Vô Lượng Cúc Quang Phật. ○

Nam mô Quang Đức Phật. 〇

Nam mô Vô Ưu Đức Phật. 〇

Nam mô Na La Diên Phật. 〇

Nam mô Công Đức Hoa Phật. 〇

Nam mô Liên Hoa Quang Du Hý Thần
Thông Phật. 〇

Nam mô Tài Công Đức Phật. 〇

Nam mô Đức Niệm Phật. 〇

Nam mô Thiện Danh Xứng Công Đức Phật. 〇

Nam mô Hồng Diệm Đế Tràng Vương
Phật. 〇

Nam mô Thiện Du Bộ Công Đức Phật. 〇

Nam mô Đấu Chiến Thắng Phật. 〇

Nam mô Thiện Du Bộ Phật. 〇

Nam mô Châu Tráp Trang Nghiêm Công
Đức Phật. 〇

Nam mô Bảo Hoa Du Bộ Phật. 〇

Nam mô Bảo Liên Hoa Thiện Trụ Ta La
Thọ Vương Phật. 〇

Nam mô Pháp Giới Tạng Thân A Di Đà Phật. 〇

Xin các Phật, Thế Tôn thường trụ ở đời trong cả thế giới, thương nghĩ đến con. Nếu trong đời này hay là đời trước, từ kiếp vô thủy nhân lại đây, con có bao nhiêu tội nghiệp, hoặc con làm hoặc thấy kẻ khác làm, mà con sanh lòng hoan hỷ, nếu của chùa, của sãi và sãi trong bốn phương, hoặc con lấy, hoặc bảo người lấy, hoặc thấy kẻ khác lấy, mà con sanh lòng hoan hỷ. Nếu năm thứ tội nặng phạm về địa ngục Vô Gián: Một là xuất thân huyết Phật, hai là giết cha, ba là giết mẹ, bốn là giết vị hòa thượng và năm là giết vị A Xà Lê. Trong năm tội ấy, hoặc con làm, hoặc bảo người làm, hoặc thấy kẻ khác làm mà con sanh lòng hoan hỷ. Nếu mười thứ tội bất thiện: Một là sát sanh, hai là trộm cướp, ba là tà dâm, bốn là nói láo xược, năm là nói thêu dệt, sáu là nói đâm thọc, bảy là nói hung dữ, tám là tâm tham lam, chín là tâm nóng giận và mười là tâm si mê tà kiến.

Trong mười tội ấy, hoặc con làm hoặc bảo người khác làm, hoặc thấy kẻ khác làm mà con sanh lòng hoan hỷ. Tất cả những tội đã kể trên đó, hoặc là che giấu, hoặc chẳng che giấu, đáng đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, các đường ác thú hay là đáng sanh về chỗ biên địa, thân hạ tiện và nơi ác kiến, trong mấy chỗ cực như vậy thì bao nhiêu tội chương ấy, nay con đều xin sám hối.

Vậy cúi xin các Phật, Thế Tôn, chứng tri cho con, thương nghĩ đến con, nay con đối trước các Phật, Thế Tôn mà tỏ bày mấy lời như vậy:

“Nếu con trong đời này hay là mấy đời trước, từng làm sự bố thí, hoặc giữ giới thanh tịnh, nhả đến thí cho loài súc sanh, chừa một vắt cơm hoặc tu nốt trong sạch được bao nhiêu căn lành, hoặc thành tựu cho các loài chúng sanh, được bao nhiêu căn lành, hoặc tu hạnh Bồ Đề được bao

nhiều căn lành và học trí vô thượng được bao nhiêu căn lành, xin gộp lại tất cả căn lành ấy, so tính trừ lượng rồi đem hết thảy mà hồi hướng về đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Như Đức Phật đời quá khứ, đời vị lai hồi hướng cách nào, thì con cũng hồi hướng như vậy. Các tội con đều sám hối, các phước con đều tùy hỷ và xin đem công đức thỉnh Phật mà nguyện thành bậc trí Vô Thượng.

Các Phật đời quá khứ, đời vị lai và đời hiện tại đối với chúng sanh là cái biển công đức vô lượng tối thắng, nên ngày nay con cung kính quy mạng.

Tất cả thế giới trong mười phương,
Tất cả các Phật trong ba đời,
Con đem thân miệng lòng trong sạch,
Khấp lạy hết thảy không còn thiếu,
Như lục hạnh nguyện Đức Phổ Hiền,
Hiện thân khắp cả các Đức Phật.

Một thân lại hiện sát trần thân,
Nhất nhất lễ đủ sát trần Phật.
Trong một hạt bụi số Phật nhiều,
Các xứ Bồ Tát hội vào đó,
Cả bụi pháp giới cũng nhiều vậy.
Tin có các Phật ở đây khắp,
Đều lấy cả thủy biến âm thanh,
Diễn ra biết mấy lời huyền diệu,
Cùng hết tất cả kiếp vị lai,
Khen biển công đức sâu của Phật.
Dùng những râu bông rất nhiệm mầu,
Đàn sáo hương hoa với tàng lọng,
Đủ đầy như vậy rất trang nghiêm,
Con xin dâng cúng các Đức Phật, O
Y phục rất mầu, hương rất tốt,
Hương nghiền hương thấp và đuốc đèn,
Các món chứa như núi Tu Di,
Con đều dâng cúng các Đức Phật.
Con dùng cái tâm rõ biết rộng,
Rất tin tất cả Phật ba đời,

Thầy đem nguyện lực Đức Phổ Hiền,
Cúng dâng tất cả các Đức Phật.
Con xưa tạo những điều ác nghiệp,
Bởi kiếp vô thủy tham sân si,
Theo nơi thân miệng lòng sanh ra,
Nay con đều xin sám hối cả. **O**
Tất cả chúng sanh trong mười phương,
Nhị Thừa hữu học và vô học,
Tất cả Như Lai và Bồ Tát,
Bao nhiêu công đức đều tùy hỷ.
Mười phương có những đèn thế gian,
Thành đạo Bồ Đề khi trước hết,
Con nay cả thầy đều khuyến thỉnh,
Xin chuyển pháp luân rất nhiệm mầu. **O**
Các Phật nếu muốn nhập Niết Bàn,
Con đều hết lòng khuyên thỉnh lại,
Nguyện Phật đời đời thường trụ thế,
Lợi lạc cả thầy chúng sanh này,
Bao nhiêu lễ tán cúng dường Phật.
Xin Phật ở đời chuyển pháp luân,

Theo mừng sám hối các căn lành,
Hồi hướng về cõi pháp giới chân,
Tánh tướng Phật Pháp và Tăng già,
Hai đế dung thông tam muội ấn,
Biển công đức lớn không lường ấy,
Con nay thấy đều hồi hướng cả. O
Những thân miệng lòng của chúng sanh,
Thấy lầm chê bai các pháp Phật,
Tất cả những điều nghiệp chướng ấy,
Thảy đều tiêu diệt hết không còn.
Niệm niệm trí khắp cả thế giới,
Độ chúng đều lên bậc bất thối,
Cho đến hư không thế giới hết,
Chúng sanh và nghiệp phiền não hết,
Bốn pháp như vậy rộng không cùng,
Nay nguyện hồi hướng cùng như vậy.
Nam mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát
Ma Ha Tát. O (3 lần)

THÂN CHỦ DIỆT TỘI

Ly bà ly bà đế, cầu ha, cầu ha đế, đà ra
ni đế, ni ha ra đế, tỳ lê nễ đế, ma ha dà đế,
chơn lăng càn đế, ta bà ha. (3 lần)

CHỈ TÂM SÁM HỐI

Con xưa đã tạo bao ác nghiệp,
Đều bởi vô thủy tham, sân, si,
Từ thân, miệng, ý mà sanh ra,
Tất cả con nay xin sám hối.

**Nam mô Cầu Sám Hối Bồ Tát Ma Ha
Tát. (3 lần)**

2. SÁM HỐI SÁU CĂN



Chí tâm sám hối:

Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay,
Bỏ mất bản tâm không biết chánh đạo.
Rơi ba đường khổ, bởi sáu căn lầm;
Không sám lỗi trước khó tránh lỗi sau.

1. Nghiệp căn Mắt là:

Nhân ác xem kỹ, nghiệp thiện coi khinh,
Lầm nhận hoa giả, quên ngắm trăng thật.
Yêu ghét nổi dậy, đẹp xấu tranh giành,
Chợt mắt dối sanh, mờ đường chánh kiến.
Trắng qua xanh lại, tía phải vàng sai,
Nhìn lệch các thứ, nào khác kẻ mù.
Gặp người sắc đẹp, liếc trộm nhìn ngang,
Lòa mắt chưa sanh, bản lai diện mục.
Thấy ai giàu có, giương mắt mãi nhìn,
Gặp kẻ bần cùng, lơ đi chẳng đoái.
Người dung chết chóc, nước mắt ráo khô,

Thân quyền qua đời, đắm ãa lệ máu.
Hoặc đến Tam bảo, hoặc vào chùa chiền,
Gần tượng, thấy kinh mắt không thềm ngó.
Phòng Tăng, điện Phật gặp gỡ gái trai,
Mắt liếc mảy đưa, đam mê sắc dục.
Không ngại Hộ pháp, chẳng sợ Long thần,
Trố mắt ham vui, đầu chưa từng cúi.
Những tội như thế, vô lượng vô biên,
Đều từ mắt sanh, phải sa địa ngục.
Trải hằng sa kiếp, mới được làm người,
Dù được làm người, lại bị mù chột.

2. Nghiệp căn Tai là:

Ghét nghe chánh pháp, thích lắng lời tà,
Mê mất gốc chân, đuổi theo ngoại vọng.
Sáo đàn inh ỏi, Bảo khúc Long ngâm,
Văng vẳng mõ chuông, coi như ếch nhái.
Câu ví bài vè, bỗng nhiên để dạ,
Lời kinh câu kệ, không chút lắng tai.
Thoảng nghe khen hảo, khắp khởi mong cầu,

Biết rõ lời lành, đâu từng ứng nhận.
Vài ba bạn rượu, dăm bảy khách chơi,
Tán ngẩn bàn dài, châu đầu nghe thích.
Hoặc gặp thầy bạn, dạy bảo đình ninh,
Những điều hiếu trung, che tai bỏ mặc.
Hoặc nghe tiếng xuyên, bỗng nảy lòng dâm,
Nghe nửa câu kinh, liền như tai ngựa.
Những tội như thế, vô lượng vô biên,
Đầy ắp bụi trần, kể sao cho xiết.
Sau khi mạng chung, rơi ba đường ác
Hết nghiệp thọ sanh, lại làm người điếc.

3. Nghiệp căn Mũi là:

Thường tham mùi lạ, trăm thứ ngạt ngào,
Chẳng thích chân hương, năm phần
thanh tịnh.

Lan xông xạ ướp, chỉ thích tìm tòi,
Giới định huân hương, chưa từng để mũi.
Trầm đàn thiêu đốt, đặt trước Phật đài,
Nghénh cổ hít hơi, trộm hương phẩy khói.

Theo dõi hương trần, Long thần chẳng nể,
Chỉ thích mùi xằng, trọn không chán mỗi.
Mặt đào má hạnh, lôi kéo chẳng lia,
Cây giác hoa tâm, xoay đi không đoái.
Hoặc ra phố chợ, hoặc vào bếp sau,
Thấy bán thêm ăn, ưa nhờ kiếm nuốt.
Chẳng ngại tanh hôi, không kiêng hành tỏi,
Mê mãi không thôi, như lợn nằm ổ.
Hoặc chảy nước mũi, hoặc hỉ đàm vàng,
Bôi cột quẹt thêm, làm nhờ đất sạch.
Hoặc say nằm ngủ, điện Phật phòng Tăng,
Hai mũi thở hơi, xông kinh nhờ tượng.
Ngửi sen thành trộm, nghe mùi thành dâm,
Không biết không hay, đều do nghiệp mũi,
Những tội như thế, vô lượng vô biên,
Sau khi mạng chung, đọa ba đường khổ.
Trải ngàn muôn kiếp, mới được làm người,
Dù được làm người, quả báo bệnh mũi

4. Nghiệp căn Lưỡi là:

Tham đủ mọi thứ, thích xét ngon dở,
 Nếm hết các thứ, rõ biết béo gầy.
 Sát sanh hại vật, nuôi dưỡng thân mình,
 Quay rán cá chim, nấu hầm cầm thú.
 Thịt tanh béo miệng, hành tỏi ruột xông.
 Ăn rồi đòi nữa, nào thấy no lâu.
 Hoặc đến đàn chay, cầu thần lễ Phật,
 Cố cam bụng đói, đợi lúc việc xong.
 Sáng sớm ăn chay, cơm ít nước nhiều,
 Giống hệt người đau, gắng nuốt thuốc cháo.
 Mắt đầy mỡ thịt, cười nói hân hoan,
 Rượu chuốc cơm mời, nóng thay nguội đổi.
 Bày tiệc đãi khách, cưới gả cho con,
 Giết hại chúng sanh, vì ba tác lỗi.
 Nói dối bày điều, thêu dệt bịa thêm,
 Hai lưỡi bồng sanh, ác khẩu dấy khởi.
 Chửi mắng Tam bảo, nguyên rửa mẹ cha,
 Khinh khi Hiền thánh, lừa dối mọi người.
 Chê bai người khác, che giấu lỗi mình,

Bàn luận cổ kim, khen chê này nọ.
Khoekhoang giàu có, lăngnhục người nghèo,
Xua đuổi Tăng Ni, chửi mắng tôi tớ.
Lời dèm thuốc độc, nói khéo tiếng đàn,
Tô vẽ điều sai, nói không thành có.
Oán hờn nóng lạnh, phỉ nhổ non sông,
Tán dóc Tăng phòng, ba hoa điện Phật.
Những tội như thế, vô lượng vô biên,
Ví như cát bụi, đếm không thể cùng.
Sau khi mạng chung, vào ngục Bạt thiết
Cày sắt kéo dài, nước đồng rót mãi.
Quả báo hết rồi, muôn kiếp mới sanh,
Dù được làm người, lại bị cầm bắt.

5. Nghiệp căn Thân là:

Tinh cha huyết mẹ, chung hợp nên hình,
Năm tạng trăm hài, cùng nhau kết hợp.
Chấp cho là thật, quên mất pháp thân,
Sanh dâm, sát, trộm, bèn thành ba nghiệp:

a. Nghiệp Sát Sanh là:

Luôn làm bạo ngược, chẳng khởi nhân từ,
Giết hại bốn loài, đâu biết một thể.
Lầm hại, cố giết, tự làm, dạy người,
Hoặc tìm thầy bùa, đem về ếm đối.
Hoặc làm thuốc độc, để hại sanh linh,
Chỉ cốt hại người, không hề thương vật.
Hoặc đốt núi rừng, lấp cạn khe suối,
Buông chài bủa lưới, suýt chó thả chim,
Thấy nghe tùy hỷ, niệm dấy tưởng làm,
Cử động vận hành, đều là tội lỗi.

b. Nghiệp Trộm Cấp là:

Thấy tài bảo người, thầm khởi tâm tà,
Phá khóa cạy then, sờ bao mò túi.
Thấy của thường trụ, lòng dấy khởi tham,
Trộm của nhà chùa, không sợ Thần giận.
Không những vàng ngọc, mới mắc tội to,
Ngọn cỏ cây kim, đều thành nghiệp trộm.

c. Nghiệp Tà Dâm là:

Lòng mê nhan sắc, mắt đắm phần son,
Chẳng đoái liêm trinh, riêng sanh lòng dục.

Hoặc nơi đất Phật, chánh điện phòng Tăng,
Cư sĩ gái trai, đụng chạm đùa giỡn.
Tung hoa ném quả, đập cẳng kề vai,
Khoét gạch trèo tường, đều là dâm nghiệp.
Những tội như thế, vô lượng vô biên,
Đến lúc mạng chung, đều vào địa ngục.
Gái nằm giường sắt, trai ôm cột đồng,
Muôn kiếp tái sanh, lại chịu tội báo.

6. Nghiệp căn Ý là:

Nghĩ vợ, nghĩ vắn, không lúc nào dừng,
Mắc mưu tình trần, kẹt tâm chấp tướng.
Như tầm kéo kén, càng buộc càng bền,
Như bướm lao đèn, tự thiêu tự đốt.
Hôn mê chẳng tỉnh, điên đảo dối sinh
Não loạn tâm thần, đều do ba độc.

a. Tội Keo Tham là:

Âm mưu ghen ghét, keo cú vét vợ,
Mười vốn ngàn lời, còn cho chưa đủ.
Của chúa tợ sông, lòng như hũ chảy,

Rót vào lại hết, nên nói chưa đầy.
Tiền mục lúa hư, không cứu đói rét,
Lúa là chất đồng, nào có giúp ai,
Được người mấy trăm, chưa cho là nhiều,
Mất mình một đồng, tưởng như hao lớn.
Trên từ châu báu, dưới đến tơ gai,
Kho đụn chất đầy, chưa từng bố thí.
Bao nhiêu sự việc, ngày tính đêm lo,
Khổ tứ lao thân, đều từ tham nghiệp.

b. Tội Nóng Giận là:

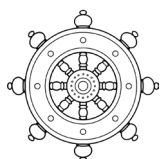
Do tham làm gốc, lửa giận tự thiêu,
Quắc mắt quát to, tiêu tan hòa khí.
Không riêng người tục, cả đến thầy tu,
Kinh luận tranh giành, cùng nhau công kích.
Chê cả sư trưởng, nhiếc đến mẹ cha,
Cổ nhẫn héo vàng, lửa độc rực cháy.
Buông lời hại vật, cất tiếng hại người,
Không nhớ từ bi, chẳng theo luật cấm.
Bàn thiên tội Thánh, trước cảnh như ngu,
Dù ở cửa Không, chưa thành vô ngã.

Như cây sanh lửa, lửa cháy đốt cây,
Những tội trên đây, đều do nghiệp giận.

c. Tội Ngu Si là:

Căn tánh đần độn, ý thức tối tăm,
Chẳng hiểu tôn ty, không phân thiện ác.
Chặt cây hại mạng, giết gấu gây tay,
Mắng Phật chuốc ương, phun Trời ướm mặt.
Quên ơn quên đức, bội nghĩa bội nhân,
Không tỉnh không xét, đều do si nghiệp.
Những tội như thế, rất nặng rất sâu,
Đến lúc mạng chung, rơi vào địa ngục.
Trải trăm ngàn kiếp, mới được thọ sanh,
Dù được thọ sanh, lại mắc ngu báo.
Nếu không sám hối, đâu được tiêu trừ,
Nay trước Phật đài, thành tâm sám hối.

**Nam mô Cầu Sám Hối Bồ Tát Ma Ha
Tát. (3 lần)**



3. KINH NGƯỜI ÁO TRẮNG



Đây là những điều tôi nghe, Đức Phật vào một thời mà Người còn lưu trú tại tu viện Cấp Cô Độc, trong vườn cây Kỳ Đà. Hôm ấy cư sĩ Cấp Cô Độc cùng với năm trăm vị cư sĩ khác đã tìm đến nơi cư ngụ của tôn giả Xá Lợi Phất. Các vị cúi đầu làm lễ tôn giả rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Xá Lợi Phất đã sử dụng nhiều phương tiện khéo léo để thuyết pháp cho các vị cư sĩ này, đem lại cho họ niềm vui và làm phát khởi nơi họ niềm khát ngưỡng đối với Tam Bảo và sự hành trì chánh pháp. Sau đó Tôn giả tới viếng và đánh lễ Đức Phật rồi ngồi dưới chân Người. Sau khi thấy mọi người đã an tọa, Đức Phật bảo tôn giả Xá Lợi Phất:

- Nay Xá Lợi Phất, ông có biết rằng nếu

một vị đệ tử áo trắng có đạo hạnh, biết hộ trì năm giới pháp và tu tập bốn tâm cao thượng thì có thể đạt tới rất dễ dàng và không khó khăn gì khả năng an trú hạnh phúc ngay trong hiện tại, và biết chắc chắn rằng mình sẽ không còn đọa lạc vào địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh và các nẻo ác khác trong tương lai?

Một người như thế là đã đắc quả Vào Dòng, không sợ còn bị rơi vào đường ác, chắc chắn đang đi về nẻo chánh giác. Người ấy chỉ cần qua lại tối đa là bảy lần nữa trong các cõi trời và người là có thể đạt tới sự hoàn toàn giải thoát, diệt khổ.

- Nay Xá Lợi Phất, vị đệ tử áo trắng hộ trì năm giới pháp và tu tập bốn tâm cao thượng như thế nào?

1- Vị đệ tử áo trắng xa lìa sự giết hại, chấm dứt sự giết hại, buông bỏ khí giới, biết hổ, biết thẹn, tập từ, tập bi, bảo hộ cho

mọi loài sinh vật, kể cả các loài côn trùng. Vị ấy trừ tận gốc tâm niệm giết hại. Đó là giới pháp thứ nhất mà người đệ tử áo trắng giữ gìn.

2- Vị đệ tử áo trắng xa lìa sự không cho mà lấy, chấm dứt sự không cho mà lấy, thường ưa bố thí, tìm niềm vui trong sự bố thí và bố thí mà không cần đền đáp. Vị này không bị tâm trạng tham lam che lấp, luôn luôn bảo hộ sự liêm khiết của mình và diệt trừ tận gốc sự không cho mà lấy. Đó là giới pháp thứ hai mà người đệ tử áo trắng giữ gìn.

3- Vị đệ tử áo trắng xa lìa ngoại tình, chấm dứt ngoại tình, bảo vệ cho bất cứ ai, dù người ấy nằm trong sự bảo hộ của cha, mẹ, hoặc cả cha và mẹ, hoặc chị em, hoặc anh em, hoặc cha mẹ bên sui gia, hoặc gia đình sui gia, hoặc bởi người đồng tính, hoặc là vợ con hay chồng con kẻ khác, kể

cả kẻ bị cuồng dâm khùng bố, hoặc kẻ bán phần buôn hương. Vị này diệt trừ tận gốc tâm niệm ngoại tình. Đó là giới pháp thứ ba mà người đệ tử áo trắng giữ gìn.

4- Vị đệ tử áo trắng xa lìa nói dối, chấm dứt sự nói dối, chỉ nói sự thật, tìm niềm vui trong sự nói lên sự thật, an trú nơi sự thật không lúc nào dối dời, có thể được tin cậy hoàn toàn và không bao giờ dám miệt thị kẻ khác. Vị ấy diệt trừ tận gốc sự nói dối. Đó là giới pháp thứ tư mà người đệ tử áo trắng giữ gìn.

5- Vị đệ tử áo trắng xa lìa rượu, chấm dứt sự uống rượu, diệt trừ tận gốc thói quen uống rượu, cũng như các chất kích thích nguy hại cho sức khỏe và tâm trí. Đó là giới pháp thứ năm mà người đệ tử áo trắng giữ gìn.

Này Xá Lợi Phất, các đệ tử áo trắng làm thế nào để đạt tới bốn tâm cao thượng và

an trú hạnh phúc trong hiện tại một cách dễ dàng và không có khó khăn? Trước hết, vị đệ tử áo trắng thực tập quán niệm về Như Lai. Vị ấy quán niệm như sau: Như Lai là bậc Giác Ngộ Chân Chánh, là bậc Minh Hạnh Túc, là bậc Thiện Thệ, là bậc Thế Gian Giải, là bậc Vô Thượng Sĩ, là bậc Điều Ngự Trượng Phu, là bậc Thiên Nhân Sư, là Phật, là Thế Tôn. Quán niệm về Như Lai như thế thì những dục vọng xấu xa đều được tiêu diệt, trong tâm người quán niệm không còn những yếu tố bất thiện, uế nhiễm sâu khổ và lo âu.

Nhờ tưởng niệm Như Lai mà tâm tư người ấy lắng trong, có được niềm vui, và người ấy đạt tới tâm cao thượng thứ nhất, an trú hạnh phúc trong hiện tại một cách dễ dàng, không khó khăn gì.

- Nay Xá Lợi Phất, vị đệ tử áo trắng thực tập quán niệm về Pháp. Vị ấy quán

niệm như sau: Giáo pháp được Đức Thế Tôn giảng dạy là giáo pháp diễn bày khéo léo, có khả năng đưa tới giải thoát hoàn toàn, đưa tới trạng thái không phiền não, không nóng bức, có tính cách thường tại và không dời đổi. Quán niệm và giác tri pháp như thế thì những dục vọng xấu xa đều được tiêu diệt, trong tâm người quán niệm không còn những yếu tố bất thiện, uế nhiễm, sầu khổ và lo âu.

Nhờ tưởng niệm Pháp mà tâm tư người ấy lắng trong, có được niềm vui và đạt tới tâm cao thượng thứ hai, an trú hạnh phúc trong hiện tại một cách dễ dàng, không khó khăn gì.

- Nay Xá Lợi Phất, vị đệ tử thực hành quán niệm về Tăng đoàn. Vị ấy quán niệm như sau: Thánh chúng của Như Lai đang đi về nẻo thiện, đang đi trên đường chánh, đang hướng theo giáo pháp, đang thực tập

theo giáo pháp và sống đúng tinh thần giáo pháp.

Trong Thánh chúng ấy có các bậc A La Hán đã thành và đang thành, các bậc A Na Hàm đã thành và đang thành, các bậc Tư Đà Hàm đã thành và đang thành, các bậc Tu Đà Hoàn đã thành và đang thành, tức là có đủ bốn đôi và tám bậc. Thánh chúng của Như Lai đã thành tựu được giới, được định, được trí tuệ, được giải thoát, được tri kiến giải thoát. Thánh chúng này đáng được tôn kính, đáng được quý trọng, đáng được phụng sự, đáng được cúng dường, và đó là ruộng phước tốt đẹp cho cuộc đời.

Nhờ tưởng niệm Tăng mà tâm tư người quán niệm lắng trong, có được niềm vui và người ấy đạt tới tâm cao thượng thứ ba, an trú hạnh phúc trong hiện tại một cách dễ dàng, không khó khăn gì.

- Nay Xá Lợi Phất, vị đệ tử áo trắng thực

tập quán niệm về Giới. Vị ấy quán niệm như sau: Giới luật này không có khuyết điểm, không bị sút mẻ, không bị cấu uế, không bị ô trược, có khả năng giúp ta an trú trong đất lành của Như Lai. Giới luật này không có tính cách giả dối, thường được các bậc hiền thánh khen ngợi, tiếp nhận, thực tập và hộ trì.

Nhờ tưởng niệm Giới mà tâm tư người ấy lắng trong, có được niềm vui và người ấy đạt tới tâm tư cao thượng thứ tư, an trú hạnh phúc trong hiện tại một cách dễ dàng, không khó khăn gì.

- Nay Xá Lợi Phất, ông nên ghi nhớ rằng một người đệ tử áo trắng nếu thực tập được như thế là đã chấm dứt được sự sa đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và các đường dữ khác, đã chứng đạt được quả vị Tu Đà Hoàn, không còn thối đọa vào các ác pháp. Người ấy chắc chắn đang đi về

nẻo chánh giác và chỉ cần qua lại tối đa bảy lần nữa trong các cõi trời và người là có thể đạt tới biên giới của sự hoàn toàn giải thoát diệt khổ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn tuyên lại ý trên bằng bài kệ sau đây:

Bậc trí sống tại gia
Thấy sợ cảnh địa ngục
Nên thọ trì chánh pháp
Dứt trừ mọi nẻo ác
Học hiểu mà hành trì:
Không giết hại chúng sanh,
Chân thật không nói dối,
Không lấy của không cho,
Trung kiên với bạn đời,
Thối ngoại tình là bỏ.
Nhất quyết không uống rượu,
Để tâm chẳng loạn cuồng.
Thường thực tập niệm Phật,
Thường thực tập niệm Pháp,

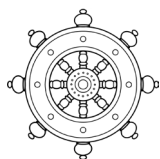
Niệm Tăng và niệm Giới,
Tâm an lạc thanh thoi.
Muốn thực tập bố thí,
Để vun trồng phước đức
Người ấy hành chánh pháp
Giải thoát và Giác Ngộ.
Xá Lợi Phất lắng nghe
Ta nói về điểm này
Hãy nhìn đàn bò kia
Và thử quan sát chúng
Có con vàng, con trắng
Có con đỏ, con đen
Màu nâu có đốm vàng
Hoặc màu chim bồ câu
Dù chúng màu sắc gì
Hoặc chúng từ đâu đến
Giá trị thật của chúng
Là ở sức chuyên chở
Những con nào mạnh khỏe
Kéo xe mạnh và nhanh

Chuyên chở được nhiều chuyển
Là những con hữu dụng.
Trong cõi nhân gian này
Có các hàng Phạm chí
Sát Đế Lợi, cư sĩ
Thương gia và công nhân
Những ai trì tịnh giới
Thực chứng được giải thoát
Trở thành bậc cao đức
Bậc Thiện Thệ thanh thoi.
Cúng dường những bậc ấy
Là được quả phúc lớn.
Ta không cần phân biệt
Giai cấp và nguồn gốc.
Kẻ thiếu đức nghèo tuệ
Không soi sáng cho ai.
Cúng dường những kẻ ấy
Quả phúc không có nhiều.
Người con Phật tu huệ
Tâm hướng về Thế Tôn

Gốc lành thêm vững chãi
Chỉ sanh về nẻo lành
Qua lại cõi nhân thiên
Nhiều lắm là bảy lần
Cuối cùng sẽ đạt được
Cảnh Niết Bàn tịnh lạc.

Nghe Đức Phật nói xong, tôn giả Xá Lợi Phất, các vị tỳ kheo, tỳ kheo ni, cư sĩ Cấp Cô Độc và năm trăm cư sĩ khác đều vui vẻ và phát nguyện làm theo.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
(3 lần)



4. KINH TỪ TÂM



Tôi nghe rằng có một thời,
Tại thành Xá Vệ, ở nơi Kỳ Hoàn.
Thế Tôn cho gọi chúng tăng,
Các thầy cung kính thưa vâng đáp lời.
Thế Tôn thuyết giảng pháp lành
Khuyên người tu tập nên hành từ tâm.
Là người nên tập ân cần
Thương yêu trải khắp kẻ gần người xa.
Tấm lòng nhân ái bao la,
Thật là thuần khiết, thật là cao thâm.
Hướng về tất cả chúng sanh,
Tâm từ tu tập quên mình mà thương.
Không vì ái luyến vấn vương,
Không vì mong đợi chút đường lợi danh,
Không vì ân nghĩa riêng tình,
Cũng đừng cân nhắc với mình lạ quen.
Thương người quen, lẽ tất nhiên,
Cũng thương những kẻ chưa quen bao giờ

Xoá đi ngăn cách thờ ơ,
Xóa đi ngăn ngại hững hờ bấy lâu.
Tình thương lan tỏa đến đâu,
Giúp xây nơi ấy nhịp cầu cảm thông.
Người từ tâm đủ bao dung,
Đủ lòng độ lượng, đủ lòng thương yêu.
Với người mưu hại đủ điều,
Bất nhân ác cảm gây nhiều thương đau
Người từ tâm trước như sau:
Trải lòng ra mãi, thương nhau tình người.
Với người oán ghét bao đời,
Nguồn thương yêu ấy làm vơi tị hiềm.
Chuyện không hay, chẳng trách phiền,
Để cho vơi bớt nghiệp duyên với người.
Người từ tâm trước muôn loài,
Đem lòng thương xót cảnh đời không may.
Thương người sống kiếp đọa đày,
Làm thân cầm thú nghiệp gây chẳng lành.
Hoặc loài ngạ quỷ vô hình,
Hoặc trong địa ngục tội tình vương mang.

Tâm từ như ánh trăng ngàn,
Dịu dàng soi thấu mọi đàng trăm luân.
Ở đâu có chúng hữu tình
Thì ngay nơi ấy từ tâm hướng về.
Như tàng lá mát rộng che,
Chúng sanh vô lượng tâm từ vô biên.
Tâm từ như suối triển miên,
Thấm vào mạch sống mọi miền an vui.
Tâm từ làm gốc vun bồi,
Cho người cao thượng cho đời vinh hoa.
Thấy người khổ nạn khó qua,
Lòng mình đau xót như là khổ chung.
Thấy người hạnh phúc thành công,
Lòng mình sung sướng như cùng vui theo.
Thấy người lầm lỗi ít nhiều,
Lòng mình tha thứ mến trù càng hơn.
Người từ tâm sống vẹn toàn,
Thương yêu bình đẳng, sắt son bền lòng.
Cho dù không ước không mong,
Phước lành tự đến do công đức thành:

Một là ngủ được an lành,
Bởi lòng mình đã chân thành thương yêu,
Bởi không lừa lọc dặt thù,
Bởi không toan tính lắm điều chua ngoa.
Tâm tình không gợn xấu xa,
Tham lam, sân hận, cùng là si mê.
Đầu hôm đến lúc tỉnh mơ,
Khổ ưu tắt lịm, thói thơ giấc nồng.
Hai là rời bước khỏi giường,
Lòng mình một mực bình thường yên vui.
Khi đi đứng, lúc nằm ngồi
Không còn tiếc nhớ đua đòi ước ao.
Từ tâm hóa giải đẹp sao,
Muộn phiền sân hận tan vào hư không.
Lòng mình luôn giữ trắng trong,
Nguồn an lạc trải tựa đồng bao la.
Ba là từ ái lan xa,
Làm cho cảm ứng chan hòa cùng nhau.
Ai ai cũng thấy mến yêu,
Đem lòng ngưỡng mộ người nêu tâm từ.

Bốn là loài chẳng phải người,
Một khi cảm nhận biết người từ tâm,
Cũng dành cho những tình thân,
Hộ trì người được những thành tựu vui.
Năm là thiên chúng cõi trời,
Nhờ công tu tập nên người từ tâm.
Thấy người nào tánh ai lân,
Nay theo gia hộ để cùng tiến tu.
Sáu là hiểm nạn đang chờ,
Dầu sôi lửa bỏng mịt mờ kiếm cung,
Cùng bao nhiêu thứ độc trùng
Không sao xâm phạm đến vùng trú thân.
Bảy do huân tập từ tâm,
Thác sanh Phạm Chúng, làm dân cõi trời,
Được nhiều phước báo tuyệt vời,
Và tâm từ được trau dồi thêm lên.
Tám là đầy đủ thiện duyên,
Người từ tâm biết thường xuyên chuyên cần.
Làm cho đức hạnh được thuần,
Thành vườn ruộng tốt gieo trồng đại bi.

Đuộm nhuần vô ngã, vô si,
Con đường giải thoát bước đi thêm gần.

Khéo an trú, khéo tác thành,
Thân tâm an ổn, vững vàng, lắng sâu.

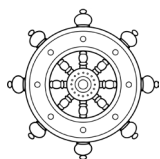
Tâm từ khi được khéo tu,
Làm cho trói buộc được mau tháo dần.

Không còn dấu vết tham sân,
Niết Bàn hiển lộ thênh thang giữa đời.

Thế Tôn thuyết giảng mấy lời,
Mọi người vui nhận tin rồi làm theo.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

(3 lần)



5. KINH SÁU PHÁP

VÔ THƯỢNG



Chính tôi được nghe, một hôm nọ, Đức Phật gọi các thầy tỳ kheo đến và dạy rằng:

- Nay các tỳ kheo, có sáu nhu cầu vô thượng mà các Thầy và các thiện nam tín nữ cần phải học, đó là: Thấy vô thượng, nghe vô thượng, lợi đắc vô thượng, học tập vô thượng, phục vụ vô thượng và tùy niệm vô thượng.

1- Nay các tỳ kheo, có rất nhiều người thích đi xem các loại voi báu, ngựa báu, châu báu, các đồ cổ hay yết kiến các Sa Môn, Bà La Môn tà kiến, tà hạnh. Như Lai cho rằng đây không phải là những đối tượng đáng tham kiến hay chiêm ngưỡng. Vì sự thấy này mang tính hạ liệt, phàm phu, không liên hệ và không có ích gì cho sự tu

tập, an lạc và giải thoát. Chỉ khi nào đi yết kiến Thế Tôn, các vị thánh tăng, những vị giới đức với lòng tin và ái mộ an trú, để học hỏi, tu tập thì sự thấy này mới thật sự cần thiết, là nhu cầu vô thượng. Vì nó có thể giúp người phàm trở nên thánh thiện, thanh tịnh và vượt qua đau khổ. Hãy học tập sự thấy vô thượng này.

2- Nay các tỳ kheo, có người thích thú đi nghe các loại âm thanh, nhạc điệu, hoặc nghe pháp của các Sa Môn, Bà La Môn tà kiến, tà hạnh rồi hoan hỷ làm theo. Như Lai cho rằng đây không phải là những cái đáng nên nghe. Vì sự nghe này mang tính phàm phu, không liên hệ đến mục đích xa lìa sự nhiễm đắm, không đạt được an tịnh, giải thoát. Chỉ với ai biết tìm kiếm và thích nghe chánh pháp của Như Lai hay những lời đạo lý chân chánh với lòng tin và ái mộ an trú để học hỏi, tu tập, thì sự

nghe này mới thật sự là cần thiết, là nhu cầu vô thượng. Vì nó có thể giúp người phạm trở nên thánh thiện, thanh tịnh và vượt qua đau khổ, hãy học tập sự nghe vô thượng này.

3- Nay các tỳ kheo, có người cảm thấy mình hạnh phúc khi có được người bạn đời, con cái, tài sản hay có lòng tin vào các Sa Môn, Bà La Môn tà kiến, tà hạnh. Như Lai cho rằng đây không phải là những đối tượng đáng được lợi đắc. Vì lợi đắc này mang tính phạm phu, không liên hệ đến mục đích xa lìa sự tham chấp, không đạt được sự an tịnh, giải thoát. Chỉ với ai biết tìm kiếm và được các tài sản thánh, đạt được lòng tin vào Như Lai, vào chánh pháp, vào Tăng đoàn với chánh tín, ái mộ, thì sự lợi đắc này mới thật sự cần thiết, là nhu cầu vô thượng. Vì nó có thể giúp người phạm trở nên thánh thiện, thanh

tĩnh và vượt qua đau khổ. Hãy học tập sự lợi đặc này.

4- Đây các tỳ kheo, có người cảm thấy hạnh phúc khi học tập về sinh vật học, binh pháp học và các nghề khác nữa. Nhưng Như Lai cho rằng đây không phải là cái thật sự đáng học. Vì sự học này thuộc phàm phu, không liên hệ đến mục đích xa lìa sự tham chấp, không đạt được sự an tịnh, giải thoát. Chỉ với ai nỗ lực học về giới đức thánh, thiền định thánh, và trí tuệ thánh với lòng chánh tín, ái mộ thì sự học tập này mới thật sự cần thiết, là nhu cầu vô thượng. Vì nó có thể giúp người phàm trở nên thánh thiện, thanh tịnh và vượt qua đau khổ. Hãy học tập sự học tập vô thượng này.

5- Đây các tỳ kheo, có người cảm thấy hạnh phúc khi được phục vụ các vua chúa, Bà La Môn, những người giàu có hay các

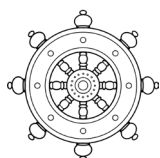
cấp bậc sai khác trong xã hội. Như Lai cho rằng đây không phải là các đối tượng thật sự đáng phục vụ. Vì sự phục vụ này thuộc phạm phu không liên hệ đến mục đích xa lìa sự tham chấp, không đạt sự an tịnh, giải thoát. Chỉ với ai biết phục vụ Như Lai, Chánh pháp và những bậc giới đức với lòng chánh tín, ái mộ, thì sự phục vụ này mới thật sự cần thiết, là nhu cầu vô thượng. Vì nó có thể giúp người phạm trở nên thánh thiện, thanh tịnh và vượt qua đau khổ. Hãy học tập sự vô thượng này.

6- Nay các tỳ kheo có người cảm thấy hạnh phúc khi nhớ đến người bạn đời, con cái, tài sản, nhà cửa, thầy tà, bạn xấu. Như Lai cho rằng đây không phải là các đối tượng đáng nhớ nghĩ. Vì sự nhớ nghĩ này mang tính phạm phu, không liên hệ đến mục đích xa lìa sự tham chấp, không đạt được sự an tịnh, giải thoát. Chỉ với ai

biết nhớ nghĩ đến Như Lai, chánh pháp, những bậc đạo đức với lòng chánh tín, ái mộ, thì sự nhớ nghĩ này mới thật sự cần thiết, là nhu cầu vô thượng. Vì nó có khả năng giúp người phạm trở nên thánh thiện, thanh tịnh và vượt qua đau khổ. Hãy học tập sự nhớ nghĩ vô thượng này.

Khi nghe Đức Phật phân tích, giảng dạy về sáu pháp vô thượng, có khả năng giúp chúng sanh vượt thoát các khổ ách, đạt được hạnh phúc, tất cả đại chúng đều hớn hở và phát nguyện làm theo.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
(3 lần)



6. KINH HIỀN NHÂN



Lúc bấy giờ, Đức Phật lưu trú tại nước Xá Vệ với một ngàn hai trăm năm mươi vị tỳ kheo.

Cư sĩ Tu Đạt ngày ngày thân hành phụng sự Phật. Ông vâng lời Ngài giữ năm giới: Không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Vốn là một người hiểu đạo đúng đắn, ông luôn phát tâm bố thí, cứu giúp kẻ bần cùng khổ khổ, nên người ta tặng ông tên Cấp Cô Độc, nghĩa là nuôi giúp những kẻ cô đơn, khổ cùng.

Cư sĩ muốn lập một Tịnh xá cúng dường Đức Phật và Tăng đoàn. Ông đi nhiều nơi tìm đất cuối cùng chỉ có khu vườn của Thái tử Kỳ Đà là vừa ý ông. Khu vườn ấy bằng phẳng, rộng hơn 80 khoảnh, cách thành không xa mấy. Trong vườn trồng

nhiều cây có quả, đây đó đều có suối chảy, ao tắm rất tiện lợi, sạch sẽ, không có kiến bọ muỗi ruồi.

Nhận thấy chỗ đất ấy có thể lập Tịnh xá, cư sĩ Tu Đạt liền đến năn nỉ Thái tử Kỳ Đà để mua lại. Thái tử mỉm cười đáp:

- Nếu ông có thể đem vàng ròng lột cho kín, không chừa một khoảnh đất nào trong vườn, thì với giá ấy tôi sẽ bán khu vườn này cho ông.

Cư sĩ Tu Đạt vui vẻ gật đầu, rồi sai người đem voi chở vàng trong kho của mình ra và cùng nhau lát, trong giây phút đã hơn 40 khoảnh đất.

Thái Tử Kỳ Đà vừa ngạc nhiên vừa thán phục, đứng nhìn ngẫm nghĩ: “Chắc Đức Phật có đạo lý gì cao thâm lắm nên mới khiến cho ông này trọng đạo khinh tài đến thế.”

Thái Tử phát tâm nói rằng:

- Thôi đủ rồi, đừng chở vàng tới nữa. Bây

giờ thì thế này: Vườn đất thuộc về ông, ông lập Tịnh xá cúng Phật. Còn tôi thì cúng cho Đức Phật và Tăng đoàn tất cả những cây trái trong vườn.

Cư sĩ ứng thuận. Hai người đồng lòng cùng lập Tịnh xá và đồng đi rước Phật dâng cả vườn nhà cây trái cho Ngài.

Đức Phật nhận lời, đến Tịnh xá cư trú với một ngàn hai trăm năm mươi vị tỳ kheo.

Từ đó về sau, chỗ ấy gọi là Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên.

Lúc ấy, đức vua trong nước là Ty Tiên Nặc rất sùng kính đạo pháp. Ông trị nước an dân theo lời Phật dạy, nhờ đó, lúa thóc được mùa, bá tánh lạc nghiệp, đạo Phật ảnh hưởng sâu rộng. Sự việc đó đã làm cho các hàng ngoại đạo, tà giáo ganh ghét Đức Phật. Họ bày mưu hại Đức Phật bằng cách giết thiếu nữ Tôn Đà Ly, con cháu họ, lén chôn trong khuôn viên Tịnh xá rồi

phao tin vu khống Đức Phật và giáo đoàn đã giết người vô tội, hòng làm giảm sự ảnh hưởng của Đức Phật. Nhưng việc ác đã hại kẻ ác.

Sau khi rõ âm mưu của ngoại đạo, vua với quần thần đến đánh lễ Đức Phật. Lúc bấy giờ cư sĩ Cấp Cô Độc cùng các vị thành tín và nhân dân trong nước đều đến hầu Phật, làm lễ xong, mỗi người đều ngồi qua một bên.

Nhà vua đứng dậy, chấp tay thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn, khi nghe lời vu oan của ngoại đạo ai cũng lấy làm ngạc nhiên cả. Thực chỉ có Phật là chân thật hoàn toàn, thanh tịnh không lường. Bạch Ngài! Song chẳng hay vì nhân duyên gì mà xảy ra việc không hay như thế!

Đức Phật chậm rãi bảo vua Ty Tiên Nặc:

- Nay Đại Vương! Con người sở dĩ có tánh vu khống là do lòng tham lam, tật đố

mà ra. Song việc ấy trước kia đã từng xảy ra, chứ chẳng phải mới đây mà thôi.

Vua cúi đầu:

- Bạch Đức Thế Tôn, chúng con muốn nghe việc của kiếp đó.

Nhân đó, Đức Phật dạy:

- Nay Đại Vương! Ta đã từng trải qua bao nhiêu vô số kiếp tu hành, vì đạo Bồ Tát, đem lòng từ bi độ thoát cho mọi loài.

Thời xưa có một nước tên Bồ Lô Nại, nhân dân đông đúc, sự sinh hoạt thật là phồn thịnh.

Trong nước có một người Phạm Chí tên là Cù Đàm, tài trí thông minh bậc nhất. Ông có ba người con, đứa con út có một thân hình đoan chính, đẹp đẽ không ai bằng, tên là Hiền Nhân.

Hiền Nhân thuở nhỏ rất chăm chỉ học hành. Lớn lên, tài, nghệ hơn người, lâu thông kinh sử, và có tiết hạnh, giới đức đặc

biệt. Hiền Nhân tánh từ bi, lại rõ việc tai nạn họa phúc, bào chế thuốc men, không gì không biết.

Sau khi ông Cù Đàm qua đời, hai người anh của Hiền Nhân trở nên tham lam, ích kỷ và ganh tỵ. Hiền Nhân xin phép mẹ xuất gia, học đạo, chẳng bao lâu đã giác ngộ tự tâm. Người loại trừ được năm món dục lạc: Mắt không còn tham đắm hình sắc trần gian. Tai không còn tham đắm âm thanh vi diệu. Mũi không nhiễm mùi hương ngậy ngất. Lưỡi không ưa thích vị ngon, và Thân không còn ưa lụa là và cảm giác êm dịu.

Hiền Nhân hay dùng trí huệ phương tiện tùy thuận giáo hóa thiên hạ, khuyên người làm mười điều lành, thảo thuận cha mẹ, vâng thờ sư trưởng. Những ai lòng nghi hoặc, Hiền Nhân đều giáo hóa họ tư tưởng đạo đức. Người dạy họ rằng: Có sanh ắt có

tử, làm lành gặp lành, làm dữ mắc họa, tu đạo đắc đạo, là lẽ dĩ nhiên. Thấy người nào bị nguy ách, Hiền Nhân độ cho thoát khỏi. Ai bị bệnh tật thì Người ban cho thuốc thang. Ai đói khổ thì Người ban cho vật thực. Ở đâu có nước lụt, cháy nhà, nắng hạn nguy hiểm, nếu có Hiền Nhân đến đều được bình an. Bao nhiêu độc hại đều bị tiêu diệt. Khi bấy giờ có một nước lớn, nhân dân giàu có đông đúc, yên vui. Vua nước ấy tên là Lâm Đạt thường giao trách nhiệm triều chính cho bốn quan cận thần. Nhưng bốn quan cận thần ấy chuyên làm những việc tà siểm, dâm ô, gian dối và bóc lột đủ điều. Dân chúng thiệt hại, ta thán mà vua không hề hay biết. Hiền Nhân thấy thế lấy làm thương xót, người cầm bát ra ngoài thành ở trọ lại nhà của đạo nhân Sa Đà bảy ngày. Qua ngày thứ tám Hiền Nhân mới vào thành khất thực.

Khi đó nhà vua đứng trên thành trông thấy Hiền Nhân tuổi còn trẻ mà đã có cái phong vị đoan chánh ung dung, dáng đi có vẻ phi thường liền sanh lòng kính mến. Ngài liền bước xuống và đến thưa hỏi:

- Xin đạo nhân lưu trú tại đây. Tôi có Tịnh xá ngoài thành, đạo nhân nên ở lại trong ấy. Tôi sẽ xin cung cấp những thứ cần dùng.

Hiền Nhân nhận lời. Vua từ giả về cung bảo Phu Nhân:

- Vị đạo sĩ ấy không phải người thường, sáng mai Ngài nên đến ra mắt ta.

Phu Nhân lấy làm vui vẻ và con chó Tân Kỳ của vua nằm dưới gầm giường cũng mừng rỡ ngoắc đuôi.

Sáng hôm sau, Hiền Nhân vào cung, nhà vua và Phu nhân ra nghênh tiếp làm lễ thỉnh Ngài thọ thực.

Thọ thực xong vua mời Ngài ra Tịnh xá.

Hiển Nhân tiện dịp nói cho vua hiểu phép tắc trị nước an dân. Nhà vua vui mừng quá, nhân đó thỉnh Người phụ lực cùng bốn vị đại thần chung lo việc nước, Hiển Nhân nhận lời.

Bốn quan cận thần vốn quen ăn chơi, khiếm nhược, không hết lòng với quốc gia, chỉ biết tham ô bóc lột dân chúng. Một ông thường nói: “Sau khi người ta chết, thần hồn sẽ diệt mất không sanh trở lại nữa.” Ông thứ hai chủ trương: “Nghèo, giàu, vui, khổ cũng đều do trời định.” Một ông lại nói: “Làm lành không được phúc cũng như làm ác không có tai họa gì.” Ông thứ tư lại ỷ mình biết xem tinh tú. Không ông nào lo việc triều chính, ông nào cũng tham lam siểm nịnh. Còn Hiển Nhân từ khi giúp nước, làm nhiều điều lợi ích. Hiển Nhân rất thông minh, tài cao, sức mạnh lại có lòng nhân nghĩa, cung kính. Hiển

Nhân ít nói mà hễ nói gì thì miệng luôn nở nụ cười nên trong khi đối đãi người, không làm phật ý một ai.

Người thật là trong sạch và thiếu dục, không tham sắc, giận dữ; phép trị dân không làm phiền ai. Người lại biết được cả tai hoạ có thể xảy ra, cứu người khỏi chết, thương dân như con. Người lấy đạo đức dạy dân, khuyên họ không nên say sưa săn bắn, chài lưới chim cá và loài dã thú, không sát sanh, trộm cắp, dâm ô dối trá, dèm siểm, hỗn ẩu, gian nịnh, ganh ghét, gây sự, kình lộn, giận dữ, yêu nghiệt và nghi ngờ.

Bấy giờ nhân dân trong nước nhờ Hiền Nhân giáo hóa đều trở nên hiền lương. Từ khi Hiền Nhân giúp vua, việc triều chính, nước nhà yên ổn, mưa thuận gió hòa, mùa màng sung túc, các quan đều thừa hành pháp luật không dám nhiều hại nhân dân nữa.

Cũng vì thế nên bốn quan cận thần đem lòng ganh ghét, đố kị, và mưu hại Hiến Nhân.

Họ hùn rất nhiều vàng bạc mua lòng Hoàng hậu và bày cách cho Hoàng hậu đặt điều vu khống lên vua rằng Hiến Nhân có ý tư thông với bà và âm mưu sát hại vua để đoạt ngôi. Vì vốn thương Hoàng hậu, vua đã cả tin và lập kế với Hoàng hậu xua đuổi Hiến Nhân bằng thái độ và cách cư xử khinh miệt.

Ngày hôm sau Hiến Nhân vào cung thì con chó chạy ra gặm gừ sữa. Hiến Nhân thấy Phu Nhân chỉ chấp tay chào sơ sài và thấy cách bày biện có khác hơn mọi ngày thì biết ngay là có mưu kế. Người suy nghĩ:

- Mình không muốn hại ai mà nay người ta trở lại hại mình như vậy chỉ bằng phải lánh mặt vào núi tu hành là hơn. Người oán mình tất sau sẽ sanh thù lớn, ta không nên khinh thường.

Nghĩ xong, Hiền Nhân nói lời cảm hứng như sau:

- Ở đời có thịnh ắt có suy, có hội hợp ắt có ly tán, lành dữ vô thường, họa phúc tự mình chuốc lấy. Kết bạn mà không bền chắc thì không nên thân. Thân mà không có chừng mực, thân lâu sẽ sanh khinh lờn. Ví như mức nước giếng, mức sâu thì nổi cạn. Gần người hiền được thêm trí huệ, ở với kẻ dốt càng thêm ngu si. Thấy nhau thường thì hay khinh lờn, xa nhau quá thì thành thờ ơ. Do đó, giao tiếp qua lại với người lành nên có chừng mực, thân mà có cung kính thì thân lâu càng có hậu. Giao thiệp với kẻ bất lương, họ ăn ở không thật thà, lời ngon tiếng ngọt chẳng qua là để lợi dụng mình, dù cho có kết hợp, cũng không tin. Vua lấy lễ độ tiếp tôi, tôi cung kính đáp lại. Nay vua đối đãi khinh dễ thì tôi phải lánh xa. Thân yêu nhau rồi có sự

giận ghét nhau, khi thương thì muốn nhờ cậy, lúc ghét thì chẳng muốn gần. Lấy sự cung kính nhau để làm thân thiện, lấy sự răn dạy lẫn nhau để tránh xa điều ác. Mà nay có người chẳng phân biệt cái nào là ác, cái nào là thiện, ấy chẳng phải là đạo an thân. Người không có lỗi với mình, thì mình không nên bày chuyện vu oan cho họ, người muốn xa ta thì ta không nên miễn cưỡng gần họ. Sự thương đã xa lìa thì không nên nghĩ đến.

Con chim đậu gãy nhánh còn biết đi tìm nhánh khác để đậu, huống chi làm người qua lại có pháp độ, hà tất phải thủ thường. Cành mục ta không nên vịn nắm; người loạn ý, ta chẳng nên phạm nhằm họ. Người muốn đem việc xấu cho nhau, dù thấy nhau cũng không vui, ta xướng mà người không phụ họa theo, nên biết đó là người ở bậc. Người muốn đem việc lành

cho nhau thì dù chậm dù gấp cũng đi; đem lời trung chính nhắc nhở nhau, thì đủ biết người ấy là người có hậu. Mà nay lại có người không chịu gần người hiền, chẳng lánh xa kẻ ác, trước kính sau khinh, không phân biệt kẻ hiền người ngu, thì nếu ta không đi, còn đợi đến bao giờ mới đi! Phu nhân ban đầu lễ lạy mà nay chỉ vòng tay, nếu ta không đi để đợi chừng mắng đuổi rồi mới đi hay sao? Ban đầu thì giường vàng nay giường tre, ban đầu đĩa ngà chén ngọc, mà nay chén sành đĩa tre, ban đầu thì cơm ngon canh ngọt, mà nay cơm hẩm gạo tấm, vậy nếu ta không đi, đợi đến cơm đổ đất mới đi hay sao? Bạn trí thức gặp nhau như chủ đãi khách, đêm đầu thì quý trọng như vàng, đêm thứ nhì thì làm lơ như bạc, đêm thứ ba lạnh ngắt như đồng, chúng có rõ ràng như vậy nếu ta không đi đợi đến bao giờ mới đi?

Vua vừa nghe vừa hổ thẹn, cảm động thưa:

- Nước Trầm mà được giàu có, thịnh vượng là nhờ Ngài. Nếu Ngài bỏ đi, sau này nước nhà sẽ nguy khốn.

Hiền Nhân từ tốn đáp:

- Trong thiên hạ có bốn điều tự hoại: Một là cây có nhiều hoa trái nặng sẽ gãy nhánh; hai là rắn ngậm nọc độc, nọc độc sẽ trở lại hại nó; ba là kẻ làm tội không hiền thì sẽ hại nước nhà; bốn là người làm việc bất thiện thì khi chết sẽ đọa vào địa ngục. Vậy nên trong kinh dạy: “Sự độc ác do tâm sanh ra và sẽ trở lại tự hại tâm mình cũng như sắt sanh ra sét, chất sét ấy trở lại tiêu hình của sắt.”

Hiền Nhân dạy tiếp:

- Bạn có bốn thứ: Một là kết bạn như hoa, hai là kết bạn như cân, ba là kết bạn như núi, bốn là kết bạn như đất.

Sao gọi là kết bạn như hoa? Khi bông hoa còn tươi tốt thì giắt trên đầu, khô héo rồi bỏ đi. Bạn loại này cũng thế, hễ thấy giàu sang thì xu phụ theo, thấy nghèo nàn lại làm lơ.

Sao gọi là kết bạn như cân? Khi để vật nặng thì đầu gục xuống, vật nhẹ thì đầu vồng lên, có qua lại thì cung kính nhau, không qua lại thì khi dễ nhau.

Sao gọi là kết bạn như núi? Hòn núi vàng loài chim thú tụ về, lông cánh được chói màu vàng rực. Kết bạn cũng thế khi sang thì sang với nhau, khi vui đồng vui.

Sao gọi là kết bạn như đất? Tất cả mọi vật đều dựa đất mà sanh. Làm bạn để nuôi dưỡng ủng hộ, ân hậu không quên.

Nhà vua thưa:

- Nay Trẫm biết cái trí suy nghĩ của Trẫm còn cạn hẹp, tin theo lời tà siểm, khiến Ngài phải ra đi.

Hiền Nhân đáp: Người có trí có bốn việc không nên tin: Một là bạn tà ngụy; hai là bề tôi nịnh siểm; ba là vợ yêu nghiệt; bốn là con bất hiếu. Ấy là bốn cái không tin theo. Vì thế, kinh dạy: Bạn tà hại người, tôi nịnh hại triều, vợ yêu nghiệt phá nhà và con bất hiếu hại cả cha mẹ.

Nhà vua thưa:

- Trước kia Trẫm yêu quý, hậu trọng Ngài, xin Ngài nghĩ lòng tốt của Trẫm không nên bỏ đi vậy.

Hiền Nhân đáp:

- Có mười trạng thái tỏ cho biết là có yêu quý hậu trọng: Một là xa nhau lâu không quên; hai là thấy nhau thì vui mừng; ba là có món ngon vật lạ san sẻ cho nhau; bốn là khi có lỗi lầm, đừng chấp trách nhau; năm là nghe điều lành càng thêm vui vẻ; sáu là thấy việc dữ đem lời trung chính mà can gián; bảy là làm được những việc khó làm;

tám là không đem chuyện riêng nói với người; chín là khi gặp việc bối rối phải giải quyết cho nhau; mười là đến lúc nghèo khổ không rời bỏ nhau. Nên trong kinh có dạy: “Bỏ dữ làm lành tu tập đúng như Pháp, đem lời trung chánh dạy dỗ, nghĩa hiệp, có đạo.”

Có tám việc biết là không ưa nhau: Một là thấy nhau mặt đối sắc; hai là không liếc ngó, không thẳng thắn; ba là lời nói không ôn hòa; bốn là nói phải cho là quấy; năm là nghe lời suy bại thì vui thích; sáu là nghe lời hưng thịnh thì không vui; bảy là hủy bỏ chê bai việc tốt đẹp của người; tám là tán thành việc ác của người.

Nên trong kinh dạy rằng: “Lỡ đánh chết người, tội ấy còn có thể dung thứ; dùng tâm độc âm mưu để hại người, tâm niệm ấy không nên gán.”

- Thừa Hiền Nhân, Trăm là người ngu si,

không biết phân biệt kẻ trí người ngu, nên nghe lời tà siểm, làm trái mất ý thánh nhân.

- Tàu Đại Vương có mười sự chứng tỏ đó là người trí: Một là biết kẻ hiền, người ngu; hai là biết kẻ sang, người hèn; ba là biết kẻ giàu, người nghèo; bốn là biết việc nào khó việc nào dễ; năm là biết việc nào đáng bỏ, việc nào nên làm; sáu là biết nhiệm vụ của mình; bảy là vào nước nào biết được phong tục nước ấy; tám là biết được chỗ trở về; chín là học rộng hiểu nhiều; mười là biết được túc mạng. Mười việc đó chứng tỏ người có trí. Kinh dạy: “Khi tai nạn gấp rút mới biết được lòng bạn, có đánh nhau mới biết kẻ yếu người mạnh, có luận nghị mới biết được người trí người ngu, lúc cơm thua gạo kém mới biết người có lòng nhân.”

- Thừa Hiền Nhân, nước Trầm từ khi được Ngài giúp đỡ, trong ngoài đều được

an ổn. Nếu nay Ngài bỏ ra đi thì Trẫm biết nương nhờ ai.

- Tâu Đại Vương, có tám điều kiện để được an ổn: Một là được của cha mẹ để lại; hai là có nghề nghiệp bảo đảm lấy sự sống của mình; ba là học thức cao; bốn là có bạn hiền; năm là có người vợ trinh lương; sáu là được người con hiếu thảo; bảy là tôi tớ được hòa thuận; tám là lìa xa việc ác.

- Thừa Hiền Nhân, lời của Thánh nhân thật không một ai nghe mà không thích.

- Tâu Đại Vương có tám cái thích: Một là cùng làm việc với người hiền; hai là được học với bậc thánh nhân, ba là tánh thể nhân từ và ôn hòa; bốn là sự nghiệp mỗi ngày mỗi hưng thịnh; năm là diệt được tánh giận dữ; sáu là biết phòng ngừa tai nạn; bảy là biết nương gần đạo pháp; tám là bạn bè không đối gạt nhau.

- Thừa Hiền Nhân, Ngài thường khi dễ

khuyên can mà sao nay lại khó cầm lẫn thế?

- Tàu Đại Vương, có mười trường hợp khó có thể khuyên can: Một là tham lam che mất lương tri; hai là tham đắm sắc đẹp; ba là ưa danh vọng địa vị; bốn là kẻ ngang tàn bạo ngược; năm là kẻ nhút nhát; sáu là kẻ khờ khạo lừ đừ; bảy là kẻ kiêu ngạo buông lung; tám là người ưa đấu tranh; chín là người chấp tập tục si mê; mười là kẻ tiểu nhân. Kinh chép: “Nói pháp cho người ngu nghe cũng như nói với kẻ điếc, những ai khó hóa độ, thì không thể khuyên can.”

- Thưa Hiền Nhân, Trẫm là kẻ kiêu ngạo lại thêm buông lung, chưa thể xa lìa được sắc đẹp, còn Ngài là người đã chứng pháp vô vi, lẽ nào không nói với Trẫm nữa?

- Tàu Đại Vương có mười trường hợp mà mình không nên nói với người: Một là kẻ ngạo mạn; hai là kẻ ngu độn; ba là kẻ hay lo sợ; bốn là kẻ ham vui chơi; năm

là kẻ hay e lệ; sáu là kẻ câm ngọng; bảy là kẻ cừu hận; tám là kẻ đố kỵ lạnh; chín là kẻ mắc nhiều việc; mười là người đang tham thiền tịnh lự.

Trong kinh có câu: “Làm được hãy nên nói, làm không được thì đừng nói suông; lời hư ngụy không thành tín thì các bậc minh triết không thềm đoái đến.”

- Thưa Hiền Nhân, người đàn bà xinh đẹp, nói năng khôn khéo êm tai, mà trong thì độc ác, hai lòng thì căn cứ vào đâu mà hiểu họ được?

- Tâu Đại Vương, có mười triệu chứng sẽ hiện diện cho ta thấy: Một là đầu tóc rối, bôi nghiêng qua một bên; hai là mặt hay biến sắc và mồ hôi tự nhiên chảy; ba là lớn tiếng nói cười; bốn là hay liếc ngó, không đoan chính; năm là trang sức lộng lẫy; sáu là hay nhìn trộm qua kẽ vách; bảy là ngồi không yên; tám là hay dạo chơi trong xóm

làng; chín là hay đi dạo ngoài đồng vắng; mười là hay giao thiệp với hạng dân nữ.

- Thưa Hiền Nhân, quả thật cái đó đáng ghét lắm.

- Tàu Đại Vương, có năm cái đáng ghét: Một là ác khẩu hại người; hai là dèm pha siểm nịnh và thúc dục sự đấu tranh; ba là rầy rà không thuận hòa; bốn là ganh ghét và trù rửa; năm là nói hai lưỡi gạt người.

- Thưa Hiền Nhân, làm thế nào để người kính mến?

- Tàu Đại Vương, có năm tánh tốt này thì được người cung kính: Một là nhu hòa nhẫn nhục; hai là cung kính và có tín tâm; ba là mau mắn và ít nói; bốn là lời nói đi đôi với việc làm; năm là đối với bạn càng lâu càng thân hậu. Trong kinh có câu: “Nếu biết thương lấy mình thì phải dè dặt giữ mình. Các bậc hiền sĩ có chí hướng cao thượng học hiểu chính đáng thì không bao giờ lầm lạc.”

Nhà vua năn nỉ:

- Xin Ngài cùng Trẫm trở lại Tịnh xá.

Hiền Nhân đáp:

- Có mười kẻ mà mình không nên mời về nhà: Một là thầy ác; hai là bạn tà; ba là kẻ hay khinh bỉ bậc thánh; bốn là kẻ hay nói tráo trở; năm là kẻ dâm ô; sáu là người thèm rượu; bảy là kẻ có tánh xấu; tám là người không biết ân nghĩa; chín là đàn bà con gái mất nết; mười là kẻ tỵ thiếp ưa trang sức.

Nhà vua thưa:

- Được Ngài ở lại thì Trẫm cùng thiên hạ được an vui vô sự. Nay Ngài bỏ đi thì nhân dân oán trách Trẫm.

Hiền Nhân đáp lời:

- Có tám điều kiện để được an vui: Một là vâng thờ kính thuận các sư trưởng; hai là đem sự hiếu thuận dạy cho dân; ba là khiêm nhường kẻ trên người dưới; bốn

là phải tập tánh nhân đức ôn hòa; năm là đến cứu người trong cơn nguy cấp; sáu là phải quên mình nghĩ đến người; bảy là phải thu thuế, lấy lãi ít và phải biết tiết kiệm; tám là bỏ hận thù xưa. Trong kinh có câu; “Chuyên tu cội đức, nghĩ trước rồi làm sau, cứu giúp người trong cơn nguy cấp và bản khổ, thì trọn đời được an vui.

- Thừa Hiền Nhân, Trăm luôn luôn nghĩ tới Hiền Nhân nào có bao giờ lãng quên.

- Tàu Đại Vương, bậc trí giả có mười hai điều luôn phải nghĩ tới không bao giờ lãng quên: Một là khi gà gáy sáng đã nghĩ tới tội lỗi mà lo việc phúc đức để đền bù lại; hai là nhớ việc hầu hạ tôn thân; ba là gặp việc gì phải suy nghĩ dự bị trước; bốn là phải lo nghĩ lánh xa sự nguy hại; năm là phải nghĩ trước mới nói sau để khỏi phải lạc lăm; sáu là phải đến những kẻ lạc lăm mà đem lời trung chính dạy bảo nhắc nhở họ;

bảy là nghĩ đến những kẻ nghèo khổ để thương xót cấp hộ; tám là phải lo làm việc bổ thí nếu mình có của; chín là phải nghĩ đến sự ăn uống cho có chừng mực; mười là phải nhớ giữ sự công bình khi phân xử hoặc phân chia; mười một là phải nhớ đem ân đức ban rải dân gian; mười hai là phải thường nghĩ đến sự huấn luyện nếu mình là quân sĩ hay vua quan. Đây là mười hai điều mà người trí phải thường nghĩ đến. Vậy nên trong kinh có câu: “Làm việc gì phải lo dự bị trước, như vậy sự nghiệp sẽ mỗi ngày mỗi lớn, không khi nào thất bại.”

- Thừa Hiền Nhân, tiếc rằng Trẫm không có một bậc đại hiền nào để cầu Hiền Nhân lại cho Trẫm.

Hiền Nhân lại tiếp:

- Bậc đại hiền có mười hạnh tốt: Một là học rộng hiểu nhiều; hai là không phạm giới luật trong kinh dạy; ba là kính thờ

Tam Bảo; bốn là thọ pháp lành không quên; năm là kèm chế được tham sân si; sáu là tu được pháp bốn tâm bình đẳng; bảy là ưa làm việc ân đức; tám là không nhiều hại chúng sanh; chín là hay hóa độ được người bất nghĩa; mười là không lầm lộn việc lành việc ác.

- Thưa Hiền Nhân, thực là tội Trầm quá nặng: Nuôi dưỡng kẻ ác làm cho Ngài giận mà bỏ đi.

- Tàu Đại Vương, kẻ đại ác thường được biểu hiện qua mười lăm tội nặng: Một là sát sanh; hai là trộm cắp; ba là quen thói dâm ô; bốn là dối trá; năm là nịnh hót; sáu là chuốt ngót; bảy là dèm pha; tám là khinh bậc hiền sĩ; chín là tham sự ô trược; mười là buông lung; mười một là say sưa; mười hai là ganh ghét kẻ hiền; mười ba là hủy báng đạo đức; mười bốn là sát hại thánh nhân; mười lăm là không kể tội lỗi.

- Thưa Hiền Nhân, Trăm năm nỉ Ngài mãi không được, lấy làm hổ thẹn quá.

- Tâu Đại Vương, người đời có mười cái hổ thẹn: Một là làm vua không hiểu chính trị; hai là tội thần mà vô lễ; ba là thọ ân không lo báo đáp; bốn là có tội lỗi không chịu chữa bỏ; năm là một vợ hai chồng hay một chồng hai vợ; sáu là chưa cưới mà có thai; bảy là tập hợp không thành; tám là có binh khí mà không thể chiến đấu; chín là kẻ bôn sển không bố thí; mười là tội tở mà chủ không sai khiến được.

- Thưa Hiền Nhân, nay Trăm biết rằng: Người đạo đức rất khó chiêu chuộng.

- Tâu Đại Vương, có mười hai điều khó: Một là làm việc với người ngu; hai là yếu đuối không chống lại được với sức mạnh; ba là thù nhau mà ở chung một nhà; bốn là học ít mà đứng ra nghị luận; năm là nghèo hèn mà trả được nợ; sáu là ra trận không

có tướng sĩ; bảy là thờ vua trọn đời; tám là học đạo mà mất tín tâm; chín là làm ác mà muốn quả báo đẹp; mười là sanh ra đời được gặp Phật; mười một là được nghe chánh pháp của Phật; mười hai là làm theo được chánh pháp ấy mà thành tựu.

Nhà vua khen ngợi:

- Gần bậc minh đức thật có lợi. Đàm luận với Ngài, Trẫm lại được thêm trí tuệ.

- Tâu Đại Vương, người có trí huệ, đại khái biết bốn mươi lăm việc: **1.** Là sửa sang nhà cửa; **2.** Là gây không khí hòa hợp trong gia đình; **3.** Là giao thân với chính họ; **4.** Là tin ở bạn bè; **5.** Là theo học với bậc minh sư; **6.** Là làm việc gì quyết cho thành tựu; **7.** Là tài trí cao rộng; **8.** Là mọi hành vi đều hướng về việc lành; **9.** Là giàu sang thì lo làm việc ân đức; **10.** Là tạo tác và sửa sang đều phải thận trọng; **11.** Là có của phải mở mang sự nghiệp; **12.** Là không

giao của cái cho con cái nếu chúng còn quá nhỏ; **13.** Là kết bạn với người hiền; **14.** Là không quá tin những ai vừa mới quen biết; **15.** Là tiền của ở chỗ huyện quan phải đem về dùng để lâu; **16.** Là mua bán đổi chác phải thật thà, không lường gạt; **17.** Là dời ở nơi nào phải đến xem trước; **18.** Là đến đâu phải biết đó giàu hay nghèo, quý hay tiện; **19.** Là phải giao thiệp thân cận với người lành; **20.** Là phải nương tựa vào một thế lực; **21.** Là đừng tranh hơn kém với kẻ cường bạo; **22.** Là xưa giàu mà nay suy thì có thể mong phục hưng cơ nghiệp; **23.** Là nếu bản khổ thì đừng có cao vọng to tát; **24.** Là có của quý không keo với người; **25.** Là việc bí mật đừng nói cho vợ nghe; **26.** Là làm vua phải kính người hiền đức; **27.** Là phải ăn ở có hậu, nhất là bậc trung chính; **28.** Nếu là thanh liêm, có thể dùng trị nước, hay có thể đứng ra trị

nước; **29.** Là gặp việc phải lo lập công; **30.** Là trong công cuộc giáo hóa, lấy sự hiếu thuận làm căn bản; **31.** Là phép của ông thầy là quý sự ôn hòa, như thế học trò đủ cung kính; **32.** Là thầy có nhiều học trò, phải dạy chúng làm việc trung nghĩa; **33.** Là làm thuốc phải hiệu nghiệm, nghề còn vụng chớ đem ra thi thố; **34.** Là đau ốm phải nghe lời thầy thuốc; **35.** Là ăn uống phải giữ cho có độ lượng; **36.** Là có của ngon vật lạ chia sẻ cho nhau, đừng tiếc; **37.** Là cho ai, hoặc cho ai mượn gì, phải tự tay mình trao cho họ; **38.** Là làm chứng cứ cho người chính; **39.** Là đừng vu oan cho kẻ vô tội; **40.** Là khuyên can sự oán giận và làm cho sự thuận thảo trở về giữa hai người; **41.** Là nhẫn nại và xa lánh việc ác; **42.** Là đừng phân biệt giàu nghèo mà ở với người; **43.** Là lấy sự thuận hòa làm quý; **44.** Là theo đạo phải giữ giới; **45.** Là lấy sự

trong sạch làm quý hơn tất cả.

Trong trần thế chỉ có đạo Niết Bàn là cao quý hơn cả.

Vì sao? Vì Niết Bàn là cảnh giới không có sự già nua, bệnh, chết, không đói lạnh, không tai hoạ nước lửa, không oan gia, không trộm cướp, không dục vọng ân ái, không lo buồn hoạn nạn, không tất cả những khổ sở đón đau. Cảnh giới đó là diệt độ. Diệt độ không phải là một sự chết, nhưng đây là sự giải thoát tự tại thôi.

Cảnh giới ấy, hoàn toàn an vui, một niềm vui thanh tịnh vô biên, có thể kiến lập cảnh giới ấy trên trần thế, cho riêng mình và cho chung tất cả muôn loài. Bệ hạ hãy tự lo, tự tu, tự tỉnh lấy. Bệ hạ hãy tự thương lấy Bệ hạ. Hiền Nhân này xin lên đường.

Vua lại hỏi:

- Ngài lên đường, thế không còn răn dạy Trăm điều gì nữa ư?

- Tàu Đại Vương, chỗ đất bị nước mạnh xoáy lở thì dù một trăm năm sau, cũng không nên dựng lấy một cái gì trên ấy. Vì dòng nước sẽ theo thói cũ mà lôi cuốn đi tất cả. Người có ác tâm mà bây giờ họ bảo mình là bắt đầu làm lành, thì mình quyết không nên tin vội. Vì tâm ác của họ chưa diệt, họ sẽ trở lại làm việc ác, ta phải nên dè dặt. Người muốn làm việc gì phải lần lần, như người đào giếng, đào mãi xuống sâu sẽ có mạch nước. Kẻ trí giả thấy sự nguy hiểm hoặc bất bình giữa cuộc thế thì hay ra tay cứu giúp, cũng như người có tài bơi lội có thể lội ngang qua dòng nước mạnh.

Nhà vua thưa:

- Trẫm muốn nghe lời Ngài dạy, và nếu như có người nào khác đến thì Trẫm làm sao biết được người đó là bậc trí?

Hiền Nhân đáp:

- Chỗ vấn đáp người trí bao giờ cũng

khác xa kẻ tầm thường. Không lời nói nào của họ mà không phải là lời nói lành. Bạc thầy bao giờ cũng chính đáng. Và những đức tính này chứng tỏ rằng kẻ ấy là bậc trí giả: Nhân từ, mềm mỏng, cẩn thận, chắc thật, ôn hòa, nhã nhặn, lời nói hoạt bát và hay hăm mộ các việc lành.

- Tàu Đại Vương, nghe lời nói thấy việc làm của họ, thì biết là tâm và khẩu giống nhau.

Xem cách cư xử, vẻ đi đứng của họ mà biết là không giả dối; nghiệm việc họ làm, cách ăn mặc, cách làm lụng cũng dư biết là bậc trí tuệ.

Đàm luận với người trí phải cho vừa ý họ mà muốn cho vừa ý họ thì thiệt là khó.

- Thừa Hiền Nhân, Trẫm muốn tôn thờ người trí mà đừng làm mất ý họ, thì phải làm sao?

- Tàu Đại Vương, kính mà đừng khinh, nghe lời dạy phải làm theo, vì chỗ hiểu biết

của người trí rất đúng, bao giờ họ cũng có thể theo chánh đạo và không có tâm tham cầu, lại có thể suy xét rõ được việc quá khứ, hiện tại và tương lai. Tầm mắt của bậc trí giả rất rộng, họ thấy rõ muôn vật trong không gian và thời gian đều chỉ là biến hiện, muôn pháp đều quay về nơi nhất điểm không tịch bản nhiên.

Kẻ trí thì thấy rõ ràng đời là một sự biến đổi tang thương; trẻ trung rồi sẽ già nua; cường tráng rồi sẽ suy nhược; có sống thì sẽ có chết; giàu sang như mây nổi, đều là vô thường cả. Cho nên lúc an ổn phải nghĩ đến khi nguy ngập, khi hưng thịnh thì nghĩ đến lúc vô thường, người lành thì kính mến, người ác thì phải lánh xa. Nếu có giận hờn ai thì nên trừ bỏ, đừng vì thế mà gây ác hại người. Nhu hòa mà khó xâm phạm, yếu đuối mà khó thắng. Người trí như vậy đó.

Người trí theo pháp thánh hiền, thường làm việc nhân từ và ưa dạy dỗ kẻ ngu muội trở nên sáng suốt như họ. Người trị nước thì nên ban bố ân huệ cho kẻ biết làm lành, kẻ tu hành thì lo dẫn dắt mọi người về nơi chánh đạo; quốc gia có hoạn nạn thì cùng nhau đàm luận lo toan; tới lui phải biết thời mới khỏi bị sự nghi ngờ oán trách. Tuy có ớn rộng đức lớn với người, nhưng đừng cầu mong người báo đáp, thờ người trí thì được phước và trọn đời không mắc phải tai nạn. Bệ hạ đừng có nghi ngờ. Pháp chính trị không nên trái với lý đạo, dạy dân làm lành thì càng ngày càng thêm lợi ích cho đất nước.

Đức vua than thở:

- Thưa Hiền Nhân, thực lòng Trẫm rất sâu thẳm, hoảng hốt như kẻ điên cuồng.

Vua bèn rơi lụy khóc lóc, đến trước Hiền Nhân sám hối cầu xin xá tội. Hiền Nhân đỡ đức vua từ tốn thưa:

- Hiền Nhân này cũng như con chim bay, không nhất định đậu ở cành nào. Đạo pháp của Hiền Nhân không thể lẫn lộn với lỗi lầm để mất chỗ thanh cao quý giá: Cũng như lửa cháy ngoài đồng trống, những cây gần bên sẽ bị cháy sém, hễ chỗ có nước xoáy là thuyền quay, hễ độc trùng là hại người. Vì thế Hiền Nhân muốn tòng sự với người trí để khỏi bị ngu hèn quấy nhiễu, Hiền Nhân này đã rõ ràng: Cỏ cây mỗi thứ mỗi khác, loài chim muông cũng thế: Bạch hạc thì lông trắng, chim quạ thì lông đen, nay Hiền Nhân khác mà ai kia cũng khác, nên Hiền Nhân này không muốn lưu lại hoàng cung nữa. Dem cái áo lụa đẹp mặc cho người nhà quê cày ruộng thực là vô ích. Vì sao? Người nhà quê ấy chỉ quen bùn đất, làm gì biết mặc áo lụa đẹp và có mặc cũng chỉ làm hư.

Ở nhân gian, có một thứ cây gọi là Phản

Lê. Người chủ trồng nó thì không được ăn trái, còn có kẻ muốn hái trộm thì trái lại sanh ra cho mà hái. Bệ hạ cũng như cây ấy: Người giúp nước được an ổn thì hất hủi đuổi xô, còn kẻ nịnh thần gian dối, phá tan việc triều chánh lại cầm ở lại cho ăn bổng lộc. Khách ở lâu, chủ nhà sanh nhàm chán, nên Hiền Nhân này phải đi vậy.

Nhà vua kính cẩn thưa:

- Mạng người rất trọng, cúi xin Ngài mở lòng từ nghĩ thương đến. Trẫm nay muốn đem thân mạng tôn thờ Ngài hơn xưa.

Bệ hạ nói thế nhưng cũng chưa chắc gì làm được. Ý Hoàng hậu rất độc ác. Hiền Nhân này không nên ở lại làm chi. Hiền Nhân là vị Sa Môn mang bình bát khát thực, tự vui và dứt trừ tham vọng, giữ trọn giới luật của đạo và xa lìa tất cả tội lỗi.

Nhà vua khẩn khoản:

- Ngài đã quyết định, Trẫm không thể

cản ngăn. Nhưng Ngài chớ đoạn giao, cúi mong một phen trở lại để lòng Trẫm khỏi ân hận.

Nếu như Bệ hạ và Hiền Nhân này đều mạnh giỏi thì có lúc gặp nhau. Hiền Nhân này muốn vào núi để tu dưỡng tâm linh, rèn thêm trí tuệ. Gần nhau để mà nghĩ đến chuyện ác hại nhau thì chi bằng xa nhau mà nhớ nhau trong tâm niệm lành. Người trí nghe thí dụ cũng đủ rõ; nay Hiền Nhân này xin đem một câu chuyện để thí dụ Bệ hạ nghe.

“Như người lấy mật xoa vào lưỡi dao, đưa cho con chó liếm, vì tham chút ngọt nên bị đứt lưỡi, mà chó không biết đau đớn.” Nay bốn quan cận thần cũng thế, chỉ nói ngon ngọt ngoài miệng, mà trong tâm dường như dao bén. Vậy Bệ hạ phải đề phòng và từ đây về sau nếu gặp những sự kinh hãi, Bệ hạ thường nhớ đến Hiền Nhân này thì kinh sợ sẽ tiêu tan.

Loài chim cú, chim mèo thì ưa ở nơi bụi rậm, chuột bỏ thì ưa núp dưới đồng rơm, đồng rác, chim chóc thì đậu trên cành, con hạc thì ưa ở gần ao nước đục. Mỗi vật đều có tính riêng, chí nguyện bất đồng, sự ưa thích có khác. Hiền Nhân này mến đạo, Bệ hạ thì ưa việc trị dân, đó là sự sai khác.

Những vật thô xấu cũng đều có chỗ cần dùng, không nên phí bỏ tồi tàn. Hạng người nào dù bẩn tiện, ngu hèn đến đâu, ta cũng không nên hắt hủi. Họ đều là những người hữu dụng, dụng nhân như dụng mộc, Bệ hạ phải hiểu như thế. Hiền Nhân này cũng đã biết người, biết lời nói, biết ý nghĩ của họ thế nào rồi.

Con chim ban đầu đậu ở cành thấp, sau nhảy lên nhánh cao. Hiền Nhân thấy chó Tân Kỳ sủa, biết rằng không ngoài thì trong, đã có sắp đặt mưu mô gì đó, nên trong lòng chán ngán. Hiền Nhân này xin

đi. Nói xong liền đứng dậy mang bát, chống tích trượng ra khỏi thành. Vua cùng đình thần và nhân dân làm lễ Hiến Nhân rồi tiễn Người ra khỏi thành quá một đoạn đường.

Từ ấy về sau, nhân kẻ trung chính đi rồi thì kẻ loạn thần tha hồ tung hoành gian nịnh. Ngoài thì bốn quan cận thần cậy thế bắt ép lương dân, trong thì phu nhân dùng thói yêu nghiệt, làm nhà vua mê hoặc, không còn lo nghĩ việc nước, chỉ dâm lung, ưa vui ngày đêm vui thân trong say đắm. Quan liêu cầm quyền tự do thu thuế bắt ép nhân dân không một chút từ tâm, nhân đạo. Kẻ lấy thuế chợ mà không thèm nhìn món đồ, người mạnh lấn hiếp kẻ yếu, bóc lột tàn sát lẫn nhau, không kể gì đến pháp luật. Có kẻ lại bắt con gái của người về làm nô lệ, tỳ thiếp. Thân thuộc ly tán, tìm đường trốn tránh tản lạc, mỗi

người sống vất vưởng mỗi nơi, tai họa liên miên mà nhà vua không bao giờ biết đến. Mưa gió không phải thời, trồng trọt mất mùa, nước loạn dân nghèo, sự đói khó đầy đường, tiếng than van oán trách phổ vào câu ca dao cảm động đến cả quỷ thần. Nhân dân sầu khổ, lo sợ chết không biết bao nhiêu, kẻ sống vừa than khóc vừa đi, không một ai không nhớ tưởng và mong cầu Hiền Nhân độ nước.

Lúc ấy có vị Đạo nhân, vốn là cháu trai của Hiền Nhân, thấy trong nước loạn lạc, xóm làng hư hoại, nhân dân cùng khổ, bèn vào cung tâu với nhà vua: Tàu Bệ hạ! Các quan đại thần làm việc bất chánh, buông kẻ trộm cướp, bắt giết kẻ vô tội, tàn hại nhân gian, hết đường vô nhân đạo. Muôn dân oán thán, quỷ thần giận dữ nên gieo nhiều tai họa.

Đâu đâu cảnh khổ cũng lan tràn mà Bệ

hạ thì không hay biết gì cả.

Nếu Bệ hạ không sớm trừ bọn loạn thần gian ác ấy thì sau này sẽ không còn một lương dân!

Nhà vua nghe nói kinh hãi, hoảng sợ đáp:

- Quả thật như lời Hiền Nhân dạy Trẫm khi trước.

Trẫm đã dùng bốn tên loạn thần phá hoại nước nhà chẳng khác gì thả chó sói trong bầy cừu vô tội. Trẫm chắc thế nào dân chúng cũng bị khốn ách. Trẫm đã buông cương mặc cho con ngựa điên lôi kéo cỗ xe trị quốc, thế nào nó cũng kéo xe xuống hố sâu.

Ngài đến đây thức tỉnh Trẫm và bảo Trẫm như thế, xin Ngài có cách gì dạy Trẫm để trị an xã tắc được không?

Đạo Nhân thưa:

- Từ khi Hiền Nhân ra đi đến nay, trong nước bị rối loạn luôn, tất cả đều do bọn

gian thần. Bệ hạ phải trừ tính phương kế gì để hưng phục lại giang sơn. Nước nhà còn có thể hưng phục được. Xin Bệ hạ hãy cùng thần du hành một phen, để chính mắt Bệ hạ được thấy, chính tai Bệ hạ được nghe những nỗi thống khổ rồi mới biết thế nào là đúng sự thật.

Nhà vua liền cùng Đạo Nhân cải trang ra đi để dò xét tình hình trong nước.

Vừa ra khỏi thành thì thấy một toán phụ nữ xiêm y rách rưới, vừa đi vừa khóc. Đạo Nhân thấy thế liền hỏi: “Các chị tại sao mà khổ sở rách rưới như thế? Sao không lo làm ăn, hoặc có khó khăn lắm thì đi lấy chồng, tuổi các chị đã lớn rồi kia mà.”

Một người trong bọn trả lời:

- Vì nhà vua cả. Phải chi nhà vua rách rưới nghèo đói như chúng tôi thì mới bỏ ghét.

Đạo Nhân bảo:

- Các vị nói như thế là không đúng rồi, vì

nhà vua là bậc cao sang chỉ lo những việc to tát, đâu có thì giờ lo cho các chị được, các chị phải tự đi làm mà sinh sống lấy chứ.

Có một chị không hài lòng nói:

- Không phải thế đâu. Vì vua trị nước không minh, nên trong nước phải đói rách và loạn lạc. Ngày thì khốn với bọn quan lại tham ô vợ vét, đêm thì khốn với trộm cướp tứ tung; áo không đủ mặc, cơm không đủ ăn, vì thế còn ai thềm cười gả chúng tôi nữa.

Đi một quãng nữa, nhà vua gặp một bà già, áo không kín thân, hình hài gầy yếu, mắt lòa sờ soạng, vừa đi vừa khóc. Đạo Nhân hỏi:

- Bà cụ lo lắng gì mà khóc vậy?

Bà già ngẩng lên đáp:

- Vì nhà vua cả. Phải như nhà vua mà mù như lão đây thì mới đáng kiếp, lão sung sướng lắm vậy.

Đạo Nhân hỏi:

- Bà nói như thế là lầm rồi, hễ già thì mắt mờ, nhà vua có lỗi chi đâu?

Bà lão phân trần:

- Đêm thì bị cướp, ngày thì bọn quan lại hiếp bức, phải chịu nghèo đói, nên lão đây mới phải hái rau lượm củ đổi gạo để nuôi sống, đạp phải độc trùng, vương phải độc khí, nên mới bị mù què như thế này. Vậy không phải lỗi của nhà vua hay sao?

Vua tôi lại đến một quãng đường, thấy có người đàn bà rách rưới đang vắt sữa bò. Con bò đá một cái, người đàn bà ngã lăn xuống đất, lồm cồm bò dậy mắng:

- Phải chi mày đá Hoàng Hậu vợ vua một đá như vậy cho bỏ ghét. Mày đá tao làm gì!

Đạo Nhân hỏi:

- Tự con bò dữ đá bà, chứ Hoàng Hậu có tội lỗi gì?

Bà lão trách móc:

- Không lỗi à? Nhà vua bất chính, vợ vua xúc siểm, nước nhà mới rối loạn, không lo cấm ngăn trộm cướp, để nó bắt bò lành của tôi, chỉ để lại một con bò dữ, vắt sữa nó là nó đá đau điếng người. Tại nhà vua chứ ai nữa.

Đạo Nhân bảo:

- Tại bà không biết cách nặn sữa nên bị nó đá.

Bà lão đáp:

- Không phải thế đâu! Nếu nhà vua ở chính thì Ngài Hiền Nhân sẽ ở lại đây, nước nhà đâu có bị loạn lạc.

Đi một lát nữa, đến khoảng đồng ruộng, nhà vua thấy con chim đang mổ một con ếch. Con ếch lún vào bùn, mắng rằng: “Phải chi mày mổ vua một cái như thế thì tao mới thích cho. Mày đừng mổ tao.”

Đạo Nhân bảo con ếch:

- Người bị con chim mổ, chứ đâu lỗi ở nhà

vua, nhà vua đâu có giữ hộ cho người được.

Con ếch đáp:

- Tôi không mong nhà vua giữ hộ cho tôi đâu. Vì nhà vua không lo việc trị nước, chính trị bỏ bê, pháp luật không minh, bỏ phế việc cúng tế, bỏ phế việc dẫn thủy nhập điền, nên trời hạn, nước khô, thân tôi phải bày ra để cho con chim nó mổ.

Con ếch lại than:

- Nếu nhà vua biết cách giữ quyền chính thì bỏ một người ác, lợi cho một nhà; bỏ một nhà ác lợi cho một làng, rồi sẽ đến cảnh một quốc gia thịnh trị. Vua không biết chấp chính nên nhân dân khổ sở, thiên hạ kêu ca.

Liên đó, Đạo Nhân tâu vua:

- Xin Đại Vương xét kỹ: Trăm họ vô tội, khổ sở than khóc, cảm động đến cả quỷ thần, đến nỗi con ếch còn thốt lời như vậy. Chắc Đại Vương cũng đã thấy rồi. Vậy Đại

Vương đuổi kẻ ác, kiến thiết quốc gia lại trên nền tảng thiện chánh, để muôn dân hồi đầu trở lại. Tàu Đại Vương, bây giờ bắt đầu gieo giống lúa ở ruộng gặp mưa thuận gió hòa thì lo gì mùa màng không trúng.

Vua hỏi:

- Vậy theo ý Ngài, thì nên giao phó trách nhiệm này cho ai?

- Bệ hạ hãy mau mời Ngài Hiền Nhân trở về, vì Ngài là người rõ biết thời cơ, nếu trở về trong nước sẽ lại được bình an.

Nhà vua mặc triều phục ra đến tận nơi Hiền Nhân, yết kiến, làm lễ và thành khẩn thỉnh Hiền Nhân về. Sau khi hỏi han, vua ngồi lại một bên, vòng tay tạ tội thưa với Hiền Nhân:

- Trẫm vì sơ sót, suy nghĩ không đến nơi đến chốn, nên làm hại nhân dân, trăm họ oán trách. Nay Trẫm một lòng chí thành cầu sám hối, xin Ngài tha thứ cho Trẫm

bao nhiêu tội lỗi lầm lạc.

Hiền Nhân đáp lễ:

- Người có tội mà biết sám hối là hay lắm.

Rồi thấy bốn quan cận thân kể tai nói nhỏ, thầm thì với nhau. Hiền Nhân bảo:

- Các người mê hoặc lấy mình, không phân biệt cái gì là chân chính, không phân biệt cái gì là tà ngụy không biết rằng khổ vui đều có luật nhân quả, không thể tránh được.

Làm việc ác, tội ác sẽ theo đòi; làm điều lành, quả báo tốt sẽ đền trả, trọn đời không mất. Họa phúc tự mình, kẻ ngu tưởng đâu là xa cách. Phải biết họa phúc rõ ràng như âm thanh vang theo tiếng, bóng theo hình, chứ không phải họa phúc tự trên trời rơi xuống. Các người làm ác mà không tự biết, muốn che giấu nhưng nào có giấu được. Lại lấy sự chê bai ta mà cho là đặc sách. Trong bọn người há chẳng có một người nói rằng: “Hễ người chết thì thần hồn tiêu

diệt không sanh trở lại nữa.” Lời nói ấy có phải là bậc thánh nhân chẳng? Hay là tự ý ngu muội của các người bịa đặt ra? Các người muốn làm chuyện ác rồi trở lại bảo rằng làm ác không tai họa, làm lành không được phước. Đó phải là lời nói bịa người để che tội lỗi của mình không? Kìa hiện tượng của vũ trụ rõ ràng kia, nhật nguyệt và tinh tú đó, các người bảo là ai tạo ra đó vậy?

Bốn quan cận thần nghe nói, làm thỉnh không còn biết trả lời sao nữa.

Hiên Nhân tiếp:

- Tất cả hiện tượng trong vũ trụ đều do nghiệp lực tội phước. Làm lành, làm ác đều có quả báo như bóng theo hình; người chết bỏ xác thân nhưng không bỏ được nghiệp nhân. Gieo giống, tuy hạt lúa thối mục dưới đất, nhưng sau này sẽ sanh ra nhánh lá và kết hạt trên ngọn. Thắp đèn tim dần dần lụn, nhưng lửa vẫn đỏ mãi;

hạnh nghiệp tội phước vẫn còn luôn luôn như người thắp đèn viết thơ, rồi đèn tắt, nhưng chữ vẫn còn. Hồn thần tùy hạnh nghiệp chuyển sanh đời khác, không hề gián đoạn. Các người làm ác mà tự cho là cao cả, cũng như người giết cha mẹ mà lại có thể cho là vô tội sao?

Bốn quan đáp:

- Một nhánh cây còn không nên hái lá của nó thay, huống chi giết cha mẹ mà cho là vô tội.

Hiền Nhân đáp:

- Còn bọn người chủ trương tà quấy, bề ngoài giả làm lành, mà bên trong lại uẩn khúc làm việc gian ác. Cũng như vàng giả, bề ngoài thì nước vàng mà trong thì toàn đồng. Bề ngoài diện mạo tốt đẹp, mà trong tâm toàn là sàm tặc. Thiệt chẳng khác gì chó sói lẫn vào bầy dê, ngấm ngấm ăn hết bầy dê mà người giữ dê không hề hay biết.

Kẻ ác trong đời lắm khi cũng tự xưng đạo đức, giả khổ hạnh, cùng diễn giải kinh giới, nhưng bên trong chuyên hành tà siểm, dối trá để cầu mong danh lợi.

Người ngu không biết, quay về tin phước. Rồi như nước sông ngập lụt chảy tràn đầy đây, chưa kịp rút về bể cả, làm hại biết bao nhiêu người. Chỉ có bậc thánh nhân mới có thể cứu giúp thiên hạ, cải bỏ ác tục, sửa sang việc lành, ai ai cũng đều nhờ vậy.

Nếu cho làm lành không phước, làm ác vô hại, thì các bậc cổ thánh để lại bao nhiêu kinh điển làm chi? Và truyền trao gươm báu cho vua làm chi? Hành nghiệp đều có quả báo rõ ràng. Làm dữ bị tai họa, mọi người đều ghét, không mau thì lâu tai họa ấy sẽ đến. Làm việc ân đức tuy ẩn kín nhưng sau này sẽ bày ra và phước quả sẽ đem lại cho mình.

Vậy nên trong nước có vua, vua phải

thuận theo phép đạo, ủy nhiệm vụ cho người hiền, phó thác việc làm cho kẻ tài trí, ban thưởng người lành, trừng phạt người gian ác.

Bánh xe lăn tròn không ngừng, hành nghiệp cứ tùy theo đấy thọ sanh nơi lành, nơi dữ. Phải tin chắc có tội phước, đừng làm điều gian dối.

Phải hết sức cẩn thận lánh xa những kẻ ác và biết ăn năn tội lỗi. Nếu mọi người đều lành thì bầm tính và quả báo sẽ lành đẹp giống nhau, song vì người làm ác rất nhiều nên nhân quả bất đồng: Kẻ sống lâu, người chết yếu, kẻ nhiều bệnh, người ít bệnh, kẻ xấu xa, người tốt đẹp, kẻ nghèo hèn, người giàu sang. Kìa những người ngu, đui, điếc, câm, ngọng, kẻ mù què, tàn tật trăm điều đều do đời trước gây ác nhân mà nay gặp lấy ác quả. Còn người đức độ, trung chính, hiền từ nên có trí tuệ, sống

đời đế vương, hào phú và muôn sự hạnh phúc. Như thế là nhân quả rõ ràng, sao lại bảo rằng không. Xin hãy suy nghĩ kỹ càng, đừng lầm lạc vào tà đạo.

Hiền Nhân giảng xong, vua cùng quần thần và tất cả nhân dân không một ai là không hiểu rõ và vui mừng.

Hiền Nhân lại nói tiếp:

- Và nay Hiền Nhân này xin nói một sự tích: Thuở xưa có một ông vua tên là Cầu Lạp, có một cái ao, trong ấy nuôi nhiều thứ cá ngọt. Vì cá ngọt ít xương mà ngon lắm nên nhà vua cử một quan giám ngư để giữ gìn ao cá, mỗi ngày dâng vua tám con, nhưng quan giám ngư mỗi ngày ăn chùng, ăn lén mất tám con. Vua biết cá mất, nên cử tám quan giám ngư nữa để giữ gìn ao cá. Song tám vị giám ngư từng đảng với nhau mỗi ngày mỗi người đều ăn lén hết tám con, té ra người giữ cá nhiều chùng

nào thì cá lại mất nhiều chừng ấy. Giao nhiệm vụ cho nhiều người thì nước nhà càng thêm rối loạn. Cũng như kẻ hái trái non, ăn đã không có mùi vị gì mà lại càng mất giống, vua trị nước mà không dùng kẻ hiền, đã thiệt hại cho dân mà sau này tiếng tăm cũng mất và phước phần đều không. Trị nước bất chính làm cho thiên hạ có tâm tranh đoạt cũng như muốn sửa sang và hưng nghiệp gia sản, mà không chịu để tâm dụng chí thì của cải mỗi ngày mỗi hao bớt đi.

Nước có tướng giỏi binh nhiều mà không chịu tập chiến trận, không lo lắng kiến thiết nước nhà, thì nước ấy sẽ bị hèn yếu. Làm vua không kính đạo đức, không tôn thờ bậc cao thì hiện tại không người giúp đỡ và tương lai không gặp phước lành. Hằng ngày giết hại muôn họ kêu ca thì tai hại thường xảy ra tới tấp, chết đi để

tiếng xấu muôn đời. Theo chính pháp trị dân thì được lòng người. Kính thờ bậc tôn trưởng, yêu mến trẻ thơ, hiếu thuận cha mẹ, vâng làm việc lành thì hiện tại an ổn và kiếp sau được hưởng phước.

Làm việc trung chính cũng như đi thẳng đường, lấy việc trung chính làm cội gốc thì mọi người đều khâm phục. Như thế sẽ gây được hạnh phúc thái bình. Lại phải sáng suốt, lược lặt những lời xưa để làm kinh nghiệm cho đời nay, động tịnh cho biết thời, ân oán cho có lý, ban bố ân huệ cho nhân dân, bố thí nên bình đẳng. Được như thế thì đời nay sẽ an ổn vui vẻ, sau này sẽ quyết tu chứng đạo Giác ngộ.

Chúng hội nghe Hiền Nhân dạy, đều vui mừng vỗ tay khen ngợi.

Nhà vua liền đứng dậy cúi đầu thưa rằng:

- Nay Trẫm được nghe lời Ngài dạy, cũng như cơn gió mạnh thổi tan mây mù. Xin

Ngài mở lòng từ bi, nghĩ đến quốc gia, dạy bảo quốc dân và giúp đỡ Trăm trị dân như trước.

Hiền Nhân liền đứng dậy, theo vua về cung cùng luận bàn chính sự.

Bốn quan cận thần rồi sau bị đuổi. Hiền Nhân giúp nước, ân huệ thấm nhuần, gió mưa hiệp thời, mùa màng rất trúng, nhân dân đều vui vẻ, bốn biển một nhà, trên dưới hòa thuận đều chung sức gây lại một cuộc sống thái bình, thanh trị.

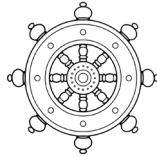
Đức Phật ngừng một lát, Ngài nhìn đại chúng và tiếp:

- Nay đại chúng! Hiền Nhân đời ấy, có phải ai đâu lạ, chính là ta đây. Còn Đạo Nhân cháu Ngài là A Nan Đa đây, vua Lâm Đạt thuở đó chính là vua Ty Tiên Nặc này đây. Hoàng hậu đó là Tôn Đà Ly, con chó Tân Kỳ là Sa Nặc, bốn quan cận thần lúc ấy là bốn kẻ ngoại đạo giết nàng Tôn Đà

Lý ngày nay. Và sau cùng, con ếch hỏi đó là ông Âu Đà Gia, đã chứng quả A La Hán đang đứng kia.

Khi Đức Thế Tôn nói kinh này xong, hơn ba ức người hiểu được lý đạo, đều thọ ngũ giới và vui lòng làm theo.

***Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
(3 lần)***



7. KINH NỀN TẢNG ĐẠO ĐỨC XÃ HỘI



Chính tôi nghe chuyện như vậy:
Một thời Đức Phật đủ đầy người theo.

Hai trăm năm chục tỷ kheo,
Ở Kỳ Xà Quạt thành La Duyệt Kỳ.

Trước giờ thọ thực thường thì,
Thế Tôn mang bát, khoác y vào thành.

Khi Ngài đi đến vườn cây,
Thấy con trưởng giả là chàng Thiện Sanh.

Hàng ngày mỗi sáng ra vườn,
Đê đầu đánh lễ sáu phương chí thành.

Hướng về Nam Bắc Đông Tây,
Hướng về Trên Dưới chấp tay lễ thần.

✱

Bấy giờ Đức Phật Thế Tôn,
Thấy người lễ lạy sáu phương chân thành.
Ngài liền thăm hỏi Thiện Sanh:

Vì sao mới sáng một mình ra đây,
Vì sao ra giữa vườn này,
Vì sao tắm rửa hình hài mới xong,
Tỏ niềm cung kính một lòng,
Đã liền đánh lễ khắp cùng sáu phương?
Thiện Sanh trước Phật tỏ tường,
Lúc cha con chết, người luôn dạy rằng:
Nếu con muốn đáp thâm ân,
Phải thường mỗi sáng lễ thần sáu phương.

✱

Thế Tôn giảng giải pháp lành,
Cho người nhân nghĩa tín thành hiếu trung.
Nhân vì cách lễ sáu phương
Phật nói diệu nghĩa tỏ tường thâm sâu.
Thiện Sanh lạy Phật mong cầu,
Xin Ngài chỉ dạy trước sau ghi lòng.
Cho con hiểu rõ cội nguồn,
Cho trí con sáng tâm buông mê lằm.

✱

Phật liền ban dạy lời rằng:
Lắng nghe! Con hãy ân cần lắng nghe!
Nghe rồi suy xét, hành trì,
Chuyên cần chánh niệm luôn khi không dừng.

I.

1. Thực hành mười bốn pháp thường,
Để mà che chở sáu phương an lành.
Gọi là khéo sống, khéo hành,
Không cho bốn nghiệp phát sanh nào phiền.
Tiêu trừ bốn nghiệp trước tiên,
Dối gian, trộm cướp, sát sanh, dâm loạn.
Bốn nhân sanh nghiệp hung tàn,
Tham lam, sân hận, kinh hoàng, ngu si.
Sáu nhân xui khiến tài suy:
“Rong chơi lêu lổng; rượu chè buông lung,
La cà đàn hát tiệc tùng,
Đam mê cờ bạc, rối tung cửa nhà,
Giao du bè bạn xấu xa,
Chây lười biếng nhác, sanh ra đủ điều.”

*

2. Sáu nhân phá sản hại nhiều,
Mỗi nhân còn có sáu điều hiểm nguy.

2.1 Sáu điều hại của rượu chè,
Tiềm tàng trong cái đam mê rượu nồng,
Làm cho tổn của hao tài,
Dễ sanh gây gổ, người ngoài miệt khinh,
Dễ dàng bệnh tật nảy sinh,
Tổn thương danh dự thật tình đau hay,
Xấu danh mất nét then thay
Lại còn trí lực mỗi ngày một suy.

★

2.2 Rong chơi lêu lổng thường thì,
Tự mang sáu nghiệp hiểm nguy vô mình:
“Tự thân không thể giữ gìn,
Vợ con đâu dễ được mình chở che,
Bảo trì tài sản dễ gì,
Xảy ra việc ác, người nghi cho liền,
Nạn nhân: miệng tiếng huyền thuyên,
Tự mình chuốt lấy lụy phiền thương đau,
Du hành đường phố trái thời,

Sáu điều tai hại xin người tránh xa.”

✱

2.3 La cà tửu điểm phòng trà,

Tự mình chuốc lấy ác tà đẩy thôi:

“Tâm bị đàn hát cuốn lôi,

Tâm bị điệu múa gọi mời đắm say.

Tâm mê tiếng chúc tụng hay,

Tâm theo tiếng nhạc quên ngày trôi qua.

Tâm mê tiếng ngọt lời ca.

Vui theo tay nhịp tâm xa pháp lành.”

✱

2.4 Đam mê cờ bạc đỏ đen,

Sáu điều nguy hại thường xuyên đó là:

“Thắng thì kẻ oán hận ta;

Thua thì cay cú thành ra muộn phiền,

Hiện thời suy sụp của tiền,

Những điều mình nói ai thềm tin đâu,

Hãy tránh loại bạn ấy mau,

Gần chuốc tai hoạ, xa nhau an bình.”

✱

2.5 Sáu điều nguy hại thường rình,
Giao du bạn ác mất mình dễ thay:
“Chỉ vì cờ bạc chuyển tay,
Chỉ vì đàn điểm tâm nay đổi màu,
Chỉ vì trục lợi tham tàn,
Chỉ vì lường gạt, mưu toan hại người.”

✱

2.6 Sáu điều tai hại cho người,
Cũng vì biếng nhác trây lười sanh ra:
“Lạnh không làm việc, nệ hà,
Nặng thì nực nội rồi ra không làm,
Trễ thì sợ việc không kham,
Sớm thì ngại khó không làm được đâu,
Đói thì thấy việc cầu nhàu,
No thì tức bụng không sao mà chiều.”

II.

1. Những người tham muốn đủ điều,
Những người làm ít nói nhiều, nịnh ta.
Những người hoang đăng tiêu pha,
Đó là bốn loại phải xa chớ gần.

✱

1.1 Loại người cho ít xin nhiều,
Vật gì cũng lấy, đặt điều mưu toan,
Loại người vì sợ mà làm
Bốn loại người ấy chớ ham đến gần.

✱

1.2 Loại người quỳ lụy thường là:
“Mọi điều mới cũ làm ra thân tình.
Khéo lời cốt lợi cho mình,
Khi mà đến việc lộ hình ra thôi.
Vô tài bất lực hỡi ôi!
Bấy giờ mới rõ lòng người trắng đen.”

✱

1.3 Loại người nịnh hót sợ thay:
“Gặp điều bất chính vỗ tay đồng tình.
Loại người tâm thiện không sinh,
Khen mình trước mặt, đâm mình sau lưng.”

✱

1.4 Loại người hoang đãng khốn cùng,
Bốn điều vẫn khiến họa chung đó là:

“Bạn khi chè rượu la cà,
Bạn khi đình đám xa hoa tiệc tùng,
Bạn khi đàn hát buông lung,
Bạn khi cờ bạc chung cùng không xa.”

✱

2. Bạn nên gần gũi đó là:
“Bạn từng giúp đỡ cho ta rộng đường;
Bạn khi cùng cực tìm nương,
Bạn khi sung sướng cũng thường vui lây,
Bạn cùng vui sướng hôm nay,
Bạn khi đau khổ với đầy thương ta.”

✱

Bạn bè cần chỗ thật thà,
Suy cùng bốn hạng để mà kết thân:
“Một là chung thủy thật tâm,
Hai là nhân hậu quên thân chí tình,
Ba là lợi lạc hết mình,
Bốn là nhân ái tận tình với ta.”

✱

2.1 Bạn bè chung thủy đó là:

“Những điều thâm kín đưa ra tâm tình.

Giữ gìn bí mật bạn mình,

Không hề bỏ bạn mặc tình khó khăn.

Xả thân vì nghĩa kim băng.”

Đó là bốn việc bạn hằng cho ta.

*

2.2 Bạn bè nhân hậu thường là:

“Thấy bạn lêu lổng, thiết tha khuyên về.

Giữ gìn của cải chẳng nề,

Là nơi nương tựa những khi hải hùng.

Nguy nan giúp đỡ đến cùng,

Đó là bạn hữu thực lòng giúp ta.”

*

2.3 Bạn bè lợi lạc thường là:

“Cản ngăn việc ác khi ta thực hành.

Động viên khuyến khích làm lành,

Nói những việc lợi mà mình chưa nghe.

Chỉ đường sanh cõi trời kia.”

Đó là bốn việc thực thi bạn hiền.

✧

2.4 Bạn bè nhân ái thường quen:

“Thấy người hoạn nạn vực lên không cười.

Thấy người hạnh phúc thì vui,

Cản ngăn lời ác dắt lui bạn mình.

Ai ca ngợi bạn thực tình,

Lại càng khuyến khích đồng thanh thêm vào.”

III

Sáu phương cần hiểu như sau:

Mẹ cha ơn nặng hàng đầu: Phương Đông.

Phương Nam thầy dạy mở lòng,

Phương Tây là hướng vợ chồng đầy thôi.

Bạn bè phương Bắc rõ rồi,

Người làm: phương Dưới dễ thời không thông.

Phương Trên là hướng Sa Môn,

Bà La Môn cũng được tôn phương này.

Sáu phương yên ổn đủ đầy,

Tinh tấn hộ niệm chớ hay biếng lười.

✧

1. Năm điều con cái phải ghi:

“Dưỡng nuôi cha mẹ hộ trì phương Đông;
Mẹ cha cung phụng hết lòng;
Mọi điều gánh vác, đề phòng chuyện xa;
Giữ gìn truyền thống của nhà;
Đó mới thật xứng hưởng gia tài Người
Cúng dường hiếu thảo mẹ cha,
Lúc còn tại thế hay qua đời rồi.”

✱

2. Được con cư xử thế thời,
Năm điều cha mẹ khôn nguôi thực hành.
Những gì năm việc trọng khinh?
“Ngăn con những việc dễ sinh ác tà.
Dạy con tâm thẳng, thật thà,
Thương con chân thật, bao la bể trời.
Thương con vô tận ngàn khơi,
Gả chồng dựng vợ yên đời cho con.
Phương Đông sẽ được bình an,
Mọi điều an ổn vô vàn lo chi.”

✱

3. Năm điều đệ tử thường ghi,
“Phụng thờ thầy giáo hộ trì phương Nam.
Cung nghinh chào kính đàn tràng hoàng,
Đi theo phụng sự đảm đang đúng thì.
Mọi điều lo liệu chẳng vì,
Chú tâm thâm đạt những khi học hành.

✱

4. Được trò tôn trọng thật tình,
Năm điều thầy giáo dặn mình nên theo:
“Dạy điều đã hiểu thật nhiều,
Bảo ban mọi thứ, thường theo hộ trì.
Dạy trò không giấu điều gì,
Ngợi khen những việc đáng thì ngợi khen.
Thầy cần dạy dỗ trò nên,
Trò thì nương bóng thầy trên đường đời.”
Phương Nam được chở che rồi,
Không còn kinh hoảng, hấn thời sợ chi.

✱

5. Năm điều chống phải khắc ghi,
Để mà đối đãi hộ trì phương Tây.

“Ngọt ngào yêu mến vợ hoài,
Không thường phiền nhiễu hay bày miệt khinh.
Đặt niềm tin tưởng chân thành,
Giao quyền cho vợ “Tự mình nội gia”,
Sửa sang trang điểm vợ ta,
Những điều hợp lý thì ta nên chịu.”

✱

6. Được chồng đối xử tin yêu,
Vợ dùng năm cách noi theo tỏ lòng:
“Luôn luôn thành tín với chồng,
Hai bên thân quyến coi đồng như nhau.
Giữ gìn tài sản chồng giao,
Khéo làm tròn phận nâng cao gia đình.
Siêng năng tháo vát tận tình,
Thông minh thu vén gia đình yên vui.”
Phương Tây được chở che rồi,
Không còn kinh hoảng yên vui sợ gì.

✱

7. Họ hàng bè bạn tốt nhau,
Năm điều cư xử làm đầu nhớ ghi.

“Là giúp đỡ lúc hàn vi,
Đó là chỗ dựa những khi nguy nàn.
Đó là tôn trọng họ hàng,
Đó là sống khổ kinh hoàng có nhau.
Đó là giữ của bạn giao,
Mọi điều chân thật chớ nào giấu chi.”

✱

8. Được người đối xử vậy thì,
Năm điều phải giữ hộ trì Bắc phương.
“Đó là chia sẻ vui buồn,
Đó là lời nói thân thương ngọt ngào.
Đó là lợi lạc cho nhau,
Đó là thành thật trước sau rõ ràng.”

✱

9. Năm điều chủ phải nên làm,
Hộ trì phương Dưới thương hàng công nhân.
“Việc thì tùy sức chia phân,
Công lao sòng phẳng, uống ăn đủ đầy.
Bệnh thời chạy chữa tìm thầy,
Tận tâm thương mến tiếp tay giúp người.

Một thì cho phép nghỉ ngơi.”
Đó là năm việc chủ thời khắc ghi.

✱

10. Đây là trách nhiệm chủ nhân,
Còn người giúp việc cũng cần hành theo.
“Dậy thường trước chủ ít nhiều,
Ngủ thời sau chủ là điều dĩ nhiên.
Bằng lòng của cải hiện tiền,
Siêng năng khéo léo, thường xuyên chuyên cần.
Với bè bạn khách tương lân,
Thực tâm khen chủ, ân nhân của mình.”
Được vậy phương Dưới yên bình,
Còn gì phải sợ phải gìn giữ luôn.

✱

11. Thiện Sanh: Phải khắc tâm thường,
Năm điều luôn giữ cúng dường Sa Môn.
Hộ trì như vậy phương Trên,
“Hết lòng từ thiện thường xuyên tinh cần.
Có lòng từ thiện nói năng,
Có lòng từ thiện ý căn bảo tồn.

Có lòng tiếp đón Sa Môn,
Một lòng tha thiết chí tôn cúng dường.
Thiện nam, tín nữ hãy thường,
Trọn lòng cung kính cúng dường Sa Môn.”

✱

Bậc Sa Môn dạy năm điều,
Khuyên người lánh ác tạo nhiều phước duyên.
Pháp môn vi diệu vô biên
Tâm từ nhắc nhở dạy khuyên từng lời.
Dạy điều chưa biết để tường,
Dạy điều đã biết để thường trau tâm.
Giúp người hiểu pháp thậm thâm,
Chân tình giúp họ gieo mầm sanh thiên.”
Làm tròn năm pháp dạy khuyên
Phường Trên an ổn cửa thiền Lạc bang.

✱

Thế Tôn giảng dạy vừa xong,
Ngài liền tóm tắt mấy dòng kệ sau:
Phương Đông: Cha mẹ đứng đầu,
Phương Nam là hướng bấy lâu cho Thấy.

Vợ chồng là chính phương Tây,
Bạn bè: Phương Bắc xưa nay đấy mà.
Người làm: Phương Dưới đâu xa,
Phương Trên đức cả chính là Sa Môn.

Dù bậc trưởng giả sang giàu
Hay con trưởng giả tâm đâu khác gì,
Giáo pháp vi diệu cao nghi
Một lòng tôn kính đương khi ở đời.
Chết thì sanh được cõi trời,
Sống thì an tịnh làm người vui thay.
Những ai đức hạnh đủ đầy,
Lời thường hòa nhã, tỏ bày thanh tao.

Lợi người đừng nệ chút nào,
Cân phân lợi lộc làm sao cho đồng.
Của mình cho họ hưởng cùng,
Rõ ràng bốn việc này không dễ làm.

Như xe chở nặng khó kham,
Nếu không bốn việc lại càng khó hơn.

Những ai hiếu dưỡng song đường,
Pháp này trong cõi vô thường nhân gian.

Khiến người có trí vui làm,
Được thì quả lớn, danh càng lan xa.
Cúng dường những bậc xuất gia,
Chỗ ngồi, tứ sự cùng là thức ăn.
Những gì thiết yếu cúng dâng,
Nhờ vào phước cúng, tiếng tăm lan truyền.
Không vì tư lợi nhỏ nhen,
Thấy điều lợi lạc thì khuyên nên làm.
Dưới trên hoà thuận hợp bàn,
Ắt là danh dự lại càng tăng thêm.
Học nghề là việc trước tiên,
Rồi sau mới nghĩ thu thêm lợi vào.
Khi nào tiền của dồi dào,
Bảo trì cẩn thận trước sau giữ gìn.
Tiêu xài phung phí không nên,
Chọn người kết bạn trước tiên cũng cần.
Hạng người gây sự xảo tâm,
Thà rằng không bạn, chứ đừng giao du.
Của tiền tích lũy từ từ,
Như ong làm mật cần cù siêng năng.

Cũng như của báu góp dần,
Trước còn ít ỏi, lần lần có dư.
Một là ăn uống đủ thôi,
Hai là làm việc ở đời siêng năng.
Ba là tích trữ khi cần,
Dự phòng những lúc khó khăn khỏi buồn.
Bốn là buôn bán làm vườn,
Cấy cày chọn đất để thường tốt luôn.
Năm là xây dựng chùa chiền,
Sáu là nhà cửa cúng dường chư tăng.
Tại gia sáu việc ấy cần,
Thường xuyên chú ý thật tâm đúng thời.
Ai làm như vậy được rồi,
Cửa nhà vững chắc yên vui ai bằng.

*

Thiện Sanh lúc ấy thưa rằng:
Điều này quá chỗ còn hằng mong đây.
Pháp Thế Tôn vi diệu thay,
Nhờ Ngài giảng giải lời này cho con.
Xưa con úp mặt chưa khôn,

Nay con ngược mặt đã trông thấy rồi.
 Như điều đậy kín bao đời,
 Bây giờ đã rõ nhờ Ngài mở ra.
 Như mê vừa tỉnh vậy mà,
 Như trong nhà tối người ta lên đèn.
 Để người có mắt được nhìn,
 Rõ ràng những thứ đắm chìm xung quanh.

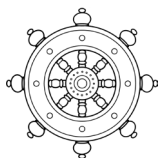
✱

Thế Tôn thuyết pháp tài tình,
 Ngài dùng phương tiện tùy duyên diễn bày.
 Thế Tôn thuyết pháp kỳ tài
 Ngài dùng phương tiện để khai ngộ người.
 Phàm phu ngu muội rồi bởi,
 Được nghe thời pháp sáng soi tâm hồn.
 Vì sao ai đã biết không?
 Bởi vì Phật vốn tương đồng Thế Tôn.
 Vốn là chánh đẳng xưa nay,
 Vốn là chánh giác thường khai mở đường.
 Để người ngu muội nấu nường,
 Như là nường ánh thái dương rạng ngời.

✧

Con xin kính cẩn vâng lời,
Nương Phật, nương Pháp đồng thời nương Tăng.
Xin Ngài thương kiếp nhiều nường,
Cho con xin được về nương pháp lành.
Trọn đời tự nguyện lòng mình,
Các điều trộm cắp, sát sanh không gần.
Xa lìa gian dối, tà dâm,
Một lòng thanh tịnh, tinh cần siêng năng.
Nghe lời Phật dạy ân cần,
Thiện Sanh hoan hỉ thành tâm phụng hành.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
(3 lần)



8. KINH PHỔ MÔN



**Nam mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật,
Bồ Tát. (3 lần)**

**Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Quan Thế Âm
Bồ Tát Phẩm Phổ Môn.**

Trong thuở đó Ngài Vô Tận Ý,
Từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay,
Thành tâm lạy: Bạch Như Lai!
Quan Âm sao được tên Ngài Thế Âm?
Phật lại bảo: Này Vô Tận Ý!
Trong vô lượng triệu tỷ chúng sanh,
Nếu ai bị khổ hoành hành,
Quan Âm nhớ niệm an lành thân tâm.
Hoặc có chúng sa hãm lửa ác,
Lửa không phương ào ạt cháy thân.
Bởi do sức niệm Quan Âm,
Lửa kia tắt lịm thân tâm an lành.
Rằng có kẻ lênh đênh trôi dạt,

Ngoài bể khơi thân xác sóng nhồi,
Quan Âm nhớ niệm liên hồi,
Liên đăng đến chỗ an ngôi thoát nạn.
Bằng dân chúng cơ hàn khổ não,
Tìm báu châu mã não thiết đồ,
Lưu ly, hổ phách, san hô,
Nên ra biển lớn kiếm đồ sức trang,
Bị giông bão thuyền nan trôi dạt,
Gặp quỷ ma La Sát hành hung,
Quan Âm đồng niệm kính cung,
Mọi người thoát nạn cùng chung an bày.
Vì thế ấy nên Ngài chứng đắc,
Quan Thế Âm bồ tát thành danh.
Hoặc người sắp bị đao hành,
Quan Âm nhớ niệm tan tà gươm đao.
Hoặc La Sát, Dạ Xoa quỷ ác,
Khắp cùng nơi hại sát dân lành,
Quan Âm nghe niệm rền danh,
Quỷ không dám ngó còn hành hạ ai.

Hoặc người tội hoặc ai vô tội,
Bị gông xiềng buộc trói khổ tâm,
Đồng lòng niệm đức Quan Âm,
Còng xiềng đứt rã thân tâm an toàn.
Đám oán tặc ác tràng tam giới,
Một chủ nhân dắt phải thương gia,
Của tiền báo vật hằng hà,
Lộ trình hiểm trở khó qua tai nạn.
Cơn bối rối có chàng tự nói:
Các thiện nam chớ mỗi lòng lo,
Quan Âm ráng niệm thật to,
Ngài ban vô úy pháp cho an lành.
Pháp vô úy là không sợ hãi,
Đoàn thương buôn hiệp lại thành tâm,
Đồng thanh niệm đức Quan Âm,
Đứt câu xung niệm khỏi lâm tai nạn.
Vô Tận Ý! Quán Âm Tự Tại,
Pháp thần thông quảng đại trừ răn:
Nếu ai muốn dứt dâm căn,

Quan Âm tưởng niệm dân căn hết liền.
Hoặc có kẻ liên miên sân hận,
Niệm Quan Âm hờn giận hết ly.
Có người tâm tánh mê si,
Quan Âm tưởng niệm ngu si hết liền.
Vô Tận Ý! Quan Âm thần lực,
Pháp nhiệm mầu tốt bậc oai linh,
Hay làm lợi lạc quần sinh,
Nên chúng phải tưởng chân linh của Ngài.
Hoặc phụ nữ cầu thai con cái,
Nên thường xuyên van vái Quan Âm,
Cầu nam kết quả đắc tâm,
Cầu sanh quý tử phần trăm công thành;
Sanh trai được trai lành túc trí,
Sanh gái con gái quý đẹp xinh,
Gieo trồng phước đức cao minh,
Kẻ thời kính mến người trông kính nhường.
Vô Tận Ý am tường sâu rộng,
Quan Thế Âm linh động thế nào,

Oai thần Phật lực biết bao,
Nạn nhân tưởng niệm được mau an nhàn.
Hoặc có chúng hoàn toàn cung kính,
Đức Quan Âm quyết định hộ thân,
Phước kia chẳng có mất phần,
Cho nên phải niệm oai thần Quan Âm.
Vô Tận Ý, ai thầm nhớ tưởng,
Sáu mươi hai ức lượng thánh danh,
Các ngài Bồ Tát đã thành,
Cùng dâng tứ sự tâm thanh trọn đời.
Vô Tận Ý lập lời bàn giải,
Công đức người có phải nhiều chăng?
Ngài Vô Tận Ý thưa rằng:
Đức kia rất lớn gia tăng khó bàn.
Phật lại nói có hàng nhân loại,
Niệm Thánh Quan Tự Tại trọn thời,
Cúng dường phước đức cùng nơi,
Hai người so lại cũng thời đồng nhau.
Trong ức kiếp không sao ngôn ngữ,

Vậy ý người bàn thử lại đi,
Quan Âm tưởng niệm thọ trì,
Phước kia đáng hưởng không khi nào tàn.
Vô Tận Ý nghiêm trang tác bạch:
Đức Quan Âm du hóa cách nào?
Vì người nói pháp làm sao,
Nhân duyên phương tiện thế bao lộ đồ?
Phật lại bảo: Này Vô Tận Ý,
Có chúng sanh trong quý quốc nào,
Muốn cầu thuyết pháp đồng bào,
Quan Âm thị hiện phật vào giảng kinh;
Cầu Viên Giác oai linh hoạt bát,
Ngài hiện thân Viên Giác giảng kinh.
Cần cầu Thanh Văn phát minh,
Thanh Văn thân đến giảng kinh vô lường.
Cầu thỉnh Phật Phạm Vương độ thoát,
Hiện Phạm Vương thuyết pháp giúp liền.
Nơi cầu Đế Thích dạy khuyên,
Ứng liền Đế Thích chân truyền pháp âm.

Muốn Tự Tại Thiên Thân giảng dạy,
Xin cầu Đại Tự Tại Thiên,
Hiện Đại Tự Tại Thiên truyền pháp luân.
Muốn thiên đại tướng quân linh hoạt
Tướng quân thân đến giác ngộ liền.
Cầu sa môn đến giải khuyển,
Tỳ sa môn đến giảng truyền đạo tâm.
Nơi muốn tiểu vương thân độ thoát,
Hiện tiểu vương giảng pháp chân minh.
Hoặc cầu trưởng giả thân hình,
Hiện thân trưởng giả giảng kinh độ đời.
Muốn cư sĩ dùng lời thuyết pháp,
Hiện thân cư sĩ đáp nhu cầu.
Nơi nào muốn thỉnh tể quan,
Tể quan thân đến luận bàn lý chân.
Hoặc cầu thỉnh sa môn giảng lý,
Bà La Môn hiển lý thuyết minh.
Muốn cầu tứ chúng giảng kinh,
Ứng thân bốn chúng giảng kinh ôn tồn.

Cầu phụ nữ, vương tôn, trưởng giả,
Bà La Môn tất cả tể quan,
Ứng thân phụ nữ đăng đàn,
Tùy duyên thuyết pháp độ an dân lành.
Cầu nam giới thân hình độ thoát,
Hiện đồng nam giảng pháp độ an.
Muốn cầu đồng nữ đăng đàn,
Tức thời đồng nữ lên đàn diễn kinh.
Cầu Càn Thác, trời xinh, rồng lạ,
Cùng Dạ Xoa tất cả Hầu La,
Hiệp đồng chư vị Tu La,
Khẩn Na La với nhân và phi nhân,
Quán Tự Tại phân thân ứng hiện,
Các vị trên giảng diễn kinh văn,
Giúp cho nhân loại an bằng,
Hiện chân phá vọng thiện căn vẹn toàn.
Cầu thần chấp Kim Cang diễn giải,
Ứng Kim Cang thỏa mãn nhu cầu.
Ấy là huyền diệu pháp mầu,

Quan Âm hiện hóa thông sâu vô lường.
Vô Tận Ý! Quan Âm cao thượng,
Đã thành công lý tưởng siêu nhân,
Vân Du độ khắp cõi trần,
Các ông phải nhớ cúng dâng kính thắm.
Ngài Bồ Tát Quan Âm cứu mạng,
Nếu chúng sanh gặp nạn kinh hoàng,
Gặp cơn cấp biến nguy nan,
Thành tâm cầu nguyện Thánh Quan âm thắm.
Kịp thời đó Quan Âm ứng hiện,
Dùng phương vô úy chuyển nạn tai.
Nên chi trong cõi trần ai,
Biết Vô Úy Thí tên ngài Quan Âm.
Vô Tận ý thành tâm bạch Phật:
Con xin dâng báu vật cúng dường.
Mở xâu trân bảo chuỗi trường,
Bảo châu trị giá vàng lường nghìn phân.
Vô Tận Ý thành tâm kính cẩn:
Xin Quan Âm thấu nhận bảo châu,

Chuỗi tên Anh Lạc nhiệm mầu,
Làm duyên pháp thí cần cầu kính dâng.
Quán Tự Tại không ứng chịu nhận.
Vô Tận Ý cần thận thưa rành:
Quan Âm tâm niệm trọn lành,
Vui lòng thọ nhận Châu Anh chuỗi trường.
Phật lại bảo: Này Quán Tự Tại,
Người nên thương Vô Tận Ý cùng,
Và hàng tứ chúng thiên cung,
Long thần Bát Bộ với cùng Dạ Xoa,
Bà Càn Thác, Hầu La khắp giới
La Hầu La cùng với Tu La
A Tu La, Khẩn Na La,
Bao gồm tất cả nhân và phi nhân,
Nên thọ lãnh bảo trân Anh Lạc,
Chúng được nường đại giác oai thần.
Quan Âm trân trọng tỏ phân,
Thương trong tứ chúng, long thần vân vân.
Nhận bảo vật chia phần cúng kiếng,

Một thành tâm dâng hiến Thích Ca.
Hai đưa vào tháp Phật Đà,
Của ngài Đa Bảo đồng là Như Lai.
Vô Tận Ý khứ lai tự tại,
Sức thần thông vô ngại Quan Âm,
Ta Bà đạo khắp nguyện thâm,
Cứu bao nhân loại khỏi lâm tai nạn.
Vô Tận Ý trùng tuyên bạch Phật:
Đức Thế Tôn tướng thật nghiêm trang,
Con nay thành kính hỏi qua,
Thế nào Phật tử tên là Quan Âm?
Đấng Tướng Tốt đáp Vô Tận Ý:
Ông nên nghe danh quý Quan Âm,
Ứng thân khắp cõi kiếm tầm,
Thệ sâu như biển, ơn sâu vô lường.
Trải nhiều kiếp nan lường nan đoán,
Quan Âm hầu nghìn đấng Như Lai,
Phát tâm thanh tịnh lớn hoài,
Vô cùng trí huệ hiển bày chân không.

Muốn linh động vì ông ta giảng,
Nghe danh cùng thấy bản chân thân,
Luôn luôn tưởng niệm ân cần,
Quan Âm năng diệt các phần khổ đau.
Hoặc có kẻ ác nào muốn hại,
Xô ta nhào xuống núi hỏa khanh,
Quan Âm tưởng niệm chân thành,
Lửa hăm sẽ đặng biến thành nước ao.
Hoặc bị gió lạc vào bể cả,
Mắc nạn tai rông cá quỷ hành,
Quan Âm tưởng niệm tâm thành,
Gió êm sóng lặng an lành một khi.
Hoặc kẻ ở Tu Di chót núi
Bị người xô ngã chúi kinh tâm,
Do nhờ sức niệm Quan Âm,
Thân như mặt nhật trên tầm hư không.
Hoặc bị kẻ ác lòng rượt đuổi,
Té lăn nhào xuống núi Kim Cang,
Thành tâm tưởng niệm Thánh Quan,

Thân không bị hại vẹn toàn mảy lông.
Hoặc oán tặc vây không lối thoát,
Cầm đao gươm cổ sát thân ta,
Quan Âm tưởng niệm thiết tha,
Ác kia dịu bớt phát ra lòng thành.
Luật Vua phạm mạng ta sắp tuyệt,
Lúc đến giờ hành huyết gia hình,
Quan Âm kính niệm liên thỉnh,
Đao thương gãy nát tội hình được tha.
Hoặc bị nạn khảo tra xiềng xích,
Trói tay chân chẳng chịt khổ đau,
Quan Âm tưởng niệm dỗi dào,
Gông cùm đứt rã đặng mau thoát nàn.
Hoặc trừ rửa mưu toan đầu độc,
Cố hại mình tức tốc chết ngay,
Quan Âm tưởng niệm đến Ngài.
Quả kia trở lại hại người gieo nhân.
Hoặc bị nạn quỷ thần La Sát,
Rồng dữ cùng độc ác yêu ma,

Quan Âm tưởng niệm thiết tha,
Chúng không dám hại mạng ta an toàn.
Hoặc thú dữ lan tràn ám hại,
Múa vút nhanh sợ hãi kinh tâm,
Do nhờ sức niệm Quan Âm,
Chúng tan vỡ chạy bật tâm thoát nản.
Nạn rắn độc hổ lang bò cạp,
Phun khí ra khói tấp lửa thiêu,
Quan Âm tưởng niệm thật nhiều,
Nghe danh chân chánh chúng đều chạy tan.
Sấm sét đánh nước tràn bão lụt,
Tuyết mù xa mưa ngút khắp trời,
Quan Âm tưởng niệm dứt lời,
Giông mưa tan lặn cùng nơi an lành.
Chúng sinh bị hoành hành khổ ách,
Nào nạn tai thử thách gian nan,
Quan Âm tức trí diệu quang,
Năng trừ khổ ách thế gian an lòng.
Ngài khảm đủ thần thông vô ngại,

Rộng phương tu tự tại tiện bề,
Khắp cùng trong cõi trần mê,
Nơi nào cũng hiện chẳng hề bỏ ai!
Các loại hiểm nguy hay đường dữ,
Địa ngục, tam đồ xử hại thân,
Sanh già đau chết trong trần,
Ngài liền cứu vãn lần lần thoát nhanh.
Như Chân Quán và Thanh Tịnh Quán,
Trí huệ quang rộng quảng bao la,
Tù bi quán khắp hà sa,
Nguyện thường nhớ kính tâm ta không rời.
Thể sáng suốt càng khơi ánh sáng,
Tuệ nhật minh phá vạn mê si,
Phục hàng gió lửa loạn ly,
Sáng soi khắp cả lối đi trong trần.
Lòng bi thương vang ngân như sấm,
Ý diệu hiển vạn dặm tựa mây,
Mưa lành pháp nhũ tròn đầy,
Diệt tan lửa hận phiền rầy sạch trơn.

Đến quan lại dấu đơn thưa kiện,
Nơi trận đồ chinh chiến hải kinh,
Quan Âm nhớ niệm tận tình,
Bao người oán hận thù mình hồi tâm. **O**
Diệu Âm ấy Quán Âm Tự Tại,
Phạm âm cùng với Hải Triều âm,
Tiếng vang hơn tiếng trần âm,
Bởi nên đồng niệm luôn tâm chẳng rời.
Niệm niệm chớ nghi ngờ nghĩ ngại,
Quan Âm là Tịnh thánh, Hiền nhân.
Có nhiều nạn chết trong trần,
Ngài dùng phương tiện ân cần giúp cho.
Nhóm tất cả nguyên do công đức,
Mắt lành xem lĩnh vực thế gian,
Biển sâu phước lớn khó bàn,
Cho nên phải kính cúng dường Quan Âm.
Hiện bồ tát đọc danh Trì Địa,
Từ pháp tòa lễ nghĩa chấp tay,
Thành tâm bạch Phật Như Lai,

Quan Âm xuất thế hiển bày lợi an.
Bằng người được nghe Quan Âm phẩm,
Kinh Phổ Môn đường thăm lý mầu.
Tự tại đạo nghiệp bền lâu,
Nên biết người ấy đức sâu trường tồn.
Phật giảng thuyết Phổ Môn đại phẩm,
Tám bốn ngàn chúng thắm nhuần kinh,
Nghe xong hiệp ý kính tin,
Chứng Vô Thượng Giác, liễu kinh Niết Bàn.

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Quan Thế Âm
Bồ Tát Phổ Môn Phẩm** chân ngôn viết:

**Án, đa rị, đa rị, đố đa rị, đố đố đa rị,
ta bà ha. (3 lần)**

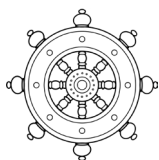
**LỤC TỰ ĐẠI MINH
CHÂN NGÔN**

Án, ma ni bát di hồng. (30 lần)

KHEN NGỢI KINH PHỔ MÔN

Phổ Môn diệu lý chân thị hiện,
Khắp cùng nơi phương tiện cứu tinh.
Tủi bi thuyết pháp độ sinh,
Dạy khuyên khắp cõi mê tình tiêu khiên.
Sự cảm ứng tùy duyên hóa độ,
Sự hiện hình tùy chỗ dạy khuyên,
Tịnh thanh bốn biển bình yên,
Tám phương tai nạn không quyền
nhập xâm.

**Nam mô Thánh Quan Tự Tại Bồ Tát
Ma Ha Tát. (3 lần)**



9. KINH BỐN LĨNH VỰC QUÁN NIỆM



(I)

Sau đây là những lời mà tôi đã được nghe Đức Thế Tôn dạy, hồi Người còn đang cư trú ở Kam-mas-sa-dham-ma, nơi một ấp phố của giống dân Ku-ru.

Một hôm Đức Thế Tôn gọi các vị khất sĩ: "Này quý thầy!"

Các vị khất sĩ đáp: "Thưa Đức Thế Tôn, có chúng con đây."

Phật nói: "Này quý vị, đây là con đường duy nhất để giúp chúng sanh thực hiện thanh tịnh, vượt thắng phiền não, tiêu diệt ưu khổ, đạt tới chánh đạo và chứng nhập Niết Bàn: đó là con đường của bốn phép an trú trong quán niệm.

Bốn phép an trú trong quán niệm ấy là

những phép nào?

1. Nay các vị khất sĩ! Vị khất sĩ an trú trong phép quán niệm thân thể nơi thân thể, tinh cần, sáng suốt và tỉnh thức, loại ra ngoài mọi tham dục và chán bỏ đối với cuộc đời.

2. Nay các vị khất sĩ! Vị khất sĩ an trú trong phép quán niệm cảm thọ nơi cảm thọ, tinh cần, sáng suốt và tỉnh thức, loại ra ngoài mọi tham dục và chán bỏ đối với cuộc đời.

3. Nay các vị khất sĩ! Vị khất sĩ an trú trong phép quán niệm tâm thức nơi tâm thức, tinh cần, sáng suốt và tỉnh thức, loại ra ngoài mọi tham dục và chán bỏ đối với cuộc đời.

4. Nay các vị khất sĩ! Vị khất sĩ an trú trong phép quán niệm đối tượng tâm thức nơi đối tượng tâm thức, tinh cần, sáng suốt và tỉnh thức, loại ra ngoài mọi tham dục và chán bỏ đối với cuộc đời.

(II)

Này các vị khất sĩ! Vị khất sĩ an trú trong phép quán niệm thân thể nơi thân thể như thế nào?

Vị khất sĩ ấy tìm tới một khu rừng, hoặc một gốc cây, hoặc một căn nhà vắng, ngồi xuống trong tư thế kiết già, giữ thân hình ngay thẳng và thiết lập chánh niệm trước mặt mình. Người ấy thở vào với ý thức minh mẫn là mình đang thở vào. Người ấy thở ra với ý thức minh mẫn là mình đang thở ra. Thở vào một hơi dài, người ấy ý thức rằng: Ta đang thở vào một hơi dài. Thở ra một hơi dài, người ấy ý thức rằng: Ta đang thở ra một hơi dài. Thở vào một hơi ngắn, người ấy ý thức rằng: Ta đang thở vào một hơi ngắn. Thở ra một hơi ngắn, người ấy ý thức rằng: Ta đang thở ra một hơi ngắn. Cũng như khi xoay một vòng dài, người thợ tiện khéo tay ý

thức rằng mình đang xoay một vòng dài, và khi xoay một vòng ngắn, ý thức rằng mình đang xoay một vòng ngắn.

Vị khất sĩ mỗi khi thở vào một hơi dài, ý thức rằng mình đang thở vào một hơi dài, mỗi khi thở ra một hơi dài, ý thức rằng mình đang thở ra một hơi dài, mỗi khi thở vào một hơi ngắn, ý thức rằng mình đang thở vào một hơi ngắn, mỗi khi thở ra một hơi ngắn, ý thức rằng mình đang thở ra một hơi ngắn.

Người ấy tự mình tập luyện như sau:

"Tôi đang thở vào và có ý thức rõ rệt về trọn thân thể tôi. Tôi đang thở ra và có ý thức rõ rệt về trọn thân thể tôi."

"Tôi đang thở vào và làm cho sự vận hành trong thân thể tôi trở nên an tịnh. Tôi đang thở ra và làm cho sự vận hành trong thân thể tôi trở nên an tịnh."

Cứ như thế, vị ấy an trú trong sự quán

niệm thân thể nơi thân thể, hoặc quán niệm bên trong, hoặc quán niệm bên ngoài thân thể ấy, hoặc quán niệm cả bên trong lẫn bên ngoài. Vị ấy an trú trong sự quán niệm quá trình sanh khởi nơi thân thể, hoặc quán niệm quá trình hủy diệt nơi thân thể, hoặc quán niệm cả quá trình sanh khởi lẫn quá trình hủy diệt nơi thân thể. Hoặc người ấy quán niệm: "Có thân thể đây", đủ để quán chiếu và ý thức được sự có mặt của thân thể đó, và như vậy, người ấy an trú một cách tự do, không bị bất cứ một thứ gì trong cuộc đời làm vương bận. Quán niệm thân thể nơi thân thể là như vậy đó, thưa quý vị.

Khi đi, vị khất sĩ lại cũng ý thức rằng mình đang đi; khi đứng, ý thức rằng mình đang đứng; khi ngồi, ý thức rằng mình đang ngồi; khi nằm, ý thức rằng mình đang nằm. Bất cứ thân thể mình đang được sử

dụng trong tư thế nào, vị ấy cũng ý thức được về tư thế ấy của thân thể.

Cứ như thế, vị ấy an trú trong sự quán niệm thân thể nơi thân thể, hoặc quán niệm bên trong, hoặc quán niệm bên ngoài thân thể ấy, hoặc quán niệm cả bên trong lẫn bên ngoài. Vị ấy an trú trong sự quán niệm quá trình sanh khởi nơi thân thể, hoặc quán niệm quá trình hủy diệt nơi thân thể, hoặc quán niệm cả quá trình sanh khởi lẫn quá trình hủy diệt nơi thân thể. Hoặc người ấy quán niệm: "Có thân thể đây", đủ để quán chiếu và ý thức được sự có mặt của thân thể đó, và như vậy, người ấy an trú một cách tự do, không bị bất cứ một thứ gì trong cuộc đời làm vướng bận. Quán niệm thân thể nơi thân thể là như vậy đó, thưa quý vị.

Khi đi tới hoặc đi lui, vị khất sĩ cũng chiếu dụng ý thức sáng tỏ của mình về sự đi tới

hay đi lui ấy; khi nhìn trước nhìn sau, cúi xuống, duỗi lên, vị ấy cũng chiếu dụng ý thức sáng tỏ ấy; khi mặc áo cà sa, mang bình bát, vị ấy cũng chiếu dụng ý thức sáng tỏ ấy; khi ăn cơm, uống nước, nhai thức ăn, nếm thức ăn, vị ấy cũng chiếu dụng ý thức sáng tỏ ấy; khi đi đại tiện, tiểu tiện, vị ấy cũng chiếu dụng ý thức sáng tỏ ấy; khi đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức, nói năng, hoặc im lặng, vị ấy cũng chiếu dụng ý thức sáng tỏ ấy vào tự thân.

Cứ như thế, vị ấy an trú trong sự quán niệm thân thể nơi thân thể, hoặc quán niệm bên trong, hoặc quán niệm bên ngoài thân thể ấy, hoặc quán niệm cả bên trong lẫn bên ngoài. Vị ấy an trú trong sự quán niệm quá trình sanh khởi nơi thân thể, hoặc quán niệm quá trình hủy diệt nơi thân thể, hoặc quán niệm cả quá trình sanh khởi lẫn quá trình hủy diệt nơi

thân thể. Hoặc người ấy quán niệm: "Có thân thể đây", đủ để quán chiếu và ý thức được sự có mặt của thân thể đó, và như vậy, người ấy an trú một cách tự do, không bị bất cứ một thứ gì trong cuộc đời làm vướng bận. Vị khất sĩ quán niệm thân thể nơi thân thể là như vậy đó, thừa quý vị.

Vị khất sĩ lại quán niệm chính thân thể này từ gót chân trở lên và từ đỉnh tóc trở xuống, bao bọc bởi một lớp da và chứa đầy nhiều loại bất tịnh: thuộc về thân thể ta, này đây là tóc, này đây là lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mạc, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mật, mỡ da, nước bọt, nước mủ, nước ở các khớp xương và nước tiểu.

Này các vị khất sĩ! Ví dụ có một cái bao tải đựng đủ các loại ngũ cốc, như gạo lúc, gạo hỏo rằng, hạt lúa, đậu xanh, đậu ngự,

mè, gạo trắng và hai đầu bao tải có thể mở ra. Một người có mắt tốt, khi mở bao ra, thấy rõ mọi loại hạt chứa đựng trong bao. Này đây là gạo lúc, gạo hẻo rằng, này đây là hạt lúa, này đây là đậu xanh, này đây là đậu ngự, này đây là hạt mè, này đây là gạo trắng. Cũng như thế, khi quán sát về chính thân thể của mình, vị khất sĩ thấy được mọi thứ, từ gót chân đến đỉnh đầu, và từ đỉnh đầu xuống đến gót chân, bao bọc bởi một lớp da và chứa đầy nhiều loại bất tịnh: thuộc về thân thể ta, này đây là tóc, này đây là lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mạc, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mật, mỡ da, nước bọt, nước mủ, nước ở các khớp xương và nước tiểu.

Cứ như thế, vị ấy an trú trong sự quán niệm thân thể nơi thân thể, hoặc quán

niệm bên trong, hoặc quán niệm bên ngoài thân thể ấy, hoặc quán niệm cả bên trong lẫn bên ngoài. Vị ấy an trú trong sự quán niệm quá trình sanh khởi nơi thân thể, hoặc quán niệm quá trình hủy diệt nơi thân thể, hoặc quán niệm cả quá trình sanh khởi lẫn quá trình hủy diệt nơi thân thể. Hoặc người ấy quán niệm: "Có thân thể đây", đủ để quán chiếu và ý thức được sự có mặt của thân thể đó, và như vậy, người ấy an trú một cách tự do, không bị bất cứ một thứ gì trong cuộc đời làm vương bận. Vị khất sĩ quán niệm thân thể nơi thân thể là như vậy đó, thừa quý vị.

Lại nữa, các vị khất sĩ! Trong bất cứ tư thế nào của thân thể này, vị khất sĩ cũng quán chiếu những yếu tố tạo nên chính thân thể ấy: "Trong thân thể này có yếu tố đất, có yếu tố nước, có yếu tố lửa và có yếu tố gió."

Như một bác đồ tể rành nghề hoặc một

đồ tể tập sự, giết một con bò và ngồi giữa ngã tư và xẻ con bò ra thành nhiều phần, vị khất sĩ cũng vậy, trong bất cứ tư thế nào của thân thể mình, cũng quán chiếu những yếu tố tạo nên chính thân thể ấy: "Trong thân thể này có yếu tố đất, có yếu tố nước, có yếu tố lửa và có yếu tố gió."

Cứ như thế, vị ấy an trú trong sự quán niệm thân thể nơi thân thể, hoặc quán niệm bên trong, hoặc quán niệm bên ngoài thân thể ấy, hoặc quán niệm cả bên trong lẫn bên ngoài. Vị ấy an trú trong sự quán niệm quá trình sanh khởi nơi thân thể, hoặc quán niệm quá trình hủy diệt nơi thân thể, hoặc quán niệm cả quá trình sanh khởi lẫn quá trình hủy diệt nơi thân thể. Hoặc người ấy quán niệm: "Có thân thể đây", đủ để quán chiếu và ý thức được sự có mặt của thân thể đó, và như vậy, người ấy an trú một cách tự do, không

bị bất cứ một thứ gì trong cuộc đời làm vương bận. Vị khát sĩ quán niệm thân thể nơi thân thể là như vậy đó, thừa quý vị.

Lại ví như khi thấy một xác chết bị liệng vào bãi tha ma đã được một ngày, hai ngày hoặc ba ngày, sinh lên, xanh lại, thối nát ra, vị khát sĩ quán chiếu sự thật ấy vào chính thân thể mình: "Chính thân thể ta đây cũng vậy, cũng sẽ trở thành như thế, không có lối nào tránh thoát."

Cứ như thế, vị ấy an trú trong sự quán niệm thân thể nơi thân thể, hoặc quán niệm bên trong, hoặc quán niệm bên ngoài thân thể ấy, hoặc quán niệm cả bên trong lẫn bên ngoài. Vị ấy an trú trong sự quán niệm quá trình sanh khởi nơi thân thể, hoặc quán niệm quá trình hủy diệt nơi thân thể, hoặc quán niệm cả quá trình sanh khởi lẫn quá trình hủy diệt nơi thân thể. Hoặc người ấy quán niệm: "Có

thân thể đây", đủ để quán chiếu và ý thức được sự có mặt của thân thể đó, và như vậy, người ấy an trú một cách tự do, không bị bất cứ một thứ gì trong cuộc đời làm vương bận. Vị khất sĩ quán niệm thân thể nơi thân thể là như vậy đó, thừa quý vị.

Rồi như thấy một xác chết liệng bỏ trong bãi tha ma, bị quạ rĩa, bị điều hâu, kền kền và chó sói rừng ăn và bị các loài dòi bọ rúc rĩa, vị khất sĩ quán chiếu sự thật ấy vào chính thân thể mình: "Chính thân thể ta đây cũng vậy, cũng sẽ trở thành như thế, không có lối nào tránh thoát."

Cứ như thế, vị ấy an trú trong sự quán niệm thân thể nơi thân thể, hoặc quán niệm bên trong, hoặc quán niệm bên ngoài thân thể ấy, hoặc quán niệm cả bên trong lẫn bên ngoài. Vị ấy an trú trong sự quán niệm quá trình sanh khởi nơi thân thể, hoặc quán niệm quá trình hủy

diệt nơi thân thể, hoặc quán niệm cả quá trình sanh khởi lẫn quá trình hủy diệt nơi thân thể. Hoặc người ấy quán niệm: "Có thân thể đây", đủ để quán chiếu và ý thức được sự có mặt của thân thể đó, và như vậy, người ấy an trú một cách tự do, không bị bất cứ một thứ gì trong cuộc đời làm vướng bận. Vị khất sĩ quán niệm thân thể nơi thân thể là như vậy đó, thừa quý vị.

Rồi như thấy một xác chết liệng bỏ trong bãi tha ma, chỉ còn là một bộ xương dính ít thịt và máu, các khúc xương còn được nối liền nhau nhờ có những sợi gân...

Rồi như thấy một xác chết liệng bỏ trong bãi tha ma, chỉ còn là một bộ xương, không còn dính chút thịt nào nhưng vẫn còn vướng máu, các khúc xương còn được nối liền nhau nhờ có những sợi gân...

Rồi như thấy một xác chết liệng bỏ trong bãi tha ma, chỉ còn là một bộ xương, không

còn dính chút thịt nào và cũng không còn vương chút máu nào, các khúc xương còn được nối liền nhau nhờ có những sợi gân...

Rồi như thấy một xác chết liệng bỏ trong bãi tha ma, chỉ còn lại một đồng xương rời rạc đó đây, chỗ này là xương tay, chỗ nọ là xương ống chân, chỗ kia là xương bắp vế, chỗ kia nữa là xương hông, xương sống và đầu lâu...

Rồi như thấy một xác chết liệng bỏ trong bãi tha ma, chỉ còn lại một mớ xương trắng màu vỏ ốc...

Rồi như thấy một xác chết liệng bỏ trong bãi tha ma, chỉ còn lại một đồng xương khô, để hơn một năm trên bãi...

Rồi như thấy một xác chết liệng bỏ trong bãi tha ma, chỉ còn lại một mớ xương mục tan thành bụi...

Vị khất sĩ quán chiếu sự thật ấy vào chính thân thể mình: "Chính thân thể ta

đây cũng vậy, cũng sẽ trở thành như thế, không có lối nào tránh thoát."

Cứ như thế, vị ấy an trú trong sự quán niệm thân thể nơi thân thể, hoặc quán niệm bên trong, hoặc quán niệm bên ngoài thân thể ấy, hoặc quán niệm cả bên trong lẫn bên ngoài. Vị ấy an trú trong sự quán niệm quá trình sanh khởi nơi thân thể, hoặc quán niệm quá trình hủy diệt nơi thân thể, hoặc quán niệm cả quá trình sanh khởi lẫn quá trình hủy diệt nơi thân thể. Hoặc người ấy quán niệm: "Có thân thể đây", đủ để quán chiếu và ý thức được sự có mặt của thân thể đó, và như vậy, người ấy an trú một cách tự do, không bị bất cứ một thứ gì trong cuộc đời làm vướng bận. Vị khất sĩ quán niệm thân thể nơi thân thể là như vậy đó, thưa quý vị.

(III)

Này các vị khất sĩ! Vị khất sĩ an trú trong phép quán niệm cảm thọ nơi cảm thọ như thế nào?

Mỗi khi có một cảm thọ khoái lạc, vị khất sĩ ấy ý thức rằng: "Ta đang có một cảm thọ khoái lạc."

Mỗi khi có một cảm thọ khổ đau, người ấy ý thức rằng: "Ta đang có một cảm thọ khổ đau."

Mỗi khi có một cảm thọ không khoái lạc cũng không khổ đau, vị ấy ý thức rằng: "Ta đang có một cảm thọ không khoái lạc cũng không khổ đau."

Khi có một cảm thọ khoái lạc vật chất, vị ấy ý thức rằng mình đang có một cảm thọ khoái lạc vật chất.

Khi có một cảm thọ khoái lạc tinh thần, vị ấy ý thức rằng mình đang có một cảm thọ khoái lạc tinh thần.

Khi có một cảm thọ khổ đau vật chất, vị ấy ý thức rằng mình đang có một cảm thọ khổ đau vật chất.

Khi có một cảm thọ khổ đau tinh thần, vị ấy ý thức rằng mình đang có một cảm thọ khổ đau tinh thần.

Khi có một cảm thọ vật chất không khoái lạc cũng không khổ đau, vị ấy ý thức rằng mình đang có một cảm thọ vật chất không khoái lạc cũng không khổ đau.

Khi có một cảm thọ tinh thần không khoái lạc cũng không khổ đau, vị ấy ý thức rằng mình đang có một cảm thọ tinh thần không khoái lạc cũng không khổ đau.

Cứ như thế, vị khất sĩ an trú trong sự thường trực quán niệm cảm thọ nơi cảm thọ; hoặc quán niệm bên trong, hoặc quán niệm bên ngoài cảm thọ ấy, hoặc quán niệm cả bên trong lẫn bên ngoài. Vị ấy an trú trong sự thường trực quán niệm quá

trình sanh khởi của cảm thọ, hoặc quán niệm quá trình hủy diệt của cảm thọ, hoặc quán niệm cả quá trình sanh khởi lẫn quá trình hủy diệt của cảm thọ. Hoặc vị ấy quán niệm: "Có cảm thọ đây", đủ để quán chiếu và ý thức được sự có mặt của cảm thọ đó, và như vậy, vị ấy an trú một cách tự do, không bị bất cứ một thứ gì trong cuộc đời làm vướng bận. Vị khất sĩ quán niệm cảm thọ nơi cảm thọ là như thế đó, thừa quý vị.

(IV)

Này các vị khất sĩ! Vị khất sĩ an trú trong phép quán niệm tâm thức nơi tâm thức như thế nào?

Mỗi khi có nội tâm tham dục, vị khất sĩ ấy ý thức là nội tâm có tham dục. Mỗi khi có nội tâm không có tham dục, vị ấy ý thức là nội tâm không có tham dục.

Mỗi khi trong tâm có sân hận, vị khất sĩ

ấy ý thức là trong tâm có sân hận. Mỗi khi trong tâm không có sân hận, vị ấy ý thức là trong tâm không có sân hận.

Mỗi khi tâm thức mình si mê, vị ấy ý thức rằng tâm thức mình si mê. Mỗi khi tâm thức mình không si mê, vị ấy ý thức rằng tâm thức mình không si mê.

Mỗi khi tâm thức mình có thu nhiếp, vị ấy ý thức rằng tâm thức mình có thu nhiếp. Mỗi khi tâm thức mình tán loạn, vị ấy ý thức rằng tâm thức mình tán loạn.

Mỗi khi tâm thức mình trở thành khoáng đạt, vị ấy ý thức rằng tâm thức mình trở thành khoáng đạt. Mỗi khi tâm thức mình trở nên hạn hẹp, vị ấy ý thức rằng tâm thức mình trở nên hạn hẹp.

Mỗi khi tâm thức mình đạt đến trạng thái cao nhất, vị ấy ý thức rằng tâm thức mình đạt đến trạng thái cao nhất. Mỗi khi tâm thức mình không đạt đến trạng thái

cao nhất, vị ấy ý thức rằng tâm thức mình không đạt đến trạng thái cao nhất.

Mỗi khi tâm thức mình có định, vị ấy ý thức rằng tâm thức mình có định. Mỗi khi tâm thức mình không có định, vị ấy ý thức rằng tâm thức mình không có định.

Mỗi khi tâm thức mình giải thoát, vị ấy ý thức rằng tâm thức mình giải thoát. Mỗi khi tâm thức mình không giải thoát, vị ấy ý thức rằng tâm thức mình không giải thoát.

Cứ như thế, vị khát sĩ an trú trong sự quán niệm tâm thức nơi tâm thức; hoặc quán niệm bên trong, hoặc quán niệm bên ngoài tâm thức ấy, hoặc quán niệm cả bên trong lẫn bên ngoài. Vị ấy an trú trong sự quán niệm quá trình sanh khởi nơi tâm thức, hoặc quán niệm quá trình hủy diệt nơi tâm thức, hoặc quán niệm cả quá trình sanh khởi lẫn quá trình hủy diệt nơi tâm thức. Hoặc vị ấy quán niệm: "Có tâm thức

đây", đủ để quán chiếu và ý thức được sự có mặt của tâm thức đó, và như vậy, vị ấy an trú một cách tự do, không bị bất cứ một thứ gì trong cuộc đời làm vướng bận. Vị khất sĩ quán niệm tâm thức nơi tâm thức là như thế đó, thừa quý vị.

(V)

Này các vị khất sĩ! Vị khất sĩ an trú trong phép quán niệm đối tượng tâm thức nơi đối tượng tâm thức như thế nào?

Trước hết vị ấy quán niệm đối tượng tâm thức nơi đối tượng tâm thức về năm hiện tượng ngăn che. Nhưng quán niệm bằng cách nào?

1. Khi có ái dục, vị khất sĩ ý thức rằng mình có ái dục. Khi không có ái dục, vị khất sĩ ý thức rằng mình không có ái dục. Khi một niệm ái dục chưa sanh khởi nay bắt đầu sanh khởi, vị ấy ý thức được sự sanh khởi ấy. Khi một niệm ái dục đã sanh

đang được khử diệt, vị ấy ý thức được sự khử diệt ấy. Khi một niệm ái dục đã được khử diệt và không còn tái sinh nữa, vị ấy cũng ý thức được về điều đó.

2. Khi có sân hận, vị khát sĩ ý thức rằng mình có sân hận. Khi không có sân hận, vị ấy ý thức rằng mình không có sân hận. Khi một niệm sân hận chưa sanh nay bắt đầu sanh khởi, vị ấy ý thức được sự sanh khởi ấy. Khi một niệm sân hận đã sanh khởi đang được khử diệt, vị ấy ý thức được sự khử diệt ấy. Khi một niệm sân hận đã được khử diệt và không còn có thể tái sanh nữa, vị ấy cũng ý thức được về điều đó.

3. Khi có mê muội và buồn ngủ, vị khát sĩ ý thức rằng mình có mê muội và buồn ngủ. Khi không có mê muội và buồn ngủ, vị ấy ý thức rằng mình không có mê muội và buồn ngủ. Khi sự mê muội và buồn ngủ chưa phát sinh nay bắt đầu sanh khởi, vị

ấy ý thức được sự sanh khởi ấy. Khi sự mê muội và buồn ngủ đã sanh khởi đang được khử diệt, vị ấy ý thức được sự khử diệt ấy. Khi sự mê muội và buồn ngủ đã được khử diệt và không còn có thể tái sanh nữa, vị ấy cũng ý thức được về điều đó.

4. Khi có giao động bất an và hối hận, vị khất sĩ ý thức rằng mình có giao động bất an và hối hận. Khi không có giao động bất an và hối hận, vị ấy ý thức rằng mình không có giao động bất an và hối hận. Khi giao động bất an và hối hận chưa phát sinh mà nay bắt đầu sanh khởi, vị ấy ý thức được sự sanh khởi ấy. Khi giao động bất an và hối hận đã sanh đang được khử diệt, vị ấy ý thức được sự khử diệt ấy. Khi giao động bất an và hối hận đã được khử diệt và không còn tái sanh nữa, vị ấy cũng ý thức được về điều đó.

5. Khi có nghi ngờ, vị khất sĩ ý thức rằng

mình đang có nghi ngờ. Khi không có nghi ngờ, vị ấy ý thức rằng mình không có nghi ngờ. Khi nghi ngờ chưa sanh khởi mà nay bắt đầu sanh khởi, vị ấy ý thức được sự sanh khởi đó. Khi nghi ngờ đã phát sinh và đang được khủ diệt, vị ấy ý thức được sự khủ diệt đó. Khi nghi ngờ đã được khủ diệt và không còn tái sanh, vị ấy cũng ý thức được điều đó.

Cứ như thế, vị khát sĩ an trú trong phép quán niệm đối tượng tâm thức nơi đối tượng tâm thức; hoặc quán niệm bên trong, hoặc quán niệm bên ngoài đối tượng tâm thức ấy, hoặc quán niệm cả bên trong lẫn bên ngoài đối tượng tâm thức ấy. Vị ấy an trú trong sự thường trực quán niệm quá trình sanh khởi nơi đối tượng tâm thức, hoặc quán niệm quá trình hủy diệt nơi đối tượng tâm thức, hoặc quán niệm cả quá trình sanh khởi lẫn quá trình hủy diệt nơi

đối tượng tâm thức. Hoặc vị ấy quán niệm: "Có đối tượng tâm thức đây", đủ để quán chiếu và ý thức được sự có mặt của đối tượng tâm thức đó, và như vậy, vị ấy an trú một cách tự do, không bị bất cứ một thứ gì trong cuộc đời làm vướng bận. Vị khát sĩ quán niệm đối tượng tâm thức nơi đối tượng tâm thức là như thế đó, thưa quý vị.

Tiếp đó, vị khát sĩ quán niệm về năm nhóm tụ hợp còn nằm dưới ảnh hưởng của sự bám víu, như đối tượng tâm thức nơi đối tượng tâm thức. Quán niệm bằng cách nào?

Vị khát sĩ quán chiếu như sau: "Đây là hình thể vật chất; đây là sự phát sinh của hình thể vật chất, và đây là sự hủy diệt của hình thể vật chất.

Đây là cảm thọ; đây là sự phát sinh của cảm thọ, và đây là sự hủy diệt của cảm thọ.

Đây là tri giác; đây là sự phát sinh của tri giác, và đây là sự hủy diệt của tri giác.

Đây là tâm tư; đây là sự phát sinh của tâm tư, và đây là sự hủy diệt của tâm tư.

Đây là nhận thức; đây là sự phát sinh của nhận thức, và đây là sự hủy diệt của nhận thức.”

Cứ như thế, vị khất sĩ an trú trong sự quán niệm đối tượng tâm thức nơi đối tượng tâm thức; hoặc quán niệm bên trong, hoặc quán niệm bên ngoài năm nhóm tụ hợp còn nằm dưới ảnh hưởng của sự bám víu, như đối tượng tâm thức nơi đối tượng tâm thức, hoặc quán niệm cả bên trong lẫn bên ngoài. Vị ấy sống trong sự quán niệm quá trình sanh khởi, hoặc quá trình hủy diệt nơi đối tượng tâm thức, hoặc quán niệm cả quá trình sanh khởi lẫn quá trình hủy diệt của năm nhóm tụ hợp còn nằm dưới ảnh hưởng của sự bám víu, như đối tượng tâm thức nơi đối tượng tâm thức. Hoặc vị ấy quán niệm: "Có năm nhóm tụ hợp đây", đủ để quán chiếu và ý thức được sự có mặt

của năm nhóm tụ hợp còn nằm dưới ảnh hưởng của sự bám víu, và như vậy, vị ấy an trú một cách tự do, không bị bất cứ một thứ gì trong cuộc đời làm vướng bận. Quán niệm về năm nhóm tụ hợp còn nằm dưới ảnh hưởng của sự bám víu như đối tượng tâm thức nơi đối tượng tâm thức là như thế đó, thừa quý vị.

Tiếp đến, vị khất sĩ quán niệm về sáu giác quan và sáu loại đối tượng, như đối tượng tâm thức nơi đối tượng tâm thức.

Quán niệm như thế nào?

Vị khất sĩ ý thức về mắt và đối tượng của mắt là hình sắc và về những nội kết tạo nên do mắt và hình sắc. Vị ấy ý thức về những nội kết chưa sanh nay đang phát sinh. Vị ấy ý thức về những nội kết đã phát sinh nay đang được khử diệt. Vị ấy ý thức về những nội kết đã được khử diệt và không còn tái sanh nữa.

Vị khất sĩ ý thức về tai và đối tượng của tai là âm thanh và về những nội kết tạo nên do tai và âm thanh. Vị ấy ý thức về những nội kết chưa sanh nay đang phát sinh. Vị ấy ý thức về những nội kết đã phát sinh nay đang được khủ diệt. Vị ấy ý thức về những nội kết đã được khủ diệt và không còn tái sanh nữa.

Vị khất sĩ ý thức về mũi và đối tượng của mũi là mùi hương và về những nội kết tạo nên do mũi và mùi hương. Vị ấy ý thức về những nội kết chưa sanh nay đang phát sinh. Vị ấy ý thức về những nội kết đã phát sinh nay đang được khủ diệt. Vị ấy ý thức về những nội kết đã được khủ diệt và không còn tái sanh nữa.

Vị khất sĩ ý thức về lưỡi và đối tượng của lưỡi là vị nếm và về những nội kết tạo nên do lưỡi và vị nếm. Vị ấy ý thức về những nội kết chưa sanh nay đang phát sinh. Vị

ấy ý thức về những nội kết đã phát sinh nay đang được khử diệt. Vì ấy ý thức về những nội kết đã được khử diệt và không còn tái sanh nữa.

Vị khất sĩ ý thức về thân và đối tượng của thân là xúc chạm và về những nội kết tạo nên do thân và xúc chạm. Vì ấy ý thức về những nội kết chưa sanh nay đang phát sinh. Vì ấy ý thức về những nội kết đã phát sinh nay đang được khử diệt. Vì ấy ý thức về những nội kết đã được khử diệt và không còn tái sanh nữa.

Vị khất sĩ ý thức về ý và đối tượng của ý là pháp trần và về những nội kết tạo nên do ý và pháp trần. Vì ấy ý thức về những nội kết chưa sanh nay đang phát sinh. Vì ấy ý thức về những nội kết đã phát sinh nay đang được khử diệt. Vì ấy ý thức về những nội kết đã được khử diệt và không còn tái sanh nữa.

Cứ như thế, vị khất sĩ an trú trong sự quán niệm về sáu giác quan và sáu loại đối tượng của chúng như là đối tượng tâm thức nơi đối tượng tâm thức; hoặc quán niệm bên trong, hoặc quán niệm bên ngoài, hoặc quán niệm cả bên trong lẫn bên ngoài đối tượng tâm thức ấy. Vị ấy an trú trong sự quán niệm quá trình sanh khởi nơi đối tượng tâm thức, hoặc quá trình hủy diệt nơi đối tượng tâm thức, hoặc cả quá trình sanh khởi lẫn quá trình hủy diệt nơi đối tượng tâm thức. Hoặc vị ấy quán niệm: "Có sáu loại đối tượng của tâm thức đây", đủ để quán chiếu và ý thức được sự có mặt của đối tượng tâm thức nơi đối tượng tâm thức đó, và như vậy, vị ấy an trú một cách tự do, không bị bất cứ một thứ gì trong cuộc đời làm vương bận. Quán niệm về sáu giác quan và sáu loại đối tượng của chúng như là đối tượng tâm

thức nơi đối tượng tâm thức là như thế đó, thừa quý vị.

Tiếp đó, vị khất sĩ quán niệm về bảy yếu tố của sự ngộ đạo như đối tượng tâm thức nơi đối tượng tâm thức.

Quán niệm như thế nào?

1. Khi có yếu tố chánh niệm, vị khất sĩ ý thức là mình có chánh niệm. Vị ấy quán chiếu rằng: tâm mình có chánh niệm. Khi không có chánh niệm, vị ấy ý thức là mình không có chánh niệm. Vị ấy có ý thức về chánh niệm chưa phát sinh nay đang phát sinh, về chánh niệm đã phát sinh nay đang thành tựu viên mãn.

2. Khi có yếu tố quán chiếu, vị khất sĩ ý thức là mình đang có sự quán chiếu. Vị ấy quán chiếu rằng: tâm mình đang có sự quán chiếu. Khi không có sự quán chiếu, vị ấy ý thức là mình không có sự quán chiếu. Vị ấy có ý thức về một tác dụng

quán chiếu chưa phát sinh nay đang phát sinh, về một tác dụng quán chiếu đã phát sinh nay đang thành tựu viên mãn.

3. Khi có yếu tố tinh chuyên, vị khất sĩ ý thức là mình đang có sự tinh chuyên. Vị ấy quán chiếu rằng: tâm mình đang tinh chuyên. Khi không có sự tinh chuyên, vị ấy ý thức là tâm mình không có tinh chuyên. Vị ấy có ý thức về một sự tinh chuyên chưa phát sinh nay đang phát sinh, về một sự tinh chuyên đã phát sinh nay đang đi đến thành tựu viên mãn.

4. Khi có yếu tố an vui, vị khất sĩ ý thức là mình đang có an vui, quán chiếu rằng: tâm mình đang an vui. Khi không có an vui, vị ấy ý thức là tâm mình không an vui. Vị ấy có ý thức về niềm an vui chưa phát sinh nay đang phát sinh, về niềm an vui, đã phát sinh nay đang đi đến thành tựu viên mãn.

5. Khi có yếu tố nhẹ nhõm, vị khát sĩ ý thức là mình có nhẹ nhõm. Vị ấy quán chiếu rằng: tâm mình đang nhẹ nhõm. Khi không có nhẹ nhõm, vị ấy ý thức là mình không nhẹ nhõm. Vị ấy có ý thức về sự nhẹ nhõm chưa phát sinh nay đang phát sinh, về sự nhẹ nhõm đã phát sinh nay đang đi đến thành tựu viên mãn.

6. Khi có yếu tố định, vị khát sĩ ý thức là mình có định. Vị ấy quán chiếu rằng: tâm mình đang có định. Khi không có định, vị ấy ý thức là tâm mình không định. Vị ấy có ý thức về định tâm chưa phát sinh nay đang phát sinh, về định tâm đã phát sinh nay đang đi đến thành tựu viên mãn.

7. Khi có yếu tố buông thả, vị khát sĩ ý thức là mình có buông thả. Vị ấy quán chiếu rằng: tâm mình có buông thả. Khi không có buông thả, vị ấy ý thức là mình không có buông thả. Vị ấy ý thức về sự

buông thả chưa phát sinh nay đang phát sinh, về sự buông thả đã phát sinh nay đang được thành tựu viên mãn.

Cứ như thế, vị khất sĩ an trú trong sự quán niệm về bảy yếu tố của sự ngộ đạo như là đối tượng tâm thức nơi đối tượng tâm thức; hoặc quán niệm bên trong, hoặc quán niệm bên ngoài, hoặc quán niệm cả bên trong lẫn bên ngoài đối tượng tâm thức ấy. Vị ấy an trú trong sự thường trực quán niệm quá trình sanh khởi nơi đối tượng tâm thức ấy, hoặc quá trình hủy diệt nơi đối tượng tâm thức, hoặc cả quá trình sanh khởi lẫn quá trình hủy diệt nơi đối tượng tâm thức ấy. Hoặc vị ấy quán niệm: "Có bảy yếu tố của sự ngộ đạo đây", đủ để quán chiếu và ý thức được sự có mặt của đối tượng tâm thức nơi đối tượng tâm thức đó, và như vậy, vị ấy an trú một cách tự do, không bị bất cứ một thứ gì trong cuộc đời

làm vương bận. Quán niệm về bảy yếu tố của sự ngộ đạo như là đối tượng tâm thức nơi đối tượng tâm thức là như thế đó, thưa quý vị.

Tiếp đó, vị khất sĩ quán niệm về bốn sự thật cao quý như đối tượng tâm thức nơi đối tượng tâm thức.

Quán niệm như thế nào?

Khi sự kiện là khổ đau, vị khất sĩ quán niệm: "Đây là khổ đau."

Khi sự kiện là nguyên nhân tạo thành khổ đau, vị khất sĩ quán niệm: "Đây là nguyên nhân tạo thành khổ đau."

Khi sự kiện là khổ đau có thể được chấm dứt, vị ấy quán chiếu: "Khổ đau có thể được chấm dứt."

Khi sự kiện là có con đường dẫn đến sự chấm dứt khổ đau, vị ấy quán niệm: "Có con đường dẫn đến sự chấm dứt khổ đau."

Cứ như thế, vị khất sĩ an trú trong sự quán

niệm về bốn sự thật cao quý như là đối tượng tâm thức nơi đối tượng tâm thức; hoặc quán niệm bên trong, hoặc quán niệm bên ngoài, hoặc quán niệm cả bên trong lẫn bên ngoài đối tượng tâm thức ấy. Vị ấy an trú trong sự quán niệm quá trình sanh khởi nơi đối tượng tâm thức ấy, hoặc quá trình hủy diệt nơi đối tượng tâm thức ấy, hoặc quán niệm cả quá trình sanh khởi lẫn quá trình hủy diệt nơi đối tượng tâm thức ấy. Hoặc vị ấy quán niệm: "Có bốn sự thật cao quý đây", đủ để quán chiếu và ý thức được sự có mặt của đối tượng tâm thức nơi đối tượng tâm thức đó, và như vậy, vị ấy an trú một cách tự do, không bị bất cứ một thứ gì trong cuộc đời làm vướng bận. Quán niệm về bốn sự thật cao quý như đối tượng tâm thức nơi đối tượng tâm thức là như thế đó, thừa quý vị.

(VI)

Này quý vị khất sĩ! Vị khất sĩ nào thực hành bốn phép quán niệm như trên trong bảy năm, người ấy có thể có khả năng đạt được quả vị chánh trí ngay ở đây và trong kiếp này, hoặc nếu còn dư báo thì cũng đạt được quả vị không còn trở lại.

Này quý vị khất sĩ! Đừng nói gì tới bảy năm. Kẻ nào thực hành bốn phép quán niệm này trong sáu năm, năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm, một năm, thì cũng có thể đạt được quả vị chánh trí, ngay ở đây và trong kiếp này, hoặc nếu còn dư báo thì cũng đạt được quả vị không còn trở lại.

Này quý vị khất sĩ! Đừng nói gì tới một năm. Kẻ nào thực hành bốn phép quán niệm này trong bảy tháng, hoặc sáu tháng, hoặc năm tháng, hoặc bốn tháng, ba tháng, hai tháng, một tháng hay nửa tháng, thì cũng có thể đạt được quả vị chánh trí ngay

ở đây và trong kiếp này, hoặc nếu còn dư báo thì cũng đạt được quả vị không còn trở lại.

Này quý vị khất sĩ! Đừng nói gì đến nửa tháng. Kẻ nào thực hành bốn phép quán niệm như thế trong một tuần, kẻ ấy cũng có thể đạt được quả vị chánh trí, ngay ở đây và trong kiếp này, hoặc nếu còn dư báo thì cũng đạt được quả vị không còn trở lại.

Chính vì lý do đó mà tôi đã nói rằng: "Đây là con đường duy nhất để có thể giúp chúng sanh thực hiện thanh tịnh, vượt thắng phiền não, tiêu diệt khổ ưu, đạt tới chánh đạo và chúng nhập Niết Bàn, con đường của bốn phép an trú trong chánh niệm."

Đức Thế Tôn đã dạy như thế. Các vị khất sĩ hoan hỷ ghi nhận và làm theo lời Người.
Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
(3 lần)

10. KINH QUÁN NIỆM HỒI THỞ



Tôi nghe như sau:

Hồi đó, Phật còn ở tại nước Xá Vệ, cư trú trong vườn Kỳ Thọ với nhiều vị đại đệ tử nổi tiếng như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ca Diếp, Ca Chiên Diên, Câu Thi La, A Nậu Lô Đà, Ưu Bà Đa, A Nan Đà, v.v... Trong cộng đồng các vị khất sĩ, những vị trưởng thượng lo chăm sóc dạy dỗ các vị khất sĩ tân học, có vị chăm dạy mười người, có vị hai mươi người, có vị ba mươi người, có vị bốn mươi người... Các vị khất sĩ tân học được chăm sóc và dạy dỗ như thế dần dần thực hiện được nhiều tiến bộ.

Bây giờ đây, đã đến ngày trăng tròn tháng tư và Phật đang ngồi ngoài trời với các vị khất sĩ. Người đưa mắt lạng lẽ quán sát đại

chúng một hồi rồi lên tiếng:

"Quý vị khát sĩ! Tăng đoàn chúng ta đây quả là thanh tịnh và có thực chất tu học, không mang tính chất phù phiếm và ba hoa, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được gọi là phước điền, xứng đáng được kính nể.

Này quý vị, trong đại chúng đây có những vị khát sĩ đã chứng quả La Hán, đã trừ hết mọi phiền não, đã trút bỏ được mọi gánh nặng, đã thành tựu được trí tuệ và giải thoát. Lại có những vị đã cắt được năm sợi dây ràng buộc đầu, chứng được quả Bất Lai, sẽ không còn trở lại luân hồi; có những vị đã cắt bỏ được ba sợi dây ràng buộc đầu, chứng quả Nhất Lai, hàng phục được phần thô của các phiền não tham, sân và si, và chỉ cần trở lại một lần; có những vị đã cắt bỏ được ba sợi dây ràng buộc đầu, chứng quả Dự Lưu, đang vững chãi đi về quả vị

giác ngộ; có vị đang thực tập tứ niệm xứ, có vị đang thực tập tứ chánh cần, có vị đang thực tập tứ như ý túc, có vị đang thực tập ngũ căn, có vị đang thực tập ngũ lực, có vị đang thực tập thất bồ đề phần, có vị đang thực tập bát chánh đạo, có vị đang thực tập từ, có vị đang thực tập bi, có vị đang thực tập hỷ, có vị đang thực tập xả, có vị đang thực tập cứu tử tưởng quán, có vị đang thực tập vô thường quán. Lại có những vị khác đang thực tập quán niệm hơi thở.

Quý vị khát sĩ! Phép quán niệm hơi thở, nếu được phát triển và thực tập liên tục, sẽ đem lại những thành quả và lợi lạc lớn, có thể làm thành tựu bốn lĩnh vực quán niệm; bốn lĩnh vực quán niệm nếu được phát triển và thực tập liên tục, sẽ làm thành tựu bảy yếu tố giác ngộ; bảy yếu tố giác ngộ nếu được phát triển và thực tập liên tục sẽ đưa tới trí tuệ và giải thoát.

Làm thế nào để phát triển và thực tập liên tục phép quán niệm hơi thở, để phép này mang lại những thành quả và lợi lạc lớn?

Này đây, quý vị khất sĩ! Người hành giả đi vào rừng hoặc tới một gốc cây, nơi vắng vẻ, ngồi xuống trong tư thế hoa sen, giữ thân cho thẳng và đặt vững chánh niệm trước mặt mình. Thở vào, người ấy biết rằng mình thở vào; thở ra, người ấy biết rằng mình thở ra.

1. Thở vào một hơi dài, người ấy biết: Ta đang thở vào một hơi dài. Thở ra một hơi dài, người ấy biết: Ta đang thở ra một hơi dài.

2. Thở vào một hơi ngắn, người ấy biết: Ta đang thở vào một hơi ngắn. Thở ra một hơi ngắn, người ấy biết: Ta đang thở ra một hơi ngắn.

3. Ta đang thở vào và có ý thức về toàn thân ta. Ta đang thở ra và có ý thức về toàn

thân ta. Người ấy thực tập như thế.

4. Ta đang thở vào và làm cho toàn thân an tịnh. Ta đang thở ra và làm cho toàn thân an tịnh. Người ấy thực tập như thế.

5. Ta đang thở vào và cảm thấy mừng vui. Ta đang thở ra và cảm thấy mừng vui. Người ấy thực tập như thế.

6. Ta đang thở vào và cảm thấy an lạc. Ta đang thở ra và cảm thấy an lạc. Người ấy thực tập như thế.

7. Ta đang thở vào và có ý thức về những hoạt động tâm ý trong ta. Ta đang thở ra và có ý thức về những hoạt động tâm ý trong ta. Người ấy thực tập như thế.

8. Ta đang thở vào và làm cho những hoạt động tâm ý trong ta được an tịnh. Ta đang thở ra và làm cho những hoạt động tâm ý trong ta được an tịnh. Người ấy thực tập như thế.

9. Ta đang thở vào và có ý thức về tâm ý

ta. Ta đang thở ra và có ý thức về tâm ý ta. Người ấy thực tập như thế.

10. Ta đang thở vào và làm cho tâm ý ta hoan lạc. Ta đang thở ra và làm cho tâm ý ta hoan lạc. Người ấy thực tập như thế.

11. Ta đang thở vào và thu nhiếp tâm ý ta vào định. Ta đang thở ra và thu nhiếp tâm ý ta vào định. Người ấy thực tập như thế.

12. Ta đang thở vào và cởi mở cho tâm ý ta được giải thoát tự do. Ta đang thở ra và cởi mở cho tâm ý ta được giải thoát tự do. Người ấy thực tập như thế.

13. Ta đang thở vào và quán chiếu tính vô thường của vạn pháp. Ta đang thở ra và quán chiếu tính vô thường của vạn pháp. Người ấy thực tập như thế.

14. Ta đang thở vào và quán chiếu về tính không đáng tham cầu và vướng mắc của vạn pháp. Ta đang thở ra và quán chiếu về

tính không đáng tham cầu và vương mắc của vạn pháp. Người ấy thực tập như thế.

15. Ta đang thở vào và quán chiếu về bản chất không sanh diệt của vạn pháp. Ta đang thở ra và quán chiếu về bản chất không sanh diệt của vạn pháp. Người ấy thực tập như thế.

16. Ta đang thở vào và quán chiếu về sự buông bỏ. Ta đang thở ra và quán chiếu về sự buông bỏ. Người ấy thực tập như thế.

Phép quán niệm hơi thở, theo những chỉ dẫn trên, nếu được phát triển và thực tập liên tục, sẽ đem đến những thành quả và lợi lạc lớn. Phát triển và thực tập liên tục như thế nào để phép quán niệm hơi thở có thể thành tựu được bốn lĩnh vực quán niệm?

Khi hành giả thở vào hoặc thở ra một hơi dài hay một hơi ngắn mà có ý thức về hơi thở và về toàn thân mình, hoặc có ý thức là đang làm cho toàn thân mình an tịnh,

thì khi ấy hành giả đang an trú trong phép quán thân trong thân, tinh tiến, tỉnh thức, biết rõ tình trạng, vượt khỏi mọi tham đắm cũng như mọi chán ghét đối với cuộc đời. Hơi thở vào và hơi thở ra có ý thức ở đây thuộc lĩnh vực quán niệm thứ nhất là thân thể.

Khi hành giả thở vào hoặc thở ra mà có ý thức về sự vui thích hoặc về sự an lạc, về những hoạt động của tâm ý, hoặc để làm cho những hoạt động của tâm ý an tịnh thì khi ấy hành giả đang an trú trong phép quán cảm thọ trong cảm thọ, tinh tiến, tỉnh thức, biết rõ tình trạng, vượt khỏi mọi tham đắm cũng như mọi chán ghét đối với cuộc đời. Những cảm thọ được chứng nghiệm trong hơi thở có ý thức ấy thuộc lĩnh vực quán niệm thứ hai là cảm thọ.

Khi hành giả thở vào hoặc thở ra mà có ý thức về tâm ý, làm cho tâm ý an tịnh, thu

nhiep tâm ý vào định hoặc cởi mở cho tâm ý được giải thoát tự do, thì khi ấy hành giả đang an trú trong pháp quán niệm tâm ý trong tâm ý, tinh tiến, tỉnh thức, biết rõ tình trạng, vượt khỏi mọi tham đắm cũng như mọi chán ghét đối với cuộc đời. Không quán niệm về hơi thở thì sẽ không phát triển được chánh niệm và sự hiểu biết.

Khi hành giả thở vào hoặc thở ra mà quán chiếu về tính cách vô thường hoặc về tính cách không đáng tham cầu và vướng mắc của vạn pháp, về bản chất không sanh diệt và về sự buông bỏ, thì khi ấy hành giả đang an trú trong pháp quán niệm đối tượng tâm ý trong đối tượng tâm ý, tinh tiến, tỉnh thức, biết rõ tình trạng, vượt khỏi mọi tham đắm cũng như mọi chán ghét đối với cuộc đời.

Phép quán niệm hơi thở nếu được phát triển và thực tập liên tục, sẽ đưa bốn lĩnh

vực quán niệm đến chỗ thành tựu viên mãn. Nhưng nếu được phát triển và thực tập liên tục, bốn lĩnh vực quán niệm sẽ đưa bảy yếu tố giác ngộ đến chỗ thành tựu viên mãn. Bằng cách nào?

Khi hành giả an trú trong phép quán thân trong thân, quán cảm thọ trong cảm thọ, quán tâm ý trong tâm ý, quán đối tượng tâm ý trong đối tượng tâm ý, tinh tiến, tỉnh thức, biết rõ tình trạng, vượt khỏi mọi tham đắm cũng như mọi chán ghét đối với cuộc đời, thì lúc ấy chánh niệm của hành giả được duy trì vững chãi và bền bỉ; và hành giả đạt được yếu tố giác ngộ thứ nhất là niệm. Yếu tố này sẽ tiến dần đến sự thành tựu viên mãn.

Khi hành giả an trú trong chánh niệm để quán chiếu và quyết trạch về các pháp, đối tượng của tâm ý, thì yếu tố giác ngộ thứ hai được sanh khởi và phát triển, đó là yếu

tổ trạch pháp. Yếu tố này sẽ tiến dần đến sự thành tựu viên mãn.

Khi hành giả an trú trong quán chiếu và quyết trạch về các pháp một cách bền bỉ, tinh cần, vững chãi thì yếu tố giác ngộ thứ ba được sanh khởi và phát triển, đó là yếu tố tinh tấn. Yếu tố này sẽ tiến dần đến sự thành tựu viên mãn.

Khi hành giả đã an trú vững chãi và bền bỉ trong sự hành trì tinh tiến thì yếu tố giải thoát thứ tư được sanh khởi và phát triển, đó là yếu tố hỷ lạc xuất thế. Yếu tố này sẽ tiến dần đến sự thành tựu viên mãn.

Khi được an trú trong trạng thái hỷ lạc rồi, hành giả cảm thấy thân và tâm của mình nhẹ nhàng và an tịnh, đó là yếu tố giải thoát thứ năm được sanh khởi và phát triển, đó là yếu tố khinh an. Yếu tố này sẽ tiến dần đến sự thành tựu viên mãn.

Khi thân và tâm mình đã nhẹ nhàng và

thanh tịnh, hành giả có thể đi vào định một cách dễ dàng. Lúc đó yếu tố giải thoát thứ sáu được sanh khởi và phát triển. Đó là yếu tố định. Yếu tố này sẽ tiến dần đến sự thành tựu viên mãn.

Khi đã thực sự an trú trong định, hành giả không còn duy trì sự phân biệt và so đo nữa. Khi đó yếu tố giải thoát thứ bảy là buông thả được sanh khởi và phát triển. Đó là yếu tố hành xả. Yếu tố này sẽ tiến dần đến sự thành tựu viên mãn.

Bốn lĩnh vực quán niệm nếu được phát triển và thực tập liên tục sẽ đưa bảy yếu tố giác ngộ đến chỗ thành tựu viên mãn như thế. Nhưng bảy yếu tố giác ngộ, nếu được phát triển và thực tập liên tục, làm thế nào để có thể đưa đến sự thành tựu viên mãn của trí tuệ và giải thoát?

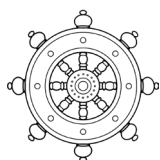
Nếu hành giả tu tập theo bảy yếu tố giác ngộ, một mình tĩnh cư, chuyên quán chiếu

về tính cách không sanh diệt của vạn pháp, quán chiếu về sự tự do, thì sẽ đạt tới khả năng buông bỏ. Đó là do tu tập bảy yếu tố giác ngộ mà thành tựu viên mãn được trí tuệ và giải thoát."

Đó là những điều Đức Thế Tôn nói. Đại chúng ai nấy đều tỏ vẻ vui mừng được nghe Người dạy.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

(3 lần)



11. KINH DIỆT TRỪ PHIÊN GIẬN



Đây là những điều tôi đã được nghe, hồi Phật còn cư trú trong tu viện Cấp Cô Độc, rừng Thắng Lâm, tại thành Xá Vệ.

Hôm ấy, tôn giả Xá-Lợi-Phất nói với các vị tỳ kheo:

"Này các bạn đồng tu, hôm nay tôi muốn chia sẻ với các vị về năm phương pháp diệt trừ phiền giận. Xin các bạn lắng nghe và chiêm nghiệm.

Các vị tỳ kheo vâng lời và lắng nghe.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất nói:

- Năm phương pháp diệt trừ phiền giận ấy là những phương pháp nào?

Đây là phương pháp thứ nhất, này các bạn đồng tu:

Nếu có một ai đó mà hành động không

dễ thương nhưng lời nói lại dễ thương, thì nếu là kẻ trí mà mình lại sanh tâm phiền giận người đó thì mình phải nên biết cách quán chiếu để trừ bỏ cái phiền giận ấy đi.

Này các bạn đồng tu, ví dụ có một vị tỷ kheo tu theo hạnh A Lan Nhã, ưa mặc y phần tảo, một hôm đi qua một đồng rác bần có phân, nước tiểu, nước mủ và các thứ dơ dáy khác, trông thấy một tấm vải còn lành lặn. Vị ấy dùng tay trái cầm miếng vải lên và lấy tay phải căng nó ra. Thấy miếng vải chưa bị rách thủng mà cũng không bị phân, nước tiểu, nước mủ và các chất dơ bần khác dính vào, vị ấy liền xếp miếng vải lại, cất lấy, đem về nhà để giặt sạch và may chung với các tấm vải khác làm y phần tảo. Cũng như thế, này các bạn, khi có một người mà hành động không dễ thương nhưng lời nói còn dễ thương thì ta hãy đừng để tâm nghĩ tới hành động

của người ấy mà chỉ nên chú ý tới lời nói dễ thương của người ấy, để có thể dứt trừ sự phiền giận của mình. Người có trí phải nên thực tập như vậy.

Đây là phương pháp thứ hai, này các bạn đồng tu:

Nếu có một ai đó mà lời nói không dễ thương nhưng hành động lại dễ thương thì nếu là kẻ trí mà mình lại sanh tâm phiền giận người đó thì mình phải nên biết cách quán chiếu để trừ bỏ cái phiền giận ấy đi. Ví như cách thôn xóm không xa có một hồ nước sâu nhưng mặt nước lại bị rêu cỏ che lấp. Lúc bấy giờ có một người đi tới gần hồ, tự thân đang bị sự đói khát và nóng bức hành hạ. Người ấy cởi áo để trên bờ hồ, nhảy xuống, dùng hai cánh tay khoát rêu cỏ ra và khoan khoái mặc tình tắm rửa và uống nước mát dưới hồ. Cũng như thế, này các bạn, khi có một người mà lời nói

không dễ thương nhưng hành động lại dễ thương thì ta hãy đừng để tâm nghĩ tới lời nói của người ấy mà chỉ nên chú ý tới hành động dễ thương của người ấy thôi để có thể dứt trừ sự phiền giận của mình. Người có trí phải nên thực tập như vậy.

Đây là phương pháp thứ ba, này các bạn đồng tu:

Nếu có một ai đó mà hành động không dễ thương, lời nói không dễ thương nhưng trong tâm vẫn còn có chút dễ thương, thì nếu là kẻ trí mà mình lại sanh tâm phiền giận người đó thì mình phải nên tìm cách quán chiếu để trừ bỏ cái phiền giận ấy đi. Ví như có một người đi tới một ngã tư kia, kiệt sức, khát nước, thiếu thốn, nóng bức và phiền muộn. Tại ngã tư ấy có một vết chân trâu, trong ấy còn đọng lại một ít nước mưa. Vị này nghĩ: "Mặc dù nước trong lỗ chân trâu ở ngã tư đường này rất ít, nhưng nếu ta dùng

tay hoặc lá cây để lấy thì ta sẽ có thể quấy cho nó đục ngầu lên và sẽ không uống được, do đó sẽ không thể trừ bỏ được sự khát nước, thiếu thốn, nóng bức và phiền muộn trong ta. Vậy ta hãy quỳ xuống, tay và đầu gối áp sát đất, dùng miệng mà uống nước trực tiếp." Người ấy liền quỳ dài xuống, tay và đầu gối áp sát đất, đưa miệng vào lỗ chân trâu mà uống. Cũng vậy, này các bạn, khi thấy một ai đó mà hành động không dễ thương và lời nói cũng không dễ thương nhưng trong tâm vẫn còn có chút ít sự dễ thương, thì ta hãy đừng nên để tâm nghĩ tới hành động và lời nói không dễ thương của người ấy mà hãy nên chú ý tới cái chút ít sự dễ thương còn có trong tâm người ấy thôi để có thể dứt trừ được sự phiền giận của mình. Người có trí phải nên thực tập như vậy.

Đây là phương pháp thứ tư, này các bạn đồng tu:

Nếu có một ai đó mà hành động không dễ thương, lời nói không dễ thương mà trong tâm cũng không còn lại một chút gì gọi là dễ thương, thì nếu là kẻ trí mà mình lại sanh tâm phiền giận kẻ đó thì mình phải nên tìm cách quán chiếu để trừ bỏ cái phiền giận ấy đi. Ví như có một kẻ đi xa, trên con đường dài nửa đường bị bệnh. Khốn đốn, héo hắt, cô độc, không bạn đồng hành, thôn xóm phía sau đã lìa bỏ lâu rồi mà thôn xóm phía trước cũng còn cách đó rất xa, người đó đang lâm vào tình trạng tuyệt vọng, biết mình sẽ chết ở dọc đường. Trong lúc ấy, có một người khác đi tới, thấy được tình trạng này, liền ra tay cứu giúp. Người ấy dìu người kia tới được thôn ấp phía trước, chăm sóc, chữa trị và chu toàn cho về các mặt thuốc thang và thực phẩm. Nhờ sự giúp đỡ ấy mà người kia thoát nạn. Sở dĩ người kia thoát nạn,

đó là nhờ ở lòng thương xót và lân mẫn của người này. Cũng như thế, này các bạn, khi thấy một ai đó mà hành động không dễ thương, lời nói không dễ thương mà trong tâm cũng không còn lại một cái gì có thể gọi là dễ thương hết, thì ta phải phát khởi tâm niệm này: "Một người mà hành động không dễ thương, lời nói không dễ thương mà tâm ý cũng không dễ thương là một người rất đau khổ, người này chắc chắn đang đi về những nẻo đường xấu ác cực kỳ, nếu không gặp được thiện tri thức thì người ấy sẽ không có cơ hội chuyển hóa và đi về các nẻo đường hạnh phúc." Nghĩ như thế, ta mở được lòng thương xót và lân mẫn, diệt trừ được sự phiền giận của ta và giúp được cho kẻ kia. Người có trí phải nên thực tập như thế.

Đây là phương pháp thứ năm, này các bạn đồng tu:

Nếu có một ai đó mà hành động dễ thương, lời nói cũng dễ thương mà tâm ý cũng dễ thương, thì nếu là kẻ trí mà mình lại sanh tâm phiền giận hoặc ganh ghét với kẻ đó thì mình phải nên tìm cách quán chiếu để trừ bỏ cái phiền giận ấy đi. Ví như cách ngoài thôn xóm không xa có một cái hồ thật đẹp, nước hồ đã trong lại ngọt, đáy hồ sâu mà bằng phẳng, bờ hồ đầy đặn, cỏ xanh mọc sát quanh hồ, bốn phía cây cối xanh tươi cho nhiều bóng mát. Có một kẻ kia đi tới bên hồ, khát nước, phiền muộn, nóng bức, mồ hôi nhễ nhại. Người ấy cởi áo, để trên bờ hồ, nhảy xuống, khoan khoái mặc tình tắm rửa và uống nước; tất cả những nóng bức, khát nước và phiền muộn của mình đồng thời tiêu tán hết. Cũng vậy, này các bạn, khi thấy một người mà hành động dễ thương, lời nói dễ thương mà tâm địa cũng dễ thương

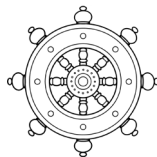
thì ta hãy nên nhận diện tất cả những cái dễ thương của người ấy về cả ba mặt thân, khẩu và ý mà đừng để sự phiền giận hoặc ganh ghét xâm chiếm ta. Nếu không biết sống hạnh phúc với một người tươi mát như thế thì mình thật không phải là một người có trí tuệ.

Này các bạn đồng tu, tôi đã chia sẻ với quý vị về năm phương pháp dứt trừ sự phiền giận.

Sau khi nghe tôn giả Xá-Lợi-Phất nói, các vị tỳ kheo vui mừng chấp nhận và hành trì theo.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

(3 lần)



12. KINH GIÁO HÓA NGƯỜI BỆNH



Đây là những điều mà tôi được nghe hồi Đức Phật còn cư trú tại tu viện Cấp Cô Độc, trong vườn cây Kỳ Đà, gần thành Xá Vệ.

Một hôm trưởng giả Cấp Cô Độc bị bệnh nặng, tôn giả Xá Lợi Phất được báo tin, liền tìm đến Tôn giả A Nan Đa và nói:

- Sư đệ nên cùng ta đi thăm cư sĩ Cấp Cô Độc.

Tôn giả A Nan Đa trả lời:

- Đi bây giờ là đúng lúc.

Tôn giả A Nan Đa khoác y mang bát cùng với tôn giả Xá Lợi Phất đi vào thành Xá Vệ để khát thực. Hai vị tuần tự đi từng nhà cho đến khi tới nhà trưởng giả Cấp Cô Độc thì ghé vào thăm. Ngồi trên ghế, Đại đức Xá Lợi Phất hỏi trưởng giả Cấp Cô Độc rằng:

- Bệnh tình của cư sĩ thế nào? Có tăng có giảm gì không? Những đau đớn trong cơ thể có từ từ bớt đi chút nào không, hay là lại gia tăng?

Trưởng giả Cấp Cô Độc trả lời:

- Thưa quý Đại đức, bệnh tình của con không thấy thuyên giảm. Những đau đớn trong cơ thể đã không bớt đi mà càng lúc càng tăng.

Tôn giả Xá Lợi Phất bảo:

- Bây giờ đây, cư sĩ nên thực tập quán niệm về Phật, về Pháp, về Tăng. Cư sĩ quán niệm như sau:

- Phật là Như Lai, là bậc Giác Ngộ chân chính và cao tột, Người là bậc Minh Hạnh Túc, Người là bậc Thiện Thệ, Người là bậc Thế Gian Giải, Người là bậc Vô Thượng Sĩ, Người là bậc Điều Ngự Trượng Phu, Người là bậc Thầy của Trời và Người, Người là Phật, Người là bậc Thế Tôn.

- Pháp là giáo lý do Như Lai chỉ dạy, rất thâm diệu, rất đáng tôn kính, rất đáng quý trọng, không có đạo lý nào sánh bằng. Đó là con đường thực tập của các bậc hiền thánh.

- Tăng là đoàn thể tu học dưới sự chỉ dẫn của Như Lai, trên thuận dưới hòa không có tranh chấp, pháp nào cũng tu tập được thành tựu. Đoàn thể tôn nghiêm thánh thiện này thành tựu được Giới, thành tựu được Định, thành tựu được Tuệ, thành tựu được Giải Thoát. Tăng là phước điền vô thượng của thế gian.

- Nay cư sĩ thực tập quán niệm như thế về Phật, về Pháp, về Tăng thì công đức không thể nghĩ lường được. Quán niệm như thế thì tiêu diệt tội chướng và phiền não, thu hoạch được những kết quả ngọt ngào, tươi mát như cam lộ. Vị cư sĩ nam và cư sĩ nữ nào biết quán niệm về Tam Bảo thì chắc chắn sẽ không bao giờ đọa vào ba

con đường ác là địa ngục, ngã quỷ và súc sinh, trái lại sẽ được sanh ra trong những hoàn cảnh tốt ở cõi trời và cõi người.

- Bây giờ đây, cư sĩ hãy quán niệm như sau về các giác quan:

Con mắt này không phải là tôi, tôi không bị kẹt vào con mắt này.

Cái tai này không phải là tôi, tôi không bị kẹt vào cái tai này.

Cái mũi này không phải là tôi, tôi không bị kẹt vào cái mũi này.

Cái lưỡi này không phải là tôi, tôi không bị kẹt vào cái lưỡi này.

Thân thể này không phải là tôi, tôi không bị kẹt vào thân thể này.

Ý căn này không phải là tôi, tôi không bị kẹt vào ý căn này.

- Cư sĩ quán niệm tiếp như sau về sáu đối tượng giác quan:

Những hình sắc này không phải là tôi,

tôi không bị kẹt vào những hình sắc này.

Những âm thanh này không phải là tôi,
tôi không bị kẹt vào những âm thanh này.

Những mùi hương này không phải là tôi,
tôi không bị kẹt vào những mùi hương này.

Những vị nếm này không phải là tôi, tôi
không bị kẹt vào những vị nếm này.

Những xúc chạm này không phải là tôi,
tôi không bị kẹt vào những xúc chạm này.

Những ý tưởng này không phải là tôi, tôi
không bị kẹt vào những ý tưởng này.

- Cư sĩ quán niệm tiếp như sau về sáu thức:

Cái thấy này không phải là tôi, tôi không
bị kẹt vào cái thấy này.

Cái nghe này không phải là tôi, tôi không
bị kẹt vào cái nghe này.

Cái ngửi này không phải là tôi, tôi không
bị kẹt vào cái ngửi này.

Cái nếm này không phải là tôi, tôi không
bị kẹt vào cái nếm này.

Cái xúc chạm này không phải là tôi, tôi không bị kẹt vào cái xúc chạm này.

Cái ý thức này không phải là tôi, tôi không bị kẹt vào cái ý thức này.

- Cư sĩ hãy quán niệm tiếp như sau về sáu yếu tố:

Yếu tố đất không phải là tôi, tôi không bị kẹt vào yếu tố đất.

Yếu tố nước không phải là tôi, tôi không bị kẹt vào yếu tố nước.

Yếu tố lửa không phải là tôi, tôi không bị kẹt vào yếu tố lửa.

Yếu tố gió không phải là tôi, tôi không bị kẹt vào yếu tố gió.

Yếu tố không gian không phải là tôi, tôi không bị kẹt vào yếu tố không gian.

Yếu tố tâm thức không phải là tôi, tôi không bị kẹt vào yếu tố tâm thức.

Cư sĩ hãy quán niệm tiếp như sau về năm uẩn:

Hình sắc không phải là tôi, tôi không bị

giới hạn bởi hình sắc.

Cảm thọ không phải là tôi, tôi không bị giới hạn bởi cảm thọ.

Tri giác không phải là tôi, tôi không bị giới hạn bởi tri giác.

Tâm hành không phải là tôi, tôi không bị giới hạn bởi tâm hành.

Nhận thức không phải là tôi, tôi không bị giới hạn bởi nhận thức.

- Cư sĩ hãy quán niệm như sau về thời gian:

Quá khứ không phải là tôi, tôi không bị giới hạn bởi quá khứ.

Hiện tại không phải là tôi, tôi không bị giới hạn bởi hiện tại.

Tương lai không phải là tôi, tôi không bị giới hạn bởi tương lai.

- Nay cư sĩ! Các pháp đều do nhân duyên sanh khởi và do nhân duyên mà hoại diệt. Thật ra tự tánh của các pháp là không sanh cũng không diệt, không tới cũng không

đi. Khi con mắt phát sinh, nó phát sinh, không từ đâu tới cả; khi con mắt hoại diệt, nó hoại diệt, nó không đi về đâu cả. Con mắt không phải không trước khi phát sinh, con mắt không phải có trước khi hoại diệt. Tất cả các pháp đều do nhân duyên hội tụ mà thành. Nhân duyên đầy đủ thì con mắt có mặt, nhân duyên thiếu vắng thì con mắt vắng mặt. Điều này cũng đúng với tai, mũi, lưỡi, thân, ý; hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, xúc chạm, ý tưởng; cái thấy, cái nghe, cái ngửi, cái nếm, xúc chạm, ý thức, sáu yếu tố, năm uẩn và thời gian.

- Trong năm uẩn không có gì có thể được gọi là ta, là người, là thọ mạng. Không thấy được sự thực đó tức là vô minh. Vì vô minh mà có vọng động. Vì có vọng động mà có vọng thức. Vì vọng thức mà có sự phân biệt chủ thể và đối tượng nhận thức. Vì có chủ thể và đối tượng nhận thức mà

có sự phân biệt sáu căn và sáu trần. Vì có sự phân biệt sáu căn và sáu trần mà có xúc chạm. Vì có xúc chạm mà có cảm thọ. Vì có cảm thọ mà có tham ái. Vì có tham ái mà có vướng mắc. Vì có vướng mắc mà có hiện hữu, sanh tử khổ não và ưu sầu, không thể kể xiết.

- Cư sĩ ! Ông đã quán niệm để thấy được rằng mọi pháp đều do nhân duyên mà phát hiện và không có tự tánh riêng biệt. Đó gọi là phép quán niệm về KHÔNG, một phép quán niệm cao siêu vào bậc nhất.

Thực tập đến đây, trưởng giả Cấp Cô Độc khóc, nước mắt chan hòa. Tôn giả A Nan Đa hỏi ông:

- Cư sĩ, vì sao mà ông khóc? Ông thực tập không thành công sao? Ông có tiếc nuối gì không?

Trưởng giả Cấp Cô Độc trả lời:

- Thưa Đại đức A Nan Đa, con không

tiếc nuôi gì hết, con thực tập rất thành công. Con khóc là vì con cảm động quá. Con được có cơ duyên phụng sự Đức Phật và các bậc cao đức đã từ lâu rồi mà con chưa từng được nghe giáo pháp vi diệu, mầu nhiệm và quý báu như hôm nay con được Đại đức Xá Lợi Phất trao truyền.

Lúc ấy Tôn giả A Nan Đa bảo trưởng giả Cấp Cô Độc rằng:

- Cư sĩ nên biết giáo pháp này các vị tỳ kheo và tỳ kheo ni được nghe Phật giảng dạy rất thường.

Trưởng giả Cấp Cô Độc thưa:

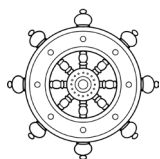
- Bạch Đại đức, xin Đại đức bạch lại với Đức Thế Tôn để giới cư sĩ chúng con cũng được nghe những giáo pháp vi diệu như những giáo pháp này. Có những người cư sĩ không đủ sức nghe, hiểu và hành trì những giáo pháp như giáo pháp này, nhưng cũng có những người cư sĩ có đủ

sức nghe và hành trì những giáo pháp thâm diệu ấy.

Nghe và thực hành xong, cư sĩ Cấp Cô Độc thấy trong người nhẹ nhàng, thanh thoát, ông phát được tâm vô thượng. Hai tôn giả Xá Lợi Phất và A Nan Đa vừa từ giả ra về thì cư sĩ Cấp Cô Độc mệnh chung và sanh lên cõi trời Tam Thập Tam Thiên.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

(3 lần)



13. KINH NHẬN THỨC VÔ THƯỜNG VÀ ĐAU KHỔ



- Biển trần khổ sóng bông lai láng,
Kiếp phù sinh đáng chán biết bao,
Tử sanh chìm đắm ba đào,
Mật mờ chưa biết kiếp nào thoát ly.
- Cõi giả tạm ích gì sự thế,
Uống tâm tư tìm kế miên trường,
Trần hoàn vạn vật vô thường,
Khổ não, vô ngã, đầy đường chông gai.
- Do báo nghiệp lưu lai từ trước,
Các pháp hành, tạo được thân duyên.
Pháp hành kế tục nhau liền,
Diệt sanh, sanh diệt triển miên không ngừng.
- Người hay thú đồng chung số phận,
Hễ có thân ngũ uẩn không bền,
Chịu nhiều biến đổi đảo điên,
Sanh, già, đau, chết không yên lúc nào.

✱

- Thể vật chất không sao giữ nổi,
Sức vô thường phá mỗi sát na,
Xét cùng đâu cũng thân ta,
Khó ngăn tóc bạc, không cầm răng long.

- Lửa ái dục đốt lòng từng phút,
Dấy ưu phiền chẳng chút nào nguôi.

Dễ chi đăng tạm an vui,
Suy mòn vì nhuộm nặng mùi trần ai.

- Chùng thân chết bốc hơi hôi hám,
Người, ai ai chẳng dám lại gần,
Gớm ghê dù bậc chí thân,
Đều sợ xui lụy hương lân cửa nhà.

✱

- Chọn một chốn rừng già hoang vắng,
Đem tử thi an táng cho xong,
Địa táng, hỏa táng chẳng đồng,
Tùy duyên tùy lực vẫn không quản gì.

- Đưa xác chết, người đi đông đúc,
Kẻ thân nhân uất ức khóc than,

Hình hài ba khúc rã tan,
 Thanh danh tiêu diệt họ hàng cách xa.
 - Khổ tử biệt thiết tha nung nấu,
 Biệt gia tài, của báu, tình yêu,
 Tắm thân ngũ uẩn đã tiêu,
 Đất nước gió lửa về nhiều căn nguyên.
 - Thân đã chẳng thiên diên ngày tháng,
 Buổi chia lìa ngao ngán đau thương,
 Chúng sanh ba cõi vô thường,
 Nên vun cội phúc tìm đường siêu sanh.

★

- Lựa các thứ nhân lành gieo giống,
 Quả kết trong kiếp sống về sau,
 Mở lòng bố thí dồi dào,
 Học kinh, giữ giới khá mau tu hành.
 - Kẻo rồi phải điêu linh sa đọa,
 Vào bốn đường ác đạo khó khăn,
 Vô cùng khốn khổ thân tâm.
 Đời đời kiếp kiếp trầm luân không về.
 - Thân khẩu ý giữ gìn trong sạch,

Vững trên đường thanh bạch mà đi,
Dầu cho chuyển kiếp đến kỳ,
Cũng còn trông ngóng thoát ly khổ sầu.

✱

- Ráng sám hối quay đầu hướng thiện,
Ác nghiệp trần, đoạn tuyệt chớ gieo,
Tâm đừng xu hướng vui theo,
Thiện duyên gây dựng, trần lao dứt lasso.

- Các phương pháp an tâm định trí,
Chúng sanh cần tìm kiếm học hành,
Cho lòng chán nản phát sanh,
Cội nguồn tội khổ hiểu rành sâu xa.

- Pháp chán nản dạy ta suy xét,
Khổ cõi đời số cát sông Hằng,
Tám điều khổ não chi bằng,
Đây lần lượt giải ngọn ngành như sau:

✱

Cõi trần thế ra vào há dễ,
Luật tuần hoàn nào kể chi ai,
Thân ta bất luận gái trai,

Cũng đều mắc phải đọa đày khổ sanh.

- Khi nghiệp đến pháp hành cấu tạo,

Thác sanh vào lòng mẹ thành phôi,

Nguyên tố nhỏ nhít nhỏ nhoi,

Vốn là chất lỏng, giống dầu mà trong.

- Giọt dầu ấy dính lông con thú,

Ta cầm lên rảy giữ bảy lần,

Chỉ còn chút ít dính gần,

Đó nguyên chất tạo nên thân con người.

- Bảy ngày đầu còn tươi trong vắt,

Rồi tan dần biến sắc đổi màu,

Đến tuần thứ bảy về sau,

Biến thành một chất trông vào đáng ghê.

- Đỏ dợt dợt, mỡ pha lẫn máu,

Bởi nguyên hành cú tạo thêm ra,

Lại đến bảy bữa thứ ba,

Hóa thành chất đặc như là thịt dư.

- Trong bụng mẹ an cư một chỗ,

Miếng thịt thừa tội khổ xiết chi,

Tuy hình hài kết thể ni,

Nhưng lại mềm mại như chì rã tan.

- Tưởng tượng đến trăm ngàn ghê sợ,

Phôi bây giờ tương tự trứng gà,

Phôi này còn yếu chưa già,

Tuần tự thay đổi bảy ngày thứ tư.

- Bảy ngày nữa từ từ biến hóa,

Bắt đầu chia tất cả năm nhánh,

Tuy hình chưa hẳn thật thành,

Nhưng đã có dạng đầu, mình, chân, tay.

*

- Pháp Hành đã tạo hoài không dứt,

Tuần thứ năm thất nhật vừa tròn,

Ngày ngày hình dáng lớn dần,

Ba lăm ngày ấy tượng thân hình hài.

- Ngoài ba tháng thành thai cứng cáp,

Thai loài người nào khác thú dâu,

Cũng đều khổ não âu sầu,

Ở trong bụng mẹ co đầu, rút chân.

- Ngồi chồm hồm còn hơn ràng buộc,

Trên đồ ăn vừa được tiêu tan,

Hai tay nắm lại đỡ cằm,
Mặt day lưng mẹ, tối tắm mịt mờ.
- Quanh mình vấy chất dơ hôi thối,
Đầu đội đồ mẹ mới ăn vào,
Vừa dơ vừa ngợp xiết bao,
Nên hằng dấy giữa thân nào đặng yên.
- Nếu mẹ chẳng cử kiêng ăn uống,
Mặc đói no, nuốt bướng nhai càn,
Nóng, cay, nguội lạnh không màng,
Miễn vừa khẩu dục ngó ngang chi con.
- Vật thực trúng da non của trẻ,
Nóng giật mình, lạnh sẽ phát run,
Đau thương khổ não khôn cùng,
Như chim bị trận bão bùng mưa sa.
- Lại giống khỉ trải qua mưa gió,
Nằm co ro một xó rét run,
Kinh hoàng sợ sệt hết lòng,
Chẳng kham nổi khổ, day tằm đôi bên.
- Hoặc kiếm ở phía trên hay dưới,
Hoặc là nơi mấy bụi gần đây,

Chùng nào tìm được bông cây,
Chui vào ả nấu thân này mới an.

✱

- Đủ mười tháng vẹn toàn thân thể,
Gần kỳ sanh lòng mẹ chẳng vui,
Lo âu dạ luống ngùi ngùi,
Sợ bao bất trắc trong hồi khai hoa.
- Mãn toan tính dẫn đo cân nhắc,
Biển mệnh mông chưa chắc được qua,
Quanh quẩn công chuyện trong nhà,
Dễ duôi nào dám đi xa bao giờ.

✱

- Kịp đến lúc ngồi chờ hoa nở,
Quyến thuộc vậy kẻ đỡ người nưng,
Chịu nhiều đau khổ từng cơn,
Dầu kiên gan mấy cũng sồn nổi đau.
- Người cả thấy không sao tránh thoát,
Bỗng dường như bão tạt vào thai,
Hài nhi như chớp đã day,
Theo đường kinh huyết ra ngoài sản môn.

- May được lúc lâm bồn yên tĩnh,
Cả mẹ con khỏe mạnh, vuông tròn,
Ấy nhờ hồng phúc nhà còn,
Chúng sanh kiếp trước gây nhiều thiện căn.
- Nếu phước báu không bằng tội ác,
Khi sanh ra chịu các khó khăn,
Dẫu còn sống sót nữa chẳng,
Dật dờ đường phải đôi lần đứt hơi!
- Vì nhân ác đến hồi trả quả,
Chúng sanh này thảm họa chết non,
Chết ngột hoặc chết mỗi mòn,
Chết ngoài bụng mẹ, hoặc còn trong thai.

✱

- Ngán ngấm kiếp sanh lai tất tử,
Tử thác sanh đến buổi lột lòng,
Mạng căn nào biết chắc không,
Nhưng đều phải chịu trong vòng khổ đau.
- Suy nghĩ chán, xôn xao tắc dạ,
Xét khổ sanh buồn bã âu sầu,
Đây là hết khổ đặng đau,

Có thân còn phải lãnh thân khổ già!

- Sự khổ già thân ta hằng chịu,

Dầu gái trai tiêu tụy như nhau,

Đổi thay chẳng trước thì sau,

Suy mòn từng lúc tổn hao từng giờ.

- Buổi niên thiếu ngây thơ đầy đặn,

Sắc xinh tươi đủ vẹn mười phân,

Dáng điệu đẹp để tốt lành,

Dương dương đắc ý tuổi xanh thường tình.

- Độ trẻ trung vóc hình tráng kiện,

Hàng phô bày thể diện đáng yêu,

Thế gian ai cũng ưa chiều,

Gái trai đều có tự kiêu thuở này.

- Mê muội tưởng đẹp hoài không giảm,

Quá lạc lăm quý mến thân ta,

Sắm đồ trang sức xa hoa,

Điểm tô cho dạng đẹp ra tuyệt trần.

- Dùng kiếng lược dự phần chải gỡ,

Dôi phấn son sắc sỡ thêm duyên,

Chẳng vừa sở tạo tự nhiên,

Lắp mùi hám trước, ướp liền nước thơm.

- Công trang điểm sớm hôm không dứt,
Dáng bên ngoài đến cực kỳ xinh,
Đủ các tư cách gọi nhìn,
Thật ra nào khác như hình trái sung.

*

- Xác ô uế đều cùng nam nữ,
Túi đựng đầy những thứ đồ dơ,
Lại còn biến đổi dường mơ,
Chậm mau rồi cũng có giờ tiêu tan!
- Hữu tình đến vội vàng tuổi hạc,
Mái tóc xanh trắng bạc như bông,
Dầu cho cạn trí hết lòng,
Cản ngăn nó cũng vẫn không nghe nào.
- Tay chân thấy mòn hao gầy yếu,
Lần lần còn xương chịu lấy da,
Thôi thời tráng kiện đã qua,
Vô thường xưa đuổi, tuổi già đến thay.

*

- Mắt sáng suốt những ngày rực rỡ,

Chưa bao lâu đã trở nên lờ,
Trông xa các vật tờ mờ,
Nhãn quan suy kém có chờ cho đâu.
- Đồng thời phát khổ sâu tai điếc,
Lẳng mà nghe chẳng thiết tiếng tăm,
Nghe lầm ắt nói lại lầm,
Nhĩ quan đã hảm âm thâm hoại tiêu.
- Cuộc biến đổi rất nhiều cơ sở,
Đây trưng qua mấy có thật gần,
Như răng phải rụng lần lần,
Đó là triệu chứng tẩm thân đã già.
- Tham luyện sống cũng là phải chết,
Thân hữu hình chưa hết bao lâu,
Thế rằng: “Sanh tử quan đầu”,
Ta nên lấy đó làm câu răn mình.
- Cũng có kẻ quá tin sức khỏe,
Tâm trẻ con thân thể đã già,
Có ai kêu thử Ông Bà,
Dầu không oán giận cũng là không vui.
- Nghe tiếng gọi ngậm ngùi không dĩ,

Trái lại kêu bằng chị, bằng anh,
Tưởng mình đương độ xuân xanh,
Vui mừng thỏa mãn, làm lành thêm lên.

- Hạng người thế không nên ái truất,
Người chẳng thông kinh luật khuyên răn,

Hạng này quen thói làm xằng,
Ai thân cận lắm ắt hăng như lây.

- Nghĩ chín chắn thân này ắt hoại,
Đã nhớp nhơ mà lại không bền,

Khổ già đeo đuổi một bên,
Khổ đau liên tiếp cho thêm náo nề.

✱

- Ôi thảm khốc nhắc về bệnh khổ,
Một cơn đau phát lộ đến ta,

Do nhiều bệnh chứng hà sa,
Toàn thân rũ rột thiết tha lắm hồi.

- Bệnh suyễn mệt nói thôi không xiết,
Bệnh ho lao, bệnh kiết ung thư

Ghẻ chốc tê bại cốt hủ,
Đàn ông cũng phải chịu như đàn bà.

Bệnh cùi lác thúi tha lây lưa,
Những lang ben ăn túa châu thân,
Nhức đầu sổ mũi rút gân,
Phù thũng sưng khắp tay chân mặt mày.
Lưng gối mỗi khi thời gió rét,
Bệnh đau răng, mũi nghẹt, trái ban,
Sưng phổi, cạn mật, héo gan,
Những bệnh hư thận nhiệt hàn cũng lo.

✱

Cử đôi bệnh nghiệm cho ra lẽ,
Dấu bệnh cơ nặng nhẹ khác nhau,
Nhưng mà đã phải vương đau,
Khổ thân chẳng biết tả sao cho cùng.
Đời hay nói: “Đau chân hả miệng”,
Ngoài thuốc thang còn chuyện dị đoan,
Nhờ thầy bố trận lập đàn,
Ông này bà nọ cầu an đêm ngày.
Sợ có sự nạn tai đồn dập,
Cầu hỏi cho được gặp cơ duyên,
Hết lòng khẩn vái chư thiên,

Hộ căn bệnh ấy giảm thuyên từ rày.
Vong cha mẹ trên mây ngoài gió,
Hoặc ông bà mà có hiển linh,
Xin về độ bệnh mạnh lành,
Sửa sang tế vật lòng thành dâng cho.
Bởi lầm lạc chẳng lo kinh kệ,
Mãi chuyên tâm tế lễ cầu xin,
Bệnh do nghiệp chướng của mình,
Há vì cúng bái bệnh tình hết sao.

✱

Thân đã có nguồn đau phải có,
Mãi tối tăm chẳng rõ hiệp tan,
Chúng sanh trong cõi thế gian,
Nặng nhẹ đều phải vương mang bệnh trần.
Chỉ tránh khỏi có phần La Hán,
Cảnh Niết Bàn dứt nạn khổ đau,
Còn trong ba cõi trần lao,
Những sự chết sống, ốm đau là thường.
Thấy bệnh hoạn cảm thương thân thể,
Cũng toan lo tìm kế giải sầu,

Khổ đau càng thấm càng lâu,
Rồi đến khổ chết bắt đầu dẫn theo.
Khi khổ chết đã gieo mầm dữ,
Thân chúng sanh mất sự thẳng bằng,
Trẻ già đều phải hãi hùng,
Nhưng gần đến chết thì lòng hay quên.
Cơn hấp hối run lên không dứt,
Khắp thân mình thệt giật gân thun,
Tay chân chuyển động vẩy vùng,
Ruột gan dao cắt vô cùng đón đau.
Ngày tận số lâu mau đã tới,
Các thức thần lìa với xác dơ,
Rồi thân ba khúc nằm trơ,
Toàn thân lạnh buốt, cứng đờ như cây.
Quyến thuộc vẫn trông thân than tiếc,
Người chết rồi còn có biết chi,
Thân kia đã gọi thân thi,
Con người ấy gọi là đi qua đời.
Khi đã chết không nhờ của cải,
Cùng vợ chồng, con cái, mẹ cha,

Anh em quyền thuộc gần xa,
Khó trông dìu dắt, cỗi ma một mình.
Thậm chí đến đồng xu các bạc,
Để trong môi người thác theo lề,
Cũng không đem được dựa kê,
Cõi trần để lại ra về hồn không.

✱

Quỷ vô thường vô song quyền thế,
Giết chúng sanh bất kể gái trai,
Giết người chẳng lựa cho hay,
Dầu chư thiên cũng bị tai dày vò.
Đời sanh sống làm cho tiêu diệt,
Giết sinh linh chẳng biết xót than,
Chỉ trừ một cõi Niết Bàn,
Vô thường chẳng dám lộn hàng đến đây.
Bởi chung ở cảnh này tịch tịnh,
Đầy yên vui chẳng dính bụi trần,
Phước đức to lớn muôn phần,
Chẳng hư, chẳng hoại là thân vàng ròng.

✱

Tưởng chết sống sanh lòng phiền não,
Muốn khỏi thì rán tạo phước duyên,
 Có công trì giới tham thiền,
 Đặng có kết quả về miền an vui.
Chớ hờ hững chạy theo việc ác,
Đừng để cho lầm lạc càng tăng,
 Tĩnh liên, vun tưới thiện căn,
Nghiệp theo chẳng kịp khi thăng Niết Bàn.
 Ta nên nhớ vô thường khổ não,
 Đừng để cho nghiệp báo đến nơi,
 Đọa đày vừa lúc tắt hơi,
Bốn đường ác đạo đời đời khó ra.
Sự khổ chết nguyên là nghiệp dữ,
Luật luân hồi tử tử, sanh sanh,
 Còn khổ quả báo sẵn dành,
Chính ta gây kết đã thành từ lâu.
 Vô minh đã gieo sâu nhân ác,
 Nhân đến hồi kết các quả sầu,
 Do câu “Thiện ác đáo đầu”,
Về sau phải chịu vui rầu chẳng sai.

✱

Vì lầm lạc giữ hoài tâm ác,
Cõi trần này giết thác sinh linh,
Mà không một chút niệm tình,
Cứ làm việc dữ tự mình không lo.
Vật có chủ không cho cung cấp,
Vợ con người mê hoặc tà dâm,
Tính toán mưu kế âm thầm,
Chẳng kiêng luật pháp tối tăm làm liều.
Nói dối cũng một điều rất dữ,
Lòng phát ra miệng cứ nói đùa,
Có người uống rượu say sưa,
Dầu ai thức tỉnh không chừa thói quen.
Cõi hiện tại nhúm nhen ngũ nghiệp,
Tánh xấu xa chẳng kịp đổi thay,
Chết rồi phải bị đọa đày,
Xuống nơi địa ngục chịu hoài nạn tai.
Các tội ác không sai một bước,
Bóng theo hình, cái trước, cái sau,
Nhân nào quả nấy liền nhau,

Mình gây mình chịu ai vào giúp ta.
Bị quỷ sứ hành hà đánh đập,
Kéo lôi bừa bầm dập chẳng thương,
Lửa phiền thiêu đốt thịt xương,
Chết sống, sống chết luôn luôn không ngừng.
Sự khổ cực bởi nhân ác báo,
Gái hay trai đã tạo phải mang,
Cảnh này ác quả đã tan,
Sanh làm ngựa quỷ nhẹ nhàng đôi phân.

*

Giống ngựa quỷ toàn thân ghê tởm,
Đói khát khao, hôm sớm nhe nanh,
Ăn ròn mủ máu hôi tanh,
Hết kiếp ngựa quỷ tái sinh lên đời.
Loài súc vật trên bờ dưới nước,
Lớn nhỏ vì từ trước dễ đuôi,
Đành cam số phận hẩm hiu,
Làm những vật thực để nuôi mạng người.
Bắt giết hại mấy mươi chẳng tiếc,
Tàn sát cho đáng nghiệp hồi xưa,

Hành hình thảm khóc mới vừa,
 Đó là quả báo có chừa chi ai.
 Cũng có kẻ đầu thai thần quỷ,
 A Tu La, ngạ quỷ khác chi,
 Cũng đều đói khát nhiều khi,
 Chịu chẳng biết mấy tầng kỳ kiếp lâu.

✱

Kiếp quá khứ rất nhiều tội lỗi,
 Tội khổ này chẳng bỏ sót ai,
 Chúng sanh khắp hết bốn loài,
 Thấp hóa không hạn, noãn thai chẳng từ.
 Nhân ác đã gieo từ vô thủy,
 Quả xấu xa trực chỉ theo mình,
 Làm cho tất cả chúng sanh,
 Mỗi kiếp phải chịu khổ hình như trên.
 Cõi giả tạm dường tên thắm thoát,
 Kiếp này qua kiếp khác đến thay,
 Rồi trong những kiếp vị lai,
 Cũng là khổ não nạn tai đầy đầy.

✱

Sự khổ não bao vây liên sát,
Khiến chúng sanh lâm lạc thêm hoài,
Vì chưa thoát khỏi trần ai,
Nên những nghiệp dữ không ngày nào xa.
Đây ta thử xét qua hiện tại,
Chẳng khổ nào sánh lại khổ ăn,
Vì nhân đói khát khó khăn,
Muốn cho no đủ nên hằng phải lo.
Nghèo sạch đất giàu to cũng thế,
Nhọc ưu tư nào kể ngày đêm,
Có rồi lại muốn có thêm,
Bằng người chưa có cũng tìm cho ra.
Nếu biếng nhác ở nhà thông thả,
Ăn không lo lở cả núi sông,
Mỗi ăn nặng cánh bên lòng,
Mãn nuôi mạng sống dày công liệu lường.
Già chí trẻ vẫn thường làm lụng,
Làm kiếm ăn phải dụng tấm thân,
Xác thịt lẫn với tinh thần,
Khó khăn cũng chịu nhọc nhằn cũng cam.

Bệnh đói khát hằng ngày vất vả,
Thuốc dầu hay, chẳng hết bệnh này,
Không được ăn uống ồm gầy,
Càng lâu ắt phải bỏ thầy côi trần.
Ăn hay gấp mấy lần diệu dược,
Có ăn rồi bệnh được giảm thuyên,
Chúng sanh dầu biếng cũng siêng,
Không sao tránh khỏi phải quyền sanh nhai.

✱

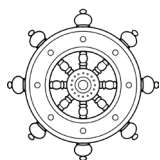
Có kẻ rán cấy cày đào cuốc,
Luống chuyên cần rẫy bãi ruộng nương,
Kẻ thì làm mướn bán buôn,
Biết bao khổ cực luôn luôn một đời.
Người giàu có thanh thoi đôi chút,
Bởi từ xưa quả phúc to tròn,
Côi trần hái trái ngọt ngon,
Khỏe thân nhưng cũng vẫn còn khổ tâm.

✱

Những khổ não đã lần lượt giải,
Vấn tắt đây đại khái tám điều,

Chúng ta lấy đó làm nêu,
Gái trai cũng phải chịu điều khổ lao.
Biết rõ khổ, ta mau thức tỉnh,
Rán tu hành giới định làm căn,
Mong cầu giải thoát trói trần,
Khổ trần xa cách, nhận chân Niết Bàn.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
(3 lần)



14. KINH CÚNG THÍ NGƯỜI MẤT



Chính tôi được nghe, lúc Đức Phật lưu trú tại Tịnh xá Kỳ Viên, Bà La Môn Cha Nu Sô Ni đến viếng thăm, đánh lễ rồi thưa hỏi Đức Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, con là Bà La Môn chuyên làm các lễ cúng cho người chết, lòng những mong đem lại lợi ích cho họ. Như vậy, bạch Thế Tôn, họ có thật sự được lợi ích chăng?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay Cha Nu Sô Ni, nếu có sự tương xứng thì người chết sẽ hưởng được phẩm vật cúng dường. Bằng không có tương xứng thì họ không được hưởng gì cả.

Bà La Môn Cha Nu Sô Ni bạch Phật rằng:

- Kính xin Đức Thế Tôn giải rõ cho chúng

con hiểu thế nào là tương xứng và không tương xứng?

Lúc bấy giờ, Đức Phật bảo Bà La Môn Cha Nu Sô Ni và đại chúng rằng:

1. Nếu ai sống sát sanh, lấy của không cho, ngoại tình, nói sai sự thật, nói lời chia rẽ, nói lời độc ác, nói lời vô ích, còn tham ái, sân hận, si mê, và tà kiến, sau khi mạng chung sẽ bị đọa vào địa ngục. Tại đây, y được nuôi sống và tồn tại bằng thức ăn của địa ngục. Do đó, sự kiện người thân quyến cúng đồ ăn của con người cho họ là không tương xứng. Người mất sẽ không hưởng được gì từ sự cúng kiếng đó.

2. Nay các thiện nam, tín nữ, người nào gieo mười điều ác, khi qua đời phải bị sanh vào các loài động vật. Tại đây, y được nuôi sống và tồn tại bằng thức ăn của loài động vật. Do đó, quả thật sẽ không tương xứng, khi người thân quyến đem phẩm vật của

con người để cúng quải, làm sao người chết đó đã đầu thai thành động vật có thể ăn được.

3. Nay các thiện nam, tín nữ, ngay cả trường hợp người chết khi còn sống tu tập mười nghiệp lành, được tái sinh làm con người, hay có phước báu hơn được sanh vào cảnh giới chư thiên, họ có cha mẹ riêng và các món ăn riêng để nuôi mạng sống của họ. Do đó, thật là không tương xứng, nếu người thân quyến cúng dường và mong người quá cố thọ nhận. Vì người chết đã tái sinh làm người khác hoặc chư thiên rồi làm sao thọ nhận được.

4. Nay các thiện nam, tín nữ, chỉ có một trường hợp duy nhất người chết có thể nhận được sự cúng quải của người thân quyến. Đó là trường hợp người chết bị đọa vào ngạ quỷ. Món ăn nào mà người thân quyến đem hiến cúng cho họ thì họ

sẽ hưởng được món đó. Họ sống được là nhờ vào các món ăn này. Đây là trường hợp Như Lai gọi là có sự tương xứng.

Nghe Đức Phật giải bày cặn kẽ, Bà La Môn Cha Nu Sô Ni liền hỏi thêm:

- Bạch Thế Tôn, các trường hợp người chết tái sinh vào loài động vật, địa ngục, A Tu La, hay sanh lại làm người, hoặc sanh thiên thì sự cúng quả không có sự thọ hưởng. Nếu người chết không tái sinh vào cõi ngạ quỷ thì ai sẽ là người thọ hưởng sự cúng kiếng ấy?

Lúc ấy Đức Phật ân cần dạy rằng:

- Nay các thiện nam, tín nữ, nếu người thân thuộc đã quá cố này không sanh vào loài ngạ quỷ, thì cũng có những người thân thuộc khác ở loài ngạ quỷ sẽ hưởng thế phần.

Bà La Môn Cha Nu Sô Ni hỏi thêm rằng:

- Nhưng nếu cả dòng họ thân thuộc của

người cúng không một ai tái sanh vào loài ngựa quý thì phẩm vật cúng đó sẽ thuộc về ai?

Đức Phật dạy rằng:

- Đây là trường hợp không thể xảy ra, rằng chỗ ấy trống không trong một thời gian dài mà không có một ai đó trong huyết thống bị sanh vào. Nhưng này các thiện nam, tín nữ, mặc dù thế, người bố thí ấy không phải không hưởng được quả phước từ sự cúng thí đó.

Nhân đó Đức Phật dạy thêm về phước báu của sự bố thí.

- Này các thiện nam, tín nữ, trong suốt quá trình sống, người nào vi phạm mười điều ác nhưng lại biết làm hạnh bố thí, người ấy khi nhắm mắt lìa đời sẽ sanh vào loài voi, nhưng là con voi được chăm sóc, ăn uống và trang phục đầy đủ. Trong trường hợp họ vì nghiệp duyên bất thiện, sanh làm ngựa, bò hay bất kỳ loài bàng

sanh nào, thì ở đấy, y vẫn hưởng thọ đầy đủ sự ăn uống và chăm sóc của chủ, tương xứng với phước duyên bố thí khi họ còn làm người.

- Nhưng này các thiện nam, tín nữ, điều Như Lai muốn răn dạy chính là một người đầy đủ mười hạnh lành lại còn biết trau dồi hạnh bố thí chân chánh, cúng dường những bậc chân tu và những người đạo đức. Khi qua đời hoặc được tái sanh làm chư thiên thì tại đấy y sẽ được hưởng năm thứ phước đức chư thiên, hoặc sanh làm người thì sẽ được hưởng năm thứ phước báu cõi người. Trong bất kỳ trường hợp và trong bất kỳ cảnh giới sống nào, người có hạnh bố thí vẫn tốt hơn.

Sau pháp thoại này, Bà La Môn Cha Nu Sô Ni liền trở thành nam cư sĩ. Toàn thể pháp hội đều hoan hỷ, vâng theo lời Phật dạy.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

(3 lần)

15. KINH NGHIỆP BÁO

TÁI SANH



Chính tôi được nghe, lúc bấy giờ tôn giả Đồng Nữ Ca Diếp cùng với năm trăm vị tỳ kheo đi từ nước Câu Tát La lần đến thôn Tư Ba Ê, là một thôn dân cư đông đúc, giàu sang phúc lộc, cây cối sâm uất, do vua Ba Tư Nặc phong riêng cho Bà La Môn Tệ Túc để lo phần cúng tế Phạm thiên. Bà La Môn Tệ Túc là người có kiến chấp theo ngoại đạo, và dạy mọi người rằng: “Không có đời sau, không có tái sanh, không có quả báo thiện ác.”

Khi đó, người trong thôn Tư Ba Ê nhân nghe tôn giả Đồng Nữ Ca Diếp cùng năm trăm vị tỳ kheo từ nước Câu Tát La dừng chân tại rừng Thi Xá Bà, thì họ bàn tán với nhau: “Vị Đồng Nữ Ca Diếp này rất

có tiếng tăm, là người đã chứng quả A La Hán, là bậc trưởng thượng, tôn túc, kỳ cựu, đa văn, quảng bác, thông minh, tuệ trí, có tài biện luận đối đáp theo từng trường hợp, đàm đạo tài ba, nếu chúng ta gặp được Ngài thì tốt biết dường nào.” Kể từ đó, người trong thôn ngày ngày đều đi đến chỗ tôn giả Ca Diếp.

Bấy giờ, Bà La Môn Tệ Túc đang ở trên lầu cao, trông thấy nhiều đoàn người đi ngang qua, nhưng không biết đi đâu, mới hỏi người cầm lọng hầu:

– Những đoàn người kia rủ nhau đi đâu vậy?

Người hầu liền đáp:

– Tôi nghe rằng có Đồng Nữ Ca Diếp hướng dẫn năm trăm vị tỳ kheo đi hóa đạo từ nước Câu Tát La đến, hiện đang nghỉ chân tại rừng Thi Xá Bà. Ngài là vị tôn túc đã chứng quả A La Hán. Mọi người lũ lượt đi đến chỗ Ngài để đàm đạo học hỏi.

Nghe vậy, Bà La Môn Tệ Túc liền xuống lầu, sai người hầu chuẩn bị xe cộ rồi cùng nhau đi đến rừng Thi Xá Bà. Sau khi đến, họ xuống xe đi bộ đến chỗ tôn giả Ca Diếp. Sau khi thăm hỏi xã giao xong, họ ngồi qua một bên. Những người cư sĩ và Bà La Môn trong thôn lễ bái tôn giả Ca Diếp rồi ngồi, có người hỏi han rồi ngồi, có người tự xưng tên mình rồi ngồi, nhưng cũng có vài người ngồi xuống một cách thâm lặng.

Lúc đó, Bà La Môn Tệ Túc thưa hỏi tôn giả Ca Diếp rằng:

– Thưa tôn giả, chủ thuyết của tôi là: “Không có đời sau, không có sự tái sanh, không có quả báo thiện ác. Còn chủ thuyết của Ngài thì thế nào?”

Tôn giả Ca Diếp không trả lời nhưng ôn tồn hỏi lại rằng:

– Nay hiền giả: mặt trời, mặt trăng trong không gian vô tận thuộc về thế giới này hay

thế giới khác? Thuộc về Trời hay là Người?

Bà La Môn Tệ Túc đáp: Mặt trời, mặt trăng là thuộc về thế giới khác, chứ không phải thuộc về thế giới này. Thuộc về Trời chứ không phải thuộc về Người.

Tôn giả Ca Diếp nói: Do đó có thể biết là có đời sau, có tái sanh, có quả báo thiện ác.

Bà La Môn Tệ Túc nói: Tuy tôn giả nói có đời sau, có tái sanh, có quả báo thiện ác nhưng theo tôi thì tất cả đều không có.

Thưa tôn giả, nguyên tôi có một người bà con quen biết, mắc phải bệnh ngặt nghèo, tôi đến nói với người ấy rằng: “Các Sa Môn quan niệm như sau: “Những người sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, tà kiến sau khi qua đời đều đọa vào địa ngục.” Nhưng tôi không tin vì tôi chưa từng thấy người nào chết rồi trở lại nói cho biết nơi họ bị đọa vào. Nay anh là bà con với tôi chẳng may anh tạo đủ mười

điều ác. Nếu quả như lời các vị Sa Môn đã nói, thì sau khi qua đời, anh phải bị đọa vào trong địa ngục lớn. Nay tôi nương vào các dữ kiện của anh sau khi chết, để xét có địa ngục hay không. Anh nên trở lại nói cho tôi biết thì tôi mới tin.”

Thưa tôn giả nhưng từ khi chết đến nay người ấy biệt tăm biệt tích, không hề trở lại báo tin. Người ấy là người thân của tôi, không lẽ dối tôi, hứa rồi không trở lại? Do đó tôi biết chắc không có đời sau.

Tôn giả Ca Diếp đáp: Thưa hiền giả, những người có trí nhờ thí dụ mà hiểu rõ. Ví như một tên đạo tặc thường ôm lòng gian trá, vi phạm pháp luật do nhà vua ban hành, bị người ta rình bắt được rồi đem đến chỗ vua ngự, và tâu: “Người này là tên ăn trộm, xin Đại Vương hãy trị phạt.”

Vua liền sai những người có trách nhiệm trời người đó đem bêu xấu ngoài đường,

sau đó dẫn ra ngoài thành giao cho tên đao phủ. Thế rồi, kẻ tả hữu được lệnh liền bắt trói kẻ trộm giao cho tên đao phủ. Tên trộm đó dùng lời mềm dẻo nói với người giữ tù rằng: “Xin ông thả cho tôi về thăm bà con, xóm làng để nói vài lời từ biệt, sau đó tôi sẽ trở lại.” Hiền giả nghĩ sao, người giữ tù kia có chịu thả cho về không?

Bà La Môn Tệ Túc đáp: Thưa tôn giả, không thể được.

Tôn giả Ca Diếp nói: Bà con, họ hàng đều là con người, cùng sống ở đời này mà còn không thả, huống gì người thân của hiền giả làm đầy đủ mười điều ác, sau khi thác, đọa vào địa ngục, quỷ ngục không có từ tâm, lại không phải là con người. Sống chết là không cùng đời. Nếu người kia dùng lời mềm dẻo cầu xin với quỷ ngục rằng: “Xin Ngài tạm thả tôi trở lại thế gian gặp người bà con để nói lời từ biệt, sau đó

sẽ trở lại”, chắc chắn quỷ ngục sẽ không đồng ý. Cứ so sánh theo đó thì biết, tại sao hiền giả còn giữ chặt sự mê lầm, sanh điều tà kiến như thế.

Hiền giả còn có lý do gì khác để khẳng định rằng không có đời sau?

Bà La Môn Tệ Túc đáp: Thưa hiền giả, tôi có một người bà con mắc phải bệnh nặng tôi đến nói với người ấy rằng: “Các Sa Môn cho rằng có đời sau: “Người nào không sát sanh, không trộm cướp, không ngoại tình, không nói dối, không nói lời hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói sai, không nói thêm bớt, không tham lam, không tật đố, không tà kiến, thì sau khi thác đều được sanh về cõi trời.” Tôi vốn không tin điều này. Vì tôi chưa từng thấy người nào chết rồi trở lại cho tôi biết chỗ họ được thác sanh. Nay anh là bà con của tôi lại tạo đủ mười điều thiện. Nếu quả

thật lời các Sa Môn nói là đúng, thì sau khi thác sanh, anh sẽ được sanh cõi trời. Giờ đây tôi chỉ còn tin theo anh để quyết định. Nếu anh được thác sanh thì anh phải nhớ trở lại báo cho tôi biết, sau đó tôi sẽ tin.” Nhưng thừa tôn giả từ khi thác đến nay anh ấy không trở lại. Anh ta là bà con của tôi, không lẽ dối tôi, hứa rồi không trở lại nên biết chắc không có đời sau.

Tôn giả Ca Diếp nói: Thừa hiền giả ví như có người rớt xuống hầm xí, đầu mình chìm ngấm, được vua cho người hầu cận vớt lên, lấy tro thoa thân ba lần và lấy nước tắm sạch. Sau đó lấy nước thơm tắm gội thân thể thật sạch sẽ, rồi lấy y phục đẹp trang sức cho thân thể người ấy. Tiếp theo, người ta đem thức ăn trăm vị ngon, vị ngọt cho người ấy ăn, sau đó đưa người ấy đến ở một ngôi nhà cao, hưởng năm thứ dục lạc, người ấy có muốn rớt vào hầm xí nữa không?

Bà La Môn Tệ Túc đáp: Thưa tôn giả, đây là một chỗ hôi thối còn muốn trở xuống làm gì?

Tôn giả Ca Diếp nói: Thưa hiền giả, chư thiên cũng thế. Họ cho cõi Diêm Phù này là nơi tanh hôi, bất tịnh, còn hơn cả hầm xí. Người bà con quen biết của hiền giả đã tạo đủ mười điều thiện, dĩ nhiên được sanh lên cõi trời, hưởng nhiều thú vui ngũ dục, liệu họ có chịu trở lại cõi hầm xí Diêm Phù này để báo cho hiền giả biết không!

Bà La Môn Tệ Túc nói: Thưa tôn giả tôi có lý do khác, để chủ trương không có đời sau. Nguyên tôi có một người bà con mắc bệnh trầm trọng, tôi đến nói với người ấy rằng: “Các Sa Môn bảo có đời sau. Người nào tu mười điều lành, giữ năm giới thì sau khi thác được sanh lên cõi trời Đạo Lợi.” Tôi cũng không tin điều này vì tôi chưa từng thấy ai chết rồi trở lại nói cho biết chỗ họ được hóa sanh. Nay anh là chỗ

bà con, giữ đầy đủ năm giới và mười điều lành, nếu sau khi thác anh được sanh về cõi trời ấy thì anh hãy trở lại nói cho tôi biết, sau đó tôi sẽ tin.”

Thưa tôn giả nhưng từ khi thác đến nay người ấy không trở lại. Anh ta là bà con với tôi, không lẽ nói dối, hứa rồi không trở lại nên tôi biết chắc không có đời sau.

Tôn giả Ca Diếp nói: Ở cõi này một trăm năm chỉ bằng một ngày một đêm ở cõi trời Đao Lợi. Cõi Đao Lợi cũng lấy ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, họ sống lâu một ngàn năm như thế. Vậy hiền giả nghĩ sao, khi bà con hiền giả được sanh lên cõi trời Đao Lợi thì họ nghĩ rằng: “Ta mới sanh lên cõi này vậy ta hãy vui chơi trong vài ba ngày, sau đó trở lại báo tin cho bà con hay cũng không muộn.” Như vậy, liệu hiền giả có gặp được người bà con ấy không?

Bà La Môn Tệ Túc đáp: Thưa tôn giả, không. Khi ấy, tôi có thể đã chết lâu rồi, làm sao gặp được. Nhưng tôi không tin rằng cõi trời Đao Lợi sống lâu như thế.

Tôn giả Ca Diếp nói: Thưa hiền giả, ví như có người khi mới sanh ra đã bị mù không biết gì về năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen; sự vật thô, tế, dài, ngắn, đồng thời cũng không thấy mặt trời, mặt trăng, các vì sao, gò, khe, và hang động,... Do đó, nếu được hỏi về màu sắc, kích thước của sự vật thì người mù sẽ đáp rằng: “Không có màu sắc, kích thước gì cả.” Cho nên mặt trăng, tinh tú, núi non, gò, khe, hang động, người mù cũng nói không có. Hiền giả nghĩ sao, người mù trả lời như thế có đúng không? Nay hiền giả, cũng như thế. Sự sống lâu của cõi trời Đao Lợi là có thật, chẳng phải vì hiền giả không thấy mà nó trở nên không!

Bà La Môn Tệ Túc vẫn chưa tin. Ông nói: Thưa tôn giả, nguyên ở trong thôn tôi, khi bắt được kẻ trộm cướp, họ đem đến tôi và nói: “Người này là kẻ trộm, xin Ngài hãy trị nó!” Tôi bảo: “Hãy trói hắn lại và bỏ vào trong vạt đậy nắp, trét kín với một lớp đất dày, không để cho thần thức tiếp xúc với bên ngoài.” Sau đó, tôi sai người nổi lửa để đốt hắn. Lúc ấy, vì tôi muốn biết chỗ tẩu thoát của thần thức hắn, nên tôi bảo người hầu đi quanh cái vạt và quan sát thật kỹ nhưng không hề thấy thần thức chui ra. Sau đó, tôi lại mở nắp vạt ra, cũng không thấy thần thức qua lại. Do đó, tôi biết chắc không có đời sau.

Tôn giả Ca Diếp nói: Thưa hiền giả, khi hiền giả ngủ nghỉ ở trên lầu cao, nằm mộng thấy núi rừng sông ngòi, vườn nhà, ao tắm, quốc ấp, đường xá thì những người thân cận hiền giả lúc đó có thấy thần thức

của hiền giả đi ra, đi vào không?

Bà La Môn Tệ Túc đáp: Thừa tôn giả dĩ nhiên họ không thể thấy những gì tôi nằm mơ.

Tôn giả Ca Diếp nói: Hiền giả còn sống mà thân thức ra vào còn không thể thấy, huống là người chết. Do đó, phải có đời sau và quả báo thiện ác.

– Thừa hiền giả, có những tỳ kheo từ đầu hôm đến cuối hôm không ngủ, chỉ lo siêng năng tu về đạo phẩm chánh niệm và dùng sức thiên định tu luyện thiên nhãn, nhờ sức thiên nhãn mà quán thấy chúng sanh thác chỗ này sanh chỗ kia, thác chỗ kia sanh về chỗ này, tuổi thọ dài ngắn, nhan sắc tốt xấu, tùy theo hành vi mà chịu quả báo, theo đó mà biết con đường thiện ác. Hiền giả không thể dùng con mắt thịt để thấy hết hiện tượng tái sanh của chúng sanh; thế mà lại bảo là không có đời sau. Đó là cái nhìn sai lầm, nguy hiểm cần phải xóa bỏ.

Bà La Môn Tệ Túc nói: Tuy Ngài đã dẫn dụ và chứng minh có đời sau, nhưng theo chỗ tôi thấy thì vẫn không có.

Nguyên là trong thôn tôi có lần bắt được một kẻ trộm. Tôi liền bảo người hầu cận trói hắn lại, rồi cắt thịt hắn ra từng mảnh để tìm thần thức hắn nhưng không thấy thần thức đâu cả. Tôi lại sai người hầu đập xương tìm thần thức trong tủy, nhưng vẫn không thấy đâu cả. Thừa hiên giả, vì duyên có đó, nên tôi biết chắc là không có đời sau.

Tôn giả Ca Diếp nói: Thừa hiên giả, về một kiếp xa xưa trong quá khứ, có một đất nước điêu tàn hoang phế, lúc đó có đoàn buôn dắt năm trăm cỗ xe đi đến đất nước này, bỗng gặp một vị Phạm Chí tu đạo thờ lửa, thường ở trong một khu rừng, những người buôn đều xin ngủ trọ, rồi sáng mai từ giả lên đường. Phạm Chí thờ lửa lúc ấy thầm nghĩ: “Ta hãy đến chỗ những người

buôn ngủ hồi hôm, xem thử họ còn bỏ sót gì không?” Thế rồi ông ta liền đến chỗ họ nghỉ, nhưng đều không thấy gì cả, chỉ trừ có một đứa con nít mới sanh được một tuổi đang ngồi khóc một mình. Phạm Chí thầm nghĩ: “Ta đâu nỡ nhẫn tâm thấy đứa bé này chết trước mặt. Hay là ta mang đứa bé này về nhà nuôi.” Tức thì ông bồng đứa bé về nhà nuôi. Sau thời gian mười năm nuôi dưỡng, đứa bé mỗi ngày một lớn. Một hôm, Phạm Chí vì có chút việc muốn đi vào thành mới dặn đứa bé rằng: “Ta có chút việc, phải đi khỏi ít hôm, người khéo giữ gìn đồng lửa này, đừng để lửa tắt. Nếu lửa có tắt thì lấy hai thanh củi cọ vào nhau để lấy lửa đốt lên.”

Dặn dò xong, Phạm Chí ra đi. Sau khi ông ta đi, đứa bé ham chơi không thường xuyên coi lửa, do đó lửa tắt. Đứa bé đi chơi về trông thấy lửa tắt, lo buồn và thầm than

rằng: “Ta dại quá, khi cha ta đi có dặn dò phải giữ gìn lửa một cách cẩn thận, không cho tắt. Nhưng vì ta ham chơi đến nỗi để cho lửa tắt, bây giờ phải làm sao đây?” Khi đó, đứa bé vội vàng bới tro tìm lửa nhưng không thấy lửa, bèn dùng búa chẻ củi tìm lửa. Thế rồi lại chặt củi thành từng khúc, bỏ vào trong cối giã để tìm lửa nhưng vẫn không thấy. Sau đó Phạm Chí trở về và hỏi đứa bé: “Trước khi đi, ta có dặn con coi chừng lửa để lửa khỏi tắt, người có coi không?” Đứa bé đáp: “Vì con chạy đi chơi, không thường xuyên coi chừng lửa, do đó nay lửa tắt hết.” “Con làm cách nào để lấy lửa lại?” Lửa phát sinh ra từ củi nên con dùng búa chẻ củi ra để tìm lửa nhưng không thấy lửa đâu. Và sau đó con chặt củi thành khúc nhỏ, bỏ vào cối giã để tìm lửa, nhưng vẫn không có.”

Lúc đó Phạm Chí dùng hai thanh củi cọ

với nhau thì lửa phát ra, đồng thời ông ta chất củi lên đốt, và bảo đứa bé: “Muốn tìm lửa phải làm đúng cách này, không nên chẻ củi thành từng mảnh vụn như thế này thì làm sao có lửa.”

Thưa hiền giả, hiền giả cũng như thế, không theo đúng phương pháp, lại đi lột da người để tìm thần thức, làm sao tìm được. Điều quan trọng hơn là “Không phải do sự kiện hiền giả không thấy sự kiện tái sanh, mà việc tái sanh hay quả báo thiện ác trở nên không có.”

Bà La Môn Tệ Túc vẫn chưa tin. Ông lại thưa Tôn giả Ca Diếp rằng:

Có lần nọ tôi bắt được kẻ trộm. Tôi bảo người hầu đem người này đi cân. Sau đó giết chết người này một cách êm thấm, không làm mất một chút da thịt. Thế rồi tôi bảo người hầu đem cân người ấy trở lại. Nhưng lần này thấy nặng hơn lần trước.

Thừa tôn giả, thân người ấy khi sống, thần thức đang còn, nhan sắc tươi đẹp, nói năng được mà đem cân thì nhẹ, trái lại, khi thác, thần thức không còn, nhan sắc cũng không, nói năng không được, đem cân thì nặng hơn, vì lý do đó, nên tôi biết là không có đời sau.

Tôn giả Ca Diếp bảo Bà La Môn Tệ Túc rằng: Xin hỏi hiền giả, như người cân sắt, khi sắt nguội đem cân thì nặng, như khi sắt nóng đem cân thì nhẹ. Tại sao sắt nóng đỏ mà lại nhẹ, trong khi sắt không có màu đỏ sáng và cứng mà cân lại nặng?

Bà La Môn Tệ Túc đáp: Sắt nóng có màu đỏ sáng, nên nhẹ, sắt nguội không có màu đỏ sáng và cứng nên nặng.

Tôn giả Ca Diếp nói: Con người cũng thế, khi sống thì có nhan sắc, mềm mại cho nên nhẹ, nhưng khi thác không có nhan sắc và cứng cho nên nặng. Do đó, có

thể biết chắc có đời sau.

Bà La Môn Tệ Túc thưa: Nguyên tôi có người bà con mắc phải bệnh nặng. Khi đó tôi nhờ người hầu, đỡ người bệnh nằm nghiêng về phía tay phải, và họ vẫn còn liếc ngó, co duỗi như thường. Thế rồi tôi đỡ người ấy nằm nghiêng bên trái, rồi lật sấp, lật ngửa, người ấy vẫn còn co duỗi, liếc ngó nói năng như thường. Sau đó liền tắt thở, tôi lại bảo người đỡ tử thi nằm nghiêng tay phải, tay trái, lật sấp, lật ngửa, nhìn kỹ thì không thấy co duỗi, liếc ngó hay nói năng gì cả. Do đó, tôi biết chắc không có đời sau.

Tôn giả Ca Diếp nói: Những người có trí nhờ thí dụ mà hiểu. Thưa hiền giả, xưa có một quốc độ, không có ai từng nghe tiếng ốc tù và. Hôm nọ, có người sành nghề thổi tù và đến nước này, đi vào thôn xóm ốc thổi ba tiếng rồi bỏ xuống đất.

Lúc đó, trai gái trong thôn nghe tiếng giạt mình, đều đến hỏi: “Thứ tiếng gì mà trong trẻo, bi ai và ngân xa như thế?” Người chủ chỉ vào vỏ ốc nói: “Tiếng của cái đó.” Người trong thôn nghe vậy lấy tay vỗ vào vỏ ốc, và nói: “Người hãy kêu lên, người hãy kêu lên!” Nhưng vỏ ốc vẫn không kêu, tức thời người chủ cầm vỏ ốc lên thổi ba tiếng, rồi bỏ xuống đất. Người trong thôn trầm trồ: “Đây là tiếng tuyệt diệu mà chúng ta nghe khi nãy, chứ không phải do sức vỏ ốc mà có, phải có các yếu tố như tay, miệng, tù và và hơi thổi thì nó mới kêu.” Con người cũng thế, cần phải có sức sống, có tri giác, có tinh thần và hơi thở ra vào mới có thể co duỗi, liếc ngó, nói năng được. Xin hiền giả hãy từ bỏ ác tà kiến đó đi. Đừng cố chấp ôm nó, chỉ thêm khổ não.

Bà La Môn Tệ Túc đáp: Thưa tôn giả, tôi không thể bỏ được. Vì từ khi sanh ra

đến giờ, tôi đã được huấn luyện và thường xuyên đọc tụng và luyện tập, thì đâu có thể bỏ được.

Lúc ấy, Tôn giả Ca Diếp kể rằng: Thuở xa xưa, có một nước, trong đó người dân ở biên cương sống cảnh rất nghèo nàn. Trong nước ấy có hai người. Một anh thì có trí một anh thì ngu. Họ bảo nhau: “Tôi là bạn thân của anh, chúng ta hãy cùng nhau ra ngoài thành gặt hái lúa hoang về làm của.” Rồi họ cùng đi. Khi đến một xóm hoang, thấy có cây gai mọc đầy trên mặt đất, họ cùng nhau lấy đem về.

Khi đi ngang qua một thôn khác, họ thấy có đồng chỉ gai. Người trí nói: “Chỉ gai đã làm thành, nhỏ, nhẹ đáng lấy hơn.” Người ngu nói: “Tôi đã lấy gai bó buộc chặt chẽ, bỏ thì uổng quá.”

Đoạn, người trí bỏ cây gai, lấy một gánh chỉ gai đem về. Họ lại cùng nhau tiến bước,

bỗng gặp một đồng vải gai. Người trí nói: “Vải gai đã làm thành nhỏ nhẹ, đáng lấy hơn.” Người ngu nói: “Tôi đã lấy cây gai bó buộc chặt chẽ, khi này còn chưa bỏ, bây giờ bỏ thì phí sức quá chừng.”

Đoạn người trí bèn bỏ hết gánh chỉ gai để lấy vải gai. Họ cùng nhau tiến bước, bỗng gặp một đồng cây Kiếp Bối. Người trí nói: “Thú cây Kiếp Bối này rất quý giá, nhỏ, nhẹ, đáng lấy hơn.” Người ngu nói: “Tôi đã mang cây gai đã xa. Nay bỏ thì uổng quá.”

Lúc ấy, người trí liền bỏ vải gai mà lấy cây kiếp bối. Họ cùng tiến bước, lại gặp chỉ Kiếp Bối, gặp Bạch Diệp, gặp đồng trắng, rồi gặp bạc, gặp vàng.

Người trí nói: “Nếu không có vàng thì ta sẽ lấy bạc, nếu không có bạc thì ta hãy lấy đồng hoặc lấy chỉ gai, nếu không có chỉ gai thì ta hãy lấy cây gai. Nhưng nay tại thôn này có rất nhiều vàng mà vàng là hơn hết

trong các vật này. Vậy ta nên bỏ cây gai, ta hãy bỏ bạc để cùng nhau lấy vàng mỗi người một gánh đem về.”

Người ngu nói: “Nếu anh muốn lấy thì lấy, tùy ý. Tôi đã tốn công quá nhiều. Tôi không thể bỏ cây gai để đổi lấy cái gì khác.”

Thế rồi người trí một mình bỏ bạc lấy một gánh vàng mang về. Đến nhà bà con từ xa vừa trông thấy anh ta về, gánh nhiều vàng thì vui mừng nghinh đón; người được vàng thấy bà con nghinh đón lại càng vui mừng hơn. Trong khi đó, người ngu lấy cây gai về nhà, bà con trông thấy không vui mừng, không ai thêm nghinh tiếp, nên anh càng thêm buồn khổ.

Thưa hiền giả, hiền giả nên từ bỏ tà kiến ấy đi, chớ để thêm khổ não. Như người gánh gai cứ chấp chặt ý ngu, không chịu lấy vàng, gánh gai đem về thật mệt nhọc uống công nhưng không có giá trị, bà

con không vui, và suốt đời phải chịu cảnh nghèo cùng, càng thêm buồn khổ.

Bà La Môn Tệ Túc đáp rằng:

– Thưa tôn giả, tôi nhất định không bỏ quan điểm ấy. Vì tôi nhờ quan điểm ấy mà dạy dỗ nhiều người, đem lại nhiều lợi ích, vua chúa các nơi đều nghe tên tôi, đều biết rõ tôi là hàng học giả chủ trương đoạn diệt.

Tôn giả Ca Diếp ôn tồn nói tiếp: Những người có trí nhờ thí dụ mà hiểu rõ.

Về thuở xa xưa có một đất nước mà nhân dân ở biên cương rất nghèo khó. Lúc đó có một đoàn thương buôn, mang theo một ngàn cỗ xe đi ngang qua nước này. Giữa đường, họ hết sạch lương thực. Người chủ buôn suy nghĩ: “Chúng ta nên phân thành hai nhóm. Nhóm một đi trước dẫn đường.” Người dẫn đường nhìn thấy một người thân thể to lớn, mắt đỏ, mặt đen, xoa bùn cả mình từ đằng xa đi lại, bèn hỏi:

- Người từ đâu lại?
- Tôi từ thôn phía trước đến.
- Chỗ đó có nhiều nước, gạo, củi, rau không?
- Chỗ tôi có nước gạo củi rau dư giả. Và

lúc tôi đi giữa đường, bỗng gặp trời mưa to nên ở thôn kia lại càng có nhiều nước gạo củi rau.

Người ấy lại bảo thương chủ rằng: Nếu trên xe người có chở gạo, rau thì bỏ xuống, vì tại thôn ấy có nhiều rồi, không cần phải chở cho nặng xe.

Thế theo lời người ấy, họ đều bỏ gạo, rau để cho xe nhẹ, đi mau tới nơi. Nhưng họ đi một ngày, hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày cũng không thấy gì cả. Lúc ấy đoàn người buôn đã lâm vào nơi đồng vắng và bị giặc cướp giết chết hết.

Về sau, toán thứ hai tiếp tục lên đường, người chủ buôn đi đầu, lại gặp người mắt đỏ mặt đen, thoa bùn khắp người. Người

chủ đoàn hỏi và được người mắt đỏ ấy trả lời như trường hợp nhóm một. Lần này, người chủ đoàn thận trọng hơn. Ông bảo với những người trong đoàn: “Hãy giữ kỷ lương thực, chớ vội vứt bỏ. Bao giờ được lương thực mới, hãy tính. Vì sao? Vì đồ mới, đồ cũ phải có tiếp tục, mới mong vượt qua được cánh đồng rộng lớn này.” Thế nên cả đoàn người buôn củ chở xe nặng mà đi. Đi được một ngày như thế nhưng không thấy nước rau đậu cả, tiếp tục đi ngày thứ hai, thứ ba cho đến ngày thứ bảy cũng không thấy có nước đậu cả. Họ chỉ thấy xương cốt ngổn ngang của đoàn người đi trước bị giết chết.

– Nay hiền giả, người mắt đỏ mặt đen kia chính là quỷ La Sát. Những người nghe theo lời nó suốt đời chịu khổ, chẳng khác nào đoàn người buôn thứ nhất vì không có trí tuệ nên nghe lời người dẫn đường, do

đó phải thiệt mạng. Này hiền giả! Trái lại, những vị Sa Môn tinh tấn có trí tuệ, dạy những điều lợi ích, nếu ai nghe theo suốt đời được an vui, như đoàn người buôn thứ hai, vì nhờ có trí tuệ nên khỏi bị tai nạn.

– Này hiền giả, hiền giả nên bỏ tà kiến ấy đi, chớ có bảo thủ mà suốt đời chỉ gây thêm đau khổ. Bà La Môn Tệ Túc nhất quyết không từ bỏ quan điểm của mình. Tôn giả Ca Diếp tiếp tục dẫn dụ.

Trong kiếp xa xưa có một đất nước mà nhân dân ở biên cương đều điêu tàn. Lúc đó có một người thích nghề nuôi heo, đi đến một thôn vắng khác, thấy có nhiều phân khô liền nghĩ thầm: Nơi đây có nhiều phân mà đàn heo ta ở nhà đang đói, ta nên lấy cỏ gói phân này đội lên đầu đem về. Nghĩ vậy anh ta liền lấy cỏ gói phân rồi đội đi. Đi được nửa đường gặp trời mưa to, phân rỉ chảy khắp mình mẩy. Mọi người thấy vậy

đều chê anh ta là điên cuồng: “Thứ phân nơ ấy, giả sử trời mát mẻ cũng không ai đội, huống là đội đi trong cơn mưa.” Anh ta nổi giận mắng lại: “Các người là đồ ngu, không biết heo ta ở nhà đang đói, nếu các người biết thì không ai nói ta ngu đâu.”

Này hiền giả, hiền giả nên bỏ quan điểm ấy đi, bằng không suốt đời phải chịu khổ đau. Cũng như người ngu kia đội phân đi bị người khác chê, khi được can gián lại mắng người ta là ngu si.

– Này hiền giả, thuở xưa, ở thôn Tư Ba Ê này có một người Phạm Chí kỳ cựu, tuổi đã một trăm hai mươi, có hai người vợ, một người có con trước, một người mới mang thai. Chẳng bao lâu, Phạm Chí qua đời. Mẹ con người vợ lớn nói với người vợ nhỏ rằng: “Bao nhiêu của báu này đều giao hết cho chúng tôi cả, người không có phần nào.” Người vợ nhỏ nói: “Chị hãy chờ

một thời gian ngắn, tôi sẽ sanh, nếu là con trai thì sẽ có một phần gia tài, nếu là con gái thì chị đem gả chồng để lấy tiền của.” Nhưng người vợ lớn cứ nài nỉ đến ba lần, đòi chia gia tài cho được. Người vợ nhỏ vẫn trả lời như trước. Con của người vợ lớn cứ ép buộc mãi, người vợ nhỏ nổi giận lấy dao bén, tự mổ bụng mình để xem thai nhi trong bụng con trai hay con gái.

– Nay hiền giả, người mẹ tự mổ bụng mình lại hại luôn đứa con trong bào thai. Nay hiền giả cũng thế, đã tự giết mình còn muốn giết kẻ khác. Chỉ có Sa Môn, Bà La Môn nào siêng tu thiện, giới đức đầy đủ, nếu sống lâu ở đời mới đem lại nhiều lợi ích an lạc cho cả Trời Người.

– Thưa hiền giả, nay tôi sẽ đem dẫn dụ cuối cùng để hiền giả thấy rõ tai hại của tà kiến. Thuở xưa tại thôn Tư Ba Ê này, có hai người giỏi về nghề luyện bi. Một hôm,

hai người đấu nghề với nhau, một người thắng cuộc, một người thua cuộc. Thế rồi, người thua cuộc nói với người thắng cuộc rằng: “Thôi, hôm nay chúng ta nghỉ, ngày mai đấu lại.” Nói xong người thua cuộc trở về nhà lấy những hòn bi đem tẩm thuốc độc rồi đem phơi khô. Sáng hôm sau, anh ta đem những hòn bi đó đến chỗ người thắng cuộc yêu cầu đấu lại. Trước khi chơi, người thua cuộc lấy một hòn bi đã tẩm thuốc độc đưa cho người thắng cuộc, người thắng cuộc lấy nuốt, người thua cuộc lại trao nữa, người thắng cuộc tiếp tục nuốt. Lúc ấy người thắng cuộc bị chất độc làm rung động cả thân.

Kể xong tôn giả Ca Diếp khuyên Bà La Môn Tệ Túc rằng:

– Xin hiền giả nên mau bỏ tà kiến, chớ để mê muội mãi lại càng thêm khổ sở, như người chơi bi kia, nuốt độc mà không biết.

Lúc đó Bà La Môn Tệ Túc thưa tôn giả Ca Diếp rằng:

– Thưa tôn giả ngay thí dụ đầu tiên về mặt trăng, tôi đã hiểu rồi, sở dĩ tôi tráo trở không chấp nhận là vì tôi muốn thấy trí tuệ biện tài của Ngài để thêm vững chắc lòng tin. Nay tôi xin tín thọ quy y với Ngài.

Tôn giả Ca Diếp đáp: Hiền giả chớ quy y với tôi mà nên quy y với Đấng Vô Thượng Tôn, như tôi đã quy y.

Bà La Môn Tệ Túc thưa: Hiền nay Đấng Vô Thượng Tôn đang ngự ở đâu?

Tôn giả Ca Diếp đáp: Đức Thế Tôn thấy tôi đã diệt độ chưa bao lâu.

Bà La Môn Tệ Túc nói: Nếu Đức Thế Tôn còn, chẳng quản xa gần, tôi cũng tìm đến gặp Ngài và quy y lễ bái. Nhưng nay Đức Thế Tôn đã diệt độ, vậy tôi xin quy y Đức Như Lai đã diệt độ, quy y Pháp và quy y chúng Tăng. Xin tôn giả hãy chấp nhận

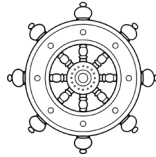
tôi là kẻ Ưu Bà Tắc ở trong chánh pháp. Từ nay về sau tôi nguyện trọn đời không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Tôi nay sẽ đại bố thí cho tất cả.

Tôn giả Ca Diếp nói: Nếu hiền giả sát hại chúng sanh, đánh đập tôi tớ để mở hội bố thí, điều đó chẳng phải là phúc thanh tịnh. Và nếu giết hại chúng sanh, đánh đập tôi tớ để mở hội bố thí và bố thí cho hạng người tà kiến, thì đó chẳng phải là tạo phúc thanh tịnh. Ví như trên đất cạn nhiều sạn sỏi, nhiều chông gai mà đem gieo giống vào, chắc chắn không gặt hái được gì. Trái lại, nếu mở hội đại bố thí mà không giết hại chúng sanh, không đánh đập tôi tớ, đem lòng hoan hỷ mở hội bố thí, bố thí cho hạng người thanh tịnh, thì hiền giả sẽ thu được nhiều phúc lớn. Cũng như ruộng tốt đúng mùa mà gieo giống,

tất nhiên sẽ thu hoạch được nhiều tốt đẹp.

Bấy giờ, Bà La Môn Tệ Túc, thiếu niên Phạm Chí, chúng Bà La Môn và các cư sĩ trong thôn Tư Ba Ê nghe tôn giả Ca Diếp nói pháp xong đều hoan hỷ phụng hành.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
(3 lần)



16. KINH A DI ĐÀ



**Nam mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ tát
(3 lần)**

Ta nghe như vậy: Một thuở kia tại nước Xá Vệ, Phật ở trong vườn ông Cấp Cô Độc, có những cây của thái tử Kỳ Đà, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại tỳ kheo, đều là những bậc đại A La Hán như:

Trưởng lão Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Lợi Bàn Đà Đà, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tần Đầu Lô Phả La Đa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nậu Lâu Đà, còn nhiều vị đệ tử khác cũng như thế nữa.

Lại có các vị bồ tát như Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà

Ha Đế Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, cùng nhiều vị bồ tát khác, cũng như thế nữa.

Cả vua Đế Thích và vua khác, cùng các đấng trên cõi trời và các cõi khác đông không xiết kể, cũng đến dự hội.

Bấy giờ, Phật bảo trưởng lão Xá Lợi Phất rằng, từ đây đi về bên Tây Phương kia trải qua hết mười muôn ức Phật độ, có một thế giới gọi là Cực Lạc. Cõi ấy có Phật hiệu là A Di Đà, hiện đang thuyết pháp.

Xá Lợi Phất ơi! Cõi ấy vì sao gọi là Cực Lạc? Chúng sanh cõi ấy không thấy những khổ, chỉ hưởng những vui, bởi thế cho nên gọi là Cực Lạc.

Lại còn đây nữa Xá Lợi Phất ơi! Cõi nước Cực Lạc bảy lớp giậu rào, bảy hàng lưới giăng, che bảy hàng cây toàn bằng tứ bảo khắp cả chung quanh, bởi thế nước kia gọi là Cực Lạc.

Lại còn đây nữa Xá Lợi Phất ơi! Cõi nước

Cục Lạc có ao thất bảo, trong ao thường đầy nước bát công đức, đáy ao bằng cát vàng óng ánh! Bốn bên bờ ao bậc lên lối đi, làm bằng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, xích châu, mã não.

Hoa trong ao to bằng bánh xe, màu xanh sáng xanh, màu vàng sáng vàng, màu đỏ sáng đỏ, màu trắng sáng trắng, nhiệm màu thơm sạch.

Xá Lợi Phất này! Cõi nước Cục Lạc chỉ lấy công đức tạo thành mà được trang nghiêm thế đấy!

Lại còn đây nữa Xá Lợi Phất ơi! Nước Cục Lạc kia thường trỗi nhạc trời, mặt đất thuần vàng, ngày đêm sáu buổi, hoa Mạn Đà La rải xuống như mưa. Chúng sinh nước kia, thường ngày sáng sớm, đều lấy vạt áo, đựng các thứ hoa, màu thơm đẹp lạ, đi cúng phương xa, mười muôn ức Phật chỉ trong giờ ăn, lại về ngay nhà, cơm xong đi dạo.

Xá Lợi Phất này, cõi nước Cực Lạc, chỉ lấy công đức mà tạo thành được trang nghiêm như thế đấy!

Rồi lại còn nữa Xá Lợi Phất ơi! Nước kia thường có nhiều loài chim, màu đẹp vẻ lạ, như chim Hạc Trắng, chim Vẹt, chim Công, Xá Lợi, Cội Mạ, Ca Lăng Tần Già, những đàn chim ấy ngày đêm sáu buổi, tiếng hót hòa nhã, diễn ra các pháp: Ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần, bát chánh đạo phần và nhiều pháp khác.

Cũng như thế nữa, chúng sinh nước kia nghe tiếng ấy rồi đều vui niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Xá Lợi Phất này, ông chớ bảo rằng, những loài chim ấy, thực vì tội báo phải làm kiếp chim, là vì lẽ sao?

Vì nước Phật kia không bao giờ có ba đường ác đạo. Xá Lợi Phất này, trong nước Phật kia, cái tên ác đạo còn không

thấy có, hưởng chi lại có ác đạo thật ư? Những chim ấy là do Phật A Di Đà, muốn cho tiếng pháp chan hòa mà biến hóa ra. Xá Lợi Phất ơi! Cõi nước Phật kia, gió hiu hiu thổi, những hàng cây báu, những lưới ngọc giăng, rung động phát ra những tiếng nhiệm màu như là trăm nghìn các thứ âm nhạc đồng thời nổi lên. Người nghe tiếng ấy, tự nhiên đều vui, nức lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Xá Lợi Phất ơi! Cõi nước Phật kia chỉ lấy công đức mà tạo thành được trang nghiêm thế ấy. Xá Lợi Phất ơi! Phật kia sáng suốt, vô cùng vô lượng, soi khắp các nước, khắp cả mười phương không đâu chướng ngại, vì thế nên gọi là A Di Đà.

Lại còn đây nữa, Xá Lợi Phất ơi! Phật kia cùng với nhân dân của Ngài, sống lâu vô cùng, đến bao nhiêu kiếp không thể kể xiết, vì thế nên gọi là A Di Đà.

Xá Lợi Phất ơi! Phật A Di Đà, thành Phật đến nay, mới có mười kiếp.

Lại còn đây nữa, Xá Lợi Phất ơi! Phật kia có nhiều đệ tử Thanh Văn toàn A La Hán, nhiều lắm không thể đếm mà biết được; các vị Bồ Tát cũng đông như thế.

Xá Lợi Phất này, cõi nước Phật kia chỉ lấy công đức mà tạo thành được trang nghiêm thế đấy.

Lại còn đây nữa, Xá Lợi Phất ơi! Cõi nước Cực Lạc chúng sanh sang đấy, đều là những bậc A Bệ Bạt Trí, trong đó có nhiều vị Nhất Sanh Bồ Xứ, số sinh sang ấy nhiều không thể đếm; chỉ có thể nói là nhiều vô số, vô lượng vô biên.

Xá Lợi Phất ơi! Chúng sinh nghe rồi thì nên phát nguyện, nguyện sinh sang cõi ấy, là vì có sao? Vì sinh sang đấy được cùng các vị thượng thiện như thế cùng hội một nơi.

Xá Lợi Phất ơi! Chẳng có thể nào lấy

chút ít thiện căn, phúc đức, nhân duyên mà được sinh sang bên nước kia đâu!

Xá Lợi Phất này! Nếu có thiện nam hay là thiện nữ mà được nghe nói Phật A Di Đà, rồi nhớ ngay lấy danh hiệu của Ngài, niệm trong một ngày, hai ngày hay là ba ngày, hay là bốn ngày, hay là năm ngày, sáu ngày, bảy ngày, niệm kỳ cho thành một người nhất tâm, không còn loạn tưởng. Thế là người ấy, khi nào lâm chung, Phật A Di Đà cùng chư thánh chúng hiện ra trước mặt. Người ấy lúc chết, tâm không điên đảo, tức là được sanh sang nước Cực Lạc Phật A Di Đà.

Xá Lợi Phất ơi! Ta thấy lợi ích như thế, cho nên nói thế. Nếu chúng sanh nào nghe nói thế rồi, thì nên phát nguyện sinh sang nước kia.

Xá Lợi Phất ơi! Như ta ngày nay, khen sự lợi ích về công đức của Phật A Di Đà,

chẳng xiết nghĩ bàn, thì bên Đông phương cũng có chư Phật: Phật A Súc Bệ, Phật Tu Di Tướng, Phật Đại Tu Di, Phật Tu Di Quang và Phật Diệu Âm, còn nhiều Phật khác như cát sông Hằng, cũng như thế nữa đều ở nước mình và đều hiện ra tướng lưỡi rộng dài, che khắp ba nghìn đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng: “Chúng sanh người nên tin kinh này là một bản kinh tán thán công đức chẳng thể nghĩ bàn và được hết thảy chư Phật hộ niệm.”

Xá Lợi Phất ơi! Thế giới Nam phương cũng có chư Phật: Phật Nhật Nguyệt Đăng, Phật Danh Văn Quang, Phật Đại Diệm Kiên, Phật Tu Di Đăng, Phật Vô Lượng Tinh Tấn, còn nhiều Phật khác như cát sông Hằng cũng như thế nữa, đều ở nước mình và đều hiện ra tướng lưỡi rộng dài, che khắp ba nghìn đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng: “Chúng sanh người

nên tin kinh này là một bản kinh tán thán công đức chẳng thể nghĩ bàn và được hết thảy chư Phật hộ niệm.”

Xá Lợi Phất ơi! Thế giới Tây phương cũng có chư Phật: Phật Vô Lượng Thọ, Phật Vô Lượng Tướng, Phật Vô Lượng Trang, Phật Đại Quang, Phật Đại Minh, Phật Bảo Tướng, Phật Tịnh Quang, còn nhiều Phật khác như cát sông Hằng, cũng như thế nữa đều ở nước mình và đều hiện ra tướng lưới rộng dài, che khắp ba nghìn đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng: “Chúng sanh người nên tin kinh này là một bản kinh tán thán công đức chẳng thể nghĩ bàn và được hết thảy chư Phật hộ niệm.”

Xá lợi Phất ơi! Thế giới Bắc phương cũng có chư Phật: Phật Đại Diệm Kiên, Phật Tối Thắng Âm, Phật Nan Trử, Phật Nhật Sanh, Phật Vô Lượng Minh, còn nhiều Phật khác như cát sông Hằng, cũng như thế nữa đều

ở nước mình và đều hiện ra tướng lưỡi rộng dài, che khắp ba nghìn đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng: “Chúng sanh người nên tin kinh này là một bản kinh tán thán công đức chẳng thể nghĩ bàn và được hết thảy chư Phật hộ niệm.”

Xá lợi Phất ơi! Thế giới Hạ phương cũng có chư Phật: Phật Sư Tử, Phật Danh Văn, Phật Danh Quang, Phật Đạt Ma, Phật Pháp Tràng, Phật Trì Pháp, còn nhiều Phật khác như cát sông Hằng, cũng như thế nữa đều ở nước mình và đều hiện ra tướng lưỡi rộng dài, che khắp ba nghìn đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng: “Chúng sanh người nên tin kinh này là một bản kinh tán thán công đức chẳng thể nghĩ bàn và được hết thảy chư Phật hộ niệm.”

Xá lợi Phất ơi! Thế Giới Thượng phương cũng có chư Phật: Phật Phạm Âm, Phật Tú Vương, Phật Hương Thượng, Phật Hương

Quang, Phật Đại Diệm Kiên, Phật Táp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân, Phật Ta La Thọ Vương, Phật Tu Di Sơn, còn nhiều Phật khác như cát sông Hằng, cũng như thế nữa đều ở nước mình và đều hiện ra tướng lưới rộng dài, che khắp ba nghìn đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng: “Chúng sanh người nên tin kinh này là một bản kinh tán thán công đức chẳng thể nghĩ bàn và được hết thấy chư Phật hộ niệm.”

Xá lợi Phất ơi! Ý ông thế nào, sao gọi kinh này là “Kinh Nhất Thiết Chư Phật Hộ Niệm?”

Xá Lợi Phất này, nếu có thiện nam hay là thiện nữ, nghe kinh này rồi mà chịu nhớ lấy cả những danh hiệu chư Phật sáu phương, thì thiện nam ấy hay thiện nữ ấy đều được hết thấy chư Phật hộ niệm và được tới cõi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chẳng hề lay chuyển.

Vì thế cho nên, ông Xá lợi Phất cùng các ông đây cũng nên tin chịu lời ta và lời chư Phật đã nói.

Xá Lợi Phất ơi! Nếu có những người muốn sinh sang nước của Phật A Di Đà, mà đã phát nguyện, thì những người ấy được tới cõi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chẳng hề lay chuyển và được sinh sang cõi nước kia. Ai đã phát nguyện thì đã sinh rồi, ai nay mới nguyện thì nay được sinh, còn mai mới nguyện thì mai được sinh. Bởi thế cho nên, Xá Lợi Phất ơi, các thiện nam ơi, các thiện nữ ơi, nếu có ai tin thì nên phát nguyện sinh sang nước kia.

Xá Lợi Phất ơi! Như ta ngày nay ngợi khen công đức chẳng xiết nghĩ bàn của chư Phật kia, thì chư Phật kia cũng lại khen ngợi công đức của ta chẳng xiết nghĩ bàn mà nói câu này: “Phật Thích Ca Mâu Ni làm được những việc rất khó hiếm có ở

ngay giữa cõi Ta Bà kham khổ. Lại vào cái đời có năm ác trước: Một là kiếp trước, hai là kiến trước, ba là phiền não trước, bốn là chúng sanh trước, năm là mạng trước, thế mà chúng được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Lại vì chúng sanh nói ra pháp ấy, là pháp hết thấy thế gian khó tin.”

Xá Lợi Phất ơi! Ông nên biết rằng ở giữa cõi đời có năm trước ác mà ta đã làm việc rất khó kia là đã chúng được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, và ta đã nói pháp khó tin ấy, để cho hết thấy các thế gian nghe, như thế thật là những việc rất khó.

Phật nói kinh này khi đã xong rồi, ngài Xá Lợi Phất và các tỳ kheo, hết thấy thế gian cõi Trời, cõi Người, cõi A Tu La và các cõi khác, nghe lời Phật nói vui mừng tin chịu làm lễ rồi lui ra.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

(3 lần)

17. KINH KIM CƯƠNG GUỒM BÁU CẮT ĐỨT PHIỀN NÃO



Kệ tán:

Làm sao vượt sanh tử

Đạt được thân Kim Cương?

Tu tập theo lối nào

Quét được muôn huyễn tướng

Xin Phật đem lòng thương

Mở bày kho bí tạng

Vì tất cả chúng con

Dem pháp mầu diễn xướng!

Đây là những điều tôi được nghe hồi Phật còn ở tại tu viện Kỳ Thọ Cấp Cô Độc gần thành Xá Vệ, với đại chúng khát sĩ gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị. Hôm ấy vào giờ khát thực, Phật mặc áo và ôm bát đi vào thành Xá Vệ. Trong thành, Người theo phép tuần tự ghé từng nhà để khát

thực. Khất thực xong, Người về lại tu viện thọ trai. Thọ trai xong, Người xếp y bát, rửa chân, trải tọa cụ mà ngồi.

Lúc ấy, từ chỗ ngồi của mình trong đại chúng, thượng tọa Tu Bồ Đề đứng dậy, trích vai áo bên phải ra, quỳ chân trái xuống, chấp tay cung kính bạch với Phật rằng: "Thế Tôn, Người thật là bậc hiếm có! Thế Tôn thường đặc biệt hộ niệm và giao phó sự nghiệp cho các vị Bồ Tát. Thế Tôn, những người con trai hiền và những người con gái hiền nào muốn phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì nên nương tựa vào đâu và làm sao mà điều phục tâm mình?"

Phật bảo: "Hay lắm, thầy Tu Bồ Đề! Thầy nói thật đúng, Như Lai thường đặc biệt hộ niệm và giao phó sự nghiệp cho các vị Bồ Tát. Nay, thầy hãy lắng nghe cho kỹ, Như Lai sẽ vì thầy mà trả lời. Những người con

traí hiên hay những người con gái hiên nào muốn phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì phải nương tựa và phải điều phục tâm của họ như thế này."

Thầy Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn, chúng con rất mong được nghe Người chỉ dạy."

Phật bảo Tu Bồ Đề: "Các bậc Bồ Tát đại nhân nên hàng phục tâm mình như sau: Có cả thấy bao nhiêu loại chúng sanh, hoặc sanh từ trứng, hoặc sanh từ thai, hoặc sanh từ sự ẩm ướt, hoặc từ sự biến hóa, hoặc có hình sắc, hoặc không có hình sắc, hoặc có tri giác, hoặc không có tri giác, hoặc không phải có tri giác cũng không phải không có tri giác, ta đều phải đưa tất cả các loài ấy vào Niết Bàn tuyệt đối để tất cả đều được giải thoát. Giải thoát cho vô số, vô lượng, vô biên chúng sanh như thế, mà kỳ thực ta không thấy có chúng sanh nào được giải thoát. Vì sao? Nay Tu

Bồ Đề, nếu một vị Bồ Tát mà còn có khái niệm về Ngã, về Nhân, về Chúng Sanh và về Thọ Giả thì vị ấy chưa phải là một vị Bồ Tát đích thực.

Này nữa, thầy Tu Bồ Đề, vị Bồ Tát thực hiện phép bố thí nhưng không dựa vào bất cứ một thứ gì, nghĩa là không dựa vào sắc để bố thí, cũng không dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp để bố thí. Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên bố thí theo tinh thần ấy, không dựa vào tướng. Tại sao? Nếu Bồ Tát bố thí mà không dựa vào tướng thì phước đức sẽ không thể nghĩ bàn. Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Không gian về phía Đông có thể nghĩ và lường được không?"

- Bạch Đức Thế Tôn, không.

- Này thầy Tu Bồ Đề, không gian về phương Tây, phương Nam, phương Bắc, phương Trên và phương Dưới có thể nghĩ và lường được hay không?

- Bạch Đức Thế Tôn, không.

- Nay thầy Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát không nương vào đâu cả để thực hiện phép bố thí thì phước đức cũng nhiều như hư không vậy, không thể nghĩ được, không thể lường được. Nay Tu Bồ Đề, các vị Bồ Tát nên trú tâm theo những lời chỉ dẫn vừa đưa ra.

- Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có thể nhận diện Như Lai qua thân tướng hay không?

- Bạch Đức Thế Tôn, không. Cái mà Như Lai nói là thân tướng vốn không phải là thân tướng.

Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: "Nơi nào có tướng là nơi đó còn có sự lường gạt. Nếu thấy được tính cách không tướng của các tướng tức là thấy được Như Lai."

Thầy Tu Bồ Đề thưa với Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, trong tương lai, khi nghe những câu nói như thế người ta có thể phát sinh được lòng tin chân thật hay không?"

Phật bảo: "Thầy đừng nói vậy. Năm trăm năm sau khi Như Lai diệt độ, vẫn sẽ có những người biết giữ giới và tu phước, và những người ấy khi nghe được những lời như trên cũng sẽ có thể phát sinh lòng tin và nhận ra đó là sự thật. Ta nên biết rằng những người ấy đã gieo trồng những hạt giống tốt không phải ở nơi một vị Phật, hai vị Phật, ba, bốn, năm vị Phật mà thật sự đã gieo trồng những hạt giống lành ở nơi vô lượng ngàn muôn vị Phật. Người nào chỉ trong một giây phút thôi, phát sinh được niềm tin thanh tịnh khi nghe những lời và những câu ấy, thì Như Lai tất nhiên BIẾT được người ấy, THẤY được người ấy và người ấy sẽ đạt được vô lượng phước đức như thế. Vì sao? Vì những người như thế không còn kẹt vào những khái niệm về Ngã, về Nhân, về Chúng Sanh, về Thọ Giả, về Pháp, về Không Phải Pháp, về Tướng

và về Không Phải Tướng. Vì sao? Nếu còn chấp vào ý niệm Pháp thì vẫn còn kẹt vào các tướng Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả, và nếu còn chấp vào ý niệm Không Phải Pháp, thì cũng vẫn còn kẹt vào tướng Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả như thường. Thế cho nên, đã không nên chấp vào Pháp mà cũng không nên chấp vào Không Phải Pháp. Vì vậy mà Như Lai đã mật ý nói: Này các vị khất sĩ, nên biết rằng Pháp tôi nói được ví như chiếc bè, Pháp còn nên bỏ, huống là Không Phải Pháp."

Thầy Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có đắc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không? Như Lai có pháp gì để tuyên thuyết hay không?

Thầy Tu Bồ Đề thưa: "Theo con hiểu điều Phật dạy thì chẳng có một pháp gì riêng biệt được gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng không có một pháp nào

riêng biệt được Như Lai tuyên thuyết. Vì sao? Vì những pháp mà Như Lai đã chứng và đã nói thì không thể nắm bắt được, cũng không thể diễn tả được. Đó không phải là pháp cũng không phải là không pháp. Vì sao? Vì tất cả các bậc hiền thánh đều do pháp vô vi mà trở nên khác người."

- Thấy Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Nếu có người đem bảy thứ châu báu nhiều cho đến nỗi chứa đầy cả thế giới tam thiên đại thiên này để bố thí, thì người ấy có phước đức nhiều hay không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Vì sao? Bạch Đức Thế Tôn, vì phước đức ấy trong tự thân chẳng phải là phước đức nên Như Lai mới nói là phước đức nhiều."

- Nếu có người tiếp nhận và hành trì kinh này dù chỉ một bài kệ bốn câu trong kinh thôi rồi đem giảng nói cho người khác nghe thì phước đức của người này còn

lớn hơn phước đức của người kia. Tại sao? Đây Tu Bồ Đề, tất cả các đức Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của các đức Phật, đều xuất phát từ kinh này. Đây Tu Bồ Đề, cái gọi là pháp Phật, cái đó chính là cái không phải pháp Phật.

- Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Một vị Tu Đà Hoàn có nghĩ rằng: “Ta đã đắc quả Tu Đà Hoàn” không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Tu Đà Hoàn có nghĩa là đi vào dòng mà thật ra không có dòng nào để đi vào cả. Không đi vào dòng sắc, cũng không đi vào dòng thanh, hương, vị, xúc và pháp. Vì vậy cho nên gọi là "đi vào dòng".

- Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Một vị Tư Đà Hàm có nghĩ rằng: “Ta đã đắc quả Tư Đà Hàm” không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Đức Thế Tôn, không. Vì sao? Tư Đà Hàm có nghĩa là

một đi một trở lại mà thật ra không có sự đi cũng không có sự trở lại. Vì vậy cho nên gọi là Tư Đà Hàm."

- Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Một vị A Na Hàm có nghĩ rằng: "Ta đã đắc quả A Na Hàm" không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? A Na Hàm có nghĩa là không trở lại. Mà thật ra làm gì có sự không trở lại? Vì vậy cho nên gọi là A Na Hàm."

- Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Một vị A La Hán có thể nghĩ rằng: "Ta đã đắc quả A La Hán" không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Đức Thế Tôn, không. Vì sao? Thật ra không có pháp nào riêng biệt được gọi là A La Hán. Bạch Thế Tôn, nếu một vị A La Hán nào khởi niệm rằng "Ta đã đắc quả A La Hán" thì vị đó còn chấp vào Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả. Bạch Đức Thế Tôn, Thế Tôn

thường nói con đã đạt tới Vô Trách Tam Muội và trong Tăng Thân, con là vị A La Hán ly dục đệ nhất. Thế Tôn, nếu con nghĩ rằng con đã đắc quả A La Hán thì chắc Thế Tôn đã không nói rằng Tu Bồ Đề là người ưa hạnh A Lan Nhã."

Phật hỏi thầy Tu Bồ Đề: "Thuở xưa lúc còn theo học với Phật Nhiên Đăng, Như Lai có đặc pháp gì chăng?"

- Bạch Đức Thế Tôn, không. Ngày xưa khi còn ở với Phật Nhiên Đăng, Như Lai không có đặc pháp gì cả.

- Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Bồ Tát có trang nghiêm cội Phật chăng?

- Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Trang nghiêm cội Phật tức là không trang nghiêm cội Phật, vì vậy nên mới gọi là trang nghiêm cội Phật.

- Như thế đó, thầy Tu Bồ Đề, các vị Bồ Tát và đại nhân nên phát tâm thanh tịnh theo

tinh thần ấy. Không nên dựa vào sắc mà phát tâm, cũng không nên dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp mà phát tâm. Chỉ nên phát tâm trong tinh thần vô trụ.

- Nay thầy Tu Bồ Đề, ví dụ có người có thân lớn như núi chúa Tu Di, thầy nghĩ sao? Thân ấy có lớn không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Đức Thế Tôn, lớn lắm. Vì sao? Cái mà Thế Tôn gọi là không phải thân lớn mới đích thật là thân lớn."

- Thầy Tu Bồ Đề, ví dụ trong sông Hằng có bao nhiêu hạt cát là có bấy nhiêu dòng sông Hằng. Vậy thì cát của tất cả các sông Hằng ấy có nhiều không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều. Số lượng các sông Hằng đã là vĩ đại, huống là số lượng những hạt cát của các sông Hằng ấy."

- Nay Tu Bồ Đề, bây giờ tôi muốn hỏi thật thầy rằng, nếu có người con trai hay

người con gái nhà lành nào đem châu báu chất đầy cả thế giới tam thiên đại thiên nhiều như cát của tất cả các sông Hằng kia mà bố thí thì phước đức có nhiều không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn, rất nhiều."

Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: "Nếu người con trai hay người con gái nhà lành nào mà thọ trì kinh này dù chỉ một bài kệ bốn câu thôi và đem ra chia sẻ với người khác thì phước đức của người này còn nhiều hơn phước đức của người trước."

Còn nữa, thầy Tu Bồ Đề, mảnh đất nào mà nơi đó có người thuyết kinh này, dù chỉ là thuyết một bài kệ bốn câu thôi, thì nên biết rằng mảnh đất ấy là nơi mà tất cả các giới Thiên, Nhân và A Tu La đều phải hướng về cúng dường như là cúng dường tháp miếu của Phật. Một mảnh đất mà còn như thế, huống gì là bản thân người đứng ra hành trì và đọc tụng. Tu Bồ Đề

ơ, thầy nên biết rằng, một con người như thế đã thành tựu được chuyện hiếm có tối thượng. Nơi nào mà có kinh này là nơi đó có mặt của bậc đạo sư, hoặc một vị đệ tử lớn của người."

Lúc ấy thầy Tu Bồ Đề thưa với Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, nên đặt tên kinh này là kinh gì và chúng con nên phụng trì kinh này như thế nào?"

Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: "Nên gọi kinh này là kinh Kim Cương Có Năng Lực Chặt Đứt Phiền Não Và Đưa Sang Bờ Giải Thoát (Năng Đoạn Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh). Hãy dùng danh từ ấy mà phụng trì kinh này. Vì sao? Cái mà Như Lai gọi là Bát Nhã Ba La Mật vốn không phải là Bát Nhã Ba La Mật cho nên mới thật sự là Bát Nhã Ba La Mật."

Phật hỏi: "Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Như Lai có pháp để nói không?"

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn, Như Lai chẳng có gì để nói cả."

- Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Cát bụi do tam thiên đại thiên thế giới nghiền ra có nhiều không?

- Nhiều lắm, bạch Thế Tôn.

- Nay Tu Bồ Đề, những cát bụi ấy Như Lai gọi không phải là cát bụi cho nên mới thực sự là cát bụi. Cái mà Như Lai gọi là thế giới tức không phải là thế giới cho nên được gọi là thế giới. Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có thể nhận diện Như Lai qua ba mươi hai tướng không?

- Bạch Đức Thế Tôn, không. Vì sao? Vì cái mà Như Lai gọi là ba mươi hai tướng đều không phải là tướng, vì vậy cho nên Như Lai mới gọi là ba mươi hai tướng.

- Tu Bồ Đề, nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành nào đem thân mạng nhiều như số cát sông Hằng

mà thực hiện việc bố thí, và nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành khác biết thọ trì và đem kinh này ra giảng cho kẻ khác, dù chỉ thọ trì và giảng dạy bốn câu thôi, thì phước đức của người này cũng nhiều hơn phước đức của người trước.

Nghe kinh này tới đây, thấm được nghĩa lý thâm sâu, thấy Tu Bồ Đề cảm động khóc rơi nước mắt. Thấy thưa: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thật là hiếm có, từ ngày theo Thế Tôn đạt được tuệ nhân cho đến giờ, con chưa bao giờ được nghe kinh điển thâm diệu như hôm nay. Thế Tôn, nếu có người nghe được kinh này mà có lòng tin thanh tịnh và đạt được cái thấy chân thật thì nên biết người ấy đã thực hiện được công đức hiếm có vào bậc nhất. Thế Tôn, ngày nay con nghe được kinh điển mầu nhiệm như thế này, được tin, hiểu, tiếp nhận và hành

trì kinh này cũng chưa phải là chuyện khó có lắm, nhưng trong tương lai, khoảng năm trăm năm về sau mà có người được nghe kinh này lại có thể tin, hiểu, tiếp nhận và hành trì thì chắc chắn sự có mặt của kẻ ấy là một sự hiếm có vào bậc nhất. Vì sao vậy? Vì những kẻ ấy sẽ không bị khống chế bởi khái niệm về Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả. Tại vì sao? Khái niệm về Ngã tức không phải là khái niệm, khái niệm về Nhân, về Chúng Sanh và về Thọ Giả cũng không phải là những khái niệm. Vì sao? Vì thoát khỏi sự khống chế của các khái niệm cho nên có các vị Phật."

Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: "Đúng thế, đúng thế. Nếu có người được nghe kinh này mà không hoảng, không sợ thì nên biết rằng những người như vậy rất là hiếm có. Tại sao? Nay thầy Tu Bồ Đề ơi, cái mà Như Lai gọi là đệ nhất Ba La Mật vốn không phải là

đệ nhất Ba La Mật cho nên mới được gọi là đệ nhất Ba La Mật.

Tu Bồ Đề, cái gọi là Nhẫn Nhục Ba La Mật, Như Lai nói không phải là Nhẫn Nhục Ba La Mật nên mới được gọi là Nhẫn Nhục Ba La Mật. Tại sao? Tu Bồ Đề này, trong một tiền kiếp xa xưa, khi bị vua Ca Lợi Vương (Kalinga) cắt đứt thân thể, ta đã không bị kẹt vào khái niệm về Ngã, không bị kẹt vào khái niệm về Nhân, về Chúng Sanh và về Thọ Giả. Vì nếu khi đó ta bị kẹt vào những khái niệm ấy thì ta đã sanh tâm oán hận Ca Lợi Vương mất rồi.

Lại nhớ đến thuở xưa khi ta còn tu tiên theo hạnh nhẫn nhục, trong suốt năm trăm kiếp, ta đã tu tập để không bị kẹt vào các khái niệm Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả. Vậy nên thầy Tu Bồ Đề ơi, Bồ Tát khi phát tâm bồ đề vô thượng thì nên buông bỏ tất cả các khái niệm, không nên

dựa vào sắc mà phát tâm, không nên dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp mà phát tâm, chỉ nên phát tâm vô trụ.

Như Lai đã nói tất cả các khái niệm đều không phải là khái niệm và tất cả các loài chúng sanh đều không phải là chúng sanh. Tu Bồ Đề, Như Lai là kẻ nói lời chính xác, là kẻ nói lời đúng với sự thật, là kẻ nói lời phù hợp với thực tại, là kẻ nói lời không dối trá, là kẻ chỉ nói một lời. Tu Bồ Đề, nếu có pháp mà Như Lai đã đắc thì pháp ấy không phải thật cũng không phải hư.

Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát còn dựa vào pháp mà thực hiện bố thí thì cũng như đi vào trong bóng tối, chẳng thấy được gì. Trái lại, nếu Bồ Tát không dựa vào pháp mà bố thí thì cũng như người có mắt đi trong ánh mặt trời, có thể thấy được mọi hình và mọi sắc.

Tu Bồ Đề, trong tương lai nếu có một

người con trai hay một người con gái nhà lành nào mà có khả năng tiếp nhận, đọc tụng và hành trì kinh này thì người ấy sẽ được Như Lai nhìn thấy với con mắt trí tuệ của Người. Như Lai sẽ BIẾT người ấy, sẽ THẤY người ấy và người ấy sẽ thực hiện được công đức vô lượng vô biên.

Này thầy Tu Bồ Đề, nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành nào buổi sáng đem thân mạng mình ra nhiều như số cát sông Hằng mà bố thí, buổi trưa và buổi chiều cũng vậy, trong thời gian trăm ngàn vạn ức vô lượng kiếp, và nếu có một kẻ khác tuy không làm như thế, nhưng khi nghe đến kinh này thì đem lòng tin tưởng, không phản kháng lại thì phước đức còn nhiều hơn phước đức của người kia. Nghe mà đem lòng tin còn có phước đức lớn như vậy, huống hồ là biên chép, hành trì, đọc tụng và giải thích cho

kẻ khác được nghe. Tu Bồ Đề, nói tóm lại thì kinh này có công đức vô biên, không thể nghĩ cho cùng, không thể nói cho hết cũng không thể đo lường. Nếu có người nào có khả năng thọ trì, đọc tụng và phổ biến cho người khác biết thì kẻ ấy sẽ được Như Lai thấy tới, biết tới và người ấy sẽ thực hiện được công đức không thể nghĩ cho cùng, không thể nói cho hết, không có biên giới, không có đo lường, không thể so sánh. Người như thế có thể gánh vác sự nghiệp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Như Lai. Tại sao? Tu Bồ Đề này, nếu chỉ ưa thích pháp nhỏ, nếu còn vướng mắc vào Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả thì không có khả năng nghe, nhận, đọc tụng và giải thuyết cho kẻ khác. Tu Bồ Đề, bất cứ nơi nào có kinh này thì tất cả các giới Thiên, Nhân, A Tu La đều phải đến cúng dường, những nơi ấy đều được

gọi là bảo tháp cần được cung kính, hành lễ, đi quanh và cúng dường bằng hoa và bằng hương.

Này nữa thầy Tu Bồ Đề, nếu một người con trai hoặc một người con gái nhà lành nào đọc tụng và hành trì kinh này mà bị người khác chê bai hủy báng thì người ấy sẽ tiêu trừ được các tội chướng trong các kiếp trước kể cả những tội chướng có thể đưa người kia rơi xuống các nẻo ác và sau đó sẽ thực hiện được quả vị chánh đẳng chánh giác. Tu Bồ Đề, ta nhớ vô lượng a tăng kỳ kiếp về trước, trước khi được gặp Phật Nhiên Đăng, ta đã từng gặp tám trăm bốn vạn ức na do tha các vị Phật. Và với vị nào ta cũng đều có cúng dường và hầu cận. Nếu vào thời Mạt thế mà có người có khả năng đọc tụng và thọ trì kinh này thì phước đức đạt được còn lớn hơn hàng trăm ngàn vạn ức lần phước đức của ta

ngày trước. Dùng thí dụ về toán số cũng không thể hình dung được phước đức ấy.

Tu Bồ Đề, vào thời Mạt thế, nếu một người con trai hoặc một người con gái nhà lành nào thọ trì, đọc tụng kinh này thì công đức đạt được lớn cho đến nỗi nếu ta nói ra thì sẽ có người hồ nghi, không tin và tâm có thể trở nên cuồng loạn. Tu Bồ Đề, nên biết: nghĩa lý của kinh này không thể nghĩ cho cùng, không thể nói cho hết và hoa trái của sự thọ trì kinh này cũng không thể nghĩ cho cùng, không thể nói cho hết."

Lúc ấy, thầy Tu Bồ Đề thưa với Phật: "Thế Tôn, con xin phép được hỏi lại: Người con trai hiền hoặc người con gái hiền nào muốn phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì nên dựa vào đâu và nên hàng phục tâm mình như thế nào?"

Phật bảo: "Thầy Tu Bồ Đề, người con trai

hiền hoặc người con gái hiền nào muốn phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì nên phát tâm như thế này: Ta phải đưa hết tất cả chúng sanh qua bờ giác ngộ rồi thì ta chẳng thấy có chúng sanh nào được giác ngộ cả. Vì sao thế? Nay thầy Tu Bồ Đề, nếu một vị Bồ Tát mà còn vướng mắc vào các khái niệm về Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả thì vị ấy chưa phải là vị Bồ Tát chân thật. Tại sao như thế?

Tu Bồ Đề, thật ra chẳng có pháp gì riêng biệt gọi là tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác để mà phát ra cả. Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Ngày xưa khi còn ở với Phật Nhiên Đăng, Như Lai có đặc pháp gì gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác hay không?"

- Bạch Đức Thế Tôn, không. Theo cách con hiểu lời Phật dạy thì không có pháp gì sở đắc gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Phật dạy: "Đúng như thế, đúng như thế! Đây Tu Bồ Đề, thật ra không có pháp gì gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà Như Lai có đặc. Nếu có thì Phật Nhiên Đăng đã không thọ ký cho ta như thế này: "Sau này người sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni." Chính vì không có pháp có thể sở đắc gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho nên Phật Nhiên Đăng mới nói với ta như thế. Vì sao? Như Lai có nghĩa là chân như của các pháp. Nếu có người nói Như Lai đắc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì người đó lầm: Chẳng có pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác có thể đắc. Tu Bồ Đề, pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà Như Lai đắc ấy, thật ra không phải thật cũng không phải hư. Cho nên Như Lai đã từng nói: Tất cả các pháp đều là pháp Phật. Cái mà ta gọi là tất cả các

pháp thật ra không phải là tất cả các pháp cho nên mới gọi là tất cả các pháp. Tu Bồ Đề, cũng ví dụ như thân người cao lớn."

Tu Bồ Đề thưa: "Cái mà Như Lai gọi là thân người cao lớn, chẳng phải là thân người cao lớn."

Tu Bồ Đề, Bồ Tát cũng thế, nếu một vị Bồ Tát nghĩ rằng ta phải độ tất cả chúng sanh thì vị ấy chưa phải là vị Bồ Tát. Vì sao? Tu Bồ Đề này, không có pháp gì riêng biệt được gọi là Bồ Tát cả. Cho nên Phật đã nói tất cả các pháp đều không có Ngã, không có Nhân, không có Chúng Sanh, không có Thọ Giả. Tu Bồ Đề, nếu một vị Bồ Tát nghĩ "ta phải trang nghiêm đất Phật" thì người đó chưa phải là Bồ Tát. Vì sao? Cái mà Như Lai gọi là trang nghiêm đất Phật vốn không phải là trang nghiêm cho nên mới gọi là trang nghiêm. Tu Bồ Đề, nếu một vị Bồ Tát nào thông đạt được lý vô

ngã vô pháp thì Như Lai gọi người đó là một vị Bồ Tát đích thực.

- Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có mắt thịt không?

Thầy Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn có, Như Lai có mắt thịt."

Phật hỏi: "Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có mắt trời hay không?"

Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn có, Như Lai có mắt trời."

- Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có mắt tuệ không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn có, Như Lai có mắt tuệ."

- Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có mắt pháp không?

Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn có, Như Lai có mắt pháp."

Phật hỏi: "Như Lai có mắt Phật không?"

- Bạch Thế Tôn có, Như Lai có mắt Phật.

- Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Cát trong sông Hằng, Phật có thấy là cát không?

Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn, Như Lai cũng gọi cát là cát vậy."

- Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, nếu mỗi hạt cát trong sông Hằng là một sông Hằng, thì số lượng thế giới Phật nhiều như số cát trong tất cả những sông Hằng ấy có nhiều không?

- Bạch Thế Tôn, rất nhiều.

Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: "Trong tất cả các thế giới ấy có đủ tất cả các loài chúng sanh mà tâm ý các chúng sanh ấy cũng có đủ loại. Vậy mà loại tâm ý nào trong số ấy Như Lai cũng đều biết hết. Tại sao? Tu Bồ Đề, tại vì cái mà Như Lai gọi là các loại tâm ý đều không phải là các loại tâm ý, cho nên mới gọi là các loại tâm ý. Vì sao vậy? Tu Bồ Đề, tâm quá khứ không nắm bắt được, tâm hiện tại không nắm bắt được, mà tâm vị lai cũng không nắm bắt được.

- Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Nếu có người đem châu báu nhiều cho đến nỗi phải chất đầy cả thế giới tam thiên đại thiên mà bố thí thì người đó có được nhiều phước đức hay không?"

- Bạch Thế Tôn, được phước đức rất nhiều.

- Nay thầy Tu Bồ Đề, nếu phước đó là phước đức thật thì Như Lai đã không nói là người ấy đạt được nhiều phước đức. Chính vì phước đức ấy vốn không có thực thể cho nên Như Lai mới nói người ấy đạt được phước đức nhiều. Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có thể nhận diện Như Lai qua sắc thân đầy đủ không?

- Bạch không, cái mà Như Lai gọi là sắc thân đầy đủ thì không phải là sắc thân đầy đủ cho nên mới gọi là sắc thân đầy đủ.

- Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có thể nhận diện Như Lai qua tướng mạo đầy đủ không?

- Thưa Thế Tôn, không. Không thể nhận

diện Như Lai qua tướng mạo đầy đủ. Vì sao? Cái mà Như Lai gọi là tướng mạo đầy đủ thì không phải là tướng mạo đầy đủ cho nên mới gọi là tướng mạo đầy đủ.

- Tu Bồ Đề, thầy đừng bảo rằng Như Lai có ý niệm: Ta sẽ thuyết pháp. Đừng nghĩ như thế. Vì sao? Nếu có người nghĩ rằng Như Lai có pháp để nói tức là người đó phỉ báng Phật vì lẽ người đó không hiểu điều ta nói. Tu Bồ Đề, thuyết pháp có nghĩa là không có pháp nào được nói, như vậy gọi là thuyết pháp.

Lúc đó huệ mạng Tu Bồ Đề bạch với Phật rằng: "Thế Tôn, đời sau khi được nghe pháp này chúng sanh có thể phát sinh lòng tin hay không?"

Phật dạy: "Tu Bồ Đề, những chúng sanh đó không phải là chúng sanh mà cũng không phải là không chúng sanh. Vì sao thế? Tu Bồ Đề, cái mà Như Lai gọi là không

phải chúng sanh mới thực sự được gọi là chúng sanh."

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Thế Tôn, pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà Phật đắc có phải là cái vô sở đắc?"

Phật nói: "Đúng thế, Tu Bồ Đề, đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ta chẳng có một chút xíu nào pháp sở đắc, cho nên mới gọi nó là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Này nữa, thầy Tu Bồ Đề! Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp nên gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu tập tất cả các thiện pháp theo tinh thần vô Ngã, Vô Nhân, vô Chúng Sanh, vô Thọ Giả thì đạt được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề, cái gọi là thiện pháp thì Như Lai bảo không phải là thiện pháp, cho nên đó mới thật là thiện pháp.

Tu Bồ Đề, giả dụ có người tom góp bảy thứ châu báu chứa đầy từng đồng cao như tất cả các núi Tu Di trong thế giới tam thiên đại thiên này để mà bố thí thì công đức của những người ấy đem so với công đức của những người đọc, tụng và thọ trì Kinh Kim Cương Năng Đoạn này rồi đem ra giảng nói cho người khác nghe thì trăm phần không được một, trăm ngàn vạn ức phần không được một. Phước đức của người hành trì kinh, dù chỉ là hành trì một bài kệ bốn câu, cũng không thể nào dùng ví dụ hay toán học để mà diễn tả nổi.

Tu Bồ Đề, các vị đừng có bảo rằng Như Lai có ý niệm “Ta sẽ độ chúng sanh”. Tu Bồ Đề, đừng nghĩ như thế. Tại sao vậy? Sự thật thì không có chúng sanh nào để cho Như Lai độ. Nếu Như Lai nghĩ là có thì Như Lai đã vướng vào khái niệm Ngã, khái niệm Nhân, khái niệm Chúng Sanh

và khái niệm Thọ Giả rồi. Tu Bồ Đề, cái mà Như Lai nói là có ngã vốn không phải là có ngã mà người phàm phu lại cho là có ngã. Nay Tu Bồ Đề, kẻ phàm phu đó, Như Lai không cho đó là phàm phu cho nên mới gọi họ là phàm phu.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có nên quán tưởng Như Lai qua ba mươi hai tướng không?"

Tu Bồ Đề nói: "Thưa vâng, thưa vâng, phải dùng ba mươi hai tướng mà quán Như Lai."

Phật nói: "Nếu nói lấy ba mươi hai tướng mà quán Như Lai thì một vị Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Như Lai sao?"

Tu Bồ Đề nói: "Thế Tôn, con hiểu lời Phật dạy rồi, không nên dùng ba mươi hai tướng mà quán Như Lai."

Lúc bấy giờ Thế Tôn nói lên bài kệ này:

Tìm ta qua hình sắc

Cầu ta qua âm thanh

Là kẻ hành tà đạo

Không thể thấy Như Lai.

- Tu Bồ Đề, thầy đừng nghĩ rằng Như Lai đạt tới Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà không cần tới các tướng một cách đầy đủ. Tu Bồ Đề, đừng nghĩ như thế. Tu Bồ Đề! Thầy đừng nghĩ là khi phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ta phải coi các pháp là hư vô, đoạn diệt. Đừng nghĩ như thế. Kẻ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không chủ trương rằng các pháp là hư vô hay đoạn diệt.

Tu Bồ Đề, nếu có một vị Bồ Tát đem bảy thứ châu báu nhiều cho đến nổi chất đầy cả các thế giới nhiều như cát sông Hằng mà bố thí thì công đức ấy cũng không lớn bằng công đức của một người đã hiểu được rằng tất cả các pháp đều là vô ngã và chấp nhận được sự thật đó một cách hoan hỷ. Vì sao? Tu Bồ Đề! Vì Bồ Tát không cần phải tom góp phước đức.

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Thế Tôn, Bồ Tát không cần tom góp phước đức nghĩa là sao?"

- Tu Bồ Đề, Bồ Tát tạo phước đức mà không vướng mắc vào ý niệm tạo phước đức cho nên ta mới nói là Bồ Tát không cần tom góp phước đức.

Tu Bồ Đề, nếu có kẻ nói: "Thế Tôn có tới, có đi, có ngồi, có nằm", kẻ ấy không hiểu được điều ta nói. Tại sao? Như Lai có nghĩa là không từ đâu tới cả và cũng không đi về đâu cả, cho nên gọi là Như Lai.

Tu Bồ Đề, nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành nào đem thế giới tam thiên đại thiên nghiền thành bụi nhỏ thì thấy nghĩ sao? Bụi nhỏ như thế có nhiều không?

Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Vì sao? Nếu bụi nhỏ mà có thật thì Phật đã không gọi chúng là bụi nhỏ. Vì sao? Cái mà Phật gọi là bụi nhỏ vốn không phải là

bụi nhỏ cho nên mới là bụi nhỏ. Thế Tôn! Cái mà Như Lai gọi là thế giới tam thiên đại thiên, nó không phải là thế giới cho nên mới gọi nó là thế giới. Vì sao? Nếu thế giới mà có thật thì đó là một hợp tướng. Cái mà Như Lai gọi là một hợp tướng vốn không phải là một hợp tướng cho nên gọi là một hợp tướng."

- Tu Bồ Đề! Cái gọi là một hợp tướng chỉ là một ước lệ ngôn ngữ không có thực chất. Chỉ có kẻ phàm phu mới bị vướng mắc vào đó mà thôi.

Tu Bồ Đề, nếu có kẻ bảo Phật có nói về ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến, kẻ ấy có hiểu được ý ta không?

- Thưa không, Thế Tôn. Kẻ ấy không hiểu được ý Như Lai. Vì sao? Cái mà Như Lai gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến vốn không phải là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ

giả kiến, cho nên mới là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến.

- Tu Bồ Đề! Kẻ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác phải biết như thế về tất cả các pháp, phải thấy như thế về tất cả các pháp, phải tin hiểu như thế về tất cả các pháp mà không nên có khái niệm về pháp. Tu Bồ Đề! Cái gọi là khái niệm về pháp Như Lai nói không phải là khái niệm về pháp, cho nên mới gọi là khái niệm về pháp.

Tu Bồ Đề, nếu có người đem bảy thứ châu báu số lượng lớn đến nỗi chứa đầy các thế giới nhiều tới vô lượng a tăng kỳ để bố thí thì phước đức cũng không bằng phước đức của một người con trai hay một người con gái nhà lành khi người này phát tâm bồ đề, đọc tụng thọ trì kinh này và đem giải thuyết cho người khác nghe, dù chỉ là một bài kệ bốn câu trong ấy. Giải

thuyết theo tinh thần nào? Giải thuyết mà không kẹt vào tướng, như như và không động chuyển. Vì sao thế?

Tất cả pháp hữu vi

Như mộng huyễn bào ảnh

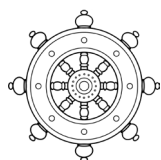
Như sương như chớp loè

Hãy quán chiếu như thế.

Sau khi nghe Phật nói kinh này, thượng tọa Tu Bồ Đề và các vị khát sĩ, nữ khát sĩ, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di và tất cả các giới Trời, Người và A Tu La đều rất hoan hỷ, tin tưởng và tiếp nhận để thực hành.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

(3 lần)



18. KINH LỜI DẠY CUỐI CÙNG



Chính tôi được nghe: Lần chuyển bánh xe chánh pháp đầu tiên, Đức Thế Tôn độ tôn giả Kiều Trần Như và lần thuyết pháp sau cùng, Ngài độ tôn giả Tu Bạt Đà La. Những người có thể hóa độ, Ngài đã hóa độ tất cả. Vào đêm cuối trước ngày Niết Bàn vô dư, giữa rừng Sa La, dưới cây song thọ, không gian thật vắng lặng, yên tĩnh, Đức Phật đã nhắn nhủ những điều cốt lõi của chánh pháp như sau:

1. Nay các đệ tử, sau khi Như Lai qua đời, các vị phải trân trọng, cung kính giới luật như kẻ nghèo hèn được giàu có, như kẻ đui mù được sáng mắt. Phải biết rằng giới luật là bậc Thầy tối thượng. Dẫu có sống thêm ở đời bao nhiêu năm nữa, Như

Lai cũng không ngoài mục đích răn dạy các vị về giới luật ấy thôi.

Người giữ giới thì không được kinh doanh, thương mại, xây dựng nhà cửa, cày cấy ruộng vườn, đầu tư nông nghiệp, thuê người giúp việc, theo kiểu thế tục. Không được chặt đốn cây cối, đào đất, móc hang, điều chế dược liệu, đoán quẻ tốt xấu, xem sao đoán mạng, nghiên cứu địa lý, tìm tòi hưng suy, hay coi lịch đoán số.

Các vị nên sống tiết chế thân mạng, ăn uống điều độ, duy trì nếp sống thanh cao, giải thoát. Không tham dự chính trị, lãnh sứ mạng liên lạc, thông tin. Không được luyện bùa chú, chế linh dược, giao hảo người quyền quý, kết thân kẻ ngạo mạn. Cần phải giữ tâm chân thật, sống chánh niệm và tỉnh thức trong từng phút giây, mong cầu đạo quả giải thoát. Không được che dấu lỗi lầm, bày điều mê hoặc để thu

hút quần chúng. Phải sống ít muốn, biết đủ đối với bốn phẩm vật cúng dường. Sống vừa đủ để hành đạo, không cất chứa tài sản và tiền bạc.

Như Lai vừa nói tóm tắt về sự giữ giới. Giới luật đó là căn bản, là gốc rễ của giải thoát. Nhờ giữ giới trang nghiêm, thiên định và trí tuệ phát sinh, có thể tiêu diệt sự đau khổ. Thế nên các vị hãy giữ gìn giới luật một cách trọn vẹn. Người giữ giới thanh tịnh sẽ nuôi lớn pháp lành. Người thiếu mất giới thì không thể phát sinh công đức.

2. Nay các đệ tử, các vị phải chế ngự năm giác quan không để chúng rong ruổi theo trần cảnh, dục lạc. Người tu phải như chú mục đồng cầm roi chặn, không để trâu dẫm đạp lúa mạ của người. Một khi các vị buông lung năm giác quan, không những các vị không chế ngự được năm thứ dục

lạc, mà các vị cũng không thể dừng được vòng cương toả của phóng túng, như con ngựa chững nếu không dây cương, nó sẽ lao xuống hầm hố. Nạn khổ của giấc cướp chỉ có một đời, trong khi nạn giấc giác quan làm chúng sanh đau khổ nhiều kiếp. Tai họa của nó vô cùng nguy hiểm. Các vị phải cẩn thận.

Thế nên, người có trí cần phải chế ngự các giác quan chứ không phục tùng nó; giữ gìn chúng như là canh chừng giấc cướp, không để chúng hoành hành, thao túng.

Này các đệ tử, trong các giác quan của con người, ý là quan trọng nhất. Các vị phải thận trọng chế ngự tâm ý mình. Tâm ý rất đáng sợ, nguy hiểm còn hơn thú dữ, rắn độc, thậm chí nguy hại hơn cả nạn hỏa hoạn. Cũng như có người mãi mê cầm giữ chén mật trên tay và quên đi hầm hố trên đường, sẽ bị vấp ngã. Cũng

như voi say mà không có móc sắt; như khỉ vượn gặp được cây rừng tha hồ mà chuyên nhảy, muốn chế ngự chúng thì thật là khó. Vì vậy các vị siêng năng chế ngự tâm mình, để giữ gìn tất cả các pháp thiện. Khi tâm được chế ngự một chỗ thì không việc gì không thành.

3. Nay các đệ tử, khi thọ dụng phẩm vật cúng dường, các vị nên quan niệm như uống thuốc. Ngon không ham, dở không chê. Ăn uống chỉ để cho khỏi đói khát. Như ong hút mật trong hoa, chỉ lấy mùi vị, không làm tổn thương hương sắc. Người xuất gia cũng vậy, thọ dụng sự cúng dường để đủ sức khỏe tu tập, không được ham cầu quá nhiều, làm tổn thất tín tâm của tín thí. Hãy như người trí biết lượng sức kéo và chịu đựng của trâu, không nên dùng trâu quá sức, đến nỗi kiệt lực.

4. Nay các đệ tử, ban ngày thì nỗ lực tu tập pháp lành, không để thời gian trôi qua uổng phí. Đầu hôm, cuối đêm cũng không luống bỏ. Giữa đêm tụng niệm, tu trì. Đừng vì chuyện ngủ nghỉ mà để cuộc đời trôi qua vô ích. Hãy tâm niệm rằng ngọn lửa vô thường đang đốt cháy thế gian, để tự tinh tấn độ mình, khắc phục sự lười biếng, ngủ nghỉ. Giấc phiền não luôn rình rập giết các vị, còn nguy hiểm hơn kẻ thù, làm sao các vị có thể mặc tình ngủ nghỉ mà không cảnh giác! Phiền não ngủ trong tâm người cũng như rắn độc nằm trong nhà, phải dùng móc sắt giới hạnh mà lôi kéo nó ra gấp. Rắn độc ra rồi ta mới an tâm ngủ nghỉ. Rắn độc chưa ra mà mãi mê ngủ nghỉ thì thật là người không biết hổ thẹn.

Nay các đệ tử, sự hổ thẹn là trang sức đẹp nhất trong mọi trang sức. Sự hổ thẹn có khả năng chế ngự mọi thứ bất thiện và

phi pháp của con người. Thế nên hãy sống với tâm niệm hổ thẹn, đừng bao giờ lãng quên đức tính ấy. Mất tâm hổ thẹn là mất tất cả công đức. Có hổ thẹn là có tất cả thiện pháp. Không hổ thẹn thì có khác chi loài cầm thú.

5. Nay các đệ tử, nếu có ai xúc phạm, thương tổn thân thể các vị, các vị nên kiểm chế tâm mình, đừng để lửa sân hận thiêu đốt. Lại phải giữ lời ăn, tiếng nói, đừng buông lời ác độc để trả đũa ai. Tâm sân hận trỗi dậy sẽ làm băng hoại đạo nghiệp, cháy hết công đức tu tập. Đức tính của kham nhẫn thì giữ giới và khổ hạnh cũng không thể sánh bằng. Thực hành đức nhẫn mới xứng danh là bậc Thượng Nhân có sức mạnh. Người nào chưa có thể chịu đựng sự nhục mạ một cách hoan hỷ, như uống cam lộ, thì chưa thể xứng danh là người vào đạo có trí. Sự sân hận sẽ thiêu hủy tất

cả pháp lành, nó nguy hiểm hơn lửa dữ. Các vị phải canh phòng cẩn mật, đừng cho sân hận xâm nhập. Trong các loại giặc cướp công đức thì sân hận là nguy hiểm bậc nhất. Người thế gian sống thọ hưởng dục lạc, thiếu phương pháp chế ngự, nếu có sân hận còn có thể tha thứ được. Người xuất gia hành đạo loại bỏ mọi thứ vui của đời mà không loại bỏ được sân hận thì thật đáng trách, cũng giống như bầu trời quang đấng mà có sấm sét nổi lên là điều không thích hợp.

6. Nay các đệ tử, các vị hãy tự xoa đầu mình và ghi nhớ rằng: Các vị đã bỏ tất cả các mỹ phẩm và trang sức của thế gian, khoác trên mình chiếc áo cà sa hoại sắc, sống bằng cách khất thực. Khi nào tâm lý kiêu mạn, cao ngạo nổi lên thì lập tức chế ngự nó. Kiêu ngạo là tính xấu mà thế nhân còn không nên có, huống chi là người xuất

gia vì đạo giải thoát, sống bằng khổ thực hay sao!

7. Nay các đệ tử, tâm lý đua nịnh trái ngược hoàn toàn với đạo giải thoát. Thế nên, các vị hãy huấn luyện tâm cho thật chất trực. Nên biết rằng: Đua nịnh là điều dối trá mà người xuất gia không nên có. Phải làm cho tâm ý đoan chánh, phát huy đức tính trung trực. Đó là con đường vào đạo.

8. Nay các đệ tử, các vị nên biết rằng người nào tham muốn nhiều thì nhu cầu lợi dưỡng cũng nhiều, do vậy mà đau khổ càng tăng. Người ít muốn thì không ham cầu, không đắm nhiễm nên không có tệ hại ấy. Chỉ với lợi ích ấy thôi cũng đủ để các vị phải trau dồi, thực tập, huống là khi hạnh này còn có công năng phát triển các công đức! Người ít muốn thì không lấy lòng người bằng cách đua nịnh, lòn cúi và cũng không bị các giác quan sai sử, thao

túng. Hành giả ít muốn, tâm ý được thanh thản, không còn những ưu tư, phiền muộn, gặp việc thì đủ nghị lực để ứng phó, không việc gì không làm được. Nói chung, sống hạnh ít muốn tắt gần Niết Bàn.

9. Nay các đệ tử, nếu các vị muốn giải thoát mọi đau khổ thì nên thường xuyên tu tập quán biết đủ. Pháp biết đủ là cơ sở của sự an lạc, hạnh phúc và sung mãn. Người biết đủ dầu nằm trên đất vẫn thấy an lạc. Người không biết đủ dầu sống ở thiên đường vẫn chưa thấy toại nguyện. Không biết đủ tuy giàu mà rất nghèo. Biết đủ thì tuy nghèo nhưng rất giàu có. Người không biết đủ là kẻ nô lệ của năm thứ dục lạc thấp kém và còn là tấm bia đời đáng thương xót đối với hành giả biết đủ.

10. Nay các đệ tử, muốn đạt đạo tịch tịnh, vô vi, an lạc, các vị phải xa lìa những chốn huyên náo, sống một mình ở những nơi an

nhàn, thanh vắng. Người ở chỗ yên tĩnh thì trời Đế Thích và Chư Thiên đều kính trọng. Vì thế, các vị nên xa lìa hội chúng, sống đơn độc thư thái và cắt đứt gốc rễ đau khổ bằng tư duy trí tuệ. Người thích hội chúng thì bị hội chúng nhiễu loạn, như cây cổ thụ mà có nhiều chim tụ tập thì có thể bị hư cành. Thế gian trói buộc con người trong đau khổ cũng giống như con voi già bị sa lầy, khó mong thoát khỏi. Đó là hạnh siêu thoát, các vị cần ghi tâm.

11. Nay các đệ tử, nỗ lực tinh tấn thì không việc gì khó khăn. Thế nên các vị phải siêng năng, tinh tấn như giọt nước thường nhỏ có thể xuyên thủng đá. Người tu hành mà biếng nhác thì khác nào như người cọ cây lấy lửa, cây chưa kịp nóng đã nghỉ, dầu tha thiết được lửa, lửa cũng không vì thế mà có được. Hãy siêng năng tinh tấn không dừng.

12. Nay các đệ tử, thực ra cầu cạnh thiện tri thức hay người trợ lực không bằng tự mình đề cao chánh niệm, tỉnh thức. Có chánh niệm thì giấc phiền não không thể xâm nhập được.

Thế nên các vị phải sống trong sự nhiếp niệm. Mất chánh niệm là đồng nghĩa với mất công đức. Có được chánh niệm bền vững thì dù sống trong môi trường ngũ dục cũng chẳng hề gì, như người chiến sĩ vào trận có mặc áo giáp thì không còn sợ gì nữa.

13. Nay các đệ tử, nhiếp phục được tâm ý là làm cho tâm an trụ vào định. Tâm trụ thiền định thì sẽ thấu triệt được trạng thái sinh diệt, chuyển biến của thế giới. Các vị phải tinh tấn tu tập thiền định. Tâm định thì trạng thái dao động, tán loạn sẽ tiêu mất cũng như người biết cách giữ nước thì phải bảo vệ tốt đê điều. Cũng vậy, muốn có

nước trí tuệ, các vị phải khéo tu tập thiền định, không để cho rỉ chảy.

14. Nay các đệ tử, có trí tuệ thì không có tham trước, luôn luôn tự tỉnh thức và tự dò xét, nhờ đó người ấy có khả năng giải thoát trong giáo pháp của Như Lai. Nếu không có trí tuệ thì không xứng danh là bậc xuất gia. Trí tuệ là chiếc thuyền vững chắc vượt qua biển sanh tử, là ngọn đèn sáng chói trong hắc ám vô minh, là dược liệu thần y của mọi bệnh tật và là lưỡi búa bén chặt đứt cây phiền não. Vì thế, các vị cần trau dồi tuệ giác “văn, tư, tu” để tăng trưởng lợi ích. Người có trí tuệ soi chiếu thì dầu là mắt thịt vẫn là người chánh kiến, thấy rõ bản chất mọi vật.

15. Nay các đệ tử, hý luận chỉ làm cho tâm trí rối loạn. Người xuất gia mà sống hý luận thì không thể đạt được tuệ giác giải thoát. Vì thế các vị phải nhanh chóng

từ bỏ vĩnh viễn tâm lý hý luận, vô ích. Diệt trừ các hý luận tạp loạn mới có thể đạt được an lạc tịch diệt.

16. Nay các đệ tử, hãy thường xuyên nhớ đến các công đức để từ bỏ tất cả mọi phóng dật, như là tránh xa bọn giặc cướp tài sản thánh. Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã tuyên nói chánh pháp lợi ích rất ráo. Về phần mình, các vị hãy nỗ lực tinh tấn thường xuyên, đừng để cuộc đời trôi qua vô ích, sau này ăn năn, hối hận đã muộn. Như Lai như là vị lương y, rõ biết bệnh lý, cho toa thuốc hợp bệnh trạng từng người. Uống hay không uống không phải là lỗi của lương y. Như Lai lại cũng như người chỉ đường, chỉ rõ đâu là con đường nên đi và hướng đến giải thoát. Biết rõ đường lành mà không chịu cất bước lên đường không phải là lỗi của vị đạo sư!

17. “Này các đệ tử, đối với bốn chân lý thánh, nếu có chỗ nào chưa thấu đáo, thì nên thưa hỏi, Như Lai sẽ chỉ bày cho các con.” Thế Tôn khuyên nhắc ba lần như vậy, bốn chúng đều im lặng, không ai còn thắc mắc.

Lúc ấy, tôn giả A Nậu Lô Đà bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, dù cho mặt trăng có thể trở nên nóng, mặt trời có trở nên lạnh, nhưng Bốn Chân Lý Thánh mà Như Lai đã dạy không thể nào thay đổi được. Khổ đế là thực trạng đau khổ của cuộc đời: Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, thù ghét mà phải gặp mặt là khổ, thương yêu mà phải chia lìa là khổ, chấp vào năm nhóm nhân thể là khổ. Diệt đế là trạng thái hết sạch mọi đau khổ và nguyên nhân đau khổ, là an lạc, Niết Bàn. Đạo đế là con đường dẫn đến an lạc, là tám chánh đạo, là trung đạo, không có con đường nào khác. Bạch Thế Tôn, cả bốn chúng đều không còn thắc

mắc gì về bốn chân lý cao thượng này nữa.

18. Lúc bấy giờ trong chúng, hàng đệ tử hữu học phải đối diện sự kiện Đức Phật sẽ vô dư Niết Bàn, đều bi cảm, đau xót. Hàng đệ tử mới vào đạo nghe những lời dạy cuối cùng đều được hóa độ, như trong đêm tối nhờ có ánh sáng, nên thấy đường đi. Các hàng đệ tử vô học đã dứt sạch các phiền não, vượt ra khỏi sanh tử, vẫn không ngăn được sự ngậm ngùi: “Tại sao Đức Thế Tôn vô dư Niết Bàn quá sớm!” Lúc đó, Đức Phật vì thương bốn chúng nên dạy thêm rằng:

- Nay các đệ tử, chớ có thảm sầu, đau xót. Dẫu Như Lai có sống thêm ở đời một kiếp nữa, rồi cũng phải đến ngày Niết Bàn. Hội ngộ mà không chia tay; kết hợp mà không tan rã là điều không thể có được.

Đối với Như Lai, kinh nghiệm và pháp thức lợi mình, lợi người, Như Lai đều đã tuyên bố. Thật chẳng có lợi ích gì, nếu Như

Lai sống lâu nơi đời mà các vị không thực hành chánh pháp. Những chúng sanh đáng độ, Như Lai đã độ hết. Những chúng sanh chưa được độ, Như Lai cũng đã tạo nhân duyên để họ được hóa độ. Từ nay trở đi, đệ tử của Như Lai hãy noi theo truyền thống chánh pháp mà thực hành. Đó là cách làm cho pháp thân Như Lai thường còn, và mãi mãi bất diệt ở thế gian. Như Lai vô dư Niết Bàn hay không, việc đó không quan trọng.

Này các đệ tử, các vị nên nhận thức rằng mọi vật thể, hiện tượng trên thế gian này đều chuyển biến, vô thường, có kết hợp thì phải có tan rã, chẳng có gì để quyến luyến, thương tâm. Cuộc đời là như thế, các vị phải nỗ lực tinh tấn để tự giải thoát. Dùng ánh sáng trí tuệ để tiêu diệt bóng tối si mê. Đời là một sự vận hành không kiên định. Như Lai vô dư Niết Bàn như bỏ đi

một căn bệnh dữ. Đó là năm nhóm nhân tính, mang tánh tội lỗi, tạm gọi là thân, vì thế, nó phải chịu sự chi phối không thương tiếc của già, bệnh và chết. Bậc tuệ trí khi thoát khỏi nó có cảm tưởng như là đẹp xong được bọn cướp. Như vậy, chết không đáng để hoan hỷ, an lạc hay sao?

Này các đệ tử, các vị phải tha thiết tìm kiếm con đường giải thoát. Toàn thể thế giới từ những vật thể đang vận động cho đến các vật thể không vận động cũng đều không thường còn, và không có thực thể, rồi phải đến lúc hoại diệt.

Thôi, các vị hãy yên lặng, đừng nói thêm lời nào nữa! Đã đến lúc Như Lai vô dư Niết Bàn. Đó là những lời dạy cuối cùng của Như Lai.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
(3 lần)



PHẦN C
BÁT NHÃ-HỒI HƯỚNG
TAM TỰ QUY

C. Bát Nhã - Hồi Hướng

— Tam Tự Quy —

(phần cuối cùng - sau mỗi thời kinh)



MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Khi ngài Quán Tự Tại Bồ Tát thể nhập sâu xa trí Bát Nhã Ba La Mật Đa, Ngài soi thấy Năm uẩn đều không, liền vượt qua hết thảy khổ ách.

Này ông Xá Lợi Tử! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc. Thụ, tưởng, hành, thức cũng đều như thế.

Này ông Xá Lợi Tử! Tướng không của mọi pháp, không sinh không diệt, không như không sạch, không thêm không bớt, cho nên trong chân không, không có sắc,

không có thụ, tưởng, hành, thức; không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới, cho đến ý thức giới; không có vô minh cũng không có cái hết vô minh; cho đến già chết cũng không có cái hết già, chết, không có trí tuệ cũng không có chứng đắc vì không có chỗ chứng đắc.

Bồ Tát y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, nên tâm không ngăn ngại, vì không ngăn ngại nên không sợ hãi, xa lìa mộng tưởng điên đảo, đạt tới cứu cánh Niết Bàn. Chư Phật trong ba đời cũng y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, được đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Cho nên biết Bát Nhã Ba La Mật Đa, là chú đại thần, là chú đại minh, là chú vô thượng, là chú vô đẳng đẳng nên trừ được hết thảy khổ, chân thực không hư. Vì vậy nói ra bài chú Bát Nhã Ba La Mật Đa. Liền

nói bài chú ấy rằng:

“Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng
yết đế, bồ đề tát bà ha.”

VĂNG SANH THẦN CHÚ

Nam mô a di đà bà dạ, đa tha già đa dạ,
đà diệt dạ tha.

A di rị đô bà tì.

A di rị đa tất đam bà tì.

A di rị đa tì ca lan đế.

A di rị đa tì ca lan đa.

Già di nị, già già na, chỉ đa ca lệ, ta bà
ha. (3 lần)

XUNG TÁN CÔNG ĐỨC PHẬT

Thân Phật thanh tịnh tợ lưu ly,
Trí Phật sáng ngời như trăng sáng,
Phật ở thế gian thường cứu khổ,
Tâm Phật không đâu không từ bi.

**Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại
Tù Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.**

Nam mô A Di Đà Phật. (30 lần)

Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát. (3 lần)

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát. (3 lần)

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát.

(3 lần)

**Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng
Bồ Tát. (3 lần)**

KÊ SÁM HỐI

*(Tất cả đồng quỳ đọc bài sám này hoặc có thể
chọn bài sám nào thích hợp với nội dung, chủ
ý của buổi đọc, tụng kinh trong phần các bài
sám - Phần D, trang 393)*

Trước ngôi Tam Bảo con quỳ,

Cầu xin sám hối tội thì xưa nay.

Chí tâm đánh lễ Như Lai,

Ta Bà giáo chủ đức Ngài Thích Ca.

Mười phương cõi Phật hằng sa,

Cha lành từ phụ Di Đà Tây Phương.
 Nam mô Địa Tạng Minh Vương,
 Quan Âm Thế Chí Tây Phương hộ trì.
 Ngưỡng nhờ Di Lặc từ bi,
 Phổ Hiền Bồ Tát chứng tri lòng nguyện.
 Nay con vào chốn cửa thiền,
 Một là sám hối, hai nguyên tu thân.
 Ngán thay vì ở cõi trần,
 Luân hồi sanh tử lắm lần thảm thương.
 Tu cho dứt nghiệp oan ương,
 Tạo nhiều oan trái vấn vương đêm ngày.
 Không vì riêng cảnh của ai,
 Hữu thân hữu khổ xưa nay lẽ thường.
 Khổ vì lìa cảnh mến thương,
 Khổ vì chán nản mà đương gần mình.
 Khổ vì luân chuyển tử sinh,
 Khổ ngày già yếu thân hình ốm đau.
 Tình yêu, danh vọng, sang giàu,
 Rốt rồi thì cũng xa nhau ngàn trùng.
 Phật soi đuốc tuệ mà dùng,

Thấy điều oan trái lạnh lòng bước ra.
Muốn tu xin chớ dần dà,
Tháng ngày thấm thoát rồi qua bạc đầu.
Ngày nay đệ tử cúi đầu,
Ngưỡng nhờ Từ Phụ nguyện cầu chúng tri.
Nay con hết dạ quy y,
Một lòng tưởng Phật tụng trì hồng danh.
Lâm chung cầu được vãng sanh,
Hào quang chiếu sáng điểm lành rước đi.
Nhờ ơn chư Phật hộ trì,
Cho con vẹn đạo mà đi trọn đời.
Hồng danh con sám một thời,
Cầu cho tiêu tội đường đời con gây.
Lòng thành con nguyện trước đây,
Cầu cho con được tâm này bền lâu.
Một nguyện con có căn sâu,
Cho con trọn đạo công phu vững bền.
Hai nguyện đạo đức con nên.
Vừa tu thoát nghiệp vừa đền cù lao.
Ba nguyện kẻ trước người sau,

Đồng tu Tịnh Độ cùng nhau trở về.
Bốn nguyên chánh đạo Bồ Đề,
Bao nhiêu công đức hồi về đạo chân.
Năm nguyên nghiệp chướng sạch trơn,
Sân si phiền não tạo nhân dứt liền.
Sáu nguyên chúng sanh cỗi trần,
Sớm nghe chánh đạo đặng gần Phật môn.
Bảy nguyên người phát nguyện ngôn,
Thường lo tinh tấn bảo tồn thiện căn.
Chúng sinh như cát sông Hằng,
Cầu cho gặp đạo thiện căn trở về.
Hong trần sớm được hết mê,
Cần lo sám hối trọn bề tu thân.
Cầu cho bá tánh xa gần,
Sớm mau được hưởng hồng ân thái bình.
Nguyện cho tất cả chúng sinh,
Tiêu trừ nghiệp chướng quang minh
thanh nhàn.
Nam mô Tịnh Độ Lạc bang,
Dắt dìu đệ tử Tây Phương mau về.

HÔI HƯỚNG

Sám hối (tụng kinh) công đức thù thắng hạnh,
Vô biên thắng phước đều hồi hướng,
Nguyện khắp chúng sanh trong pháp giới,
Đều được vãng sanh về Cực Lạc.
Nguyện tiêu ba chương trừ phiền não,
Nguyện chân trí tuệ thường sáng tỏ,
Bao nhiêu tội chương tẩy tiêu trừ,
Kiếp kiếp thường tu Bồ Tát đạo.
Nguyện sanh Cực Lạc cảnh Tây Phương,
Chín phẩm hoa sen là cha mẹ.
Hoa nở thấy Phật chứng Vô Sanh,
Bồ Tát hết thấy là bạn hữu.
Nguyện đem công đức này,
Hướng về khắp tất cả,
Đệ tử và chúng sanh,
Đều trọn thành Phật đạo. O

PHỤC NGUYỆN

Nam mô A Di Đà Phật!

Hiện tiền đệ tử chúng con, chí thành trì tụng kinh (sám)... nguyện mười phương chư Phật gia hộ cho chúng con (*hoặc đối tượng được cầu nguyện*) được tội diệt phước sanh, tật bệnh tiêu trừ, căn lành thêm lớn, phước huệ trang nghiêm (*hoặc hồi hướng kỳ siêu hương linh... thừa tư phước báu tụng kinh chú này được giác ngộ tâm linh, thiện căn khai phát, tốc thoát mê đồ, vãng sanh Tịnh Độ.*)

PHỔ NGUYỆN

Âm siêu dương thối, pháp giới chúng sanh, tình dữ vô tình, đồng tu đồng học, đều trọn thành Phật đạo.

Nam mô A Di Đà Phật. (Đồng niệm)

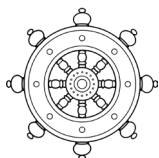
TỰ QUY Y

Con xin nương tựa Phật,
Bậc phước trí viên thành,
Cầu tất cả chúng sanh,
Giác ngộ phát tâm lành. **O** (1 lạy)

Con xin nương tựa Pháp,
Nguồn tuệ giác từ bi,
Cầu tất cả chúng sanh,
Hiểu đạo rõ nguồn tâm. **O** (1 lạy)

Con xin nương tựa Tăng,
Đoàn thể sống an vui,
Cầu tất cả chúng sanh,
Hòa hợp, thương mến nhau. **O** (1 lạy)

(Kết thúc một thời tụng kinh)





PHẦN D
CÁC BÀI SÁM

❧ D. Các Bài Sám ❧



1. SÁM NGUYỆN

Trang nghiêm đài sen ngự tọa
Đại hùng Từ Phụ Thích Ca
Đệ tử lắng lòng thanh tịnh
Bàn tay chấp thành Liên Hoa
Cung kính hướng về Điều Ngự
Dâng lời sám nguyện thiết tha.

Đệ tử phước duyên thiếu kém
Sống trong thất niệm lâu dài
Không được sớm gặp chánh pháp
Bao nhiêu phiền lụy đã gây
Bao nhiêu lỗi lầm vụng dại
Vô minh che lấp tháng ngày
Vườn tâm gieo hạt giống xấu
Tham, sân, tự ái đẩy đẩy

Những nghiệp sát, đạo, dâm, vọng
Gây nên từ trước đến nay
Những điều đã làm, đã nói
Thường gây đổ vỡ hàng ngày
Bao nhiêu nỗi phiền nghiệp chướng
Nguyện xin sám hối từ đây.

Đệ tử thấy mình nông nổi
Con đường chánh niệm lãng xao
Chất chứa vô minh phiền não
Tạo nên bao nỗi hận sâu;
Có lúc tâm tư buồn chán
Mang đầy dằn vặt lo âu,
Vì không hiểu được kẻ khác
Cho nên hờn giận, oán cừ;
Lý luận xong rồi trách móc
Mỗi ngày mỗi chuốc khổ đau
Chia cách hố kia càng rộng
Có ngày không nói với nhau
Cũng không muốn nhìn thấy mặt

Gây nên nội kết dài lâu;
Nay con hướng về Tam Bảo
Ăn năn khẩn thiết cúi đầu.

Đệ tử biết trong tâm thức
Bao nhiêu hạt tốt lấp vùi:
Hạt giống thương yêu, hiểu biết
Và bao hạt giống an vui
Nhưng vì chưa biết tưới tắm
Hạt lành không mọc tốt tươi
Cứ để khổ đau tràn lấp
Làm cho đen tối cuộc đời
Quen lối bỏ hình bắt bóng
Đuổi theo hạnh phúc xa vời
Tâm cứ bận về quá khứ
Hoặc lo rong ruổi tương lai
Quanh quẩn trong vòng buồn giận
Xem thường bảo vật trong tay
Dày đập lên trên hạnh phúc
Tháng năm sầu khổ miệt mài;

Giờ đây trăm xông bảo điện
Con nguyện sám hối đổi thay.

Đệ tử tâm thành quy ngưỡng
Hướng về chư Phật mười phương
Cùng với các vị Bồ Tát
Thanh Văn, Duyên Giác, Thánh Hiền
Chí thành cầu xin sám hối
Bao nhiêu lầm lỗi triền miên
Xin lấy cam lồ tịnh thủy
Tưới lên dập tắt nã phiến
Xin lấy con thuyền chánh pháp
Đưa con vượt nẻo oan khiên
Xin nguyện sống đời tỉnh thức
Học theo đạo lý chân truyền
Thực tập nộ cười hơi thở
Sống đời chánh niệm tinh chuyên.

Đệ tử xin nguyện trở lại
Sống trong hiện tại nhiệm mầu

Vườn tâm ươm hạt giống tốt
Vun trồng hiểu biết, thương yêu
Xin nguyện học phép quán chiếu
Tập nhìn tập hiểu thật sâu
Thấy được tự tánh các pháp
Thoát ngoài sanh tử trần lao
Nguyện học nói lời ái ngữ
Thương yêu, chăm sóc sớm chiều
Đem nguồn vui tới mọi nẻo
Giúp người vơi nỗi sầu đau
Đền đáp công ơn cha mẹ
Ơn thầy nghĩa bạn dày sâu.
Tín thành tâm hương một nén
Đài sen con nguyện hồi đầu
Nguyện đức Từ Bi che chở
Trên con đường đạo nhiệm mầu
Nguyện xin chuyên cần tu tập
Vuông tròn đạo quả về sau.

2. SÁM PHÁT NGUYỆN SÁM HỐI



Đệ tử chúng con từ vô thỉ
Gây bao tội ác bởi lầm mê
Đắm trong sanh tử đã bao lần
Nay đến trước đài Vô Thượng Giác
Biển trần khổ lâu đời luân lạc
Với sanh linh vô số điêu tàn
Sống u hoài trong kiếp lầm than
Con lạc lối không nhìn phương hướng
Đàn con dại từ lâu vất vưởng
Hôm nay trông thấy đạo huy hoàng
Xin hướng về núp bóng từ quang
Lạy Phật Tổ soi đường dẫn bước
Bao tội khổ trong đường ác trước
Vì tham, sân, si, mạn gây nên
Con hôm nay giữ trọn lời nguyện
Xin sám hối để lòng thanh thoát
Trí huệ quang minh như nhật nguyệt

Từ Bi vô lượng cứu quần sanh
Ôi! Từ lâu ba chốn ngục hình
Giam giữ mãi con nguyên ra khỏi
Theo gót Ngài vượt qua khổ ải
Nương thuyền từ vượt bể ái hà
Nhớ lời Ngài, "Bờ giác không xa
Hành thập thiện cho đời tương sáng
Bỏ việc ác, cho đời quang đặng
Đem phúc lành gieo rắc phàm nhân"
Lời ngọc vàng ghi mãi bên lòng
Con nguyện được sống đời rộng rãi
Con niệm Phật để lòng nhớ mãi
Hình bóng Người cứu khổ chúng sanh
Để theo Ngài trên bước đường lành
Chúng con khổ, nguyện xin cứu khổ
Chúng con khổ, nguyện xin tự độ
Ngoài tham lam, sân hận ngạt trời
Phá si mê, trí huệ tuyệt vời
Con nhớ đức Di Đà lạc quốc
Phật A Di Đà thân kim sắc

Tướng tốt quang minh tự trang nghiêm
Năm Tu Di uyển chuyển bạch hào
Bốn biển lớn trong vầng mắt biếc
Trong hào quang hóa vô số Phật
Vô số Bồ Tát hiện ở trong
Bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh
Chín phẩm sen vàng lên giải thoát
Quy mạng lễ A Di Đà Phật
Ở phương Tây thế giới an lành
Con nay xin phát nguyện vãng sanh
Cúi xin đức Từ Bi tiếp độ.

**Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới
Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật.**

3. SÁM CẦU NGUYỆN



Đệ tử kính lạy
Đức Phật Thích Ca
Phật A Di Đà

Mười phương chư Phật
Vô lượng Phật Pháp
Cùng Thánh Hiền Tăng.
Đệ tử lâu đời lâu kiếp
Nghệp chướng nặng nề
Tham giận kiêu căng
Si mê lầm lạc
Ngày nay nhờ Phật
Biết sự lỗi lầm
Thành tâm sám hối
Thề tránh điều dữ
Nguyện làm việc lành
Ngưỡng trông ơn Phật
Tù bi gia hộ
Thân không tật bệnh
Tâm không phiền não
Hằng ngày an vui tu tập
Pháp Phật nhiệm mầu
Để mau ra khỏi luân hồi
Minh tâm kiến tánh

Trí tuệ sáng suốt
Thần thông tự tại
Đặng cứu độ các bậc tôn trưởng
Cha mẹ anh em
Thân bằng quyến thuộc
Cùng tất cả chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo.

4. SÁM CẦU AN



Cúi đầu sám lễ Dược Sư,
Nguyện cho bá tánh tiêu trừ nạn tai.
Lại cầu Quan Âm Như Lai,
Tầm thanh cứu khổ hàng ngày chúng sanh.
Cõi đời tật bệnh tử sanh,
Mỗi ngày nguy hiểm đấu tranh đủ điều.
Sáng ra từ sớm đến chiều,
Biết bao tai nạn rất nhiều tử sanh.
Thấy đời liệt liệt oanh oanh,

Miếng mỗi phú quý công danh tạo thành.
Nguyện Ngài đức cả tâm thanh,
Cầu xin cứu khổ ban lành nhân dân.
Chúng con lễ bái Quan Âm,
Xót thương cứu độ từ tâm biển trần.
Tay cầm dương liễu ân cần,
Cùng bình tịnh thủy rưới dâng cam lồ.
Cõi đời sanh tử mơ hồ,
Phù du cõi tạm cơ đồ lửa thiêu.
Hằng ngày tai nạn rất nhiều,
Cầu Ngài cứu khổ mới chiều hóa thân.
Độ đời bá tánh vạn dân,
Khắp cùng pháp giới trọn phần an vui.
Cha sanh con thảo dưỡng nuôi,
Mẹ hiền đức độ khiến xuôi làm lành.
Nhà nhà an lạc tịnh thanh,
Bốn mùa tám tiết hóa sanh thuận hòa.
Nhân dân lạc nghiệp âu ca,
Hòa bình thế giới quốc gia an lành.
Tránh điều quả báo sát sanh,

Tìm đường đạo đức cha lành Thích Ca.
Tụng kinh niệm Phật Di Đà,
Cầu cho bá tánh toàn gia an lành.
Hiện tiền phước quả viên thành,
Khắp cả nam nữ tâm sanh hiền từ.
Mỗi người tật bệnh tiêu trừ,
Noi theo chánh pháp Bốn sự tu hành.
Chúng con lễ bái chí thành,
Nguyện mau ra khỏi tử sanh luân hồi.
Cõi đời khổ não lắm ôi,
Quyết lòng theo Phật về ngôi sen vàng.
Nam mô Tịnh Độ Lạc Bang,
Dắt dìu đệ tử Tây Phương mau về. O

5. SÁM QUAN ÂM



Con quỳ lạy Phật chứng minh,
Hai hàng Phật tử tụng kinh cầu nguyện,
Cầu cho thí chủ hiện tiền,

Nội gia quyền thuộc bình yên điều hòa,
Thọ trường hưởng phúc nhàn ca,
Phổ Môn kinh tụng trong nhà thánh thời.
Quan Âm phù hộ vui chơi,
Mười hai câu nguyện độ đời nên danh,
Thiện nam tín nữ lòng thành,
Ăn chay niệm Phật làm lành vái van.
Quán Âm xem xét thế gian,
Rước người chìm nổi mười phương phiêu trầm,
Mau mau niệm Phật Quán Âm,
Tai qua nạn khỏi định tâm sáng lòm,
Đương cơn lửa cháy đốt ta,
Niệm danh Bồ Tát hóa ra sen vàng.
Gió giông đi biển chìm thuyền,
Niệm danh Bồ Tát sóng tan hết liền.
Tà ma quỷ quái khùng điên,
Niệm danh Bồ Tát mạnh liền khôn ngoan.
Vào rừng cọp rảo nghênh ngang,
Niệm danh Bồ Tát nó càng chạy xa.
Tội tù ngục tối khảo tra,

Quán Âm tưởng niệm thả ra nhẹ nhàng.
Bị trù bị ếm mê mang,
Quán Âm niệm niệm vái van tịnh bình.
Quán Âm thọ ký làm tin,
Tùy duyên thuyết pháp độ mình hết mê.
Nường theo Bồ Tát trở về,
Thấy mình ngồi gốc Bồ đề giống in,
Tay cầm bầu nước tịnh bình,
Tay cầm nhánh liễu quang minh thân vàng,
Cam lồ rưới khắp thế gian,
Tốt tươi mát mẻ mười phương thanh nhàn.
Quán Âm cứu hết tai nàn,
Độ đời an lạc mười phương thái bình,
Quán Âm điểm đạo độ mình,
Quán Âm Bồ Tát chứng minh độ đời.

6. SÁM NGUYỆN VÃNG SANH



Đệ tử chúng con
 Hiện là phàm phu
 Trong vòng sanh tử
 Tội chướng sâu nặng
 Luân chuyển sáu đường
 Khổ không nói được.
 Nay gặp tri thức
 Được nghe danh hiệu
 Bốn nguyện công đức
 Phật A Di Đà
 Một lòng xưng niệm
 Cầu nguyện vãng sanh.
 Nguyện Phật từ bi
 Xót thương chẳng bỏ
 Phóng quang nhiếp thọ.
 Đệ tử chúng con
 Chưa biết thân Phật

Tướng tốt quang minh
Nguyên Phật thị hiện
Cho con được thấy.
Lại thấy tướng mầu
Quán Âm Thế Chí
Các chúng Bồ Tát
Và thế giới kia
Thanh tịnh trang nghiêm
Vẻ đẹp quang minh
Xin đều thấy rõ.
Con nguyện lâm chung không chướng ngại.
A Di Đà đến rước từ xa.
Quan Âm cam lồ rưới nơi đầu.
Thế Chí kim đài trao đỡ gót.
Trong một sát na lìa ngũ trược.
Khoảng tay co duỗi đến Liên Trì.
Khi hoa sen nở thấy Từ Tôn
Nghe tiếng pháp sâu lòng sáng tỏ.
Nghe xong liền ngộ vô sanh nhẫn.
Không rời An Dưỡng lại Ta Bà.

Khéo đem phương tiện lợi quần sanh
Hay lấy trần lao làm Phật sự.
Con nguyện như thế Phật chứng tri.
Kết cuộc về sau được thành tựu.

7. SÁM PHỔ HIỀN



Nay con lại nguyện tu hành,
Phổ Hiền nguyện lớn sẵn dành mười môn:
Một là nguyện lay Thế Tôn,
Hiện thân trước Phật hết lòng kính tin.
Hai, khen Phật đức rộng thính,
Lời hay tiếng tốt tận tình ngợi ca.
Ba, thời sắm đủ hương hoa,
Tràng phan bảo cái dâng ra cúng dường.
Bốn, vì mê chấp lầm đường,
Tham sân nghiệp chướng con thường sám luôn.
Năm, suy công đức vạn muôn,
Của phàm của thánh con đồng vui ưa.

Sáu, khi Phật chứng thượng thừa,
Pháp mầu con thỉnh đã vừa truyền trao.
Bảy, lòng chẳng chút lãng xao,
Cầu xin chư Phật chớ vào Vô dư!
Tám, thường tu học Đại thừa,
Bao giờ bằng Phật mới vừa lòng con.
Chín, thể chẳng dám mỗi mòn,
Dắt dìu muôn loại đều tròn pháp thân.
Mười, đem tất cả công huân,
Mọi loài cùng hưởng khắp trần cùng vui.
Mười điều nguyện lớn nguyện rồi,
Nguyện về Cực Lạc, nguyện ngôi tòa sen.

8. SÁM MUỖI PHƯƠNG



Mười phương chư Phật ba đời
Di Đà bậc nhất chẳng rời quần sanh
Sen vàng chín phẩm sẵn dành
Oai linh đức cả đã đành vô biên!

Nay con dâng tấm lòng thiền,
Quy y với Phật, sám liên tội căn,
Phước lành con có chi chẳng,
Ít nhiều quyết cũng nguyện rằng về Tây!
Nguyện cùng với bạn tu đây,
Tuỳ thời cảm ứng hiện nay điểm lành,
Biết giờ biết khắc rõ ràng,
Lâm chung tận mặt cảnh lành Tây Phương.
Thấy nghe chánh niệm hơn thường,
Vãng sanh Lạc quốc, đồng nương sen vàng,
Hoa nở thấy Phật rõ ràng,
Thoát vòng sanh tử độ an muôn loài.
Phiền não vô biên, thệ dứt trừ,
Pháp môn tu học, chẳng còn dư,
Chúng sanh nguyện độ, bờ kia đến,
Phật đạo cùng nhau chứng trí như.
Hư không cõi nọ dầu cùng,
Nguyện trên còn mãi chẳng cùng chẳng thuyên.
Không tình cũng có đồng nguyên,
Trí mẫu của Phật đồng viên đồng thành.

9. SÁM DI ĐÀ



Muốn đi có một đường này,
Nhất tâm niệm Phật, có ngày thoát ra,
Vậy khuyên phải niệm Di Đà,
Hồng danh sáu chữ thật là rất cao.
Hay trừ tám vạn trần lao,
Tham thiền, quán tưởng pháp nào cũng thua.
Di Đà xưa cũng làm vua,
Bỏ ngôi, bỏ nước vô chùa mà tu,
Xét ra từ kiếp đã lâu,
Hiệu là Pháp Tạng tỳ kheo đó mà.
Trong khi Ngài mới xuất gia,
Bốn mươi tám nguyện phát ra một lần,
Nguyện nào cũng lắm oai thần,
Nguyện nào cũng trọng về phần độ sanh,
Vì thương thế giới bất bình,
Nên chi đầu Phật mà đành bỏ ngôi,
Thầy là Bảo Tạng Như Lai,

Bạn là Bảo Hải, tức Ngài Thích Ca.
Thích Ca nguyện độ Ta Bà,
Di Đà nguyện mở cửa nhà Lạc bang.
Mở ao chín phẩm sen vàng,
Xây thành bát bửu, đồ đàn thất trân,
Lưu ly quả đất sáng ngần,
Lầu châu gác ngọc mười phần trang nghiêm,
Hoa trời rưới cả ngày đêm,
Có cây rất quý, có chim rất kỳ.
Lạ lòng cái cảnh phương Tây,
Mười phương cõi Phật cảnh nào cũng thua.
Phong quang vui vẻ bốn mùa,
Nước gieo Pháp Phật, gió khua nhạc trời.
Di Đà có thể một lời,
Mở ra cõi ấy tiếp người vãng sanh.
Mười phương ai phát lòng thành,
Nhất tâm mà niệm hồng danh của Ngài.
Hằng ngày trong lúc hôm mai,
Niệm từ mười tiếng đến vài ba trăm.
Khi đi, khi đứng, khi nằm,

Chuyên trì niệm Phật, lòng chăm phát nguyện.
Nguyện sanh về cõi Bảo Liên,
Là nơi Cực Lạc ở miền Tây Phương.
Đến khi thọ mạng vô thường,
Thì Ngài phóng ngọn hào quang rước liền,
Biết bao phước đức nhân duyên,
Đã về Cực Lạc còn phiền não chi.
Sự vui, trời cũng chẳng bì,
Đêm đêm thông thả, ngày ngày vui chơi,
Sống lâu kiếp kiếp đời đời,
Không già, không chết, không dời đi đâu.

10. SÁM CẦU SANH TỊNH ĐỘ



Một lòng quy mạng
Thế giới Cực Lạc
Phật A Di Đà.
Xin đem ánh tịnh
Soi chiếu thân con

Dùng nguyện từ bi
Mà nhiếp thọ con.
Nay con chánh niệm
Xưng hiệu Như Lai
Vì đạo Bồ Đề
Cầu sanh Tịnh Độ.
Xưa Phật lập thế:
“Nếu chúng sanh nào
Muốn về nước ta
Hết lòng tin ưa
Xưng danh hiệu ta
Cho đến mười niệm
Như không được sanh
Ta không thành Phật.”
Nay con nguyện nương
Nhân duyên niệm Phật
Được vào biển thế
Của Đức Như Lai
Nhờ sức Thế Tôn
Tiêu trừ các tội

Thêm lớn căn lành.
Con nguyện lâm chung
Biết ngày giờ trước
Thân không bệnh khổ
Tâm không tham luyến
Ý không điên đảo
Như vào thiên định.
Phật cùng Thánh chúng
Tay bưng đài vàng
Đến tiếp dẫn con.
Trong khoảnh sát na
Con về Cực Lạc
Hoa nở thấy Phật
Được nghe Phật Thừa
Tỏ thông Phật huệ
Độ khắp chúng sanh
Mãn Bồ Đề nguyện.

11. SÁM BÁO HIẾU PHỤ THÂN



Thành tâm báo hiếu con quỳ
 Phụ thân nay đã biệt ly dương trần
 Con chưa đáp được mười ân
 Mà nay Cha đã qua phần còn đâu!
 Nhắc thôi thêm thảm thêm sầu
 Làm con chưa trọn được câu sanh thành
 Từ nay Cha đã khuất hình
 Trước sau vắng vẻ gia đình quạnh hiu
 Bỏ con thơ dại chút chiu
 Đâu còn như sống mà kêu con về
 Công lao khó nhọc nhiều bề
 Đêm ngày lo lắng nặng nề vì con
 Ba năm nuôi dưỡng hao mòn
 Chăm nom nuôi trẻ đâu còn rảnh rang
 Lắm lần cầu nguyện vái van
 Cho con khôn lớn nên đàng công danh
 Rồi nay con được trưởng thành

Chưa hề báo đáp công sanh phần nào
Sanh thành dưỡng dục cù lao
Gia đình gánh nặng làm sao an nhàn
Sợ con lêu lổng sa đàng
Sợ vì bệnh hoạn lại càng lo âu
Cha không lên gác xuống lầu
Bỏ con vất vả đồng sâu nắng hè
Cha không xuống ngựa lên xe
Bỏ con đói rách chịu bề lang thang
Cha không dư giả bạc vàng
Bỏ con khốn khổ cơ hàn lều tranh
Nuôi con dạy dỗ học hành
Miễn cho con đặng trưởng thành nên danh
Thương con Cha bỏ sao đành
Nay vì số phận Cha đành biệt ly
Nhỏ còn thơ dại biết chi
Lớn khôn mới rõ Cha thì dày công
Từ nay hết đợi hết trông
Thi hài Cha gửi ra đồng cỏ xanh
Về thăm đâu thấy dạng hình

Bàn hương vắng vẻ đèn xanh nhang tàn
Lòng con thương nhớ thở than
Cơm dâng ba bát vái van Cha về
Chứng cho con cháu đồng quy
Nguyện Cha về chốn liên trì Lạc bang
Thành tâm con lập trai đàn
Nhờ ơn Phật Tổ chứng đàn khai kinh
Con cầu chư Phật chứng minh
Địa Tạng Bồ Tát thương tình độ vong
Con nay cầu nguyện hết lòng
Cầu cho Từ Phụ thoát vòng khổ luân
Mới là đáp được thâm ân
Ơn cao như núi nghĩa gần biển sâu
Thành tâm khẩn nguyện cúi đầu
Từ Bi tiếp dẫn xin cầu vãng sanh
Nguyện cho hồn đặng an lành
Đồng về Cực Lạc, đồng sanh sen vàng
Nam mô Tịnh Độ Lạc bang
Độ vong hồn đặng Tây phương mau về.

12. SÁM BÁO HIẾU MẪU THÂN



Báo ân nghĩa trọng vô biên,
Huyền đường nay đã huỳnh tuyến xa chơi,
Dương trần con chịu mồ côi,
Hai mươi bốn thảo chưa bồi dưỡng sinh,
Nhớ câu đất rộng trời dài,
Sông sâu bể thẳm non đoài cách xa,
Mẹ hiền khuất dạng trong nhà,
Bỏ con thơ dại vào ra một mình,
Đau lòng vì nỗi tử sinh,
Nhớ thương Từ Mẫu dứt tình biệt ly,
Cháu con sầu thảm ai bi,
Ra vào chẳng thấy dung nghi hàng ngày,
Trời cao đất thẳm có hay,
Mẹ con xa cách càng cay càng phiền,
Con còn vui sống triển miên,
Mất Mẹ gan ruột đảo điên muôn phần,

Than ôi, Từ Mẫu thâm ân,
Biết đâu tìm kiếm phân vân đêm ngày.
Nhớ ơn cúc dục cao dày,
Bây giờ chỉ thấy linh đài lạnh tanh,
Sớm khuya lặng lẽ một mình,
Vắng sau quanh trước bóng hình Mẫu Thân,
Dưỡng sanh non biển sánh bằng,
Cưu mang mười tháng dạ hằng lo âu,
Nhiều khi Am Tự khẩn cầu,
Cho con mạnh khỏe ngày sau nối dòng,
Khi con vừa mới lọt lòng,
Ba năm bú mớm ẵm bồng trên tay,
Mẹ Cha vất vả đêm ngày,
Trông con mau lớn chẳng nài công lao,
Nhất là những lúc ốm đau,
Mẹ Cha khổ cực không sao nghĩ bàn,
Thuốc thang luống chịu cơ hàn,
Thấy con mạnh khỏe hân hoan vui mừng,
Khuyên con ăn ở có chừng,
Nào là trai gái giữ thuần nết na,

Dạy con khắp hết việc nhà,
Mẫu tử, Tử hiếu thuận hòa nên danh,
Bây giờ nhìn nắm mồ xanh,
Mộ đầy cỏ mọc chung quanh bịt bùng,
Về nhà thấy dạng chân dung,
Đèn hương khói tỏa nhớ cùng Mẫu Thân,
Nhớ Mẹ đau khổ muôn phần,
Tìm đâu gặp đặng Mẫu Thân dễ dàng,
Lòng con thương nhớ khóc than,
Cơm dâng ba bát vái van Mẹ dùng,
Làm sao trả thảo báo ân,
Đôi hàng châu lụy tuôn dòng thở than,
Đêm thâu giấc mộng mơ màng,
Giật mình thức giấc bàng hoàng năm canh,
Mẹ đã về chốn Diêm thành,
Bỏ con dương thế cam đành xót xa,
Ruột đau từng đoạn thiết tha,
Nhớ thương Từ Mẫu lệ sa khôn cầm,
Năm canh con trẻ đang nằm,
Áo khô nước mắt ướt đầm như mưa,

Hồn về chín tuổi xa đưa,
Diêm la quỷ sứ ngưu lừa gớm ghê,
Suối vàng cũng gọi là quê,
Ai ai không khỏi đọa về khổ thân,
Làm con báo hiếu chuyên cần,
Nguyện cầu Phật Tổ oai thần cứu ra.
Ngày nay thiết lễ Trai gia,
Lòng thành cầu Phật Di Đà chứng minh,
Quan Âm, Thế Chí đồng thỉnh,
Đức Ngài Địa Tạng độ hình Mẫu Thân,
Hà sa Chư Phật Long Thần,
Phóng quang tiếp dẫn Mẫu Thân thượng trình,
Hương hồn về chốn Phật đình,
Sen vàng chín phẩm hóa hình ngôi trong,
Ngôi trên phẩm báu hư không,
Nường theo chân Phật thông dong Lạc thành,
Mẹ đã về cõi vô sanh,
Tội tiêu nghiệp dứt quả lành muôn năm.
Lạy cầu Chư Phật từ tâm,
Di Đà thọ ký hồn âm trọn lành,

Nguyện hồn về chốn Lạc thành,
Chúng ngôi bất thối vô sanh đời đời,
Cầu cho hồn đặng thanh thoi,
Hộ trì tang quyến đến nơi đạo tràng,
Tụng kinh lễ Phật cầu an,
Phát tâm tu niệm Lạc bang mau về.

13. SÁM NHẤT TÂM



Một lòng mỗi một không nài
 Cầu về Cực Lạc ngôi đài Liên Hoa
 Cha lành vốn thiết Di Đà
 Soi hào quang tịnh chói lò thân con
 Thấm sâu ơn Phật hằng còn
 Con nay chánh niệm lòng son một bề
 Nguyên làm nên đạo Bồ Đề
 Chuyên lòng niệm Phật cầu về Tây Phương
 Phật xưa lời thệ tỏ tường
 Bốn mươi tám nguyện dẫn đường chúng sanh
 Thế rằng: Ai phát lòng thành
 Nước ta báu vật để dành các người
 Thiện nam, tín nữ mỗi người
 Chí thành tưởng Phật niệm mười tiếng ra
 Ta không rước ở nước ta
 Thệ không thành Phật chắc là không sai
 Bởi vì tin tưởng Như Lai

Có duyên tưởng Phật sống dai vô cùng
Lời thể biển rộng mệnh mong
Nhờ nương Đức Phật thoát vòng trần lao
Tội mòn như đá mài dao
Phước lành thêm lớn càng cao càng dày
Cầu cho con thác biết ngày
Biết giờ, biết khắc, biết rày tánh linh
Cầu cho bệnh khổ khỏi mình
Lòng không trù mến chuyện tình thế gian
Cầu cho thần thức nhẹ nhàng
In như thiên định họ Bàng thuở xưa
Đài vàng tay Phật bưng chờ
Các ông Bồ Tát bây giờ đứng trông
Rước con thiết đã nên đông
Nội trong giây phút thấy đồng về Tây
Xem trong cõi Phật tốt thay
Hoa sen đua nở tánh nay sạch trần
Hội này thấy Phật chân thân
Đặng nghe pháp nhiệm tâm thần sáng trưng
Quyết tu độ chúng phàm dân

Đủ lời thệ nguyện Phật ân rộng dài
Phật thệ chắc thật không sai
Cầu về Tịnh Độ ai ai tin lòng
Nguyện về Tịnh Độ một nhà
Hoa sen chín phẩm là cha mẹ mình
Hoa nở rồi biết tánh linh
Các ông Bồ Tát bạn lành với ta.

14. SÁM THẢO LƯ



Chốn thảo lư an cư dưỡng tánh
Dốc một lòng nhập thánh siêu phàm
Sắc tài danh lợi chẳng ham
Thị phi phỉ sạch, luận đàm mặc ai
Tuyệt ban mai lâu dài chi đó
Thân người đời nào có bao lâu
Nhộn nhàng trong cuộc bể dâu
Xuân xanh mới đó bạc đầu rồi đây!

Ba vạn sáu ngàn ngày công khó
Chia phần đem cho đó một hòm
Của tiền để lại nhi tôn
Bao nhiêu tội lỗi phần hồn lãnh riêng
Chốn cửu tuyền khác miền dương thế
Quỷ ngục đâu chẳng nể chẳng kiêng
Tội hành nghiệp cảm liền liền,
Muôn phần thảm độc ghê phen đoạn trường
Rất thảm thương là đường sanh tử
Dám khuyên người ngó thử lại coi
Thân như pháo đã châm ngòi
Nổ vang một tiếng rồi coi thế nào
Tiếc công lao biết bao xiết kể
Sự đáo đầu cũng thế mà thôi
Trăm năm sự nghiệp phui rồi
Minh minh biển khổ luân hồi cực thân
Lửa hồng trần rần rần cháy dậy
Người say mê thấy vậy phải kêu
Tỉnh tâm xét lại mấy điều
Kíp tu đạo đức, sau siêu linh hồn

Sự dại khôn chẳng cần khôn dại
Trước lỗi lầm, sau phải ăn năn
Biển sâu nước khỏả cũng bằng
Mây tan gió tịnh, bóng trắng sáng lòà
Cõi ta bà có tòa Cực Lạc
Dòng sông mê, bến giác chẳng xa
Y theo giáo pháp Thích Ca
Tự nhiên bốn tánh Di Đà phóng quang
Đã gặp đàng chưa toan dời bước
Còn tiếc chi chân bước lờ đờ
Khuyên đừng đem dạ tưởng mơ
Trăm năm cuộc thế như cờ bị vây
Rút gươm huệ, dứt dây tham ái
Kíp tìm thầy, cầu phái quy y
Kiên trì ngũ giới tam quy
Mở lòng từ mẫn sân si phải chừa.

15. SÁM HỒNG TRẦN



Cõi hồng trần gửi thân trăm tuổi
Kiếp phù sanh thay đổi mấy lần
Có thân nên khổ vì thân
Bởi xưa chân tánh niệm lần say mê
Nhân vô minh vọng tình nhiễm trước
Thọ, tưởng, hành, ý thức nghiệp duyên
Luân hồi sanh tử lộn quanh
Ra vào ba cõi xuống lên sáu đường
Đời dĩ vãng Tam hoàng, Ngũ đế
Khó toan phương cõi thế thọ trường
Những là diệu dược Thần Nông
Dễ đâu cứu hết mạng vong số người
Thuốc linh đơn tài y Biển Thước
Cũng nan điều hết được bệnh nhân
Hữu hình, hữu hoại là thân
Có đâu sống mãi ngàn năm trên đời
Trường danh lợi lằng xằng lui tới
Án công hầu sớm tối đua chen

Sang giàu, nghèo khổ lộn xen
Chung quy rồi cũng một phen tan tành!
Oai lầy lừng, vua Tần Hoàng Thủy
Tiếng anh hùng, cái thế Hạng Vương,
Quyết lòng thâm đoạt giang sơn
Dè đâu ý định sao hơn mạng trời?
Chẳng lâu đời nghiệp Tần ngán ngủi,
Sông Ô Giang, Hạng Võ bỏ mình
Hán trào, Hàn Tín công nghìn
Tề Vương đại ấn dễ mang đăng nào
Họ Thạch giàu của bao xiết kể
Mà bây giờ còn để lại đâu?
Tuổi Nhan Hồi băm hai yếu số
Sống tám trăm Bành Tổ mạng trường
Xanh mảy với tóc bạc sương
Sống lâu thác yếu, một đường khác chi?
Mùi tục lụy đắng cay mấy nổi
Bả đỉnh chung nhiều nổi nhọc lòng
So tài đấu trí đại khôn
Công danh, phú quý, mộng hồn Hoàng Lương

Cảnh vô thường tang thương biến đổi
Người lẽ đâu sớm tối an nhàn?
Sanh giả không, tử giả không
Mấy ai trăm tuổi, uống công lo đời
Còn chút hơi, ai ơ nghĩ lại
Muôn việc đời, cả thấy đừng mong
Vắng đi ba tấc hơi lòng
Bao nhiêu sự nghiệp còn trông chút gì?
Dầu của tiền vạn thiên chất chứa
Bạc vương hầu, khanh tướng vinh hoa
Ởn thâm nghĩa trọng tận tình
Đem ra chuộc thể mạng mình được chăng?
Có chi bằng tầm phương tế độ
Niệm Di Đà giác ngộ thiện tâm
Đạo là vô thượng thậm thâm
Nếu không sớm gặp kiếm tâm dễ chi?
Xét thân này một khi gặp gỡ
Để mất rồi muôn thuở khó toan
Kiếp người sanh giữa trần gian
Nhờ nơi chưởng đặng thiện căn lâu đời

Vậy mấy lời hôm nay tỉnh giấc
Nguyện vong hồn khoái lạc siêu sanh
Bao nhiêu những việc tiền trình
Bây giờ thôi cũng phải đành hoàn không
Một khoảnh đồng bắt tằm chôn xác
Ôi! Đành cho đất cát lấp vùi
Biệt ly là cảnh ngậm ngùi
Bi tâm thán biệt nắm mồ ngàn thu
Bóng trắng lu, nhìn đầu ác xế,
Tháng ngày qua quạnh quẽ mộ phần
Gió mưa, nắng tuyết bao lần
Cổ kim lai vãng tử sanh một đàng
Cõi vinh hoàn, trần gian chung cảnh
Kiếp luân hồi không rảnh thoát ly
Mong nhờ pháp lực hộ trì
Xả mê từng giác tiêu điều Lạc thành
Nguyện vãng sanh về miền Cực Lạc
Dứt hết liên ác nghiệp trần lao
Liên Hoa chín phẩm đặng vào
Trường xuân tự tại tiêu dao thanh nhàn.

16. SÁM TỔNG TÁNG



Cuộc hồng trần xoay vần quá ngán
Kiếp phù sinh tụ tán mấy hồi?
Người đời có biết chẳng ôi!
Thân người tuy có, có rồi hoàn không
Chiêm bao khéo khuấy lạ lòng
Mơ màng trong một giấc nồng mà chi
Làm cho buồn bã thế ni
Hôm qua còn đó, bữa nay đâu rồi!
Khi nào đứng đứng ngồi ngồi
Bây giờ thêm thiếp như chồi cây khô
Khi nào du lịch giang hồ
Bây giờ nhắm mắt mà vô quan tài
Khi nào lược giắt trâm cài
Bây giờ gửi xác ra ngoài gò hoang
Khi nào trau ngọc chuốt vàng
Bây giờ một nắm xương tàn lạnh tanh
Khi nào mắt đẹp mày thanh
Bây giờ thấy dạng thấy hình là đâu?

Khi nào lên gác xuống lầu
Bây giờ một năm cỏ sâu xanh xanh
Khi nào liệt liệt oanh oanh
Bây giờ một trận tan tành gió mưa
Khi nào ngựa lộc xe lừa
Bây giờ mây rước trăng đưa mơ màng
Khi nào ra trường vào幔
Bây giờ nhà cửa xóm làng cách xa
Khi nào mẹ mẹ cha cha
Bây giờ bóng núi khuất xa muôn trùng
Khi nào vợ vợ chồng chồng
Bây giờ trăng khuyết còn mong chi tròn
Khi nào cháu cháu con con
Bây giờ hai ngã nước non xa vời
Khi nào cốt nhục vẹn mười
Bây giờ lá héo nhành tươi vui gì!
Khi nào bạn hữu sum vầy
Bây giờ chén rượu cuộc kỳ vắng hiu!
Cái thân như tấc bóng chiều
Như chùm bọt nước phập phều ngoài khơi

Xưa ông Bành Tổ sống đời
Tám trăm tuổi thọ nay thời còn đâu?
Sang mà đến bậc công hầu
Giàu mà đến bậc bấy lâu Thạch Sùng
Nghèo mà đói khát lạnh lùng
Khổ mà tóc cháy da phỏng trần ai
Phù du sớm tối một mai
Giàu sang cũng thác, xạc xài cũng vong
Thông minh tài trí anh hùng
Ngu si đại dốt cũng chung một gò
Biển trần nhiều nỗi gay go
Mau mau nhẹ gót qua đò sông mê
Sự đời nên chán nên chê
Tầm nơi giải thoát mà về mới khôn
Vong hồn ơ hời vong hồn!
Cuộc đời nay biển mai cồn tỉnh chưa?
Tỉnh rồi một giấc say sưa
Sẽ xin niệm Phật mà đưa hồn về
Hồn về Cực Lạc nước kia
Cho xa hang quỷ mà lìa kiếp ma

Nhờ ơn Đức Phật Di Đà
Phóng ra một ngọn chói lòa hào quang
Trong khi tiếp dẫn rõ ràng
Dắt hồn ra khỏi sáu đàng nghiệp nhân
Quan Âm Bồ Tát vui mừng
Tay cầm nhánh liễu, tay bưng kim đài
Với cùng Thế Chí các Ngài
Cũng đều khuyến thỉnh lên ngai sen vàng
Có bảo cái, có tràng phan
Có mùi hương lạ, có đàng ngọc xây
Có trời các cõi truy tùy
Có đàn, có trống rước đi một đường
Rước về đến cảnh Tây Phương
Có ao thất bảo, có hương ngũ phần
Lưu ly có đất sáng ngần
Ma Ni có nước trong tầng chảy quanh
Thất trân có bảy lớp thành
Bảy hàng cây báu, bảy vành lưới châu
Có ngân các, có kim lâu
Có chim nói pháp nhiệm mầu dễ nghe

Nghe rồi tỏ đạo Bồ Đề
Bao nhiêu nghiệp chướng hồn mê dứt liền
Đã sanh về chín phẩm sen
Mấy tai cũng xảy, mấy duyên cũng tròn
Phật như thể mẹ tìm con
Con mà gặp mẹ lại còn lo chi?
Lâu vàng đài báu thiếu gì
Ăn thì cơm ngọc, mặc thì áo châu
Không ơn, không oán, không sầu
Không già, không chết có đâu luân hồi?
Tánh xưa nay đã tỏ rồi
Gương xưa nay đã lau chùi trần ô
Tu hành phải lựa kiếp mô?
Nguồn tình biển ái đã khô bao giờ!
Lựa là phải ngộ thiên cơ
Mà đèn trí huệ dễ lờ đi đâu?
Mấy lời hộ niệm trước sau
Nguyện cho thành Phật mau mau nữa mà!
Phân thân ra cõi Ta Bà
Tù bi tiếp độ những là chúng sanh.

17. BÀI TỤNG LỄ KHÁNH ĐẢN



Đệ tử hôm nay
Gặp ngày Khánh Đản
Một dạ vui mừng
Cúi đầu đánh lễ
Thập phương Tam Thế
Điều Ngự Như Lai
Cùng Thánh Hiền Tăng
Chúng con cùng pháp giới chúng sanh
Bởi thiếu nhân lành
Thảy đều sa đọa
Tham sân chấp ngã
Quên hỏn đường về
Tình ái si mê
Tù trong lục đạo
Trăm dây phiền não
Nghiệp báo không cùng

Nay nhờ Phật Tổ Năng Nhân
Rủ lòng lân mẫn
Không nỡ sanh linh thiếu phước
Nặng kiếp luân hồi
Đêm dày tăm tối
Đuốc tuệ rạng soi
Nguyện cứu muôn loài
Pháp dùng phương tiện
Ta Bà thị hiện
Thích chủng thọ sanh
Thánh Ma Gia mộng ứng điềm lành
Vua Tịnh Phạn phước sanh con thảo
Ba mươi hai tướng hảo
Vừa mười chín tuổi xuân
Lòng từ ái cực thuần
Trí xuất trần quá mạnh
Ngai vàng quyết tránh
Tìm lối xuất gia
Sáu năm khổ hạnh rừng già
Bảy thất nghiêm tinh thiền tọa

Chúng thành đạo quả
Hàng phục ma binh
Ba cõi đều dậy tiếng hoan nghênh
Muôn vật thấy nhờ ơn tế độ
Chúng con nguyện:
Dứt bỏ dục tình gây khổ
Học đòi đức tính quang minh
Cúi xin Phật Tổ giám thành
Từ bi gia hộ:
Chúng con cùng pháp giới chúng sanh
Chóng thành đạo quả.
Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
(3 lần)

18. BÀI TỤNG LỄ PHẬT THÍCH CA XUẤT GIA



Kính lạy Bồ Tát Tất Đạt Đa
Tánh đức từ bi hằng biểu lộ
Trải bao cuộc du hành mục đồ
Xót sanh linh kiếp số trầm luân
Cảnh sanh, già, đau, chết, gian truân
Luống chịu khổ không ngừng gây khổ
Mê chấp tánh tham, si, tật đố
Mãi cùng nhau vầy ổ oan gia
Nợ tuần hoàn vay trả không xa
Trong sáu đạo trùng trùng quanh quẩn
Bồ Tát rủ Bà tâm lân mẫn
Quyết hi sinh độ tận hữu tình
Đoạn ái ân phú quý riêng mình
Chọn điều sống quang minh vô trụ
Tìm hạnh phúc lâu dài đầy đủ
Cùng quần sanh hưởng thú yên lành

Gặp tuần trăng giữa lúc đêm thanh
Rời cung cấm băng thành tìm đạo
Hiếu tình đặt ra ngoài quyền sáo
Mở lòng thương đại tạo bao la
Chiếc thân vui bạn với yên hà
Theo tiếng gọi lòng từ giục nhắc
Lên yên ngựa cùng tôi Xa Nặc
Lướt bụi hồng hướng nẻo rừng xanh
Non sông gấm vóc thiên thành
Cỏ hoa hớn hở bao quanh đón chào
A Nô Ma sóng vỗ dạt dào
Hy Mã Lạp tuyết ngời lóng lánh
Nơi đánh dấu bước đường lên Thánh
Dừng vó câu thả gánh tang bồng
Gửi lời về tàu trước bệ rồng
Câu Vương phụ giải lòng trông đợi
Rừng khổ hạnh lần dò bước tới
Xét hành nhân lắm lỗi nhiều phương
Bởi người chưa rõ lý chân thường
Hạnh kỳ đặc hồi đầu vô ích

Tạm dời gót trên đường diệu tích
Tìm tận nơi tịch tịch thiên nhiên
Trọn sáu năm núi Tuyết tham thiền
Kham chịu cảnh màn trời chiếu đất
Đầy ba đức cội lòng chân tịnh
Không ngại ngừng thú dữ ma thiêng
Công đức vừa đầy đủ nhân duyên
Trên pháp tọa Bồ Đề chứng quả
Hóa độ khắp đại thiên thiên hạ
Muôn loại đều một dạ ghi ơn
Chúng con nay phát nguyện tu nhân
Nhờ tấm gọi từ vân pháp vũ
Trước bảo điện trì kinh niệm chú
Kỉ niệm ngày lịch sử thiêng liêng
Cúi xin Phật, Pháp, Thánh Hiền
Gia hộ chóng tiêu trừ nghiệp chướng
Ngưỡng mộ đấng Pháp Vương vô thượng
Nhứt tâm đồng đánh lễ quy y.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

(3 lần)

19. BÀI TỤNG LỄ PHẬT THÀNH ĐẠO



Hào quang chiếu diệu
Sáng tỏa mười phương
Ngộ lý chân thường
Phá màn hôn ám
Đệ tử lòng thành bái sám
Trước điện dâng hoa
Cúng dường Phật Tổ Thích Ca
Ba ngôi thường trú
Đệ tử chúng con:
Nhân lành chưa đủ
Nghiệp báo theo hoài
Nay nhờ Văn Phật Như Lai
Giáng trần cứu độ
Sáu năm khổ hạnh
Bảy thất tham thiền
Ma oán dẹp yên

Thần long che chở
Tâm quang rực rỡ
Chứng lục thần thông
Lộ chiếu minh tinh
Đạo thành chánh giác
Trời người hoan lạc
Dậy tiếng hoan hô
Năm mươi năm hóa độ
Ba trăm hội đàm Kinh
Cứu phàm phu thoát khỏi mê đồ
Tiếp Hiền Thánh siêu sanh Tịnh Độ
Muôn đời xưng tán
Vạn đức hồng danh
Đệ tử chí thành
Lễ bày kỷ niệm
Tâm hương phụng hiến
Gọi chút báo ân
Ngưỡng trông vô thượng Pháp Vương
Từ bi gia hộ.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.(3 lần)

20. BÀI TỤNG LỄ PHẬT THÍCH CA NHẬP NIẾT BÀN



Đệ tử nay một lòng thành kính
 Giờ phút này quỳ giữa đạo tràng
 Kỷ niệm ngày Phật Bát Niết Bàn
 Trên đất Ấn thành Câu Thi cũ
 Bốn bộ chúng tổ thành đầy đủ
 Khắp nhân thiên hoá độ chu chuân
 Chấp thuận lời cầu thỉnh Ba Tuần
 Xả tuổi thọ trước kỳ ba tháng
 Thần thông tạm trụ nơi thân mạng
 Pháp yếu cần Di Giáo tông đồ
 Đại Tập Đường hội họp Bí Sơ
 Nhắc nhở lại các phần Đạo phẩm
 Khuyên tinh tấn thời thường suy ngẫm
 Chớ mảy may lười biếng buông lung
 Liền phóng quang chiếu diệu lạ lùng
 Khai thị trước nhân duyên diệt độ

Đều ba cõi nhân thiên thống khổ
Tiếc thương tràn huyết lệ thành mưa
Sự tình hai ngàn rưỡi năm xưa
Dở Di Giáo, Niết Bàn đọc lại
Cảm động quá lòng con tê tái
Tưởng tượng nhìn trạng thái Sa La
Giữa hàng cây Song Thọ diêm đà
Trên Ngọa tháp nghiêng mình Từ Phụ
Khấp đại chúng mặt mày ủ rũ
Khóc than vật vã cực bi ai
Thế Tôn khuyên nén bớt tình hoài
Nhìn đạo lý vô thường sự vật
Đừng chấp trước huyễn thân còn mất
Hãy nương theo giới luật tu trì
Phật diệt còn Pháp đó quy y
Tin nhất hản tới kỳ giải thoát
Kiến giải có gì chưa dứt khoát
Chóng nêu lên cầu quyết tâm nghi
Nhập Niết Bàn đã sắp tới thì
Thời khắc đúng như khi thành đạo

Nghe phó chúc lòng càng áo não
Trăm mắt nhìn thấu đáo kim thân
Chi tiết ngưng dao động lần lần
Như Lai đã chứng vui tịch diệt
Bốn chúng thấy nghẹn ngào mến tiếc
Khác nào đàn con mất mẹ hiền
Thụ linh ứng khắp Đại thiên
Tu Di nghiêng ngã, đất liền động rung
Phạm Vương, Đế Thích, Thiên Cung
Tung hoa, trỗi nhạc không trung cúng dường
Chúng con phúc bạc vạn ương
Sanh xa đời Phật thiếu phương tiện lành
Thiết tha cầu chứng Vô sanh
Giới hương biểu lộ tắc thành cúng dâng
Cúi xin Vô Thượng Năng Nhân
Từ bi gia hộ.

**Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni
Phật. (3 lần)**

21. SÁM VĂN MUỖI HAI HIỆU AN DƯỠNG



Tây Phương giáo chủ đấng Năng Nhân
Tiếp dẫn chúng sanh chí chẳng sờn
Cực Lạc hữu duyên sanh Tịnh Độ
Ta bà giải thoát kiến Di Đà.
Nam Mô Sanh Tịnh Độ Bồ Tát. O

Bốn tám lời nguyện độ chúng sanh
Phát nguyện rộng lớn đặng viên thành
Ao sen chín phẩm sanh thượng phẩm
Đồng độ chúng sanh Phật đạo thành.
Nam Mô Sanh Tịnh Độ Bồ Tát. O

1. Cầu về An Dưỡng Di Đà

Nước tên Cực Lạc thiết là nghiêm trang
Hiệu Ngài Vô Lượng Thọ Quang
Liên trì Hải Hội Niết Bàn Như Lai.

Nam Mô Sanh Tịnh Độ Bồ Tát. O

2. Nguyên về An Dưỡng hằng ngày
Nước tên Cực Lạc hiện nay Di Đà
Liên trì Hải Hội hằng hà
Như Lai công đức thiết là vô biên.
Nam Mô Sanh Tịnh Độ Bồ Tát. O

3. Chúng con Tịnh Độ hữu duyên
Nguyên qua An Dưỡng tinh chuyên tu hành
Liên trì Hải Hội xây doanh
Hiệu Ngài Vô Ngại, đức lành Như Lai.
Nam Mô Sanh Tịnh Độ Bồ Tát. O

4. Cầu về Cực Lạc liên đài
Nước tên An Dưỡng, hiệu nay Di Đà
Độ người thoát khỏi ái hà
Hào quang Vô Đối khắp tòa Như Lai.
Nam Mô Sanh Tịnh Độ Bồ Tát. O

5. Nguyên về An Dưỡng nước Ngài
Là nơi Cực Lạc, liên đài Tây Phương
Chúng con lễ bái cúng dường
Liên trì Hải Hội xin thương rước về.
Nam Mô Sanh Tịnh Độ Bồ Tát. **O**

6. A Di Đà Phật Bồ Đề
Nước tên An Dưỡng hầu kẻ Tây Phương
Hào quang Thanh Tịnh không lường
Liên trì Hải Hội cúng dường Như Lai.
Nam Mô Sanh Tịnh Độ Bồ Tát. **O**

7. Cầu về Cực Lạc nước Ngài
Hiệu là Hoan Hỷ thiết rày Như Lai
Nơi cứu phẩm liên đài Hải Hội
Chúng quả ngời bất thối vô sanh.
Nam Mô Sanh Tịnh Độ Bồ Tát. **O**

8. Nguyên về An Dưỡng quốc thành
Là cõi Cực Lạc vắng sanh Di Đà

Hào quang Trí Tuệ hiện ra
Liên trì Hải Hội cùng là Như Lai.
Nam Mô Sanh Tịnh Độ Bồ Tát. O

9. Cầu về Cực Lạc liên đài
Là nơi An Dưỡng, hiệu nay Di Đà
Độ con ra khỏi Ta Bà
Nan tư công đức thật là Như Lai.
Nam Mô Sanh Tịnh Độ Bồ Tát. O

10. Chí thành đánh lễ đức Ngài
Nước kia Cực Lạc tỏ bày hiện ra
Chúng con phát nguyện thiết tha
Phóng quang Bất Đoạn sáng lò kim thân.
Nam Mô Sanh Tịnh Độ Bồ Tát. O

11. Cúi đầu làm lễ tứ ân
Cầu về Cực Lạc hóa thân liên trì
Đức Ngài giáo chủ A Di
Hiệu là Vô Xứng đồng thì phóng quang.

Nam Mô Sanh Tịnh Độ Bồ Tát. O

12. Nguyên về Tịnh Độ Lạc bang
A Di Đà Phật hào quang sáng lòe
Sáng hơn nhật nguyệt hiện ra
Chí thành độ chúng Ta Bà vãng sanh.
Nam Mô Sanh Tịnh Độ Bồ Tát. O

22. MƯỜI HAI ĐẠI NGUYỆN CỦA ĐỨC QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT



Phổ Môn một phẩm khen Ngài
Quán Âm Bồ Tát chẳng nài công lao
Thị hiện phép Phật tối cao
Nghe lời khẩn nguyện, tìm vào độ nguy
Phương tiện thuyết pháp từ bi

Bến mê biển khổ tức thì cứu lên
Tùy duyên cảm ứng tới liền
Dắt dìu sanh chúng về miền Lạc bang
Bốn biển yên lặng bình an
Ba đường tám nạn vững vàng lánh xa.

1. Nam Mô Quán Âm Như Lai
Công tu đầy đủ hiệu Ngài Viên Thông
Tâm Ngài vắng lặng sạch trong
Nêu danh Tự Tại, đầy lòng từ bi
Liên phát đại nguyện một khi
Lời lời rộng lớn đều vì chúng sanh.

2. Nam mô Quán Âm Như Lai
Tâm lành thường niệm chẳng sai chút nào
Trong đục thêm bớt lao xao
Chẳng hề tưởng tới, đức cao tốt với
Còn chi ngăn ngại chơi với
Nguyện ở Nam Hải là nơi thanh nhàn.

3. Nam Mô Quán Âm Như Lai

Ta Bà đạo khắp chẳng nài công lao
U Minh cõi ấy thường vào
Xét soi lời nói kẻ nào hồi tâm
Tùy duyên ngôn hạnh ân cần
Nguyện đều cứu khổ người trần kẻ âm.

4. Nam Mô Quán Âm Như Lai

Hàng ma trừ quái, phép Ngài tối cao
Trần gian như có người nào
Yêu tà phá quấy, lâm vào cảnh nguy
Chí thành cầu khẩn một khi
Nguyện giải tai ách, tức thì hết ngay.

5. Nam Mô Quán Âm Như Lai

Nhành dương bình tịnh của Ngài rất hay
Tu hành muốn kiếm đường ngay
Tâm còn xao xuyến hằng ngày chưa yên
Cam lồ hay hóa phép tiên
Nguyện rửa cho sạch tâm phiền trần gian.

6. Nam Mô Quán Âm Như Lai

Từ bi quảng đại, tâm Ngài rộng thông
Hỷ xả hết tội lập công
Ăn năn sám hối, quyết lòng lo tu
Nhân lành tự tạo đền bù
Nguyện đều độ khắp, chẳng từ, phân chia.

7. Nam Mô Quán Âm Như Lai

Ngày đêm tuần khắp, xét soi lòng người
Tu hành chẳng có biếng lười
Chuyên cần Chánh pháp, vẹn mười điều hay
Ủng hộ tinh tấn hằng ngày
Thệ nguyện dứt hết trả vay ba đường.

8. Nam Mô Quán Âm Như Lai

Hướng về Nam Hải cầu Ngài độ cho
Chuyên cần niệm nguyện nhỏ to
Thường hành Chánh pháp, nương đà từ bi
Nghệp duyên cho dứt một khi
Nguyện đều giải thoát, tức thì thành thang.

9. Nam Mô Quán Âm Như Lai

Pháp thuyền đóng sẵn đợi ngoài biển khơi
Mê tân, khổ hải dạo chơi
Cứu vớt muôn loại khỏi nơi sóng trần
Ai người tu niệm ân cần
Nguyện độ hết thảy một lần chúng sanh.

10. Nam Mô Quán Âm Như Lai

Tràng phan dẫn lộ, tuyến đài thẳng dong
Bảo cái kế tiếp song song
Kim Đồng, Ngọc Nữ đã mong lệnh truyền
Nguyện tiếp những kẻ hữu duyên
Đưa về Cực Lạc ở miền Tây Phương.

11. Nam Mô Quán Âm Như Lai

Tây Phương Cực Lạc cõi Ngài Thọ Vương
Hoa sen chín phẩm biểu dương
Lầu châu, các ngọc lót đường pha lê
Di Đà thánh chúng đề huề
Nguyện nhờ thọ ký, rước về tòa sen.

12. Nam Mô Quán Âm Như Lai

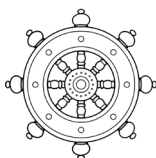
Pháp thân thanh tịnh liên đài trang nghiêm

Phép mầu vô lượng vô biên

Không thêm, không bớt, tự nhiên an nhàn

Khắp nơi vui vẻ phong quang

Hòa mười hai nguyện, rõ ràng như trên.



Thích Phước Tiến
Nghi Thức
KINH TỤNG HẰNG NGÀY

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám Đốc

BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng Biên Tập

LÝ BÁ TOÀN

Trình Bày: P2C GROUP

Thiết Kế Bìa: MINH PHÚC

Thực hiện liên kết:

- TU VIỆN TƯỜNG VÂN -

E4/6 Nguyễn Hữu Trí, TT.Tân Túc, H.Bình Chánh, Thành Phố Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 66758929 - (028) 62689409

Email: phatphapungdung@gmail.com

Website: www.phatphapungdung.com

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM - NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Nhà A2 - 261 Phố Thụy Khê, Phường Thụy Khê, Tây Hồ, Hà Nội

ĐT: (024) 39260024 - 0983989669 - **Fax:** (024) 39260031

Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com

NGHI THỨC KINH TỤNG HÀNG NGÀY
Biên soạn: Thích Phước Tiến



“ Nhu cầu tụng đọc kinh điển của người Phật tử là việc rất cần thiết, bởi vì việc tụng đọc đó giúp cho mọi người nhận thức đúng đắn hơn về lời Phật dạy, đồng thời có thể vận dụng lời dạy ấy trong việc chuyển hóa thân tâm, nhờ đó mà từng bước họ được thanh thoi an lạc, tăng thêm phước huệ. ”

“LỜI NÓI ĐẦU” - 10